



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

unicef 
vì mọi trẻ em



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



THÁNG 6 - NĂM 2025



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

THÁNG 6 - NĂM 2025



MỞ ĐẦU

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Đảng, Nhà nước và các cơ quan Bộ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm ứng phó và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó, giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu được coi là một trong những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cho thế hệ trẻ.

Cuốn tài liệu **"Hướng dẫn tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho sinh viên ngành Giáo dục công dân trường Đại học Sư phạm Hà Nội"** được biên soạn là công cụ thiết thực hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả về giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các cơ sở giáo dục. Tài liệu được biên soạn cho hai đối tượng là sinh viên ngành Giáo dục công dân và giảng viên khoa Lí luận Chính trị - Giáo dục công dân. Nội dung cuốn tài liệu gồm 02 phần:

Phần I. Hướng dẫn tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cho sinh viên ngành Giáo dục công dân Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Tài liệu cho sinh viên).

Phần này gồm 4 chương như sau:

Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chương 2. Cơ hội và địa chỉ tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

Chương 3. Nguyên tắc và tổ chức dạy học tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông.



Chương 4. Một số kế hoạch bài dạy minh họa tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

Phần II. Hướng dẫn tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Tài liệu cho giảng viên)

Phần này gồm 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở thực hiện tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chương 2. Cơ hội tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chương 3. Định hướng và cách thức tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tài liệu được biên soạn dựa trên cơ sở kế thừa và phát triển từ các tài liệu chính của Bộ, Ngành và tổ chức quốc tế về giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời cập nhật các vấn đề thực tiễn trong những năm gần đây ở Việt Nam và thế giới nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả khi áp dụng vào Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm.

Tài liệu cũng là nguồn gợi ý phong phú về phương pháp tổ chức dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo, giúp sinh viên, giáo viên, giảng viên có thể tham khảo, áp dụng linh hoạt để nâng cao chất lượng giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thực tế.

Trân trọng cảm ơn!

Nhóm tác giả



MỤC LỤC

MỤC LỤC	04
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	11

PHẦN 1.

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRƯỜNG ĐHSƯ HÀ NỘI

(Tài liệu cho sinh viên)	12
--------------------------	----

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

	12
--	----

1.1. THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

12

1.1.1. Giải thích từ ngữ

12

1.1.2. Thiên tai trên thế giới và ở Việt Nam

17

1.1.3. Biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam

42

1.2. CÁC CĂN CỨ VÀ MỤC TIÊU TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

54

1.2.1. Các cam kết quốc tế về thực hiện giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

54

1.2.2. Các căn cứ trong nước thực hiện giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

59

CHƯƠNG 2. CƠ HỘI VÀ ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

70



2.1. MỤC TIÊU, CƠ HỘI TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

70

2.1.1. Mục tiêu tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân 70

2.1.2. Cơ hội tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân 71

2.2. ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

79

2.2.1. Tiến trình xác định địa chỉ và nội dung tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân 79

2.2.2. Minh họa về địa chỉ và nội dung tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong chương trình môn Giáo dục công dân 81

CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC, TỔ CHỨC DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

87

3.1. NGUYÊN TẮC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

87

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tích phù hợp với đặc điểm môn học 88

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kết nối liên môn 89



3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng	90
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo phát triển tư duy và kỹ năng thực hành	91
3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính đa dạng vùng miền	92
3.1.7. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển bền vững	92
3.2. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	93
3.2.1. Phương pháp dạy học tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	93
3.2.2. Một số kỹ thuật dạy học tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	103
3.3. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	113
3.3.1. Định hướng chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	113
3.3.2. Một số phương pháp và công cụ đánh giá chiếm ưu thế trong dạy học tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	114
3.4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	125



3.4.1 Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	125
3.4.2. Tổ chức dạy tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	130

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

136

4.1. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

136

4.1.1 Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 10 136

4.1.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 11 144

4.2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

157

4.2.1 Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 6 157

4.2.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 9 163

4.3. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP TIỂU HỌC

171

4.3.1 Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 4 171

4.3.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 5 178

PHẦN 2.

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI (Tài liệu cho giảng viên)

187



CHƯƠNG 1. CƠ SỞ THỰC HIỆN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	187
1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN	187
1.1.1. Quan điểm giáo dục phát triển bền vững và toàn diện	187
1.1.2. Khả năng tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn Giáo dục công dân	188
1.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ	189
1.2.1. Công ước, cam kết quốc tế về phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	189
1.2.2. Chiến lược và đề án quốc gia về phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	192
1.2.3. Văn bản pháp luật, chương trình tại Việt Nam làm căn cứ thực hiện giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	193
1.2.4. Hệ thống các quy định trong đào tạo giáo viên ngành GD&ĐT tại trường ĐHTS Hà Nội	195
CHƯƠNG 2. CƠ HỘI TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	198
2.1. KHÁI QUÁT VỀ MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ CƠ HỘI TÍCH HỢP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	198
2.1.1. Mục tiêu đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân	198



2.1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân	200
2.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Giáo dục công dân	202
2.2. ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	204
2.2.1. Tiến trình xác định địa chỉ và mức độ tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành GD&ĐT của trường Đại học Sư phạm Hà Nội	204
2.2.2. Gợi ý địa chỉ và mức độ tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu trong chương trình dạy học ngành Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội	207
 CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁCH THỨC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	 210
3.1. ĐỊNH HƯỚNG	210
3.1.1. Tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với mục tiêu đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân	210
3.1.2. Tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với thực tiễn địa phương	210
3.1.3. Khai thác tốt cơ hội tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong các học phần thuộc chương trình đào tạo giáo viên ngành GD&ĐT	211



3.1.4. Phát triển tư duy liên ngành và giải quyết vấn đề phát triển bền vững khi tích hợp nội dung giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	212
3.1.5. Một số định hướng có tính nguyên tắc khi tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân	212
3.2. CÁCH THỨC TÍCH HỢP	213
3.2.1. Tích hợp trong các học phần theo chương trình dạy học	213
3.2.2. Tích hợp trong các học phần trải nghiệm - thực hành	217
3.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	221
3.3.1. Tầm quan trọng của việc đánh giá kết quả tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành GD&ĐT	221
3.3.2. Gợi ý một số phương pháp và công cụ đánh giá được sử dụng trong thực hiện dạy học tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong đào tạo giáo viên ngành Giáo dục công dân	222
TÀI LIỆU THAM KHẢO	225



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung cụm từ
ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
BĐKH	Biến đổi khí hậu
COP	Viết tắt United Nations Climate Change Conference of the Parties – Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu
COP26	Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu
CO ₂ , CH ₄ ...	Các khí nhà kính (Carbon dioxide, Methane...)
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐHSP HN	Đại học Sư phạm Hà Nội
GDCD	Giáo dục công dân
GDDT	Giáo dục và Đào tạo
GDPT	Giáo dục phổ thông
GD KT&PL	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
GNNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
IPCC	Tổ chức liên chính phủ về biến đổi khí hậu
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LLCT-GDCD	Lí luận Chính trị - Giáo dục công dân
NL	Năng lực
PCTT	Phòng, chống thiên tai
PM _{2.5}	Hạt bụi mịn trong không khí (Particulate Matter) có đường kính nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 micromet (µm)
SP	Sự phạm
SV	Sinh viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
UNESCO	United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc
UNICEF	Viết tắt của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (tiếng Anh: United Nations International Children's Emergency Fund)
UNFCCC	Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (United Nations Framework Convention on Climate Change)
UPVBĐKH	Ứng phó với biến đổi khí hậu

PHẦN 1:

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

(TÀI LIỆU CHO SINH VIÊN)

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1 THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang diễn ra ngày càng rõ rệt và trở thành một trong những thách thức nghiêm trọng nhất mà nhân loại phải đối mặt trong thế kỷ XXI. BĐKH làm gia tăng tần suất, cường độ của các thiên tai, gây tổn thất nghiêm trọng cho hệ sinh thái và đời sống con người. Trong đó, trẻ em được xác định là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất.

Trước thực trạng đó, việc nhận thức đầy đủ và tìm hiểu toàn diện về BĐKH và thiên tai, cả ở phạm vi toàn cầu và tại Việt Nam, là điều kiện tiên quyết để xây dựng các giải pháp



phòng ngừa và ứng phó hiệu quả và bền vững.

1.1.1 Giải thích từ ngữ

Giáo dục PCTT và ứng phó với



BĐKH không chỉ cung cấp kiến thức khoa học, mà còn trang bị cho người học khả năng thích ứng, hành động có trách nhiệm và hướng tới lối sống bền vững với môi trường.

Để hiểu đúng và vận dụng hiệu quả nội dung trong tài liệu này, cần làm rõ một số thuật ngữ và khái niệm cơ bản được sử dụng xuyên suốt. Đây là cơ sở giúp người học tiếp cận các vấn đề một cách khoa học, nhất quán và phù hợp với thực tế.

Giáo dục PCTT nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức và kỹ năng để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Mục tiêu của giáo dục PCTT giúp người học chủ động nhận biết rủi ro, đảm bảo an toàn của bản thân và những người xung quanh trong tình huống khẩn cấp và góp phần xây dựng cộng đồng an toàn.

Giáo dục ứng phó với BĐKH nhằm nâng cao kiến thức về nguyên nhân, tác động, xu thế và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu – bao gồm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu.

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội,

bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Đối tượng dễ bị tổn thương là người, nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ sự cố, thảm họa so với những nhóm người khác trong cộng đồng, bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người mất năng lực hành vi dân sự, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác theo quy

định của pháp luật.

Xoáy thuận nhiệt đới là vùng gió xoáy (đường kính có thể tới hàng trăm km) hình thành trên biển nhiệt đới, gió thổi xoáy vào trung tâm theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, áp suất khí quyển (khí áp) trong xoáy thuận nhiệt đới thấp hơn xung quanh, có mưa, đôi khi kèm theo dông, tố, lốc.

Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 11 gọi là bão mạnh, từ cấp 12 đến cấp 15 gọi là bão rất mạnh, từ cấp 16 trở lên gọi là siêu bão.

Bão hoặc áp thấp nhiệt đới tan là bão, áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành vùng áp thấp có sức gió mạnh nhất dưới cấp 6.

Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão hoặc áp thấp nhiệt đới là vùng thời tiết xấu, có mưa, có gió mạnh từ cấp 6 trở lên do bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây ra.

Bão hoặc áp thấp nhiệt đới đổ bộ là khi tâm bão, tâm áp thấp nhiệt đới đã vào đất liền.

Nước dâng là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp

thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển.

Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn, phạm vi hoạt động hẹp từ vài km² đến vài chục km².

Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất. Sét thường xuất hiện cùng mưa, dông lốc, khó dự đoán chính xác.

Lũ lụt là các hiện tượng tự nhiên bất thường như lũ (lũ sông), lũ quét, ngập lụt.

Lũ (lũ sông) là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống.

Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên sườn dốc và trên các sông suối nhỏ miền núi, dòng chảy xiết, thường kèm theo bùn đá, lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn.

Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng.

Sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán là hiện tượng đất, đá bị sạt, trượt, lở do tác động của các điều kiện nêu trên.

Xâm nhập mặn là hiện tượng



nước mặn với nồng độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt.

Nắng nóng là hiện tượng thời tiết khi nhiệt độ cao nhất trong ngày vượt quá 35°C.

Hạn hán là hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.

Mưa đá là mưa dưới dạng cục băng hoặc hạt băng có kích thước, hình dạng khác nhau, xảy ra trong thời gian ngắn, kèm theo mưa rào, đôi khi có gió mạnh.

Rét hại là loại hình thiên tai khi nhiệt độ trung bình ngày xuống dưới 13°C.

Động đất là sự rung động mặt đất bởi sự giải phóng đột ngột năng lượng trong vỏ trái đất dưới dạng sóng địa chấn, có thể gây ra biến dạng trên mặt đất, phá hủy nhà cửa, công trình, của cải và sinh mạng con người.

Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kỳ dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với tốc độ lớn. Tùy theo độ sâu đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể 800 km/giờ.

Động đất, núi lửa phun trào và các

vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước), trượt lở đất, và chạm của các thiên thạch... xảy ra trên biển đều có khả năng gây ra sóng thần. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần là vùng biển nông ven bờ và vùng đất nằm trong phạm vi sóng thần có thể lan truyền tới. Tùy thuộc vào độ cao địa hình, sóng thần có thể ảnh hưởng trực tiếp sâu vào đất liền hàng km tính từ bờ biển.

Khí hậu là tổng hợp các điều kiện thời tiết ở một khu vực nhất định, đặc trưng bởi các đại lượng thống kê dài hạn của các yếu tố khí tượng tại khu vực đó. Thống kê dài hạn chuẩn là 30 năm.

Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng các yếu tố và hiện tượng khí tượng.

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan. Để đánh giá biểu hiện của BĐKH, các nhà khoa học dùng chuỗi số liệu khoảng từ 50 năm trở lên.

Nóng lên toàn cầu là xu thế tăng

của nhiệt độ Trái Đất do các chất khí nhà kính tích tụ trong khí quyển.

Nước biển dâng là sự dâng lên của mực nước đại dương trung bình do tác động của BĐKH, trong đó không bao gồm triều cường, nước dâng do bão và các tác động tự nhiên khác.

Chuồn sai khí hậu là độ lệch của giá trị một yếu tố khí hậu so với chuẩn khí hậu hoặc so với giá trị trung bình của nó trong một giai đoạn.

Xu thế khí hậu là sự BĐKH đặc trưng bằng việc tăng hay giảm đơn điệu và trơn tru của giá trị trung bình các yếu tố khí hậu trong một giai đoạn cụ thể.

Hiệu ứng đảo nhiệt là sự ấm lên với quy mô địa phương tại các thành phố lớn mà nguyên nhân do tác động của quá trình đô thị hóa.

Khí nhà kính là các chất khí trong khí quyển hấp thụ và phát xạ trở lại bức xạ sóng dài phát ra từ bề mặt đất. Những chất khí nhà kính chính bao gồm: Carbon Dioxide (CO_2), Methane (CH_4), Nitrous Oxide (N_2O), Hydrofluorocarbon (HFCs), Perfluorocarbon (PFCs), Sulfur Hexafluoride (SF_6), Nitrogen Trifluoride (NF_3).

Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng mà bức xạ nhiệt từ bề mặt Trái Đất bị

giữ lại trong khí quyển bởi mây và các chất khí nhà kính (CO_2 , CH_4 , N_2O , HFCs, PFCs, SF_6) thay vì thoát ra ngoài không gian, làm cho nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng lên.

Kịch bản BĐKH là giả định có cơ sở khoa học và có tính tin cậy về xu hướng trong tương lai của khí hậu dựa trên mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế - xã hội, phát thải khí nhà kính, BĐKH và mực nước biển dâng.

Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là hoạt động nhằm giảm nhẹ mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ khí nhà kính.

Ứng phó với BĐKH là hoạt động của con người nhằm thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Giảm nhẹ BĐKH là sự can thiệp của con người nhằm giảm thiểu các nguồn hoặc tăng cường sự hấp thụ các khí nhà kính.

Thích ứng với BĐKH là các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của BĐKH và tận dụng cơ hội do BĐKH mang lại.

Tăng trưởng xanh là mô hình phát triển kinh tế đảm bảo tăng trưởng bền vững nhưng giảm thiểu

tác động tiêu cực đến môi trường, thông qua:

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên tự nhiên;
- Giảm phát thải khí nhà kính;
- Phát triển các ngành kinh tế xanh (năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp sinh thái...);
- Thúc đẩy công nghệ sạch và đổi mới sáng tạo.

1.1.2 Thiên tai trên thế giới và ở Việt Nam

1.1.2.1 Tình hình thiên tai trên thế giới và ở Việt Nam

Trong những thập kỷ gần đây, thiên tai có xu hướng diễn biến phức tạp và khó dự báo hơn, với tần suất và cường độ gia tăng, đồng thời phạm vi ảnh hưởng cũng mở rộng. Trên phạm vi toàn cầu, các hiện tượng như bão, lũ lụt và hạn hán đã xảy ra với ngày càng nghiêm trọng hơn, gây thiệt hại đáng kể về người và tài sản.

Việt Nam, do đặc điểm địa lí và điều kiện tự nhiên đặc thù, thường xuyên chịu tác động của nhiều loại hình thiên tai khác nhau. Trong thời gian qua, thiên tai tại Việt Nam diễn ra với mức độ nghiêm trọng trên phạm vi rộng, với sự xuất hiện của hầu hết các loại hình thiên tai tại nhiều vùng miền trên cả nước. Xu hướng này

đang gia tăng rõ rệt, đặc biệt đối với các hiện tượng như bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất và ngập lụt, trong đó nhiều sự kiện đã vượt các mốc lịch sử từng được ghi nhận.

Trung bình giai đoạn 2020–2024, thiên tai tại Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng với khoảng 266 người chết và mất tích mỗi năm, cùng tổn thất kinh tế trên 32.606 tỷ đồng. Riêng trong năm 2024, thiên tai đã khiến 519 người chết và mất tích – mức cao nhất kể từ năm 2007, với thiệt hại kinh tế ước tính khoảng 89.089 tỷ đồng – mức tổn thất lớn nhất từng được ghi nhận.

*** Áp thấp nhiệt đới và bão**



Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) xuất hiện trên tất cả các vùng biển và đại dương thuộc khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới trên thế giới. Bão hình thành trong khoảng vĩ độ từ 5° đến 20° ở cả Bắc và Nam bán cầu.

Khu vực có tần suất bão cao nhất trên thế giới là vùng Tây Bắc Thái Bình Dương (trong đó có Biển Đông). Tiếp theo là các khu vực Bắc Đại Tây Dương, Bắc Ấn Độ Dương, Nam Ấn Độ Dương và Tây Nam Thái Bình Dương.

Trung bình hằng năm, có khoảng 11–12 cơn bão và ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó khoảng 5–6 cơn đổ bộ trực tiếp vào đất liền Việt Nam.



Bão Beryl hình thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 ở phía nam quần đảo Cabo Verde (Đại Tây Dương) và tan ngày 11 tháng 7 năm 2024. Bão đạt sức gió cực đại 270 km/h, với áp suất thấp nhất tại tâm là 934 mb. Beryl gây thiệt hại nghiêm trọng, làm 52 người thiệt mạng và gây tổn thất kinh tế ước tính hơn 6,2 tỷ USD.

Vào tháng 9/2022, siêu bão lan ảnh hưởng nghiêm trọng đến Hoa Kỳ và Cuba. Cơn bão này đã khiến 154 người chết và mất tích, gây thiệt hại kinh tế ước tính khoảng 100 tỷ USD.

Bão Yagi được ghi nhận là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào đất liền Việt Nam trong 70 năm qua, với sức gió cấp 13–14, giật cấp 16–17. Bão hình thành ngày 31/8/2024 và tan ngày 8/9/2024. Vùng ảnh hưởng bao gồm Philippines, Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar. Tại Việt Nam, hoàn lưu bão Yagi gây mưa lớn trên diện rộng tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa. Hiện tượng sạt lở đất, lũ ống và lũ quét xảy ra tại hầu hết các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, đặc biệt nghiêm trọng tại các tỉnh Lào Cai, Cao Bằng, ... Cơn bão và mưa lũ sau bão đã làm 345 người chết và mất tích. Tổng thiệt hại kinh tế do bão Yagi gây ra được ước tính gần 83.746 tỷ đồng.

Trong bối cảnh BĐKH, số lượng các cơn bão không có nhiều biến động, tuy nhiên, cường độ bão có xu hướng ngày càng mạnh hơn. Mùa bão có dấu hiệu bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn so với trước đây. Ngoài ra, hướng di chuyển của bão

cũng có sự thay đổi, với xu hướng xuất hiện nhiều hơn ở các vĩ độ thấp.

* Lốc

Lốc là loại hình thời tiết cực đoan, có sức tàn phá lớn do gió mạnh và diễn ra trong một phạm vi hẹp. Trên

thế giới, các khu vực có tần suất lốc cao bao gồm miền Nam Hoa Kỳ, Bangladesh, miền Đông Ấn Độ, Nam Braxin, Achentina, Paragoay,... Tại Việt Nam, lốc tố có thể xảy ra ở nhiều khu vực trên cả nước, đặc biệt vào thời điểm chuyển mùa sang mùa hạ.



BẠN CÓ BIẾT?



Trong tháng 4/2025, một chuỗi gồm 157 cơn lốc xoáy đã quét qua miền Nam Hoa Kỳ, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Các trận lốc đã khiến ít nhất 23 người thiệt mạng và gây ra nhiều tổn thất cơ sở hạ tầng.

Theo Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão tỉnh Lào Cai, từ ngày 24 đến sáng 25/4, lốc xoáy đã liên tiếp xảy ra tại 22 xã thuộc ba huyện Si Ma Cai, Mường Khương và Bát Xát, gây thiệt hại đáng kể về nhà cửa, tài sản và hoa màu của người dân.

Ngày 29/4/2023, trên địa bàn tỉnh Yên Bái (nay thuộc tỉnh Lào Cai) xảy ra mưa to kèm theo lốc xoáy, làm hư hỏng và tốc mái 334 nhà dân, một cơ sở y tế và một nhà văn hóa. Lốc xoáy cũng gây thiệt hại cho 714 ha lúa và hoa màu, 124 ha cây trồng khác và làm chết 180 con gia cầm. Ước tính tổng thiệt hại kinh tế trên 13 tỷ đồng.

* Sét

Sét thường xuất hiện cùng mưa, dông lốc. Tần suất sét đánh cao nhất do hoạt động đối lưu mạnh ở vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Trên thế giới, những khu vực có tần suất sét đánh cao bao gồm Vênêxuêla, Khu vực Trung Phi, Ấn Độ, Khu vực Đông Nam Á, vùng Đông Nam Hoa Kỳ.

Tại Việt Nam, sét thường xảy ra



trong các cơn dông mùa hè. Mỗi năm, cả nước ghi nhận khoảng hai triệu lần sét đánh. Tần suất sét đánh lớn hơn ở các khu vực miền núi và trung du phía Bắc, cũng như đồng bằng Nam Bộ. Tại vùng núi, mặc dù sét xuất hiện với tần suất cao, nhưng ít gây thiệt hại

ng nghiêm trọng do địa hình có nhiều cây cao giúp phân tán dòng điện. Ngược lại, ở vùng trung du và đồng bằng – nơi có ít cây xanh – người và gia súc khi trú mưa ở không gian trống trải dễ bị sét đánh trúng, làm tăng nguy cơ tai nạn do sét.



BẠN CÓ BIẾT?

Trong tháng 7 năm 2021, tại hai bang Uttar Pradesh và Rajasthan, sét đánh đã khiến ít nhất 76 người thiệt mạng, trong đó nhiều nạn nhân là trẻ em và thanh thiếu niên. Phần lớn các trường hợp tử vong xảy ra khi người dân đang trú mưa hoặc chụp ảnh dưới các công trình cao như tháp, cây lớn và các vị trí ngoài trời không an toàn.

Ngày 2/5/2023, tại xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, mưa dông kèm sấm sét xảy ra khi ba người dân đang làm nương. Do không kịp tìm nơi trú ẩn an toàn, cả ba người đã bị sét đánh tử vong tại chỗ..

* Lũ, ngập lụt

Lũ trên sông có thể xuất hiện ở tất cả các hệ thống sông trong mùa mưa. Những trận mưa lớn trên lưu vực sông có thể gây ra lũ với mực nước sông dâng cao. Ngập lụt thường xảy ra tại các vùng địa hình thấp, ven sông, ven biển, hoặc khu vực có mưa lớn kéo dài, ảnh hưởng của bão nhiệt đới và cơ sở hạ tầng thoát nước kém.

Trên thế giới, lũ lụt thường xuyên xảy ra tại các khu vực như Nam Á,



Trung Quốc, Đông Nam Á, một số quốc gia ở châu Phi và châu Âu,...

Tại Việt Nam, lũ thường xuất hiện trên nhiều hệ thống sông lớn, trong đó có vùng hạ lưu sông Đồng Nai và

Đồng bằng sông Cửu Long, nơi mùa lũ kéo dài từ tháng 7 đến tháng 11. Lũ ven biển thường xuất hiện tại dải bờ biển từ Quảng Ninh đến Gia Lai.

Ngập lụt thường xảy ra ở các đồng bằng hạ lưu các sông chính ở nước ta, có 3 vùng rõ rệt:

Vùng đồng bằng sông Hồng mặc dù có hệ thống đê điều quy mô lớn, khu vực này vẫn tiềm ẩn nguy cơ ngập lụt cao do mưa lớn, lũ mạnh và lưu lượng nước từ các sông chính đổ về nhanh chóng. Nguy cơ vỡ đê vẫn hiện hữu, đặc biệt tại các khu vực ô trũng trong nội đồng.

Dải đồng bằng ven biển miền Trung là khu vực có địa hình dốc, sông

ngắn và dốc, dòng chảy xiết. Nước lũ thường bị chặn lại bởi các cồn cát ven biển, gây ngập úng nghiêm trọng. Trận lũ lịch sử năm 1999 đã gây ngập toàn bộ đồng bằng từ Đồng Hới đến Nha Trang.

Đồng bằng sông Cửu Long thường bị ngập lụt do nước lũ từ sông Mê Công đổ về qua Campuchia, tràn vào các vùng trũng như Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười thông qua hệ thống sông ngòi chằng chịt.

Dưới tác động của BĐKH, tần suất và cường độ các trận mưa lớn có xu thế tăng, dẫn đến tình trạng lũ lụt và ngập úng ngày càng nghiêm trọng và khó dự báo hơn.



Trong tháng 9/2023, do ảnh hưởng của bão Daniel đã xuất hiện mưa rất lớn. Hệ quả đã làm vỡ 02 đập tại ở Libya, gây lũ, ngập lụt trên diện rộng, làm trên 12.300 người chết và mất tích.

Trận mưa lịch sử ở Thành phố Hà Nội từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 2 tháng 11 năm 2008 khiến tổng lượng mưa trung bình trong khu vực nội đô lên đến 540 mm. Mưa lớn đã gây ngập lụt trên diện rộng ở thành phố Hà Nội, nơi ngập sâu lên tới 4 m, gây thiệt hại hàng trăm tỷ đồng, ảnh hưởng lâu dài đến môi trường và các hoạt động kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư.

Mưa lớn đã gây ngập lụt nghiêm trọng các khu vực ven sông, trũng, thấp tại thành phố Huế, trong đó thời điểm ngập lớn nhất chiều tối ngày 14 tháng 11 năm 2023 và ngày 15 tháng 11 năm 2023. Từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi có 25.612 nhà ngập, nơi sâu nhất đến 1,0m.

* Lũ quét

Trên thế giới, lũ quét thường xảy ra ở những khu vực có địa hình dốc, mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn, đất đá dễ sạt trượt hoặc bị bão tác động. Các khu vực thường xảy ra lũ quét trên thế giới như Nam Á, Đông Nam Á, Trung Quốc...

Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi của nước ta, đặc biệt tại vùng núi phía Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam. Trong thành phần của dòng lũ, ngoài nước còn có một tỷ lệ đáng kể vật liệu cứng như bùn, cát, đá tảng cũng như các vật liệu khác như gỗ, tre nứa và các vật liệu liên quan đến công trình nhân tạo bị dòng lũ quét cuốn theo. Dấu hiệu nhận biết lũ quét bao gồm:



- Mưa lớn nhiều ngày, đặc biệt ở thượng nguồn hoặc mưa rất lớn tập trung trong vài tiếng đồng hồ.
- Nước sông suối từ trong chuyển màu đục.
- Có tiếng động bất thường, như đất đá va chạm với nhau, tiếng cây gãy đổ.
- Xuất hiện âm thanh lạ trong lòng đất.



**BẠN CÓ
BIẾT?**

Trận lũ quét xảy ra sau mưa lớn kéo dài tại huyện Zhouqu, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc, gây ra sạt lở đất nghiêm trọng và dòng bùn đá cuốn trôi cả thị trấn. Hơn 1.700 người thiệt mạng và mất tích, hàng nghìn ngôi nhà bị chôn vùi. Đây là trận lũ quét chết chóc nhất tại Trung Quốc trong nhiều thập kỷ, điển hình cho lũ quét vùng núi có địa hình dốc và nền đất yếu.

Ngày 16–17/6/2013, mưa lớn do không khí ẩm từ gió mùa và tuyết tan đã gây ra lũ quét và sạt lở đất nghiêm trọng tại bang Uttarakhand, miền Bắc Ấn Độ. Khoảng 5.700 người thiệt mạng hoặc mất tích, nhiều ngôi làng và cơ sở hành hương bị phá hủy.

Trận lũ quét xảy ra khoảng 21 giờ đêm 4/9/2013 tại suối Can Hồ A, Bản Khoang (Sa Pa, Lào Cai) đã cuốn trôi 14 ngôi nhà, có 11 người chết và mất tích, 11 người bị thương. Tại Trường trung học cơ sở Bản Khoang, nước lũ quét sạch khu nhà giáo viên cuốn đi toàn bộ đồ đạc và tài sản.

* Sạt lở đất

Trên thế giới, sạt lở đất thường xảy ra ở những khu vực có địa hình dốc, mưa nhiều, địa chất yếu, hoặc chịu tác động từ động đất và hoạt động con người như phá rừng, khai khoáng. Các khu vực thường xuyên xảy ra sạt lở đất trên thế giới như ở dãy Himalaya, dãy Andet, khu vực Đông Nam Á, khu vực Tây Hoa Kỳ, khu vực Trung Mỹ, khu vực Châu Phi xích đạo.

Thiên tai sạt lở đất có thể xảy ra ở khắp nơi trên các khu vực miền núi của nước ta. Nguy cơ sạt lở đất cao tập trung ở phần lớn diện tích vùng núi phía Bắc, các tỉnh miền Trung và một phần của vùng Tây Nguyên.

Dấu hiệu nhận biết sạt lở đất bao gồm:



- Mưa nhiều ngày/mưa lớn;
- Vết nứt tường nhà, sườn đồi, mái dốc, cây nghiêng, nước sông, suối từ trong chuyển màu thành nước đục,...
- Mặt đất phồng lên, cây cối rung chuyển, âm thanh lạ trong lòng đất.



Ngày 7/8/2000 tại huyện Châu Khúc, tỉnh Cam Túc (Trung Quốc) đã xảy ra sạt lở đất nghiêm trọng, san phẳng một vùng có diện tích 1,5 km², làm 1248 người chết và 496 người mất tích.

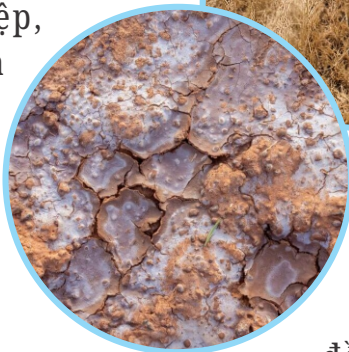
Do ảnh hưởng của mưa lớn sau bão Yagi kết hợp với địa hình, độ dốc, địa chất, lớp phủ rừng, biến đổi khí hậu đã "kích hoạt" lũ quét và sạt lở đất ở nhiều địa phương thuộc tỉnh Lào Cai khiến tỉnh chịu thiệt hại nặng nề về người và tài sản với 118 người chết, 50 người mất tích. Riêng trận sạt lở, lũ quét tại bản Làng Nủ, huyện Bảo Yên sáng 10/9/2024 đã san phẳng 33 nóc nhà khiến 52 người chết và còn 14 người mất tích.

* **Xâm nhập mặn**

Xâm nhập mặn là hiện tượng nước mặn từ biển xâm nhập vào các vùng nước ngọt như sông, kênh rạch, và tầng chứa nước ngầm, gây ảnh hưởng đến nông nghiệp, nguồn nước sinh hoạt, và hệ sinh thái. Xâm nhập mặn xảy ra phổ biến ở các khu vực ven biển, đặc biệt là nơi có:

- Địa hình thấp, đồng bằng châu thổ;
- Sông lớn đổ ra biển;
- Khai thác nước ngầm quá mức hoặc lưu lượng nước ngọt từ thượng nguồn suy giảm.

Một số vùng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi xâm nhập mặn trên thế giới như: Đồng bằng sông Hằng và Brahmaputra (Bangladesh, Ấn Độ),



đồng bằng sông Mê Công (Campuchia, Việt Nam), đồng bằng Châu Giang (Trung Quốc), vùng ven biển miền Nam nước Mỹ (Louisiana), vùng đồng bằng Nin (Ai Cập), các đảo nhỏ ở Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Caribê.

Nơi xảy ra xâm nhập mặn có thể xảy ra ở tất cả các vùng ven biển Việt Nam, nhưng nhiều nhất là ở vùng



Từ năm 2004 đến nay, tại Đồng bằng sông Nin, Ai Cập do mực nước biển dâng, đập Aswan giữ phù sa, giảm dòng chảy sông Nile nên 30-40% diện tích đất canh tác ven biển bị nhiễm mặn. Hệ quả là giảm nghiêm trọng năng suất lúa, rau màu.

Trong mùa khô năm 2019-2020, Đồng bằng sông Cửu Long nước ta đã xảy ra tình trạng hạn hán khốc liệt, kết hợp xâm nhập mặn mạnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến nông nghiệp, gây thiệt hại khoảng 3.000 tỷ đồng.

* Nắng nóng

Nắng nóng là hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng phổ biến trong bối cảnh BĐKH. Nắng nóng có xu thế diễn ra ngày càng nhiều với tần suất cao và cường độ lớn hơn. Các khu vực thường xuyên xảy ra nắng nóng trên thế giới như Tây Á và Bắc Phi, Nam Á, miền Trung và miền Tây của Úc, miền Tây và miền Nam của Hoa Kỳ.

Ở Việt Nam, các khu vực thường xảy ra nắng nóng tập trung chủ yếu ở miền Trung và miền Nam. Miền Trung chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng làm nhiệt độ tăng cao và gây ra hiện tượng nắng nóng gay gắt. Các tỉnh như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, thành phố Huế thường xuyên trải qua những đợt nắng nóng khắc nghiệt vào mùa hè, với nhiệt độ có thể lên tới trên 40°C. Ở Nam Bộ nắng nóng xảy ra



nhiều vào cuối mùa khô, tức là khoảng tháng 3, tháng 4, rõ rệt nhất tại thành phố Hồ Chí Minh. Miền Bắc cũng có thể gặp nắng nóng, nhưng thường kéo dài không lâu và ít gay gắt hơn so với miền Trung và miền Nam.

Tại các đô thị lớn như thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... do hiệu ứng đảo nhiệt, nên tần suất và cường độ nắng nóng cao hơn các vùng xung quanh.



Ngày 16/8/2020 tại Thung Lũng Chết (California, Hoa Kỳ), đo được nhiệt độ kỷ lục là 54,4°C.

Trong đợt nắng nóng năm 2019 ở Hương Khê (Hà Tĩnh), nhiệt độ đo được ngày 20/4/2019 là 43,4°C là nhiệt độ tối cao tuyệt đối đo được ở Việt Nam. Trong đợt nắng nóng này, hàng nghìn hecta lúa và hoa màu bị khô hạn, cháy lá, giảm năng suất nghiêm trọng.

* Hạn hán

Hạn hán thường xảy ra ở nơi có khí hậu khô cằn, đặc biệt là ở các khu vực hoang mạc và bán hoang mạc. Các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán trên thế giới như châu Phi, miền Tây Hoa Kỳ, Trung Á, Úc...

Ở nước ta, hạn hán có thể xảy ra ở hầu hết các vùng trên cả nước với mức độ và thời gian khác nhau, gây ra nhiều thiệt hại to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong phát triển sản xuất nông nghiệp và thiếu nguồn nước sinh hoạt.

Tuy nhiên hạn nặng và rất nặng tập trung ở vùng phía Nam của lãnh



thổ nước ta từ Đà Nẵng trở vào. Mức độ hạn hán ở khu vực này kéo dài và ác liệt hơn hẳn vùng lãnh thổ phía Bắc.

Trong bối cảnh BĐKH, ở nhiều địa phương của nước ta, lượng mưa có xu thế giảm trong mùa khô nên tần suất hạn hán trong mùa khô có xu thế tăng.



Từ cuối năm 2020 đến năm 2023, vùng Sừng Châu Phi đã trải qua đợt hạn hán đặc biệt nghiêm trọng. Trong 5 mùa mưa liên tiếp, lượng mưa thấp kỷ lục – hiện tượng chưa từng có trong lịch sử khu vực. Hệ quả là hàng triệu gia súc chết, mất mùa kéo dài do, 20 triệu người cần viện trợ lương thực khẩn cấp.

Từ cuối năm 2014 đến năm 2016, hạn hán đã xảy ra gay gắt, gây thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống nhân dân tại các khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ.

* Rét hại

Rét hại thường xảy ra ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, đặc biệt

là các tỉnh nằm ở độ cao lớn hoặc có khí hậu lạnh. Tại Sa Pa (Lào Cai), Đồng Văn (Tuyên Quang), Mẫu Sơn (Lạng

Sơn) thường ghi nhận nhiệt độ rất thấp, có khi dưới 0°C , kèm theo băng giá và sương muối. Nguyên nhân gây ra rét hại do không khí lạnh từ phương Bắc tràn về hoặc do độ cao địa hình.



**BẠN CÓ
BIẾT?**



Đợt rét kéo dài từ ngày 6/2 đến 14/2/2021 tại miền Trung và miền Nam của Hoa Kỳ là một đợt rét điển hình, được ghi nhận là một trong những đợt lạnh khắc nghiệt nhất trong lịch sử hiện đại khu vực này, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến bang Texas và các vùng phụ cận. Tại thành phố Dallas, nhiệt độ giảm xuống khoảng -18°C , tại Austin xuống -10°C . Đợt rét này kèm theo băng giá, tuyết rơi dày và hiện tượng đóng băng trên diện rộng, khiến hệ thống điện tại Texas bị quá tải, hơn 4 triệu hộ dân mất điện trong nhiều ngày. Hơn 200 người thiệt mạng do rét buốt, tai nạn, ngộ độc khí CO từ máy sưởi. Người dân, đặc biệt là nhóm dễ tổn thương như người già và trẻ em, gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc sưởi ấm và đảm bảo nhu yếu phẩm sinh hoạt

Đợt rét kéo dài từ ngày 14/1 đến 21/2/2008 là đợt rét hại điển hình ở Việt Nam, được ghi nhận là một trong những đợt rét kỷ lục trong lịch sử, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Tại Hà Nội, nhiệt độ thấp nhất xuống đến $7-8^{\circ}\text{C}$, tại Sa Pa (Lào Cai), nhiệt độ giảm xuống dưới 0°C , xuất hiện băng giá và tuyết, khu vực Mẫu Sơn (Lạng Sơn) ghi nhận mức nhiệt độ thấp kỷ lục $-4,2^{\circ}\text{C}$. Đợt rét này đã làm hơn 60.000 con gia súc (chủ yếu là trâu, bò) bị chết do giá lạnh, hàng nghìn hecta hoa màu, lúa, và cây trồng bị thiệt hại nghiêm trọng do băng giá và sương muối, nhiều trường học phải đóng cửa vì giá rét, người dân, đặc biệt là ở vùng núi cao, gặp khó khăn lớn trong việc giữ ấm và duy trì sinh hoạt, một số tuyến đường vùng núi bị đóng băng, gây khó khăn cho việc đi lại.

* Mưa đá

Khi đám mây dông phát triển theo chiều cao, những giọt nước trong đám mây bị đẩy lên cao gặp không khí rất lạnh và bị đóng băng, đủ nặng rơi xuống thành những hạt mưa đá. Các khu vực thường xuyên xảy ra mưa đá trên thế giới như miền Tây và miền Nam của Hoa Kỳ, Ấn Độ... Ở nước ta mưa đá xuất hiện nhiều nhất ở khu vực Tây Bắc.



Vào tháng 4 năm 2024, khu vực Islamabad và Rawalpindi (Pakistan) hứng chịu một trận mưa đá cực đoan với mật độ dày đặc. Trận mưa khiến ít nhất 17 người thương vong và gây thiệt hại kinh tế hàng chục triệu USD. Đây được xem là một trong những hiện tượng thời tiết cực đoan nhất tại Pakistan trong thập kỷ qua.

Trong năm 2023, chỉ trong tháng 2, 3 và tháng 4 có tới 17 trận mưa đá. Các trận mưa đá xảy ra ở nhiều nơi trên cả nước, trong đó, vào đêm 28 và sáng ngày 29 của tháng 4 đã xảy ra mưa đá trên diện rộng ở vùng núi phía Bắc.

Ngày 14-15 tháng 4 năm 2018, tại các tỉnh Bắc Kạn (nay thuộc tỉnh Thái Nguyên), Cao Bằng, Điện Biên, Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang đã xảy ra mưa đá, đông lốc trên diện rộng, gây hư hại nhiều nhà cửa và thiệt hại lớn về sản xuất, hoa màu (trọng lượng viên đá lớn nhất khoảng 1,0kg).

* Động đất

Khi các mảng thạch quyển dịch chuyển, tại ranh giới các mảng đó thường xuất hiện động đất. Khu vực thường xảy ra động đất nhiều nhất trên thế giới là vành đai lửa Thái Bình

Dương. Động đất cũng có thể xảy ra do vụ nổ núi lửa, sụp đổ hang động, trượt lở đất, thiên thạch va chạm với Trái Đất.

Ở Việt Nam, động đất không phổ biến và thường có cường độ nhỏ đến

trung bình, nhưng vẫn có một số khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi động đất do nằm gần các đứt gãy kiến tạo đang hoạt động.

Khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La) là vùng có hoạt động kiến tạo mạnh nhất ở Việt Nam, do nằm gần đới đứt gãy sông Hồng - sông Chảy. Nhiều trận động đất đáng chú ý đã xảy ra tại khu vực này, như trận động đất Mường La (Sơn La) năm 1983 hay động đất tại Điện Biên năm 2001.

Khu vực miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Ngãi) là nơi thỉnh thoảng xảy



ra động đất. Đáng chú ý nhất là khu vực quanh hồ chứa thủy điện Sông Tranh 2 (Bắc Trà My, thành phố Đà Nẵng), nơi từng xảy ra nhiều trận động đất kích thích do hồ chứa nước trong giai đoạn từ năm 2011-2013.



Tại Mi-an-ma ngày 28 tháng 3, 2025 đã xảy ra một trận động đất mạnh 7,7 độ richter xảy ra tại vùng Sagaing, gây thiệt hại nghiêm trọng với ít nhất 3.689 người thiệt mạng và hơn 5.000 người bị thương. Trận động đất này đã gây dư chấn đến các nước láng giềng như Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam.

Trong năm 2022, trên cả nước đã xảy ra 286 trận động đất xảy ra tại các tỉnh/ thành phố Hà Giang (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang), Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình (nay thuộc tỉnh Phú Thọ), Bắc Ninh, Nghệ An, Quảng Nam (nay thuộc thành phố Đà Nẵng), Quảng Ngãi. Trong đó, riêng tại Kon Tum (nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi) đã xảy ra 250 trận động đất (chiếm 87,41%), có độ lớn từ 2,5-4,7. Các trận động đất không gây thiệt hại về người và tài sản, tuy nhiên vào ngày 23 tháng 8 tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đã xảy ra 01 trận động đất có độ lớn 4,7 đã gây rung chấn trong khu vực huyện Kon Plong và thành phố Đà Nẵng.

* Sóng thần

Động đất dưới đáy biển là một dấu hiệu có khả năng xảy ra sóng thần. Nếu đang ở vùng bãi biển và cảm thấy nền đất rung lắc mạnh đến mức không còn đứng vững được, thì nhiều khả năng sẽ xảy ra một trận sóng thần. Nếu thấy mặt nước biển rút xuống nhanh chóng, đó có thể là dấu hiệu của trận sóng thần sắp ập tới. Khi sóng thần ập vào bờ, sẽ có tiếng gầm



rú giống như chuyến tàu hoả đang đến gần.



Vào ngày 26 tháng 12 năm 2004, thế giới đã trải qua một trong những thảm họa tàn khốc nhất trong lịch sử gần đây khi trận sóng thần Ấn Độ Dương tấn công với sức mạnh chưa từng có, cướp đi sinh mạng của khoảng 230.000 người và tàn phá mười bốn quốc gia.

Ngày 11.3.2011, động đất mạnh 9 độ gây sóng thần lan dọc bờ biển Thái Bình Dương của Nhật Bản. Trong vòng một giờ động đất và dư chấn đã xảy ra, các thị trấn dọc bờ biển Nhật Bản đều bị những đợt sóng khổng lồ san phẳng. Nhật Bản xác nhận 15.884 người thiệt mạng, 6.148 người bị thương và 2.633 người mất tích, 127.290 ngôi nhà bị tàn phá.

1.1.2.1 Phân vùng thiên tai ở Việt Nam

Do vị trí địa lý và đặc điểm địa hình của Việt Nam giúp cho các khối khí lạnh từ phương Bắc tràn xuống, làm cho lãnh thổ phía Bắc nước ta có một mùa đông lạnh. Phía Đông là biển

Đông, tiếp giáp với Tây Bắc Thái Bình Dương là rốn bão của thế giới đã dẫn tới hệ quả Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai có nguồn gốc từ bão, áp thấp nhiệt đới theo mùa. Với sự đa dạng về địa chất, địa hình, 3/4 là đồi núi làm cho các thiên tai có sự

phân hoá rõ rệt giữa các vùng. Trên cả nước, thiên tai được phân theo các vùng như sau:



Hình 1. 1. Lược đồ phân vùng thiên tai ở Việt Nam

Nguồn: Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai

**Bảng 1. 1 Các loại thiên tai điển hình tương ứng với từng vùng ở Việt Nam**

TT	Vùng	Tỉnh/Thành phố	Các loại hình thiên tai điển hình
1	Vùng I: Miền núi phía Bắc	Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Quảng Ninh.	Lũ, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, ATNĐ, rét hại, sương muối, mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, động đất.
2	Vùng II: Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.	ATNĐ, bão, nước biển dâng, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, rét hại, mưa lớn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng.
3	Vùng III: Miền núi Bắc Trung Bộ, Trung Bộ	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng.	ATNĐ, bão, nắng nóng, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, rét hại, mưa lớn, lốc, sét, mưa đá.
4	Vùng IV: Duyên hải miền Trung	Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng	Lũ, ngập lụt, ATNĐ, bão, nước dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, mưa lớn.
5	Vùng V: Đô thị lớn và khu dân cư tập trung	Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ	Mưa lớn, ngập lụt, bão, ATNĐ, đông lạnh.
6	Vùng VI: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ	Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh.	ATNĐ, hạn hán, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, lốc, sét, mưa đá.
7	Vùng VII: Đồng bằng sông Cửu Long	Tây Ninh, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang	Lũ, ngập lụt, nước dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, mưa lớn, dông, lốc, sét.
8	Vùng VIII: Trên biển và hải đảo	gồm vùng biển 28 tỉnh từ Quảng Ninh đến An Giang; 02 quần đảo Trường sa và Hoàng Sa	ATNĐ, bão, gió mạnh trên biển, nước dâng.

Nguồn: Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai

1.1.2.3 Nguyên nhân gây ra thiên tai ở Việt Nam

Thiên tai xảy ra do các nguyên

nhân tự nhiên hoặc gián tiếp do con người. Các nguyên nhân tự nhiên

Lớp vỏ rắn bên ngoài của trái đất



bao gồm các mảng thạch quyển nằm kề nhau. Các mảng này nổi trên quyển mềm. Các quá trình nội sinh xảy ra nhờ nguồn năng lượng trong lòng Trái Đất làm các mảng này chuyển động liên tục với tốc độ có thể tới 18 cm/năm. Các mảng có thể tách giãn (phân kỳ), hội tụ hoặc trượt ngang với nhau. Ở nơi tiếp giáp giữa các mảng do quá trình chuyển động đã gây ra động đất, núi lửa. Động đất có thể lan truyền từ tâm chấn đến những khu vực xung quanh.

Các quá trình ngoại sinh xảy ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất nhờ nguồn năng lượng mặt trời làm trạng thái của khí quyển, thủy quyển thay đổi không ngừng theo không gian và thời gian. Do thuộc khu vực Đông Nam Á, Việt Nam vừa chịu ảnh hưởng của chế độ nhiệt đới gió mùa Châu Á. Việt Nam cũng nằm trong trung tâm bão của khu vực tây bắc Thái Bình Dương, lãnh thổ lại trải dài theo phương kinh tuyến, với 3260 km đường bờ biển, nên nước ta hàng năm chịu tác động 5 - 6 cơn bão và ATNĐ đổ bộ trực tiếp lên đất liền Việt Nam. Địa hình nước ta phức tạp với $\frac{3}{4}$ là đồi núi, tiếp nối vùng đồi núi là 2 đồng bằng rộng lớn và các đồng bằng nhỏ hẹp.

Sự kết hợp giữa gió mùa, bão, các hiện tượng thời tiết cực đoan và địa

hình là nguyên nhân gây chính gây ra các thiên tai có nguồn gốc khí hậu, thủy văn với mức độ tàn phá lớn như: mưa lớn do gió mùa, mưa bão, lũ lụt, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nắng nóng, rét đậm, rét hại và các thiên tai khác.

Hệ sinh thái trong tự nhiên bị mất cân bằng trong bối cảnh BĐKH làm cho vi rút và vi khuẩn phát triển mạnh hơn là nguyên nhân gia tăng các thiên tai có nguồn gốc sinh vật là các đại dịch như: sốt xuất huyết, sốt rét, Covid-19, SARS,...

❖ Các nguyên nhân gián tiếp do con người

Hoạt động của con người là nguyên nhân gián tiếp làm cho các thiên tai xuất hiện thường xuyên hơn, có cường độ mạnh hơn. Các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội có thể làm gia tăng tác động của thiên tai do nhiều yếu tố như phá rừng, đô thị hóa, thay đổi dòng chảy, sử dụng đất không hợp lý và việc xây dựng trên các khu vực dễ bị ảnh hưởng. Các hoạt động này làm cho các thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, bất thường, trái quy luật.

1.1.2.4 Tác động của thiên tai

Thiên tai có thể gây ra các thiệt hại về người, về tài sản, về kinh tế - xã

hội và tác động đến môi trường:

- Thiên tai có thể gây tử vong, mất tích và bị thương. Thiên tai có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của con người. Những khu vực dân cư đông đúc và thiếu các biện pháp cảnh báo thường có nguy cơ cao về thiệt hại con người;

- Thiên tai có thể phá hủy hoặc làm hư hại nhà cửa, cơ sở vật chất của ngành giáo dục, y tế, văn hoá. Gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng (điện, nước, viễn thông) và tài sản cá nhân;

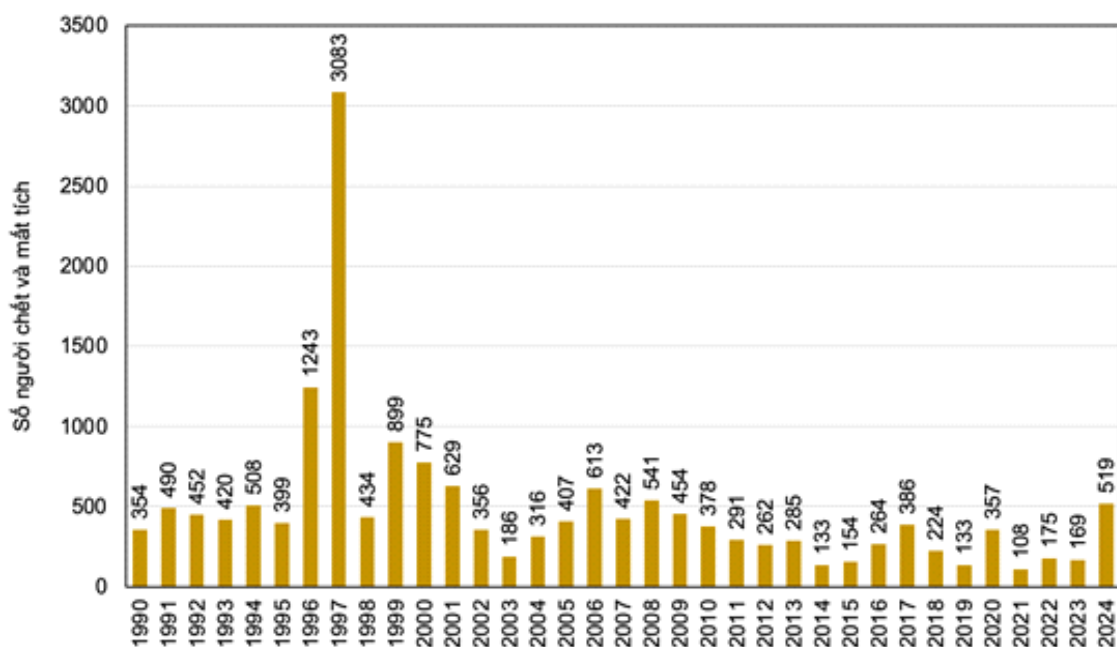
- Thiên tai gây thiệt hại về kinh tế, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thiên tai thường gây thiệt hại lớn đến năng suất, chất

lượng cây trồng, vật nuôi và gây thiệt hại cho các công trình thủy lợi. Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch;

- Thiên tai có thể làm thay đổi cấu trúc đất đai, gây xói mòn, ô nhiễm nguồn nước, làm suy thoái các hệ sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học;

- Thiên tai có thể dẫn đến mất ổn định xã hội, ví dụ di dời dân cư do sạt lở đất, bất ổn về an ninh và trật tự, gia tăng áp lực lên các dịch vụ y tế và cứu trợ khẩn cấp;

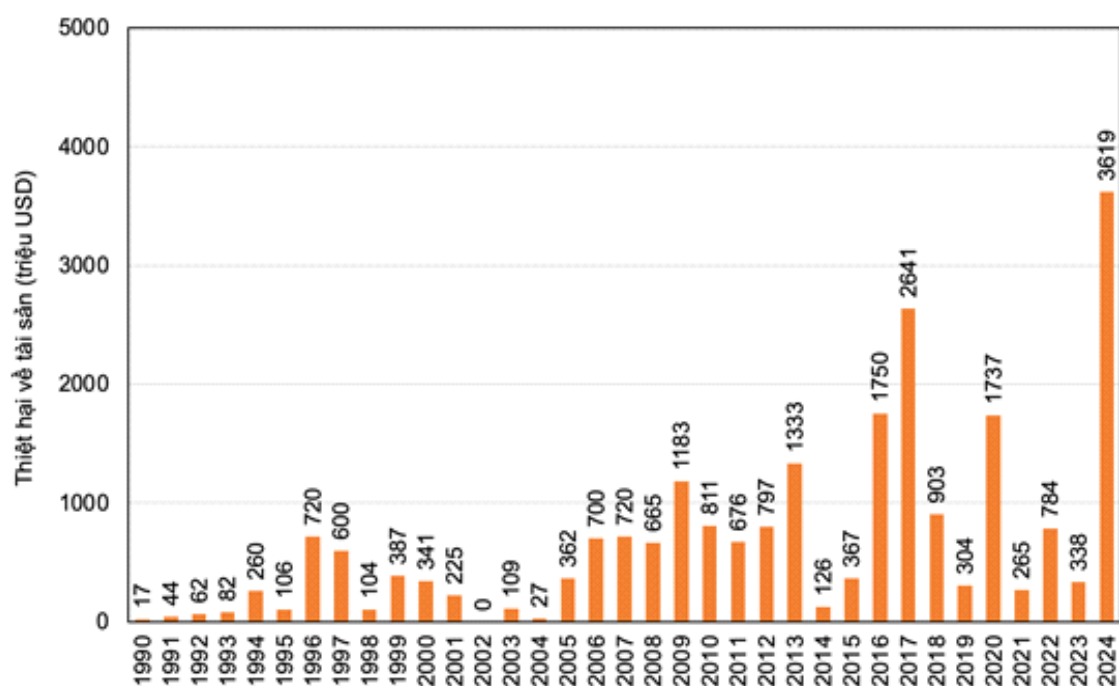
- Đối với trẻ em, thiên tai gây ra nhiều tác động tiêu cực khi thiên tai xảy ra và cả các tác động lâu dài. Thiên tai tác động đến sức khỏe



Hình 1. 2. Thiệt hại về người do thiên tai từ năm 1990-2024

của trẻ em như dễ gây thương tích, bệnh tật (như các bệnh tiêu chảy sau lũ, suy dinh dưỡng do thiếu nước sạch,...). Thiên tai gây căng thẳng, sợ hãi, sang chấn tâm lý cho trẻ em. Thiên tai cũng có nguy cơ ảnh hưởng đến lịch học của trẻ em. Trong thiên tai,

trẻ em có thể bị lạc gia đình, mất an toàn đối với trẻ em. Thiên tai làm giảm chất lượng môi trường sống, cản trở sự phát triển toàn diện của trẻ em, nên cần thiết có các biện pháp PCTT kịp thời và lâu dài, khoa học và hiệu quả.



Hình 1. 3. Thiệt hại về tài sản do thiên tai từ năm 1990-2024

Nguồn: Cục Quản lý Đê điều và PCTT

Thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất, nước dâng, nắng nóng, cháy rừng, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần... không chỉ gây thiệt hại lớn về tài sản, gây ô nhiễm môi trường mà còn gây ra những hậu quả nặng nề

về thể chất và tinh thần đối với trẻ em.

Bão, lũ, sạt lở đất, nước dâng, cháy rừng, mưa đá... có nguy cơ gây chấn thương cho trẻ em, vì khả năng tự vệ kém của trẻ em.

Lũ lụt, hạn hán đều có khả năng gây ô nhiễm môi trường đất, nước

làm tăng nguy cơ bùng phát các dịch bệnh như tiêu chảy, tả, sốt xuất huyết, nhiễm trùng da.

Do ngập lụt, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối... có thể tàn phá ruộng đồng, làm mất mùa, thu hoạch nông sản giảm gây nạn đói, suy dinh dưỡng đối với trẻ em.

Sự kinh hoàng của thiên tai có thể làm sang chấn tâm lý, gây lo âu và trầm cảm cho trẻ em. Sau thiên tai, nếu trẻ em phải sống tách khỏi gia đình có thể gây cho trẻ cảm giác cô đơn và bất lực.

Do thiên tai, trẻ em có thể bị mất môi trường học tập, thiếu tài liệu học tập làm giảm chất lượng học tập của trẻ em, một số trẻ em có khi phải bỏ học.

Sau thiên tai, nhiều gia đình rơi vào tình trạng nghèo đói làm tăng nguy cơ bạo lực gia đình, bạo lực cộng đồng, nhiều trẻ em phải đi làm kiếm sống hỗ trợ gia đình, trẻ em gái có nguy cơ bị ép kết hôn sớm. Một số trẻ em mất gia đình có thể bị lạm dụng, bạo hành.

Thiên tai và BĐKH làm gia tăng

nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Số vụ cháy rừng tăng lên trong bối cảnh BĐKH làm gia tăng lượng khí độc như CO, bụi mịn (PM_{2.5}, PM₁₀) trong không khí. Sự gia tăng nhu cầu làm mát trong sinh hoạt và sản xuất do sự nóng lên toàn cầu làm gia tăng nguồn khí thải gây ô nhiễm không khí. Lũ lụt gia tăng trong bối cảnh BĐKH có thể cuốn theo các chất gây ô nhiễm, túi nylon, xác động vật thối rữa,...

làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất, gây dịch bệnh cho con người và vật nuôi.

1.1.2.5 Phòng, chống thiên tai

Ứng phó với BĐKH chính là các biện pháp phòng ngừa, giảm nhẹ hoặc thích ứng với thiên tai (sống chung với thiên tai) mang tính dài hạn. Cụ thể các biện pháp ứng phó với BĐKH đã được trình bày tại nội dung BĐKH. Các biện pháp ứng phó với thiên tai ngắn hạn, trước mắt là các biện pháp cấp bách hàng năm, thường là các biện pháp cần thiết trong mùa của mỗi loại thiên tai. Sau đây là các biện pháp ứng phó cho từng thiên tai cụ thể.



❖ Phòng, chống áp thấp nhiệt đới và bão

Trước bão, áp thấp nhiệt đới	Trong bão, áp thấp nhiệt đới	Sau bão, áp thấp nhiệt đới
- Tham gia xây dựng phương án phòng chống bão tại thôn, xã nơi mình cư trú. - Trao đổi về kiến thức, kỹ năng phòng, chống bão cho các thành viên trong gia đình. - Phân công cụ thể cho từng thành viên trong gia đình về những việc cần phải làm khi bão xảy ra. - Tham gia các lớp tập huấn về sơ cấp cứu, cứu nạn, kỹ năng PCTT; lập kế hoạch phòng chống ATNĐ-bão của gia đình. - Chủ động chuẩn bị vật tư, nhu yếu phẩm cần thiết như lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước sạch, đèn pin,... đã có hoặc phải bổ sung để ứng phó với bão và các loại hình thiên tai khác đi kèm với bão. - Xác định nơi sơ tán an toàn trong tình huống khẩn cấp, số điện thoại của cơ quan PCTT và phổ biến với mọi thành viên trong gia đình. - Kiểm tra, sửa chữa và bổ sung kịp thời các phương tiện liên lạc cần thiết trước mùa bão (điện thoại di động, bộ đàm,...). - Lưu những số điện thoại quan trọng nhất (thành viên trong gia đình, thôn trưởng, đội trưởng đội xung kích,...) vào mục ưu tiên để dễ dàng liên lạc khi khẩn cấp. Chuẩn bị một số nhu yếu phẩm thiết yếu tại nhà trước để phòng tránh bão (nước sạch, thực phẩm khô, hộp sơ cứu, thuốc, đèn pin,...)	- Theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo về diễn biến bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. - Tuân thủ chỉ đạo của Chính quyền địa phương, các ban ngành chức năng về công tác sơ tán, công tác đảm bảo an toàn giao thông. - Gia cố, chằng chống nhà cửa, kê cao tài sản,... - Tuân thủ lệnh huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện trong nhân dân phục vụ ứng phó thiên tai. - Có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, môi trường nơi ở và nơi sơ tán. Không được phép ra khỏi nơi tránh trú khi chưa được sự cho phép của chính quyền địa phương.	- Chỉ được phép trở về nhà từ nơi sơ tán khi có sự cho phép của chính quyền địa phương. - Dọn dẹp vệ sinh nhà cửa, khu vực mình sống. - Kiểm tra để đảm bảo an toàn nhà cửa, hệ thống điện, nước. - Tham gia cùng chính quyền địa phương và cộng đồng trong việc cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai. - Báo cáo về tình hình thiệt hại cho chính quyền địa phương. Nhanh chóng phục hồi sản xuất.

❖ Phòng, chống lốc

Dấu hiệu	Nên làm	Không nên làm
Bầu trời bỗng đổi màu đen, mây đen dày, gió mạnh, xoắn lại với nhau tạo thành hình nón; xuất hiện các tiếng gầm rú.	- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo và quan sát các hiện tượng xảy ra lốc xoáy. - Không chạy cùng hướng với đường đi của lốc xoáy. - Tìm nơi trú ẩn an toàn trong nhà, núp và giữ một vật nặng và giữ chặt nó. - Nơi an toàn nhất là hầm hoặc tầng trệt của các công trình kiến trúc bằng bê tông - Khi bất ngờ gặp lốc xoáy cần nhanh chóng tìm nơi trú ẩn, thấp, nằm sát xuống đất vào cống, nhảy xuống hố,... Ngắt nguồn điện để tránh bị điện giật, hỏa hoạn. Tắt, cất tạm thời các thiết bị điện.	- Đứng gần, trú tránh dưới cây to; nhà thô sơ, cột điện,... để tránh bị điện giật, bị va đập hay bị đè bẹp. - Đứng gần, thò đầu ra cửa sổ, cửa chính và tường ngoài của căn nhà. Nên trú trong phòng nhỏ có hướng ngược với lốc xoáy. Chú ý không được ở trên nóc nhà

❖ Phòng, chống sét

Phòng ngừa sét	Khi ở ngoài trời	Khi ở trong nhà	Cấp cứu người bị sét đánh
T h ừ n g xuyên theo dõi thông tin dự báo thời tiết. Bố trí các thiết bị chống sét khi xây dựng nhà ở, các công trình.	- Nhanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn. - Không trú mưa dưới các gốc cây, gò cao và nơi có nước. Tìm nơi thấp hơn để tránh. - Tránh xa các vật bằng kim loại, trạm biến áp, cột, đường dây điện. - Tuyệt đối không sử dụng điện thoại. - Khi đang ở các vùng đất trống cần tìm chỗ càng thấp càng tốt, ngồi thu mình và không nằm sát xuống mặt đất. - Không đứng thành nhóm người gần nhau.	- Ngắt nguồn điện các thiết bị: Tivi, máy tính và các nguồn điện tử khác. - Không đứng gần cửa sổ, cửa ra vào, các dây điện và cáp điện thoại. - Hạn chế sử dụng điện thoại khi có dông, sét. - Tránh xa các chỗ ẩm ướt như phòng tắm, bể nước.	- Nhanh chóng dập tắt lửa trên cơ thể nạn nhân, cứu chữa khẩn cấp. - Nếu người bị sét đánh bị ngất phải tiến hành hô hấp nhân tạo và nhanh chóng đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

❖ Phòng, chống lũ, ngập lụt

Trước lũ, ngập lụt	Trong lũ, ngập lụt	Sau lũ, ngập lụt
- Theo dõi thông tin diễn biến lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet và loa truyền thanh. - Dự trữ đủ lương thực, thuốc men và thức ăn cho gia đình trong ít nhất là 1 tuần, để ở nơi khô ráo, an toàn. - Phân công những việc cần làm cho từng người trong gia đình, sơ tán người già, trẻ nhỏ đến nơi an toàn. - Gia cố nhà cửa, mở lối thoát hiểm trên cao. - Tắt cầu dao điện, khóa van ga, kê lên cao các loại đồ đạc, vật dụng cần bảo quản. - Chuẩn bị thức ăn, chỗ ở an toàn cho gia súc, gia cầm. - Bảo vệ nguồn nước gia đình (che đậy giếng, bể chứa nước). - Chủ động thu hoạch, bảo vệ sản phẩm nông nghiệp, thủy, hải sản đang và sắp đến giai đoạn thu hoạch. Cung cấp thông tin về diễn biến thiên tai trong khu vực sinh sống cho cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi nhận biết của mình.	- Theo dõi thông tin diễn biến lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet và loa truyền thanh. - Tuân thủ chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương, các ban ngành chức năng. - Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm. - Chấp hành quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền. - Chủ động các biện pháp bảo vệ tính mạng, bảo vệ nhà cửa, tài sản. - Không đi qua ngầm tràn, đò ngang, đò dọc khi có lũ lớn, không vớt củi, gỗ và các hoạt động trên sông. - Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi thiên tai xảy ra. - Tham gia hỗ trợ cộng đồng PCTT. - Cung cấp thông tin về diễn biến thiên tai, thiệt hại do thiên tai trong khu vực sinh sống cho cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi nhận biết của mình. Thông báo đến cơ quan, người có thẩm quyền khi phát hiện sự cố hoặc hành vi gây mất an toàn cho công trình PCTT và tham gia xử lý sự cố công trình trong khả năng của mình	- Chú trọng việc ăn chín, uống chín. - Dọn dẹp vệ sinh nhà cửa, làm sạch giếng nước, thu dọn đồ đạc, lau chùi, phơi hong tài sản, lau sạch bùn đất. - Làm sạch bùn các khu vực xung quanh nhà, chôn lấp xác súc vật chết, để cải thiện môi trường sau lũ. - Kiểm tra hệ thống điện trong nhà, không chạm vào ổ điện bị ẩm, đứt dây, rò rỉ hay bật điện lên cho đến khi mọi thứ khô hẳn. - Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc sau khi bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt. - Không đến khu vực gần bờ sông hoặc nơi bị sạt lở, không vào nhà đã bị ngập nếu chưa được kiểm tra. - Trồng các giống cây lương thực ngắn ngày, chăn nuôi gia súc, phục hồi sinh kế.



❖ Phòng, chống lũ quét

Những việc nên làm	Những việc không nên làm	Việc làm thường xuyên
- Luôn luôn cảnh giác, đề phòng khi có các dấu hiệu của lũ quét, nhất là khi có mưa lớn kéo dài (kể cả ban đêm). - Thường xuyên theo dõi thông tin lũ quét (bao gồm cả khu vực thượng lưu) trên mọi phương tiện như tivi, loa, đài, internet.... - Thông báo cho chính quyền và những người xung quanh khi có dấu hiệu lũ quét. - Tránh xa các khu vực có nguy cơ lũ quét, không được lội qua sông, suối, ngầm, tràn, đường bị ngập,... - Sẵn sàng sơ tán theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, an toàn tính mạng là quan trọng nhất. Chạy thật nhanh ra khỏi nơi nguy hiểm đến các khu vực, vị trí cao hơn.	- Hạn chế đi lại qua sông, suối; không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh. - Không được đánh cá, vớt củi, bơi lội qua sông, suối khi có mưa lớn hoặc thấy có dấu hiệu bất thường như nước từ trong chuyển sang đục dần. - Không lội xuống nước nếu nhìn thấy dây điện hoặc cột điện bị đổ xuống nước.	- Hạn chế đi lại qua sông, suối; không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh. - Không được đánh cá, vớt củi, bơi lội qua sông, suối khi có mưa lớn hoặc thấy có dấu hiệu bất thường như nước từ trong chuyển sang đục dần. - Không lội xuống nước nếu nhìn thấy dây điện hoặc cột điện bị đổ xuống nước.

❖ Phòng, chống sạt lở đất

Những việc nên làm	Những việc không nên làm	Việc làm thường xuyên
- Theo dõi thông tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất. Thông báo cho chính quyền và người xung quanh khi có dấu hiệu. - Sẵn sàng sơ tán khi theo hướng dẫn của chính quyền địa phương. Cần bảo vệ tính mạng trước tiên. - Chạy nhanh ra khỏi các khu vực nguy hiểm khi nghe thấy tiếng động lớn hoặc mặt đất bị nứt, hoặc dấu hiệu không bình thường.	- Không được đi qua và lại gần quanh khu vực sạt lở đất. - Không được đánh cá, vớt củi, bơi lội qua sông, suối khi có mưa lớn hoặc nếu thấy nước có dấu hiệu bất thường như nước sông suối từ trong chuyển sang đục dần. - Không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh.	- Thường xuyên theo dõi tin tức trên báo, đài và ti vi về các đợt mưa lớn, kéo dài, nguy cơ sạt lở đất cao. - Tìm hiểu xem ở khu vực gần nhà mình đã từng xảy ra sạt lở đất chưa, chủ động quan sát các dấu hiệu sạt lở đất, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương khi phát hiện dấu hiệu sạt, lở đất. - Hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình, đặc biệt trẻ em, người già, người khuyết tật những biện pháp phòng tránh cần thiết. - Không nên xây nhà ở khu vực đã từng xảy ra lũ quét, sạt lở đất, khu vực ven sông, suối, sườn dốc, gần mái dốc đường giao thông. - Gia cố nhà cửa, đập tạm, khơi thông dòng chảy trước mùa mưa lũ. - Chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc và đồ sơ cứu y tế, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây... - Trồng cây, bảo vệ rừng để giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất.

❖ Phòng, chống nắng nóng

Trước đợt nắng nóng	Trong đợt nắng nóng	Sau đợt nắng nóng
- Chủ động theo dõi dự báo thời tiết. - Chuẩn bị đầy đủ thực phẩm, nguồn nước trước các đợt nắng nóng dài hạn có thể xảy ra. - Xây dựng hệ thống thủy lợi, cung cấp đủ nguồn nước cho vật nuôi và cây trồng. Xây dựng hệ thống các nhà kính, lưới che, giữ ẩm ở mức sinh trưởng cho cây trồng.	- Hạn chế ra ngoài vào các khoảng thời gian nắng nóng gay gắt trong ngày (từ 13h - 15h). - Ăn chín uống sôi, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh các loại bệnh dịch xảy ra. - Chăm sóc sức khỏe người già, trẻ em, những người có tiền sử mắc bệnh. - Theo dõi, quản lý trẻ em lại gần sông suối, ao hồ phòng tránh đuối nước xảy ra. - Mặc quần áo thoải mái, thoáng mát, dễ thoát mồ hôi. - Không chăn thả gia súc, gia cầm trong khoảng thời gian nắng nóng (từ 37°C trở lên). - Giữ vệ sinh chuồng trại luôn thoáng mát, sạch sẽ; cho vật nuôi ăn uống đầy đủ, vệ sinh. Tưới cây vào các khoảng thời gian sáng sớm và chiều tối.	- Thống kê chi tiết các thiệt hại do nắng nóng gây ra đến chính quyền địa phương. - Giữ gìn vệ sinh môi trường tránh phát sinh dịch bệnh. - Trồng cây, chăn nuôi, khôi phục lại nền kinh tế.

❖ Phòng, chống hạn hán

Trước hạn hán	Trong hạn hán	Sau hạn hán
- Chú ý tích trữ nước mưa trước mùa hạn. - Sử dụng các trang thiết bị, vật dụng sẵn có để tích trữ nước (bồn, lu nước, thùng nhựa, ...). - Đào, nạo vét giếng, xây bể nước, sử dụng máy bơm để lấy và trữ nước. - Sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tăng cường tái sử dụng và giảm thiểu ô nhiễm nước. - Các giải pháp canh tác nông nghiệp như: - Lựa chọn, sử dụng và đa dạng hóa các giống cây trồng chịu hạn; - Sử dụng các kỹ thuật canh tác nông nghiệp, các công nghệ tưới tiên tiến; - Đối với cây trồng cạn: áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa, ...; - Đối với cây lúa: tưới theo đợt, tưới luân phiên, nông-lộ-phơi, ...; - Canh tác nông lâm kết hợp; - Tăng độ ẩm, giảm dòng chảy mặt như trồng cỏ; bón phân hữu cơ, phân xanh, ...;	- Theo dõi thông tin về tình hình khí tượng, thủy văn, diễn biến khô hạn. - Tham gia các chương trình tập huấn, phổ biến kiến thức về các biện pháp kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi trong điều kiện thiếu nước, hạn hán. - Áp dụng các biện pháp, kỹ thuật phòng tránh khô hạn cho cây trồng: bọc gốc cây giữ ẩm, tưới nước vào các thời điểm thích hợp trong ngày (sáng sớm và chiều tối). - Điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù	- Đánh giá tác động, thiệt hại của hạn hán đối với con người, cây trồng, vật nuôi. - Khắc phục thiệt hại do hạn hán gây ra: trồng cây, sửa chữa các công trình thủy lợi. - Nghiên cứu và áp dụng các biện pháp



Trước hạn hán	Trong hạn hán	Sau hạn hán
- Thực hiện các giải pháp để tích trữ nước: tận dụng đầm, ao hồ, hệ thống kênh trục lớn; đắp đập tạm, bờ bao cục bộ, ...; - Chống hạn cho vật nuôi; - Tận dụng, tích trữ các sản phẩm như rơm, trấu,... hoặc trồng cỏ, cây lưu niên làm thức ăn cho vật nuôi; - Chọn tạo, lai giống hoặc thay thế giống vật nuôi phù hợp với hạn hán (dê, cừu, vịt cạn,...); - Bảo vệ môi trường; - Bảo vệ và trồng rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn; Bảo vệ tài nguyên nước, tuân thủ các quy định về thăm dò, khai thác và sử dụng, giảm xả thải nguồn nước.	hợp với dự báo và diễn biến hạn hán. - Hỗ trợ nước cộng đồng: ủng hộ các chương trình về hạn hán, vận chuyển nguồn nước từ vùng khác đến vùng khô hạn. Sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.	nuôi trồng phù hợp.

❖ Phòng, chống rét hại

Đối với con người	Đối với cây trồng	Đối với vật nuôi
- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng. - Mặc quần áo đủ ấm, đặc biệt là trẻ nhỏ và người cao tuổi. - Nên ăn, uống các đồ ấm và nóng. - Không nên đi tập thể dục quá sớm, đặc biệt đối với người cao tuổi, người bị mắc bệnh lý về hô hấp, tim mạch. - Không dùng bếp than sưởi ấm trong phòng kín. - Nếu trời có mưa và tuyết nên mặc quần áo không thấm nước, tránh để bị ướt. - Không nên uống rượu khi ở ngoài trời lạnh.	- Chủ động che chắn cây trồng bằng ni lông, bạt,... - Tăng cường biện pháp chăm sóc, tưới nước, bón phân hữu cơ, phân NPK,... - Thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan khuyến trồng.	- Che chắn chuồng trại cẩn thận, tránh gió lùa, mưa hắt: tránh để nền trại ẩm ướt, lầy lội. - Không thả rông, chăn thả gia súc ngoài trời vào những ngày rét hại. - Cung cấp thức ăn, nước uống đầy đủ cho gia súc, gia cầm; bổ sung thức ăn tinh (bột ngô, sắn, hoặc cám gạo), muối khoáng, vitamin, men tiêu hóa... - Mặc áo chống rét cho gia súc (tận dụng áo cũ, chăn cũ, bao tải gai, bao tải dứa,...). - Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ và thay chất độn chuồng. - Chủ động dự trữ thức ăn thô (rơm rạ, cỏ khô, phụ phẩm nông nghiệp,...). - Dự trữ chất đốt (củi, trấu, mùn cưa,...) để sưởi ấm cho đàn gia súc; sưởi ấm cho gia cầm. - Thực hiện tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh, vệ sinh tiêu độc, khử trùng chuồng trại, xử lý chất thải vật nuôi tránh dịch bệnh. Thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thú y, khuyến nông.

❖ Phòng, chống động đất

Nếu đang ở trong một toà nhà có kết cấu vững chắc	Nếu đang ở bên ngoài	Nếu đang ở trên núi, quả đồi
- Nếu đang ở trong nhà, hãy tìm đến những nơi an toàn, cố gắng chỉ trong phạm vi vài bước chân; thực hiện các động tác: chui xuống dưới gầm bàn, ghế, tay giữ chặt lấy chân bàn, đảm bảo đầu và được bàn che phủ. - Tránh xa các đồ vật bằng kính và đồ điện. - Không sử dụng thang máy.	- Nhanh chóng tránh xa các nhà cao tầng, cây cối, đèn đường, dây điện, đường ống dẫn nhiên liệu. - Thực hiện động tác ngồi sụp xuống, hai tay che đầu và giữ chặt. - Nếu bị mắc kẹt dưới đồng đồ nát, không di chuyển, nên che miệng bằng khăn hay quần áo để tránh bụi, gõ vào đường ống hoặc tường để cứu hộ có thể tìm ra. Nếu đang lái xe, hãy cố gắng lái xe vào bên đường và dừng lại. Không được cố chui qua hoặc vượt qua những cây cầu vì có thể bị sập.	Tránh xa chỗ dốc đứng vì chỗ đó có thể bị lở đất.

❖ Phòng, chống sóng thần

Đối với người dân ven biển	Đối với ngư dân trên biển
- Luôn chú ý tới những cảnh báo sóng thần của chính quyền. - Khi có dấu hiệu xảy ra sóng thần, hãy chạy thật nhanh vào sâu trong đất liền và tới những nơi có nền đất cao - Nếu nhìn thấy sóng thần đang ập đến, hãy tìm ngay toà nhà bê tông vững chắc, nhiều tầng và trèo lên tầng cao nhất hay nóc của toà nhà. Nếu không còn thời gian, hãy trèo lên một cây to và bám chặt trên đó. Nếu bị sóng thần cuốn đi, hãy bám chặt vào một vật giúp có thể trôi nổi và bảo vệ khỏi những vật nguy hiểm đang trôi nổi như nhà cửa, ô tô hay cây cối.	- Luôn chú ý tới những cảnh báo sóng thần của chính quyền. - Không đưa tàu thuyền vào gần bờ khi xảy ra sóng thần, đưa tàu ra xa bờ nếu còn đủ thời gian. Không ở trên tàu thuyền khi neo đậu ven bờ.

1.1.3 Biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam

1.1.3.1 Biểu hiện của biến đổi khí hậu

BĐKH đang thể hiện rõ nét qua nhiều biểu hiện cụ thể trên toàn cầu.

Các biểu hiện này có thể được nhận diện qua xu thế biến đổi của các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, gió, mây, mưa, các hiện tượng thời tiết cực đoan và mực nước biển dâng. Việc nhận diện chính

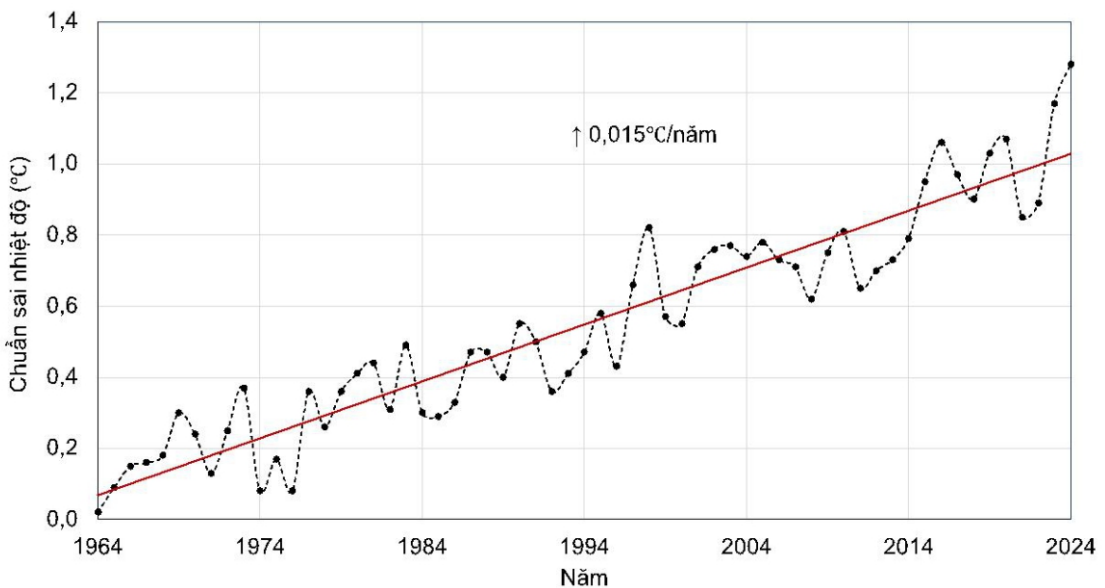
xác những biểu hiện này là nền tảng quan trọng để nâng cao nhận thức cộng đồng và xây dựng các giải pháp thích ứng phù hợp.

– Nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình trên Trái Đất năm sau có thể lớn hơn, hoặc nhỏ hơn năm trước, nhưng nhiệt độ hiện nay tăng khoảng $1,2^{\circ}\text{C}$ trong giai đoạn 1900-2023. Trong giai đoạn 1964 - 2023, nhiệt độ có xu thế tăng $0,015/\text{năm}$. Nhiệt độ có xu thế tăng nhanh hơn ở các vùng vĩ độ cao và các vùng nằm sâu trong lục địa.



Tại Việt Nam, nhiệt độ tăng khoảng $0,89^{\circ}\text{C}$ trong giai đoạn 1958-2018. Cụ thể, tại trạm khí tượng Nam Định (Ninh Bình) trong giai đoạn 1964 - 2024, nhiệt độ cũng tăng hơn 1°C , với xu thế tăng $0,024^{\circ}\text{C}/\text{năm}$.



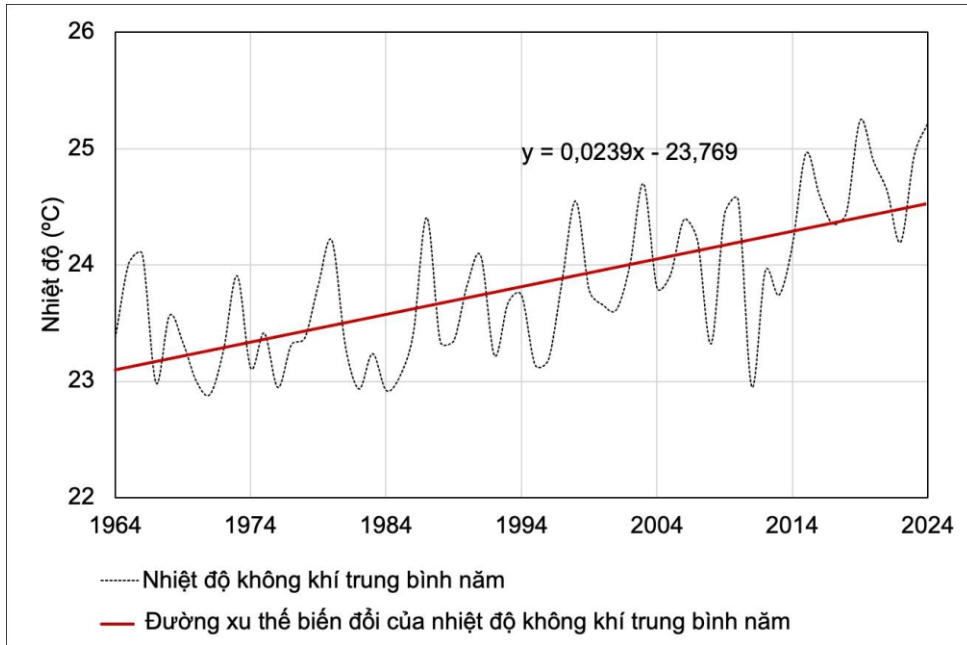
--- Mức biến đổi nhiệt độ không khí trung bình năm toàn cầu trên đất liền so với thời kỳ 1850-1900

— Đường xu thế biến đổi nhiệt độ không khí trung bình năm toàn cầu trên đất liền

Hình 1. 4. Mức biến đổi nhiệt độ không khí trung bình năm toàn cầu giai đoạn 1964-202 trên đất liền so với thời kỳ 1850-1900

Nguồn: Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia Hoa Kỳ

(https://data.giss.nasa.gov/gistemp/graphs_v4/graph_data/Global_Mean_Estimates_based_on_Land_and_Ocean_Data/graph.csv)



Hình 1. 5. Biến trình nhiều năm và xu thế nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm khí tượng Nam Định (Ninh Bình)

Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn

– Lượng mưa

Trong giai đoạn 1900-2020, lượng mưa có xu hướng gia tăng ở hầu hết các khu vực trên thế giới, đặc biệt là ở các vùng vĩ độ trung bình và vĩ độ cao. Ngược lại, nhiều khu vực thuộc vùng nhiệt đới lại ghi nhận xu hướng giảm lượng mưa. Lượng mưa toàn cầu có xu thế tăng vào mùa mưa và giảm vào mùa khô, đồng thời số lượng các đợt mưa lớn cũng đang có xu hướng gia tăng.

Tại Việt Nam, trong giai đoạn 1958-2018, tổng lượng mưa năm

trung bình trên toàn quốc có xu hướng tăng nhẹ 2,1%. Tuy nhiên, lượng mưa có xu hướng giảm ở phần lớn diện tích phía Bắc và khu vực Tây Nguyên, trong khi lượng mưa lại gia tăng ở nhiều nơi phía Nam, đặc biệt là tại Nam Trung Bộ. Tại trạm khí tượng Nam Định (Ninh Bình), trong giai đoạn 1964-2024, tổng lượng mưa năm có xu hướng giảm khoảng 1 mm mỗi năm.

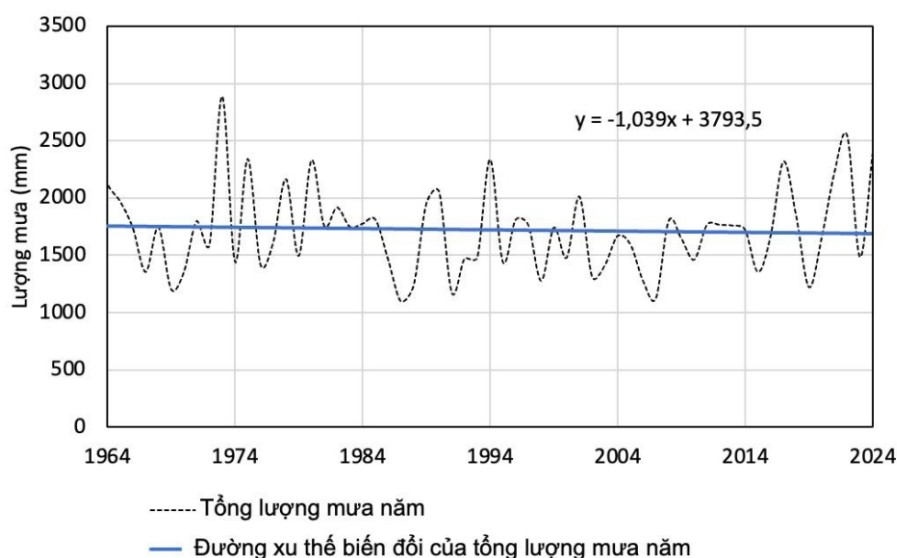
– Mức nước biển dâng

Nhiệt độ Trái Đất gia tăng đang làm tan băng ở hai cực và các vùng núi cao, đồng thời sự giãn nở vì



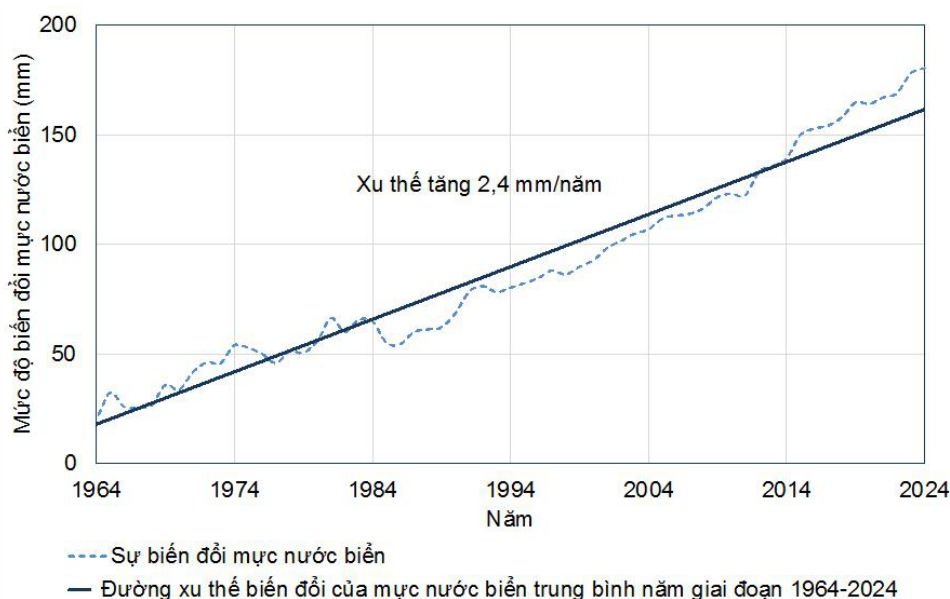
hiệt của nước biển cũng góp phần làm mực nước biển dâng cao. Theo số liệu mực nước biển của NOAA cho

thấy, từ năm 1964 đến 2024, mực nước biển đã dâng trung bình khoảng 2,4 mm mỗi năm.



Hình 1. 6. Biến trình nhiều năm và xu thế tổng lượng mưa năm tại trạm khí tượng Thái Bình (Hưng Yên)

Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn

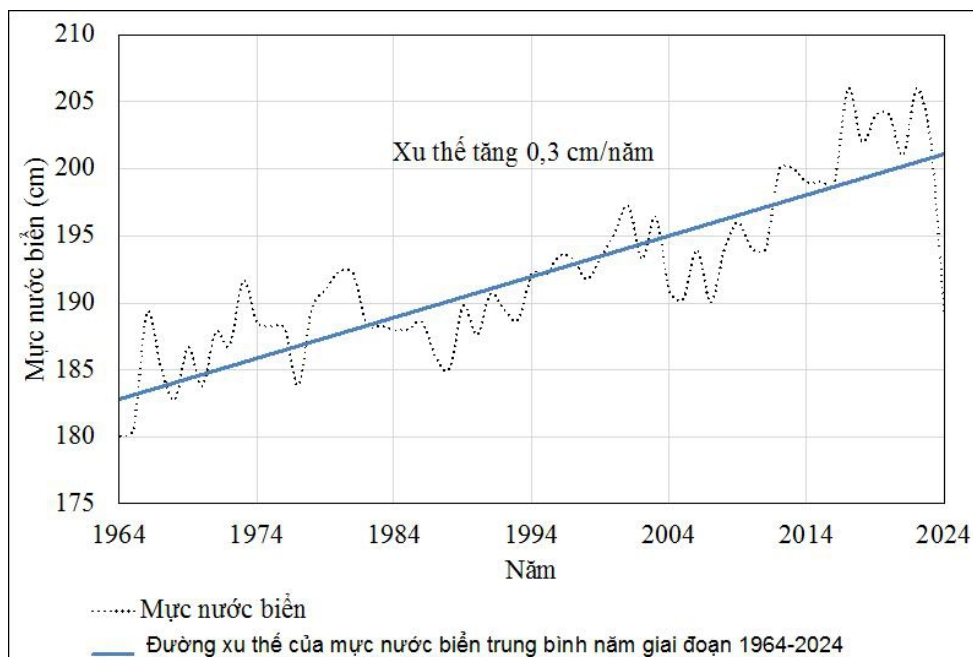


Hình 1. 7. Biến trình nhiều năm và xu thế mực nước biển trung bình trên thế giới trong giai đoạn 1964 - 2024

Nguồn: Trung tâm Mực nước Biển Đại học Hawaii (<https://uhslc.soest.hawaii.edu/data/?fd>)

Tại Việt Nam, mực nước biển ven bờ có xu thế dâng, với mức dâng trung bình 2,7 mm mỗi năm trong giai đoạn 1961-2023. Tại trạm hải văn Hòn Dấu

(Hải Phòng), trong giai đoạn 1964-2024, mực nước biển dâng với tốc độ trung bình là 3 mm mỗi năm.



Hình 1. 8 Biến trình nhiều năm và xu thế mực nước biển trung bình năm tại trạm Hải văn Hòn Dấu (Hải Phòng) giai đoạn 1964-2024

Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn

1.1.3.2 Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu

Để có thể giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH một cách hiệu quả, việc xác định rõ các nguyên nhân gây ra hiện tượng này là điều kiện tiên quyết. BĐKH bắt nguồn từ cả nguyên nhân tự nhiên lẫn nhân tạo, trong đó các hoạt động của con người - đặc biệt là phát thải khí nhà kính - đóng vai trò chủ đạo trong việc làm trầm trọng thêm tình trạng ấm lên toàn cầu. Việc

tìm hiểu sâu về nguyên nhân giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện và khoa học trong ứng phó với khủng hoảng khí hậu.

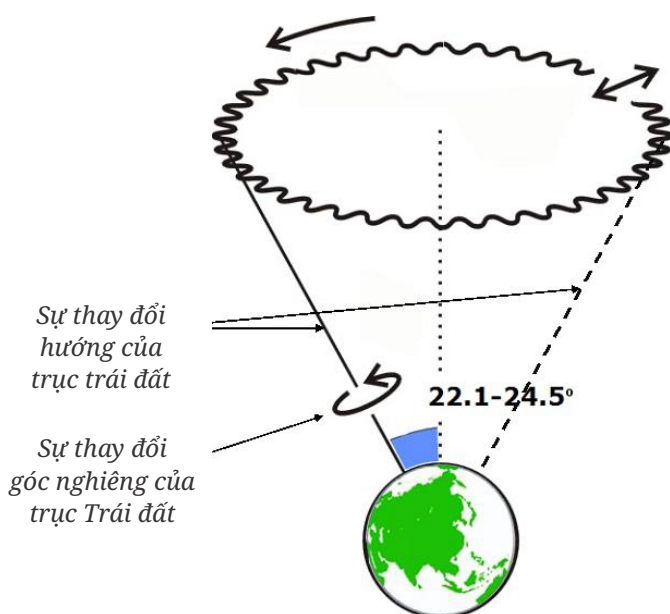
❖ Các nguyên nhân tự nhiên gây biến đổi khí hậu

Mặc dù BĐKH hiện nay chủ yếu do các hoạt động của con người gây ra, nhưng trong suốt lịch sử địa chất của Trái Đất, hành tinh này đã từng trải qua nhiều giai đoạn khí hậu thay

đổi mạnh mẽ do các yếu tố tự nhiên. Những nguyên nhân tự nhiên này thường có chu kỳ dài và ảnh hưởng toàn cầu, bao gồm sự thay đổi độ nghiêng của trục Trái Đất, dao động trong quỹ đạo chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời, sự di chuyển của các lục địa và hoạt động núi lửa.

Sự thay đổi độ nghiêng của trục

Trái Đất: Góc nghiêng của trục Trái Đất không cố định mà dao động trong khoảng từ $22,1^\circ$ đến $24,5^\circ$ với chu kỳ khoảng 41.000 năm. Sự thay đổi này ảnh hưởng đến lượng bức xạ Mặt Trời phân bố trên Trái Đất, dẫn đến sự thay đổi trong lượng mưa tuyết ở các vùng cực, và do đó, tạo ra các chu kỳ băng hà và gian băng.



Hình 1. 9 Sự dao động trong quỹ đạo của Trái Đất

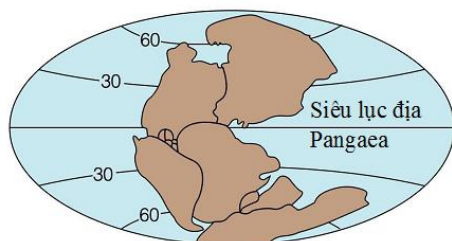
Sự thay đổi hướng của trục Trái Đất: Hướng của trục Trái Đất không phải luôn hướng về chòm sao Bắc Đẩu mà dao động theo hình nón với chu kỳ khoảng 26.000 năm. Sau khoảng 13000 năm nữa trục Trái Đất sẽ hướng về phía chòm sao Chức Nữ, và khi đó mùa đông ở bán cầu Bắc sẽ trở thành mùa hạ và ngược lại.

Dao động quỹ đạo của Trái Đất: Quỹ đạo chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời có hình elip. Khi hai tiêu điểm quỹ đạo gần nhau hơn, quỹ đạo trở nên tròn hơn; và khi các tiêu điểm xa nhau, quỹ đạo trở nên dẹt hơn. Chu kỳ này kéo dài khoảng 100.000 năm, sự thay đổi trong quỹ đạo sẽ làm thay đổi lượng bức xạ Mặt

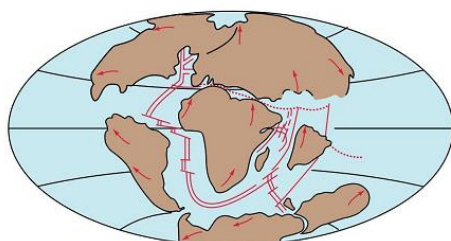
Trời mà Trái Đất nhận được, góp phần gây BĐKH.

Di chuyển của các mảng kiến tạo: Quá trình di chuyển của các mảng kiến tạo đã làm thay đổi vị trí các đại

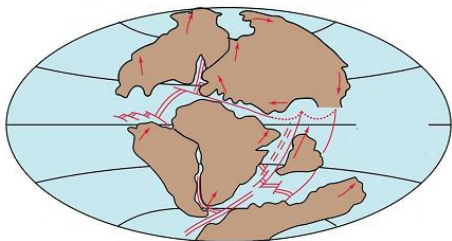
lục và đại dương theo thời gian địa chất. Ví dụ, Ấn Độ trước đây nằm ở Nam Bán Cầu, dẫn đến khí hậu của khu vực này có sự khác biệt so với hiện nay.



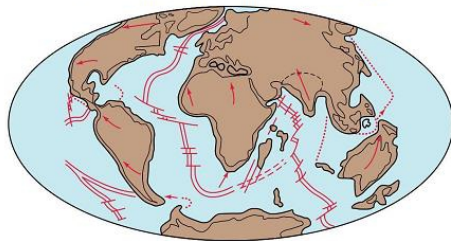
Trái Đất 210 triệu năm trước đây



Trái Đất 65 triệu năm trước đây



Trái Đất 135 triệu năm trước đây



Trái Đất ngày nay

✕ Dãy núi giữa đại dương.

⋯ Hệ thống cung đảo núi lửa-máng biển sâu

Hình 1. 10. Trái Đất qua các thời kỳ địa chất

Nguồn: R. Gabler, J. Petersen and L. Trapasso (2006). *Essentials of physical geography* Publisher: Cengage Learning

Hoạt động núi lửa: Khi các núi lửa phun trào, chúng giải phóng một lượng lớn bụi và khí (đặc biệt là SO_2) vào tầng bình lưu. Các hạt này phản xạ ánh sáng Mặt Trời, làm giảm nhiệt độ toàn cầu tạm thời và dẫn đến sự lạnh đi của khí hậu. Tuy nhiên, hiệu ứng này thường chỉ kéo dài trong một khoảng thời gian ngắn (vài năm).

❖ Các nguyên nhân do con người gây BĐKH

Biến đổi khí hậu hiện nay chủ yếu

bắt nguồn từ các hoạt động kinh tế và xã hội do con người gây ra. Trong quá trình sinh hoạt hằng ngày và phát triển sản xuất, con người đã thải vào khí quyển một lượng lớn khí nhà kính. Những khí này tích tụ trong khí quyển, làm tăng cường hiệu ứng nhà kính – một hiện tượng giữ nhiệt tự nhiên của Trái Đất – khiến nhiệt độ toàn cầu gia tăng bất thường. Hậu quả là khí hậu toàn cầu đang thay đổi theo chiều hướng tiêu cực, với nhiều hệ lụy nghiêm trọng đối với môi

trường và đời sống con người.

Bức xạ Mặt Trời chủ yếu là bức xạ sóng ngắn, phần lớn xuyên qua khí quyển và truyền tới bề mặt Trái Đất. Bề mặt Trái Đất hấp thụ bức xạ sóng ngắn từ Mặt Trời và sau đó phát xạ lại vào bầu khí quyển dưới dạng bức xạ sóng dài. Các khí nhà kính như CO_2 , CH_4 , N_2O , HFCs, PFCs, SF_6 và NF_3 gây ra hiệu ứng nhà kính bằng cách ngăn không cho bức xạ sóng dài này thoát ra ngoài không gian vũ trụ bằng cách hấp thụ một phần bức xạ sóng dài. Nhờ hiệu ứng nhà kính, nhiệt độ bề mặt Trái Đất được duy trì ổn định ở mức trung bình khoảng 15°C thay vì -18°C nếu không có hiệu ứng nhà kính. Tuy nhiên, với việc gia tăng thải khí nhà kính từ các hoạt động công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phá rừng, lượng nhiệt giữ lại trong khí quyển đã vượt mức chịu đựng, gây ra các hiện tượng như nóng lên toàn cầu, băng tan, mực nước biển dâng và thời tiết cực đoan hơn.

Các chất khí nhà kính chủ yếu gây BĐKH bao gồm:

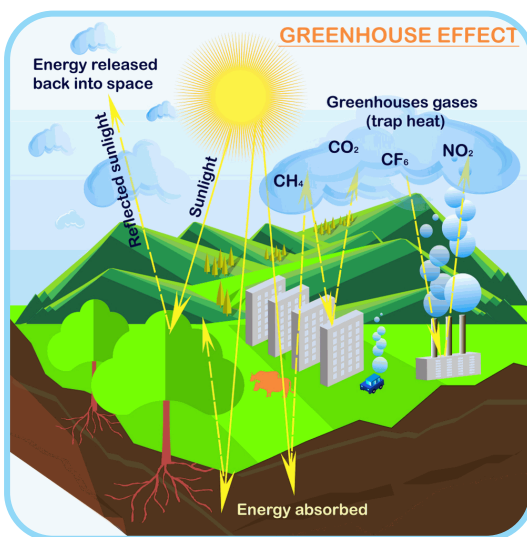
- + Carbon dioxide (CO_2);
- + Methane (CH_4);
- + Nitrous oxide (N_2O);
- + Hydrofluorocarbons (HFCs);
- + Perfluorocarbons (PFCs);
- + Sulfur hexafluoride (SF_6).

+ Nitrogen Trifluoride (NF_3).

1.1.3.3 Tác động của biến đổi khí hậu

BĐKH gây ra những tác động sâu rộng đến tự nhiên, kinh tế, các hệ sinh thái, kinh tế - xã hội và đặc biệt là trẻ em. BĐKH tác động đến tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ và Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tổn thương nhất do BĐKH. Việc nhận diện các tác động giúp ứng phó hiệu quả và chủ động hơn trong công tác giáo dục và truyền thông.

❖ Tác động của BĐKH đến tự nhiên



Góp phần làm gia tăng về cường độ và tần suất các thiên tai.

- Các sông, hồ nóng lên do thay đổi cơ chế nhiệt.

- Làm mất đi một diện tích lớn các vùng đất thấp và các đồng bằng châu thổ do mực nước biển dâng.

- Làm nhiều vùng đất bị thoái hoá (bị xói mòn, bị mặn hoá, bị phèn hoá, bị khô, bị hoang mạc hoá, sa mạc hoá, bị kết von).

- Mở rộng phạm vi của vành đai nóng về phía hai cực và vành đai nhiệt đới lên cao hơn ở các khu vực núi cao.

- Làm thay đổi nơi cư trú và tiêu diệt một số loài sinh vật kém thích nghi.

- Gây axit hóa đại dương.

❖ Tác động của BĐKH đến các hệ sinh thái

- Mất môi trường sống: Sự gia tăng nhiệt độ và thay đổi lượng mưa làm thay đổi môi trường sống của nhiều loài, dẫn đến mất rừng, sa mạc hóa và suy giảm đa dạng sinh học.

- Di cư và tuyệt chủng: Nhiều loài phải di cư lên cao hơn hoặc xa hơn để tìm kiếm môi trường sống phù hợp, trong khi một số loài không thích nghi kịp sẽ bị tuyệt chủng.

- Gia tăng cháy rừng: Nhiệt độ cao và hạn hán làm tăng nguy cơ cháy rừng, gây tổn hại đến rừng và các loài sinh vật phụ thuộc vào nó.

- Giảm lượng nước và hạn hán: Sông, hồ và suối khô cạn do nhiệt độ tăng và lượng mưa thay đổi, ảnh

hưởng đến hệ động thực vật nước ngọt.

- Tăng trưởng của tảo độc: Nhiệt độ cao hơn làm gia tăng sự phát triển của tảo độc, gây suy giảm oxy trong nước và ảnh hưởng đến các loài cá, động vật thủy sinh.



- Axit hóa đại dương và sự nóng lên của nước biển làm thay đổi môi trường sống của các hệ sinh thái biển, làm suy giảm đa dạng sinh học của sinh vật biển, đặc biệt làm suy thoái, tẩy trắng các rạn san hô.

- Mực nước biển dâng: Làm mất môi trường sống của nhiều loài ven biển, gây ngập úng đất liền và ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn.

❖ Tác động của BĐKH đến kinh tế - xã hội

- Hàng năm, hàng triệu người dân chịu ảnh hưởng của ngập lụt do nước biển dâng, nhất là những vùng đất thấp, đông dân trên các đồng bằng châu thổ của châu Á, châu Phi, châu

Mỹ và các đảo nhỏ.

- Nhiều cộng đồng nghèo, đặc biệt ở những vùng nhiều thiên tai, có thể gặp nhiều rủi ro và tổn thất nghiêm trọng.

- Tình trạng sức khỏe của hàng triệu người trên Trái Đất, đặc biệt là người già và trẻ em bị sa sút, thậm chí sa sút nghiêm trọng.

- Nhiều khu công nghiệp, khu cư dân ven biển trên châu thổ các sông đặc biệt nhạy cảm với sự gia tăng thời tiết cực đoan do BĐKH.

❖ Tác động của BĐKH đến trẻ em

BĐKH tác động đến con người, nhưng đối tượng chịu tổn thương nhất là trẻ em. Nguyên nhân là do hệ miễn dịch của trẻ em chưa phát triển toàn diện nên trẻ em có sức đề kháng yếu hơn so với người trưởng thành. Khả năng tự bảo vệ của trẻ em cũng hạn chế do sức lực và kinh nghiệm chưa nhiều. Trong bối cảnh BĐKH,

nhật độ có xu thế tăng, mưa thất thường, độ ẩm tương đối cao, sự gia tăng cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan, các thiên tai khốc liệt hơn đều ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ em.

1.1.3.4 Ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam

Trước những thách thức ngày càng lớn từ BĐKH, cộng đồng quốc tế cũng như từng quốc gia đã và đang triển khai nhiều biện pháp ứng phó đa dạng, từ cấp độ chính sách đến hành động thực tiễn. Việt Nam, một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước BĐKH cũng đã chủ động lồng ghép nội dung này vào các chiến lược phát triển bền vững.

❖ Một số hành động ứng phó với BĐKH

Để ứng phó với BĐKH cần giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH

Bảng 1. 2 Một số hành động ứng phó với BĐKH

Nhóm biện pháp ứng phó	Lĩnh vực ứng phó	Hành động	Dẫn chứng cụ thể
Biện pháp giảm nhẹ BĐKH	Giảm thiểu nguồn phát thải	Hạn chế sử dụng năng lượng hoá thạch, thay thế bằng năng lượng tái tạo	Việt Nam đã xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam (Khánh Hòa), công suất 450 MW, giảm hàng trăm nghìn tấn CO ₂ /năm
		Đầu tư công nghệ giảm phát thải trong công nghiệp, giao thông, nông nghiệp	Nhiều nhà máy sản xuất thép áp dụng công nghệ tuần hoàn nước, thu hồi khí để giảm phát thải nhà kính
		Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nha Trang.. đã triển khai hệ thống xe buýt điện thân thiện môi trường	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nha Trang.. đã triển khai hệ thống xe buýt điện thân thiện môi trường



Nhóm biện pháp ứng phó	Lĩnh vực ứng phó	Hành động	Dẫn chứng cụ thể
	Tăng cường bể chứa khí nhà kính	Trồng rừng, trồng cây sinh khối caoQuản lí và bảo vệ rừng.	Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021–2025 của Chính phủ Việt NamDự án REDD+ tại thành phố Đà Nẵng, hỗ trợ người dân bảo vệ rừng để nhận tín chỉ carbon.
		Thành lập và mở rộng khu bảo tồn thiên nhiên	Mở rộng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (Thanh Hóa), bảo vệ rừng nguyên sinh
Biện pháp thích ứng với BĐKH	Trong giám sát thời tiết, khí hậu	Nâng cao năng lực dự báo, giám sát khí hậu	Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia nâng cấp hệ thống radar thời tiết hiện đại
	Trong sản xuất	Thay đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ	Ở ĐBSCL, mô hình luân canh lúa – tôm giúp thích nghi với hạn mặn
		Quy hoạch, nâng cấp hệ thống thủy lợi	Cống Cái Lớn – Cái Bé (An Giang) điều tiết mặn – ngọt, bảo vệ nông nghiệp
		Tăng cường bảo vệ rừng trước cháy rừng	Vùng Tây Nguyên tăng cường tuần tra và camera giám sát rừng vào mùa khô
		Sử dụng hợp lí tài nguyên nước	Nông dân Ninh Thuận (Khánh Hòa) sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước trồng nho, táo
		Loại bỏ công nghệ lạc hậu, áp dụng công nghệ tiết kiệm	Nhiều nhà máy dệt may đã áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng nước.
		Nâng cấp mạng lưới giao thông	Cầu Rạch Miễu 2 kết nối Vĩnh Long và Đồng Tháp được thiết kế chống lũ, bảo nhờ công nghệ tiên tiến
	Trong đời sống	Quy hoạch dân cư an toàn trước thiên tai	Quảng Trị di dời người dân vùng sạt lở ven sông lên khu tái định cư
		Tuyên truyền, giáo dục kĩ năng PCTT, dịch bệnh	Chương trình “Trường học an toàn trước thiên tai” triển khai ở miền Trung và Tây Nguyên

Nguồn: Chuyên đề học tập Địa lý 12 (2024), Nhà Xuất bản Giáo Dục Việt Nam.

❖ Tăng trưởng xanh và BĐKH

Tăng trưởng xanh là một phương thức phát triển kinh tế bền vững, đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu kinh tế và phát triển, đồng thời bảo vệ môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Khái niệm này bắt nguồn từ khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (UNESCAP), tăng trưởng xanh tập trung vào việc phát triển bền vững kinh tế gắn liền với giảm lượng phát thải cacbon và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Chiến lược này nhằm đảm bảo rằng các lợi ích kinh tế đạt được không đánh đổi bằng sự gia tăng BĐKH). Các đặc điểm chính của tăng trưởng xanh bao gồm:

– Giảm lượng phát thải khí nhà kính nhằm giảm nhẹ BĐKH:

+ Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;

+ Giảm mức tiêu hao năng lượng trong sản xuất và dịch vụ (vận tải, thương mại);

+ Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

– Xanh hóa sản xuất:

+ Đầu tư phát triển vào nền kinh tế xanh;

+ Ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

– Xanh hóa lối sống và tiêu dùng

bền vững:

+ Kết hợp lối sống truyền thống với những tiện nghi văn minh, hiện đại;

+ Đề cao tính bền vững trong xử lý rác thải, chất thải; Phát triển kinh tế tuần hoàn - biến rác thải thành tài nguyên;

+ Duy trì lối sống hài hòa với thiên nhiên và nông thôn.



Như vậy, BĐKH và tăng trưởng xanh có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, thể hiện qua hai khía cạnh chính: giảm thiểu và thích ứng.

- Giảm nhẹ BĐKH: Tăng trưởng xanh đóng vai trò quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính, nguyên nhân chính gây ra BĐKH. Các biện pháp như sử dụng năng lượng tái tạo, cải tiến công nghệ sản xuất, và chuyển đổi sang giao thông xanh giúp giảm lượng khí thải, đồng thời thúc đẩy các ngành kinh tế mới. Ví dụ, việc đầu tư vào năng lượng mặt trời không chỉ giảm phát thải CO₂ mà còn



tạo ra việc làm và cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng sạch.

- Thích ứng với BĐKH: BĐKH đã và đang gây ra những tác động không thể đảo ngược, như hạn hán và lũ lụt. Tăng trưởng xanh hỗ trợ xây dựng khả năng thích ứng thông qua các giải pháp như:

- + Xây dựng hệ thống quản lý nước hiệu quả hơn để đối phó với tình trạng khan hiếm nước;

- + Áp dụng công nghệ canh tác thông minh để đảm bảo an ninh lương thực;

- + Tăng cường đầu tư vào các cơ sở hạ tầng bền vững, như hệ thống thoát nước chống lũ.

1.2 CÁC CĂN CỨ VÀ MỤC TIÊU TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1.2.1 Các cam kết quốc tế về thực hiện giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH

❖ Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu năm 1992

Liên hợp quốc với hai cơ quan chuyên môn chính của mình là Tổ chức Khí tượng Thế giới[2] và Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) đã tập hợp nhiều nhà khoa

học, chuyên gia trên thế giới thảo luận và đi đến thống nhất cần có một Công ước quốc tế về khí hậu và coi đó là cơ sở pháp lý để tập trung nỗ lực chung của cộng đồng thế giới đối phó với những diễn biến tiêu cực của BĐKH. Sau một quá trình soạn thảo (tháng 02/1991-tháng 5/1992), Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH đã được công bố vào ngày 9/5/1992 tại Trụ sở của Liên hợp quốc ở New York, gọi là Công ước khung của liên hợp quốc về BĐKH.

❖ Nghị định thư Kyoto về thực hiện Công ước Khung của Liên hợp quốc về BĐKH

Tháng 11/1997, tại Kyoto, các nước tham dự Hội nghị các bên tham gia lần thứ 3 về Công ước khung 1992 đã thông qua Nghị định thư cam kết cắt giảm khí CO₂ và năm loại khí gây hiệu ứng nhà kính khác, gọi tắt là Nghị định thư Kyoto. Đây là một trong nhiều hành động cụ thể thúc đẩy các chương trình ứng phó với BĐKH thực hiện mục tiêu cân bằng lại lượng khí thải trong môi trường ở mức độ có thể ngăn chặn những tác động nguy hiểm cho sự tồn tại và phát triển của con người vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc của môi trường.

❖ Từ chương trình hành động Hyogo (2005) đến khung Sendai (2015) về giảm nhẹ rủi ro thiên tai



Tháng 01/2005, chính phủ của 168 quốc gia đã họp tại Kobe Nhật Bản để tham gia Hội nghị Quốc tế về giảm nhẹ thiên tai lần thứ 2. Hội nghị đã thông qua Khung hành động Hyogo giai đoạn 2005 - 2015 về: “Xây dựng khả năng hồi phục cho các quốc gia và cộng đồng chịu thiên tai” - một chiến lược toàn cầu với mục tiêu giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Thông qua sáng kiến này, chính phủ các nước trên khắp thế giới đã cam kết hành động giảm nhẹ rủi ro thiên tai và đồng thuận về các nguyên tắc nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương đối với các thiên tai.

Khung hành động giảm nhẹ rủi ro thiên tai (Sendai Framework for Disaster Risk Reduction 2015 - 2030) sau năm 2015 được thông qua tại Hội nghị toàn cầu lần thứ 3 của Liên Hiệp Quốc về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, được tổ chức từ ngày 14-18/3/2015 tại Sendai, Miyagi, Nhật Bản. Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đề ra mục tiêu phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai thông qua thực hiện các biện pháp lồng ghép và theo tiếp cận bình đẳng, bao trùm, gồm thể chế, luật pháp, y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường, công nghệ,... để giảm nhẹ tiếp xúc với hiểm họa và tình trạng dễ bị tổn thương và tăng khả năng dự phòng ứng phó, phục hồi và nhờ đó tăng tính chống chịu. Trong 7 chỉ tiêu của Khung Sendai, có chỉ tiêu liên quan đến giáo dục là đến

năm 2030, giảm đáng kể thiệt hại có thể làm gián đoạn dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục bao gồm tăng cường tính chống chịu của các cơ sở này. Khung Sendai đề ra 4 ưu tiên hành động:

- + Hiểu biết về rủi ro thiên tai;
- + Tăng cường công tác quản trị để quản lý rủi ro thiên tai;
- + Đầu tư vào giảm nhẹ rủi ro thiên tai nhằm tăng cường khả năng chống chịu;
- + Tăng cường khả năng sẵn sàng để ứng phó hiệu quả và “Xây dựng lại tốt hơn” trong công tác phục hồi và tái thiết.

❖ Hội nghị chống BĐKH thế giới (COP) từ COP21 đến COP29 với mục tiêu Net Zero ở nước ta

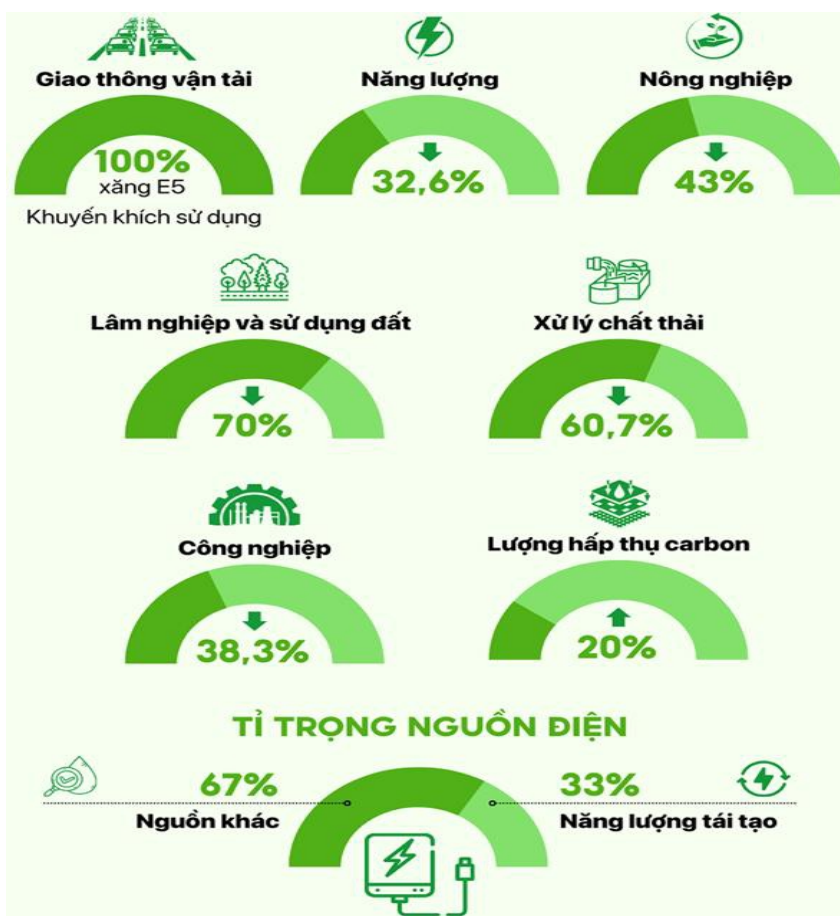
COP21 diễn ra tháng 12 năm 2015 tại Pháp gồm 195 quốc gia đã đồng thuận thông qua Hiệp định mới về chống BĐKH thế giới. Mục tiêu của bản thỏa thuận lần này là thúc đẩy các quốc gia cam kết và thực thi việc giảm mạnh hơn nữa lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng lớn của BĐKH và nước ta đã thể hiện tuyên bố mạnh mẽ việc thực hiện cắt giảm lượng khí thải, nỗ lực thực hiện quy định về cơ chế giám sát nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch trong thực hiện và hỗ trợ các hành động ứng phó BĐKH đồng thời đảm bảo đóng góp của mỗi bên là

nỗ lực cao nhất, phù hợp với điều kiện và trách nhiệm phát thải khí nhà kính tương ứng.

Tiếp nối thành công của COP21 ở Paris, hội nghị chống BĐKH toàn cầu COP26 tổ chức tháng 11 năm 2021 tại Glasgow, Vương Quốc Anh đã đặt mục tiêu đưa phát thải ròng toàn cầu về "0" (gọi là NetZero) vào giữa thế kỷ này để giữ cho nhiệt độ Trái Đất tăng không quá $1,5^{\circ}\text{C}$.

Tại Hội nghị này, nước ta đã tuyên bố cam kết đẩy mạnh giảm phát thải

khí nhà kính góp phần giải quyết khủng hoảng khí hậu để đạt mục tiêu của Thỏa thuận Paris bằng cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Ngay sau Hội nghị, tháng 12 năm 2021, nước ta đã thành lập Ban chỉ đạo quốc gia triển khai cam kết tại COP26 và tháng 7 năm 2022 phê duyệt đề án triển khai COP26. Mục tiêu hành động hướng tới NetZero vào năm 2050 ở nước ta thể hiện qua mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính như sơ đồ Hình 1.11



Hình 1. 11 Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của nước ta

Hội nghị COP27 đánh dấu bước tiến quan trọng khi các quốc gia đã đồng thuận thành lập Quỹ “Mất mát và Thiệt hại” nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển – những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu nhưng đóng góp rất ít vào tổng phát thải toàn cầu. Tại Hội nghị này, Việt Nam tái khẳng định cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu hợp tác quốc tế, đặc biệt là tài chính, công nghệ và nâng cao năng lực để thực hiện các cam kết một cách thực chất. Việt Nam cũng tiếp tục đóng góp vào sáng kiến cắt giảm khí metan và thúc đẩy công bằng khí hậu, phù hợp với điều kiện phát triển và khả năng thích ứng trong nước.

Hội nghị COP28 tổ chức tháng 12 năm 2023 tại Dubai, Các Tiểu vương

quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đã đưa ra các mục tiêu toàn cầu có tính đột phá như: tăng gấp ba sản lượng năng lượng tái tạo, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, lồng ghép các vấn đề sức khỏe, hệ thống thực phẩm và bình đẳng giới vào hành động khí hậu. Đây cũng là lần đầu tiên các bên thống nhất đưa ra nội dung đánh giá toàn cầu tiến độ thực hiện Thỏa thuận Paris (Global Stocktake). Tại hội nghị này, Việt Nam tiếp tục thể hiện cam kết mạnh mẽ trong giảm phát thải khí nhà kính, tích cực tham gia sáng kiến toàn cầu về năng lượng và khí hậu, đồng thời kêu gọi sự hỗ trợ từ các quốc gia phát triển nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, hiệu quả và bền vững. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tham dự và có bài phát





biểu quan trọng khẳng định quyết tâm chính trị cao của Việt Nam trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu Net Zero.

Hội nghị COP29 tổ chức tháng 11 năm 2024 tại Baku, Azerbaijan đã tập trung vào việc xây dựng khung tài chính khí hậu toàn cầu mới sau năm 2025 (gọi tắt là NCQG), hướng tới mục tiêu huy động hàng nghìn tỷ USD để hỗ trợ các quốc gia đang phát triển trong giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, hội nghị cũng hoàn tất các hướng dẫn kỹ thuật cho cơ chế thị trường carbon toàn cầu theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris, tạo cơ hội cho Việt Nam và các nước khác tham gia trao đổi tín chỉ carbon minh bạch, hiệu quả. Tại đây, Việt Nam nhấn mạnh quan điểm tài chính khí hậu phải được phân bổ công bằng, minh bạch giữa giảm nhẹ và thích ứng; đồng thời cam kết cập nhật các đóng góp quốc gia (NDC) với mức độ tham vọng cao hơn, phù hợp với tiến trình đánh giá toàn cầu và yêu cầu cấp thiết của cuộc khủng hoảng khí hậu.

❖ **Hiệp định ASEAN về quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp**

Vào tháng 07/2005, Hiệp định ASEAN về quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp (AADMER) của Hiệp hội các

quốc gia Đông Nam Á chính thức có hiệu lực, sau khi được 10 nước thành viên trong khối phê chuẩn. AADMER đã thiết lập một khung quản lý thiên tai của khu vực. Cơ chế đó bao gồm các điều khoản:

- + Phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai;
- + Xác định, giám sát và đánh giá rủi ro thiên tai;
- + Chuẩn bị ứng phó thiên tai;
- + Ứng phó thiên tai;
- + Khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai;
- + Hợp tác và nghiên cứu cơ chế hợp tác, đơn giản hóa thủ tục hải quan và thủ tục xuất, nhập cảnh.

❖ **Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững - Agenda 2030**

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua tại kỳ họp lần thứ 70 diễn ra từ ngày 25-27/9/2015 tại New York, Hoa Kỳ. Đây là một kế hoạch hành động vì con người, hành tinh và sự thịnh vượng. Chương trình nghị sự 2030 nêu 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể nhằm bảo đảm cho quá trình hội nhập và liên kết giữa các quốc gia trên thế giới, trong đó có hai mục tiêu



quan trọng có liên quan đến nội dung phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH trong ngành giáo dục:

- + Mục tiêu 12 về Tiêu dùng và Sản xuất có trách nhiệm. Chỉ tiêu 12.8: Đến năm 2030, bảo đảm mọi người ở khắp mọi nơi có thông tin và nhận thức liên quan về phát triển bền vững và phong cách sống hài hòa với thiên nhiên;

- + Mục tiêu 13 về Giảm nhẹ tác động của BĐKH. Chỉ tiêu 13.3: Cải thiện giáo dục, nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực con người và năng lực thể chế về giảm thiểu, thích nghi với BĐKH, giảm tác động và cảnh báo sớm.

Với phương châm "Không ai bị bỏ lại phía sau", mục tiêu được đề ra nhằm phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục là "Bảo đảm giáo dục hòa nhập, chất lượng, công bằng và thúc đẩy tất cả những cơ hội học tập suốt đời cho mọi người". Bằng việc mở rộng tiếp cận tất cả các cấp giáo dục, mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu về giáo dục (SDG 4) định hướng nhiều hơn về mặt kĩ năng của người học như:

- + Đổi mới chú trọng vào việc tiếp thu hiệu quả các kĩ năng nền tảng;

- + Tập trung vào tính liên quan

giữa học tập với việc tìm được công việc tốt;

- + Tập trung mới vào tính liên quan giữa việc học tập đối với đời sống xã hội và công dân.

Giữa tháng 5/2017, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững nhằm mục tiêu chung:

"Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với BĐKH; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững." (Theo Quyết định số 622/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững).

1.2.2 Các căn cứ trong nước thực hiện giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Nước ta đã xây dựng các căn cứ pháp lí để triển khai thực hiện giáo



dục phát triển bền vững, phòng chống PCTT và ĐBKH như:

Luật PCTT ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đề điều được Quốc hội sửa đổi năm 2020; Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH, ngày 02 tháng 8 năm 2023 về Luật PCTT;

Quyết định số 622/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia vì sự phát triển bền vững vào giữa năm 2017 của Chính phủ thực hiện Chương trình nghị sự 2030 là cơ sở pháp lý đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động giáo dục vì phát triển bền vững, ứng phó với ĐBKH và PCTT theo tinh thần các mục tiêu số 13 đến 17; Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030";

Nghị quyết Số 76/NQ-CP của Chính phủ, ngày 18 tháng 6 năm 2018, về công tác PCTT chỉ rõ Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo, tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức cho đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về PCTT, ứng phó với ĐBKH; đào tạo kiến thức, phổ biến kỹ năng về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với ĐBKH trong trường học, nhất là cấp tiểu học và trung học cơ sở từ năm 2020. Chỉ đạo xây dựng

phương án đảm bảo an toàn cho học sinh, thiết bị, dụng cụ học tập và cơ sở hạ tầng giáo dục khi xảy ra tình huống thiên tai, đặc biệt là bão, mưa lũ, rét đậm, rét hại; đầu tư xây dựng trường học kết hợp điểm sơ tán dân đảm bảo yêu cầu an toàn khi xảy ra thiên tai.

Quyết định số 5523/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2014, Phê duyệt Khung kiến thức, kỹ năng, thái độ về giáo dục ứng phó với ĐBKH và PCTT trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Quyết định số 3162/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành kế hoạch PCTT Bộ GD&ĐT giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu là tăng cường quản lý nhà nước về PCTT, nâng cao năng lực, tính chủ động của toàn ngành Giáo dục trong PCTT; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trang bị kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo, người học và người lao động; xây dựng tiêu chuẩn, qui chuẩn đảm bảo an toàn trước thiên tai đối với trường, lớp học; huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực; tăng cường hợp tác quốc tế để PCTT trong ngành Giáo dục nhằm hạn chế sự thiệt hại về người và tài sản, giảm thiểu sự gián đoạn các hoạt động dạy - học, góp phần phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội và bảo đảm an



ninh, quốc phòng; bảo đảm thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục gắn kết với công tác PCTT;

Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030 yêu cầu tư vấn, giáo dục kiến thức, kỹ năng về an toàn trong môi trường nước cho trẻ em, phòng, chống đuối nước trong thiên tai, bão lũ. Triển khai lồng ghép công tác phòng, chống đuối nước trẻ em trong PCTT, bão lũ.

Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên với mục tiêu giáo dục kiến thức, kỹ năng ứng phó với thảm họa, thiên tai; phòng, chống ngã, va đập, điện giật và một số loại hình tai nạn thương tích thường gặp khác và giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó với thảm họa, thiên tai, phòng, chống tai nạn thương tích khác như ngã, va đập, điện giật, bỏng, ngộ độc, động vật tấn công. Trong Thông tư cũng quy định cụ thể tiêu chí về trường học an toàn thể hiện cụ thể về

PCTT là có tổ chức truyền thông, giáo dục cho người học và xây dựng phương án ứng phó, thực hành diễn tập đối với các tình huống cháy nổ, thiên tai, thời tiết khắc nghiệt và các loại hình thương tích thường xảy ra tại địa phương, nhà trường.

Ngày 5 tháng 1 năm 2024, Bộ GD&ĐT tạo cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký kết văn bản thống nhất cùng triển khai thực hiện “Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong ngành Giáo dục và Đào tạo giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ GD&ĐT, giai đoạn 2024 - 2029”. Mục đích của chương trình là tăng cường phối hợp giữa hai Bộ nhằm nâng cao nhận thức, năng lực về PCTT cho HS và đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, góp phần xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai. Trong đó có mục tiêu từ năm 2024-2026 tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ trung ương đến địa phương; chuẩn hóa chương trình, hệ thống tài liệu hướng dẫn tích hợp, lồng ghép kiến thức PCTT vào chương trình giảng dạy các cấp.

Tóm lại, các văn bản pháp lý và chính sách giáo dục cũng đặt ra yêu cầu tích hợp giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH trong nhà trường.

Những chính sách này khẳng định giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là nhiệm vụ trọng tâm trong giáo dục phổ thông, nhằm giúp học sinh có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để ứng phó với những thách thức môi trường trong tương lai. Mục tiêu tích hợp giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH vào trường phổ thông

1.2.2.1 Chương trình giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH

Bộ GDĐT ban hành các văn bản yêu cầu giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đưa kiến thức cơ bản về ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào trong các chương trình, bậc giáo dục, đào tạo các cấp; xây dựng các chương trình đào tạo; phát triển và có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các chuyên ngành liên quan đến thích ứng với BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện sáng kiến trường học an toàn, các hoạt động PCTT và ứng phó với BĐKH lấy trẻ em làm trọng tâm. Đưa kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, PCTT và ứng phó với BĐKH vào trong chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học; xây dựng các chương trình đào tạo; phát triển và có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất

lượng cao các chuyên ngành liên quan đến thích ứng với BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính.



Bộ GDĐT đã ban hành Khung kiến thức, kỹ năng, thái độ về giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học, THCS và THPT. Khung thể hiện mục tiêu và các kiến thức, kỹ năng, thái độ về PCTT và ứng phó với BĐKH mà HS cần hình thành trong nhà trường. Trong đó mục tiêu của từng phần trong Khung là:

- Kiến thức cơ bản về các dạng thảm họa, thiên tai và tác động của BĐKH thường xảy ra, dấu hiệu, nguyên nhân, hậu quả và cách thức ứng phó với BĐKH và PCTT;

- Kỹ năng cần thiết trong việc thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin, tư duy và ra quyết định hành động liên quan đến PCTT và ứng phó với BĐKH;

- Thái độ mà HS cần có đối với môi trường xung quanh và các hoạt động PCTT và ứng phó với BĐKH, giúp HS biết được sự cần thiết, mối quan tâm, vai trò và trách nhiệm của mình và



cộng đồng trong PCTT và ứng phó với BDKH.

Đối với từng cấp học, bậc học thể hiện một số nội dung như bảng sau:

Bảng 1. 3 Khung kiến thức, kỹ năng, thái độ về giáo dục PCCT và ứng phó với BDKH đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học, THCS và THPT

Cấp/ bậc học	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Nêu được một số khái niệm đơn giản, dấu hiệu nhận biết về các dạng thiên tai và ảnh hưởng của BDKH thường xảy ra tại địa phương. - Mô tả được nguyên nhân cơ bản và các thiệt hại do BDKH và thiên tai gây ra nơi em sống và học tập. - Mô tả được một số việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân, gia đình và nhà trường, như: Dấu hiệu hệ thống cảnh báo sớm; Một số đặc điểm cơ sở hạ tầng và quy định của nhà trường trong việc ứng phó với thiên tai; Tên bố mẹ, số điện thoại cần thiết, địa chỉ nhà ở; Sự chỉ dẫn của người lớn. - Chỉ ra được giá trị của môi trường thiên nhiên, mối quan hệ giữa con người, cộng đồng và môi trường xung quanh.	- Có khả năng nhận biết, phân biệt các dạng rủi ro thiên tai và mức độ nguy hiểm của chúng tại địa phương. - Có thể làm được một số việc cụ thể như biết chú ý tới hệ thống cảnh báo sớm, hỏi lại thông tin cần thiết, nhớ tên bố mẹ, số điện thoại cần thiết... nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng. - Bước đầu có khả năng về sơ cứu, sơ tán và hỗ trợ người khác khi thiên tai xảy ra. - Bước đầu có khả năng hợp tác với các bạn và người khác trong PCTT và ứng phó với BDKH. - Bước đầu có thể chia sẻ và thông cảm với những người dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng bởi BDKH và thiên tai.	- Có ý thức chấp hành các quy định và trình tự để đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra. - Có ý thức lắng nghe người lớn trong việc PCTT và ứng phó với BDKH. - Có tinh thần đoàn kết, thông cảm, chia sẻ và quan tâm tới bạn bè, gia đình và những người bị thiên tai đe dọa và ảnh hưởng. - Thể hiện ý thức tiết kiệm, giảm thiểu và tái sử dụng nguyên liệu góp phần bảo vệ môi trường và giảm tác động của BDKH. - Cảm nhận được vẻ đẹp và tính dễ bị tổn thương của thiên nhiên, có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường thiên nhiên.
THCS	- Nêu được các khái niệm cơ bản về ứng phó với BDKH và PCTT, tính dễ bị tổn thương, tính chống chịu của cộng đồng. - Kể tên được các dạng thiên tai, vị trí và thời điểm các thiên tai này thường xảy ra trong địa phương, quốc gia và thế giới.	- Tiếp nhận, xử lý được thông tin về ứng phó với BDKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại địa phương và quốc gia. - Mô tả, truyền đạt được thông tin, kiến thức và các giải pháp ứng phó với BDKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	- Có ý thức tôn trọng các ý kiến về PCTT và ứng phó với BDKH. - Có ý thức tôn trọng và chấp hành những quy định và trình tự để đảm bảo an toàn trong PCTT và ứng phó với BDKH. - Thể hiện sự tôn trọng môi trường thiên nhiên,



Cấp/ bậc học	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	- Mô tả được nguyên nhân và những yếu tố làm gia tăng rủi ro thiên tai, BĐKH, mức độ dễ bị tổn thương và những rủi ro này có thể được giảm nhẹ nhờ sự can thiệp và khả năng chống chịu của cộng đồng. - Bước đầu xác định được mức độ ảnh hưởng của BĐKH và thiên tai, hậu quả của chúng cũng như các nhóm người dễ bị tổn thương trong đó có người khuyết tật khi thiên tai xảy ra. - Bước đầu nhận biết được các giải pháp trong ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai như: Sử dụng hệ thống cảnh báo sớm; Sử dụng sơ đồ hiểm họa, sơ tán, dự báo...; Chú ý đặc điểm cơ sở hạ tầng và tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. - Nêu được quyền, vai trò, trách nhiệm, khả năng của bản thân, mọi người để hành động trong việc PCTT và ứng phó với BĐKH, đặc biệt là vai trò của phụ nữ.	- Phản ứng kịp thời, phù hợp với thay đổi của môi trường, khí hậu nhằm giảm thiểu các ảnh hưởng của thiên tai và BĐKH tại địa phương, quốc gia. - Áp dụng được các giải pháp an toàn trong việc ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại địa phương, quốc gia như: Phản ứng phù hợp khi có cảnh báo sớm; Xây dựng và sử dụng sơ đồ hiểm họa; Làm theo lệnh sơ tán và quy định của địa phương; Thực hành diễn tập ứng phó, thích ứng với BĐKH và thảm họa, thiên tai. Sơ cứu và phục hồi sức khỏe cho người bị nạn khi thiên tai xảy ra. - Hợp tác tham gia, tổ chức các cuộc thảo luận và các hoạt động tuyên truyền với bạn bè, trao đổi với thầy cô giáo và các thành viên gia đình và cộng đồng về PCTT và ứng phó với BĐKH, tham gia thực hành diễn tập và thực hành 3R (Reduce, reuse, recycle): giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế nguyên liệu.	- ứng xử thân thiện với môi trường, có ý thức mong muốn gìn giữ, bảo vệ thiên nhiên. - Có ý thức quan tâm, thông cảm, chia sẻ giúp đỡ với những người dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng bởi BĐKH và thiên tai. - Có tinh thần, thái độ hợp tác, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm đồng thời tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tình nguyện trong cộng đồng nhằm PCTT và ứng phó với BĐKH. - Thể hiện ý thức thực hành tiết kiệm, giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế nguyên liệu, góp phần bảo vệ môi trường và giảm tác động của BĐKH.
THPT	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, tính dễ bị tổn thương, tính chống chịu. - Giải thích được các dạng thiên tai, vị trí và thời điểm các thiên tai này thường xảy ra tại địa phương và quốc gia,	- Tiếp nhận, xử lý được thông tin về ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại địa phương, quốc gia và thế giới. - Mô tả, truyền đạt được thông tin, kiến thức và các giải pháp ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	- Tôn trọng ý kiến, sự đóng góp của người khác về PCTT và ứng phó với BĐKH. - Tôn trọng và chấp hành những quy định và trình tự để đảm bảo an toàn trong PCTT và ứng phó với BĐKH. - Thể hiện sự tôn trọng



Cấp/ bậc học	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	khu vực, thế giới. - Phân tích được nguyên nhân và những yếu tố làm gia tăng BĐKH và rủi ro thiên tai, mức độ dễ bị tổn thương và biết được những rủi ro này có thể được giảm nhẹ nhờ vào can thiệp và khả năng chống chịu của cộng đồng. - Phân tích được tác động của BĐKH, mức độ ảnh hưởng của thiên tai và các nhóm người dễ bị tổn thương (trong đó có người khuyết tật) khi thiên tai xảy ra. - Nhận biết được các giải pháp đảm bảo an toàn trong việc ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, như: Hệ thống cảnh báo sớm; Sơ đồ hiểm họa, sơ tán, dự báo...; Đặc điểm cơ sở hạ tầng và quy định của địa phương, quốc gia. - Nhận thức được Quyền, vai trò, trách nhiệm, khả năng của mình và mọi người để hành động trong PCTT và ứng phó với BĐKH.	- Phán đoán, đánh giá mức độ nguy hiểm của ảnh hưởng BĐKH và thiên tai. - Phản ứng kịp thời, phù hợp với thay đổi của môi trường, khí hậu. - Áp dụng các giải pháp an toàn trong việc ứng phó với BĐKH và phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại địa phương, quốc gia như: Phản ứng phù hợp khi có cảnh báo sớm; Sử dụng sơ đồ hiểm họa, trong đó có lưu ý đặc điểm cơ sở hạ tầng liên quan đến giảm thiểu rủi ro thảm họa, thiên tai. - Làm theo lệnh sơ tán và quy định của địa phương, tham gia vào việc cảnh báo sớm và thực hành diễn tập; Sơ cứu và phục hồi sức khỏe cho người bị nạn khi thiên tai xảy ra. - Tham gia, tổ chức các cuộc thảo luận và các hoạt động tuyên truyền và hợp tác với bạn bè, thầy cô giáo, các thành viên gia đình và cộng đồng về BĐKH, tham gia thực hành diễn tập và thực hành 3R (Reduce, reuse, recycle): giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế nguyên liệu.	môi trường thiên nhiên, ứng xử thân thiện với môi trường, có ý thức và mong muốn gìn giữ, bảo vệ thiên nhiên. - Có ý thức quan tâm, thông cảm và chia sẻ giúp đỡ với những người dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng bởi BĐKH và thiên tai. - Có tinh thần, thái độ hợp tác, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và tích cực, chủ động tham gia tổ chức các hoạt động tình nguyện trong cộng đồng nhằm PCTT và ứng phó với BĐKH. - Có ý thức đối xử công bằng, đoàn kết và có tinh thần tương thân, tương ái với bạn bè trong PCTT và ứng phó với BĐKH. - Thể hiện vai trò tiên phong đối với việc thực hành tiết kiệm, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng nguyên liệu trong gia đình, nhà trường

1.2.2.2 Nội dung PCTT và ứng phó với BĐKH trong chương trình GDPT

Chương trình GDPT 2018 được xây dựng trên nền tảng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

theo tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4 tháng 1 năm 2013, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Một trong những định hướng quan trọng của chương trình là phát triển năng

lực và phẩm chất người học, trong đó có những nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, PCTT và ứng phó với BĐKH. Chương trình GDPT 2018 đặt ra yêu cầu giúp HS hình thành các phẩm chất và năng lực cần thiết để chủ động tìm hiểu, tham gia các hoạt động tuyên truyền, ứng phó với rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. HS không chỉ được trang bị kiến thức nền tảng về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý tài nguyên mà còn được rèn luyện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ những đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai.

a. Phát triển phẩm chất và năng lực HS gắn với giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH

Chương trình GDPT 2018 hướng đến phát triển ở HS năm phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Những phẩm chất này được thể hiện qua các cấp học với các biểu hiện cụ thể gắn liền với giáo dục BĐKH và PCTT.

- **Yêu nước:** HS có ý thức yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường thông qua những hành động cụ thể như tiết kiệm nước, tái chế rác thải (Tiểu học), tham gia hoạt động bảo vệ môi trường (THCS) và vận động cộng đồng cùng

chung tay bảo vệ thiên nhiên (THPT).

- **Nhân ái:** HS biết chia sẻ với những người chịu ảnh hưởng của thiên tai, tham gia hoạt động hỗ trợ, cứu trợ (Tiểu học), chủ động tham gia hoạt động từ thiện (THCS) và vận động cộng đồng cùng hỗ trợ (THPT).

- **Chăm chỉ:** HS tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại trường lớp (Tiểu học), vận dụng kiến thức để bảo vệ môi trường (THCS) và tham gia phục hồi môi trường sau thiên tai (THPT).

- **Trung thực:** HS thể hiện thái độ không đồng tình với các hành vi gây hại môi trường (Tiểu học), tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (THCS) và chủ động tuyên truyền trách nhiệm bảo vệ môi trường (THPT).



- **Trách nhiệm:** HS thực hiện nội quy trường học về bảo vệ môi trường (Tiểu học), tích cực tham gia các chiến

dịch bảo vệ môi trường (THCS) và vận động cộng đồng cùng thực hiện (THPT).

Bên cạnh đó, Chương trình GDPT 2018 cũng hình thành và phát triển cho HS những năng lực chung thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định:

- **Năng lực ngôn ngữ:** Giúp HS nâng cao khả năng đọc hiểu, viết, nói và nghe để tiếp cận, phân tích và truyền tải thông tin về PCTT và ứng phó với BĐKH. HS có thể sử dụng ngôn ngữ để viết bài tuyên truyền, thuyết trình, tranh biện về các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, cũng như đọc hiểu các tài liệu khoa học liên quan.

- **Năng lực toán học:** Giúp HS sử dụng các phương pháp tính toán, phân tích số liệu và mô hình hóa để hiểu rõ hơn về tác động của BĐKH và PCTT. HS có thể áp dụng toán học để phân tích xu hướng thời tiết, dự báo thiên tai, cũng như đánh giá hiệu quả của các biện pháp ứng phó và bảo vệ môi trường.

- **Năng lực khoa học:** Giúp HS nhận thức khoa học, tìm hiểu và vận dụng các nguyên lý khoa học vào việc bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai.

- **Năng lực công nghệ:** Giúp HS nhận thức, sử dụng và đánh giá công nghệ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của BĐKH.

- **Năng lực tin học:** Hỗ trợ HS sử dụng công nghệ thông tin để thu thập, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến môi trường và thiên tai.

- **Năng lực thẩm mỹ:** Góp phần nâng cao ý thức thẩm mỹ trong bảo vệ thiên nhiên, sáng tạo các sản phẩm truyền thông về PCTT và ứng phó với BĐKH.

- **Năng lực thể chất:** Giúp HS có sức khỏe tốt để tham gia vào các hoạt động ứng phó thiên tai và bảo vệ môi trường. Việc tích hợp giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH trong các môn



học và hoạt động giáo dục, giúp HS không chỉ phát triển toàn diện mà còn tạo điều kiện để trở thành công dân có trách nhiệm và khả năng ứng phó với những thách thức từ thiên nhiên và BĐKH.

b. Các môn học và hoạt động giáo dục cốt lõi tích hợp nội dung giáo dục PCTT và ứng phó với BĐKH

Nội dung chương trình GDPT 2018 liên hệ chặt chẽ với các nội dung giáo dục về PCTT và ứng phó với BĐKH trong nhiều môn học và hoạt động giáo dục, trong đó các nội dung giáo dục đã đóng vai trò cốt lõi như:

- **Giáo dục công dân:** Giúp HS hình thành ý thức trách nhiệm với môi trường, hiểu biết về pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và BĐKH.

- **Giáo dục công nghệ:** Hỗ trợ HS phát triển năng lực công nghệ để áp dụng vào các giải pháp bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và hướng tới phát triển bền vững.

- **Giáo dục khoa học xã hội:** Cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường, nâng cao tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của BĐKH và thiên tai.

- Giáo dục khoa học tự nhiên:

Giúp HS hiểu và tôn trọng các quy luật tự nhiên, từ đó biết cách ứng xử phù hợp với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.

- **Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp:** Tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, huy động tổng hợp kiến thức từ các môn học khác để giải quyết vấn đề thực tiễn, trong đó có các vấn đề liên quan đến môi trường, PCTT và ứng phó với BĐKH.



Chương trình GDPT 2018 đã thể hiện rõ định hướng giáo dục toàn diện, không chỉ giúp HS phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết mà còn tích hợp nhiều nội dung liên quan đến PCTT và ứng phó với BĐKH một cách có hệ thống. Sự tích hợp này không chỉ giúp HS có kiến thức và kỹ năng ứng phó với các thách thức môi trường mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân và cộng đồng



trong việc bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững.

1.2.2.3 Quy định về xây dựng Trường học an toàn

Một trong những nội dung liên quan đến giải pháp PCTT và ứng phó với BĐKH trong nhà trường là xây dựng trường học an toàn để thực hiện kế hoạch hành động đảm bảo an toàn cho người học, GV, cán bộ quản lý và nhân viên trong nhà trường. Các trường cần rà soát, bổ sung các tiêu chuẩn xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng; ban hành các quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình trong các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Trường học an toàn trước thiên tai là môi trường giáo dục có đủ điều kiện để bảo đảm an toàn cho HS và những người đang làm việc trong trường, an toàn đối với cơ sở vật chất phục vụ dạy và học trong mọi điều kiện của thiên tai. Đó là trường học có vị trí quy hoạch xây dựng an toàn, được thiết kế xây dựng theo quy chuẩn phù hợp, có khả năng giảm xuống mức thấp nhất các rủi ro thiên tai liên quan cơ sở vật chất, có các thiết bị và phương tiện giúp trường ứng phó được với nhiều loại thiên tai.

Vấn đề xây dựng trường học an toàn, chống chịu và giảm nhẹ tác động thiên tai từ nhiều năm qua đã được các tổ chức quốc tế và các nước quan tâm, nghiên cứu, nhất là trong bối cảnh BĐKH toàn cầu hiện nay. Ở nước ta, Bộ GDĐT đã ban hành thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT12, ngày 26 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên là định hướng quan trọng trong thực hiện mục tiêu giáo dục kiến thức, kỹ năng ứng phó với thảm họa, thiên tai. Nội dung thông tư nhấn mạnh xây dựng trường học an toàn thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ môi trường, ứng phó với thảm họa, thiên tai. Hoạt động trong nhà trường được đánh giá thông qua các tiêu chí cụ thể để xây dựng trường học an toàn như có tổ chức truyền thông, giáo dục cho người học và xây dựng phương án ứng phó, thực hành diễn tập đối với các tình huống cháy nổ, thiên tai, thời tiết khắc nghiệt,... xảy ra tại địa phương, nhà trường.

CHƯƠNG 2:

CƠ HỘI VÀ ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1. MỤC TIÊU, CƠ HỘI TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1.1. Mục tiêu tích hợp giáo dục PCTT và ỨPVBDKH trong môn GD CD

BĐKH đang là một trong những thách thức lớn nhất của thế kỷ 21, tác động nghiêm trọng đến môi trường, kinh tế và đời sống con người. Cùng với đó, thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất ngày càng diễn biến phức tạp, đe dọa sự an toàn và phát triển bền vững của xã hội. Trong bối cảnh đó, GD CD đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cho thế hệ trẻ để ứng phó với các vấn đề môi trường và thiên tai. Mục tiêu tích hợp giáo dục PCTT và ỨPVBDKH trong môn GD CD ở trường phổ thông nhằm đạt được các mục tiêu sau:

Trang bị cho HS những kiến thức cơ bản về PCTT và ỨPVBDKH, giúp HS

nhận thức rõ tác động của những vấn đề này đến môi trường, xã hội và cuộc sống cá nhân. Đồng thời, xây dựng hiểu biết về các chính sách và quy định pháp luật liên quan.

Phát triển ở HS thái độ sống có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết, ý thức pháp luật và đạo đức công dân trong các tình huống ứng phó khẩn cấp.



Rèn luyện cho HS các kỹ năng ứng phó với PCTT và ỨPVBDKH, từ việc xây dựng kế hoạch hành động đến thực hành kỹ năng sống phù hợp, đồng thời khuyến khích tham gia các hoạt động cộng đồng.

Giúp HS áp dụng lý thuyết vào các



tình huống thực tế, thông qua việc tham gia các hoạt động xã hội liên quan đến PCTT và UPVBĐKH, từ đó phát triển năng lực cần thiết trong bối cảnh môi trường đang thay đổi.

Nuôi dưỡng ý thức xây dựng xã hội xanh, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời định hướng HS trở thành những công dân có trách nhiệm, bảo vệ tương lai bền vững của hành tinh.

2.1.2. Cơ hội tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD

2.1.2.1. Cơ hội tích hợp trong mục tiêu của môn GD CD

- Trong Chương trình GDPT, GD CD là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân.

- Tên môn học: Tên môn học GD CD ở tiểu học là Đạo đức, ở trung học cơ sở là GD CD, ở trung học phổ thông là Giáo dục kinh tế và pháp luật (GD KT&PL).

- Nội dung môn GD CD được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9), nội dung chủ yếu của môn học là giáo dục đạo đức, kỹ năng

sống, pháp luật và kinh tế, bảo đảm tất cả HS được giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12), nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của HS; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, những HS có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, GD CD, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật, Công an,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

- Mục tiêu của môn GD CD: Góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân

ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới. Mục tiêu chung này được cụ thể hóa ở các cấp học:

Cấp Tiểu học

Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ,

hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

Cấp trung học cơ sở

Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có



trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác;



tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

Cấp trung học phổ thông

Giúp HS tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để góp phần bảo vệ, xây dựng Tổ quốc; tôn trọng quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng

tiêu cực trong xã hội.

Giúp HS củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kĩ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Từ mục tiêu của môn GD CD được quy định trong Chương trình GDPT, nội dung PCTT và UPVBĐKHKT có thể được tích hợp như sau:

Cấp tiểu học: Giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường, thông qua các



hoạt động tìm hiểu về thiên nhiên và hậu quả của biến đổi khí hậu. Khuyến khích HS tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường tại gia đình và trường học, hình thành lối sống xanh, yêu thiên nhiên.

Cấp THCS: Lồng ghép nội dung về PCTT và ŰPVBDKHT vào các bài học về trách nhiệm cá nhân đối với môi trường sống. Tập trung xây dựng kỹ năng sống, như ứng phó khẩn cấp trong các tình huống thiên tai, nhằm tăng cường nhận thức và kỹ năng thực tế để bảo vệ bản thân và cộng đồng.

Cấp THPT: Đưa nội dung PCTT và ŰPVBDKHT vào các bài học về giáo dục kinh tế và pháp luật, như hiểu biết về chính sách phát triển bền vững, các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Khuyến khích HS phân tích tình huống thực tiễn về vai trò công dân trong việc ứng phó với các thách thức thiên nhiên và bảo vệ tài nguyên quốc gia.

Những nội dung PCTT và ŰPVBDKHT được tích hợp vào chương trình không chỉ phù hợp với mục tiêu hình thành năng lực công dân mà còn hỗ trợ HS phát triển ý thức và hành vi tích cực để đối mặt với những thách thức toàn cầu.

2.1.2.2. Cơ hội tích hợp trong các yêu cầu cần đạt của môn GD CD

- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất:

Môn GD CD có mục tiêu chủ yếu là hình thành, phát triển cho HS 5 phẩm chất đạo: đức yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đây là những phẩm chất đã được xác định trong chương trình Tổng thể, do đó, khác với nhiều môn học và hoạt động giáo dục, môn GD CD phải góp phần giáo dục toàn diện cả 5 phẩm chất chủ yếu trên.

- Yêu cầu cần đạt về năng lực:

Môn GD CD hình thành, phát triển cho HS các năng lực: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội. Các năng lực này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung đã nêu trong chương trình Tổng thể.

Yêu cầu cần đạt về năng lực của môn GD CD được quy định cụ thể trong Chương trình môn GD CD như sau:

Năng lực điều chỉnh hành vi là năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật; đánh giá hành vi ứng xử của bản thân và người khác; từ đó có cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

Năng lực phát triển bản thân là năng lực tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản



thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội là năng lực nhận thức các hiện tượng kinh tế - xã hội và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, lao động sản xuất phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

Từ các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong môn GDCC, có thể nhận thấy cơ hội để tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKHT vào môn học như sau:

Phẩm chất yêu nước: Giáo dục HS ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ quê hương và đất nước khỏi tác động tiêu cực của BĐKH và thiên tai.

Phẩm chất trách nhiệm: Rèn luyện cho HS ý thức trách nhiệm trong việc giảm thiểu các hành vi gây hại cho môi trường, chủ động tham gia các hoạt động phòng ngừa và ứng phó thiên tai tại địa phương.

Năng lực điều chỉnh hành vi: Hướng dẫn HS đánh giá các hành vi tác động tiêu cực đến môi trường, từ đó điều chỉnh hành vi sống thân thiện với môi trường, phù hợp với chuẩn

mực đạo đức và pháp luật.

Năng lực phát triển bản thân: Khuyến khích HS lập kế hoạch phát triển các thói quen và hành vi bền vững như sử dụng năng lượng hiệu quả, phân loại rác, chăm sóc cây xanh, góp phần giảm thiểu tác động của BĐKH.

Năng lực tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tạo cơ hội để HS tham gia các dự án cộng đồng liên quan đến bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, qua đó nâng cao nhận thức và kỹ năng thực tiễn về các thách thức toàn cầu.

Những nội dung PCTT và UPVBĐKHT được tích hợp vào Chương trình giúp kết nối giáo dục đạo đức, pháp luật với các vấn đề thực tiễn, tăng cường ý thức và năng lực hành động của HS trước các vấn đề môi trường, BĐKH và thiên tai.

2.1.2.3. Cơ hội tích hợp trong nội dung giáo dục của môn GDCC

- Chương trình GDPT quy định kế hoạch giáo dục đối với môn GDCC như sau:

Môn Đạo đức (cấp tiểu học) và GDCC (cấp trung học cơ sở) là môn học bắt buộc, tổng thời lượng dành cho mỗi môn học này là 35 tiết/năm học;



Môn GD KT&PL (cấp THPT) là môn học được lựa chọn, tổng thời lượng dành cho môn học này là 70 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HS được học thêm 3 chuyên đề/năm học với tổng thời lượng cho cả 3 chuyên đề là 35 tiết.

- Chương trình GDPT định hướng về nội dung giáo dục trong môn GDCD như sau:

Nội dung chủ yếu của môn GDCD là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Các nội dung giáo dục này phát triển xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân, với người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và môi trường tự nhiên; được xây dựng trên cơ sở kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và toàn cầu.

Nội dung giáo dục của môn học được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: Môn Đạo đức (cấp tiểu học) và môn GDCD (cấp THCS) là những môn học bắt buộc. Nội dung các môn học này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập,

sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Môn GD KT&PL (cấp THPT) là môn học lựa chọn, dành cho những HS định hướng theo học các ngành nghề. Nội dung chủ yếu của môn học là học văn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của HS; gắn kết với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện tốt trách nhiệm công dân.

- Theo định hướng nội dung giáo dục của môn GDCD đã nêu trong chương trình GDPT, đồng thời căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình, môn GDCD xác định 4 mạch nội dung và triển khai các mạch nội dung đó thành các chủ đề học tập ở từng lớp học, các chuyên đề học tập ở cấp trung học phổ thông. Bốn mạch nội dung xuyên suốt 3 cấp học là: Giáo dục đạo đức; Giáo dục kỹ năng sống; Giáo dục pháp luật; Giáo dục kinh tế. Trong đó:

Giáo dục đạo đức là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch nhằm giáo dục HS ý thức, hành



vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Nội dung giáo dục đạo đức gồm 5 giá trị chuẩn mực: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Ở tiểu học, nội dung giáo dục đạo đức chiếm khoảng 55% đến 60% tổng thời lượng dành cho môn Đạo đức. Cấp THCS, nội dung giáo dục đạo đức chiếm khoảng 35% tổng thời lượng dành cho cả chương trình môn GDCD. Ở cấp THPT, giáo dục đạo đức được lồng ghép trong các nội dung giáo dục kinh tế và pháp luật, chủ yếu giáo dục nhận thức, tình cảm, niềm tin, bản lĩnh để học tập và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân.

Giáo dục kỹ năng sống là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch để hình thành cho người học những hành động tích cực, hành vi lành mạnh, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật để tự bảo vệ, phát triển bản thân và duy trì, phát triển mối quan hệ hoà hợp với người khác, đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân mỗi cá nhân.

Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu quan trọng để hình thành nhân cách con người hiện đại, góp phần tạo ra năng lực giúp con người sống an toàn,

lành mạnh và có chất lượng trong bối cảnh cuộc sống với nhiều thách thức do sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp và hết sức đa dạng của xã hội. Trong môn GDCD, giáo dục kỹ năng sống tập trung vào hình thành hành động tích cực, hành vi lành mạnh phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. Nội dung giáo dục kỹ năng sống trong môn GDCD được thiết kế gồm 2 mạch nội dung cần thiết là giáo dục kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và kỹ năng tự bảo vệ. Các nội dung này chiếm khoảng 25% đến 30% tổng thời lượng ở cấp tiểu học, khoảng 20% tổng thời lượng ở cấp THCS và được lồng ghép trong các chủ đề giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật ở cấp THPT.

Giáo dục pháp luật là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch giúp HS có ý thức, hành vi phù hợp với quy định của pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về pháp luật, đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Ở cả 3 cấp học, giáo dục pháp luật gồm các mạch nội dung: chuẩn mực hành vi pháp luật, quyền và nghĩa vụ công dân, hệ thống chính trị và pháp luật. Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục



pháp luật chú trọng vào chuẩn mực hành vi pháp luật. Ở cấp THCS, nội dung giáo dục pháp luật là quyền và nghĩa vụ công dân. Ở cấp THPT thực hiện cả 3 nội dung. Nội dung giáo dục pháp luật được thiết kế ở cấp tiểu học chiếm khoảng 10%, cấp THCS chiếm 25% và ở cấp THPT 50% tổng thời lượng môn học.

Giáo dục kinh tế là quá trình tác động sư phạm có mục đích, có kế hoạch giúp HS có ý thức và hoạt động kinh tế phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật; có tri thức phổ thông, cơ bản, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp về kinh tế đáp ứng nhu cầu phát triển cá nhân và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong lĩnh vực kinh tế.

Ở cả 3 cấp học, giáo dục kinh tế gồm: hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng.

Cấp Tiểu học và cấp THCS chỉ thiết kế một nội dung giáo dục là hoạt động tiêu dùng, chiếm khoảng 10% tổng thời lượng môn học, cấp THPT với 50 % thời lượng dùng để giáo dục cả 4 nội dung: hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng.

Từ những nội dung giáo dục trên, việc tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH vào môn GD CD có thể triển khai như sau:

Giáo dục đạo đức: Lòng ghép ý thức bảo vệ môi trường và trách nhiệm công dân trong các chủ đề đạo đức yêu nước, trách nhiệm và nhân ái. Giúp HS nhận thức tầm quan trọng của hành động bảo vệ môi trường để ứng phó với BĐKH và giảm thiểu những thiệt hại từ thiên tai.

Giáo dục kĩ năng sống: Tăng cường các kĩ năng như quản lí bản thân trước thiên tai, kĩ năng hợp tác khi ứng phó với thiên tai, kĩ năng nhận thức về môi trường sống và khí hậu để đảm bảo an toàn cá nhân và cộng đồng.

Giáo dục pháp luật: Giới thiệu các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, trách nhiệm của công dân với các vấn đề về khí hậu, tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của HS.

Giáo dục kinh tế: Giúp HS hiểu tác động của BĐKH đến kinh tế và học cách tiêu dùng bền vững. Đẩy mạnh nhận thức về vai trò của kinh tế xanh, bền vững.

Những nội dung PCTT và ƯPVBDKH được tích hợp vào

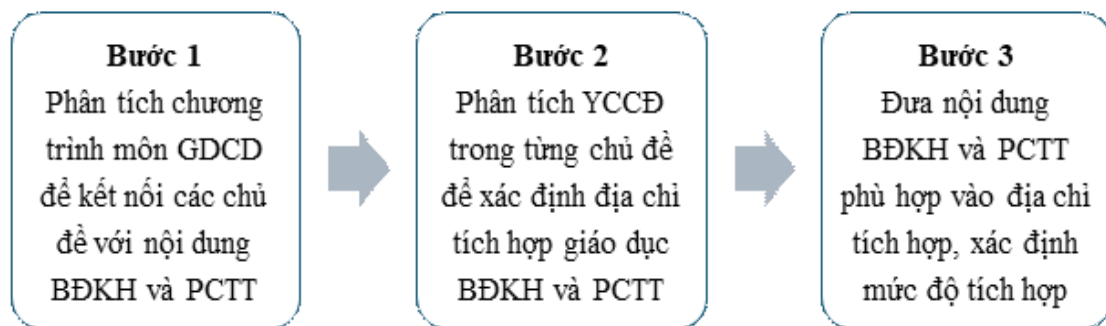
Chương trình môn GD CD cần thiết kế gắn kết với thực tiễn, phù hợp với các cấp học để mang lại hiệu quả giáo dục tối ưu.

2.2. ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.2.1. Tiến trình xác định địa chỉ và nội dung tích hợp giáo dục PCTT

và ƯPVBDKH trong chương trình môn GD CD

Việc tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong môn GD CD cần thực hiện theo tiến trình khoa học, đảm bảo phù hợp với chương trình môn học và năng lực của học sinh. Tiến trình này giúp GV xác định địa chỉ và đưa các nội dung, vấn đề về PCTT và ƯPVBDKH vào các địa chỉ đã xác định một cách hợp lý, không khiến cưỡng, tránh quá tải và nâng cao hiệu quả dạy học.



Hình 2.10. Tiến trình xác định địa chỉ và nội dung tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong dạy học môn GD CD

Bước 1. Phân tích chương trình môn GD CD để kết nối các chủ đề với nội dung PCTT và ƯPVBDKH

GV rà soát chương trình môn GD CD, phân tích yêu cầu cần đạt trong từng chủ đề để nhận diện nội dung tri thức, kĩ năng trong yêu cầu cần đạt có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến BDKH, đến thiên tai và PCTT, đảm bảo

tích hợp không làm ảnh hưởng đến mục tiêu giáo dục. Quá trình này đồng thời giúp duy trì đặc trưng về mặt chuyên môn của môn GD CD, làm rõ tính ứng dụng thực tiễn của tri thức GD CD trong giải quyết vấn đề môi trường, BDKH và thiên tai.

Bước 2: Xác định địa chỉ tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH

trong CT GD CD

Sau khi phân tích chương trình, GV xác định các địa chỉ tích hợp bằng cách tìm ra những chủ đề, những YCCĐ có thể kết nối với nội dung giáo dục PCTT và ƯPVBĐKH. Việc này giúp sử dụng các chủ đề có sẵn để mở rộng nhận thức của HS về các vấn đề BĐKH và thiên tai một cách tự nhiên, không gượng ép.

Các địa chỉ tích hợp có thể xuất hiện theo hai hướng trực tiếp hoặc gián tiếp.

Hướng trực tiếp: Khi nội dung chủ đề hoặc yêu cầu cần đạt của chủ đề có sự trùng khớp rõ ràng, GV có thể sử dụng luôn kiến thức về PCTT và ƯPVBĐKH để thực hiện.

VD: Chủ đề 5. GD CD lớp 8 (mạch giáo dục đạo đức)

Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	– Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.
---	--

Hướng gián tiếp: Khi nội dung chủ đề hoặc yêu cầu cần đạt của chủ đề có mối liên hệ với các vấn đề PCTT và ƯPVBĐKH, GV có thể tạo cơ hội cho HS khám phá mối liên này thông qua ví

dụ, tình huống thực tiễn, liên hệ, thảo luận hoặc làm dự án học tập.

VD: Chủ đề 7. GD CD lớp 9 (mạch giáo dục kỹ năng sống)

Thích ứng với thay đổi	– Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. – Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. – Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. – Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.
------------------------	--



Bước 3: Đưa nội dung PCTT và ÛPVBDKH phù hợp vào địa chỉ tích hợp, xác định mức độ tích hợp

Từ các địa chỉ đã xác định ở bước 2, GV lựa chọn nội dung kiến thức về BBKH và kỹ năng ứng phó, kiến thức về thiên tai và cách PCTT phù hợp để đưa vào địa chỉ tích hợp đó (chủ đề/yêu cầu cần đạt của chủ đề).

- Căn cứ vào mục tiêu của chủ đề, nội dung tích hợp và đặc điểm nhận thức của HS, GV xác định mức độ tích hợp là liên hệ hay bộ phận hay toàn phần.

Tích hợp liên hệ: Nội dung và yêu cầu cần đạt của chủ đề môn GD CD có một số nội dung có thể liên hệ với nội dung và mục tiêu của giáo dục PCTT và ÛPVBDKH. Nếu tích hợp có thể nâng cao hiểu biết, nhận thức của HS về BBKH, cách thức ứng phó với PCTT và ÛPVBDKH mà không làm nặng thêm môn học và thay đổi mục tiêu môn học.

Tích hợp bộ phận: Một phần của nội dung chủ đề GD CD có mục tiêu và nội dung thể hiện sự phù hợp với nội dung và yêu cầu của PCTT và ÛPVBDKH, GV có thiết kế trọn vẹn thành một hoặc nhiều hơn một hoạt động cho HS. Tích hợp bộ phận tạo cơ

hội cho GV bổ sung và làm phong phú các hoạt động học trong một chủ đề/bài học. HS có thêm cơ hội để tìm hiểu và liên kết kiến thức về BBKH, PCTTT với môn GD CD, đồng thời rèn luyện thêm các kỹ năng thích ứng hoặc ứng phó với các vấn đề này trong đời sống.

Tích hợp toàn phần: Mục tiêu và nội dung chủ đề GD CD trùng khớp hoặc hoàn toàn phù hợp với nội dung và yêu cầu cần đạt của giáo dục PCTT và ÛPVBDKH, nói cách khác là PCTT và ÛPVBDKH chính là nội dung cốt lõi của bài học, là mục tiêu kiến thức mà học HS cần học để góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực đặc thù của môn học mà chương trình đã quy định.

Việc xác định đúng mức độ tích hợp giúp GV thiết kế được các hoạt động học phù hợp, tối ưu hóa thời gian dạy học, tránh quá tải chương trình, đồng thời lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp nhằm đạt các yêu cầu của chủ đề.

2.2.2. Minh họa về địa chỉ và nội dung tích hợp giáo dục PCTT và ÛPVBDKH trong chương trình môn GD CD

2.2.2.1. Một số minh họa trong môn Đạo đức cấp Tiểu học



TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
ĐẠO ĐỨC LỚP 2				
1	CD 2. Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	YCCĐ 3. Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai	- Hậu quả của thiên tai và BĐKH đối với các khu vực bị ảnh hưởng (như mất mát nhà cửa, trường học, thiếu lương thực, nước sạch), - Cách tham gia các hoạt động PCTT tại địa phương, cách ứng phó để hỗ trợ cộng đồng trong các tình huống khẩn cấp	Bộ phận
2	CD7. Tìm kiếm sự hỗ trợ	YCCĐ 1. Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ. YCCĐ 3. Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	Tích hợp các tình huống liên quan đến PCTT và UPVBĐKH, như khi đối mặt với thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão) hoặc những ảnh hưởng của BĐKH (ô nhiễm môi trường, thiếu nước sạch). Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ cơ quan chức năng, cộng đồng hoặc gia đình - Cách liên hệ với lực lượng hỗ trợ, tận dụng các nguồn lực xung quanh (hệ thống thông tin khẩn cấp, cộng đồng địa phương) để ứng phó hiệu quả với những thách thức do thiên tai và BĐKH	Liên hệ
ĐẠO ĐỨC LỚP 2				
3	CD3. Vượt qua khó khăn	YCCĐ 1 Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và cuộc sống. YCCĐ 4. Biết vượt qua khó khăn của bản thân trong học tập, sinh hoạt. YCCĐ 5. Quý trọng gương vượt khó trong học tập và cuộc sống	- Những thách thức liên quan đến PCTT và UPVBĐKH, như thiên tai, ô nhiễm môi trường, và biến đổi thời tiết cực đoan. - Kỹ năng ứng phó với thiên tai, như chuẩn bị trước mưa bão, hạn hán hay lũ quét, đồng - Gương những cá nhân hoặc cộng đồng đã vượt qua khó khăn do thiên tai hoặc tác động của BĐKH.	Liên hệ
4	CD5. Bảo vệ môi trường sống	YCCĐ 1. Nêu được các loại môi trường sống. YCCĐ 2. Biết được vì sao phải bảo vệ môi trường sống.	- Tác động của BĐKH đến các loại môi trường (như môi trường nước, đất, không khí) và hệ sinh thái. - Hậu quả của BĐKH và thiên tai như lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng.	Liên hệ Bộ phận



TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
		YCCĐ 3. Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng. YCCĐ 4. Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.	- Cách ứng phó: như tiết kiệm năng lượng, trồng cây,...	

2.2.2.2. Một số minh họa trong môn GD CD cấp THCS

TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
GD CD LỚP 6				
1	CĐ7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	YCCĐ 1. Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. YCCĐ 2. Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. YCCĐ 3. Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.	- Các tình huống nguy hiểm do thiên tai như: bão, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng... - Hậu quả: tổn thất về người, tài sản và ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em. - Các biện pháp ứng phó: tìm nơi trú ẩn an toàn, sử dụng thiết bị bảo hộ, tìm sự hỗ trợ để xử lý tình huống trong môi trường nguy hiểm - Thực hành, diễn tập cách hành động trong tình huống thực tế như: sơ tán khỏi nơi nguy hiểm, xử lý vết thương nhỏ, tìm kiếm sự hỗ trợ...	Toàn phần Bộ phận
2	C Đ 1 0 . Quyền trẻ em	YCCĐ 1. Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em; YCCĐ 2. Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.	- Quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn trước thiên tai. - Nhận biết hành vi làm ô nhiễm môi trường, không bảo vệ trẻ em trong tình huống thiên tai. - Tham gia các hoạt động phù hợp lứa tuổi như trồng cây, thu gom rác, hoặc hỗ trợ các bạn ở vùng thiên tai.	Liên hệ Bộ phận



TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
		YCCĐ 3. Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.		
GDCD LỚP 9				
3	CĐ3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	YCCĐ 1. Nêu được một số hoạt động cộng đồng. YCCĐ 2. Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng. YCCĐ 3. Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng YCCĐ 4. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	- Các hoạt động cộng đồng liên quan như: trồng cây, làm sạch môi trường, quyên góp đồ dùng cho vùng chịu ảnh hưởng thiên tai, tuyên truyền về bảo vệ môi trường. - Vai trò của cộng đồng trong ứng phó với PCTT và UPVBĐKH - Tham gia các hoạt động thực tiễn phù hợp lứa tuổi như: hỗ trợ các bạn gặp khó khăn ở vùng bị thiên tai...	Liên hệ Bộ phận
4	CĐ7. Thích ứng với thay đổi	YCCĐ 1. Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. YCCĐ 2. Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. YCCĐ 3. Nêu được các biện pháp để thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. YCCĐ 4. Thích ứng được với một số thay đổi trong cuộc sống của bản thân.	- Đưa các thông tin về các thay đổi trong môi trường sống do BĐKH (mưa lũ bất thường, hạn hán, sạt lở) và các thay đổi trong sinh hoạt gia đình khi đối mặt với thiên tai (mất điện, thiếu nước sạch, di chuyển nơi ở...). - Tầm quan trọng của thích ứng với BĐKH để bảo vệ sức khỏe, an toàn cho bản thân và gia đình - Giải pháp: chuẩn bị vật dụng cần thiết (lương thực, nước uống, thuốc y tế...), học cách PCTT (tìm nơi trú ẩn an toàn), giảm thiểu tác động của BĐKH (tiết kiệm năng lượng, giảm sử dụng nhựa). - Thực hành diễn tập ứng phó thiên tai, xây dựng kế hoạch ứng phó với BĐKH.	Liên hệ Bộ phận



2.2.2.3. Một số minh họa trong môn GD KT&PL cấp THPT

TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
GD KT&PL LỚP 10				
1	CĐ4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	YCCĐ 1. Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. YCCĐ 2. Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. YCCĐ 3. Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.	- Thông tin về vai trò của sản xuất kinh doanh trong việc phát triển kinh tế xanh, kinh tế bền vững, sử dụng năng lượng tái tạo và sản xuất thân thiện với môi trường giảm thiểu tác động của BĐKH. - Các mô hình kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường như: sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo. Các mô hình giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tăng cường khả năng chống chịu trước thiên tai. - Ưu điểm của các mô hình kinh tế bền vững phù hợp với xu hướng toàn cầu như năng lượng sạch, kinh tế xanh.	Liên hệ
2	CĐ8. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	YCCĐ 1. Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. YCCĐ 2. Các hình thức thực hiện pháp luật. YCCĐ 3. Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. YCCĐ 4. Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình	- Các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó thiên tai, như Luật Bảo vệ Môi trường, Luật PCTT. - Các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, như không xả rác bừa bãi, tiết kiệm năng lượng và hỗ trợ cộng đồng khi xảy ra thiên tai. - Các tình huống thực tế về ứng phó với lũ lụt hoặc hạn hán tại địa phương; đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp thực hiện pháp luật trong bảo vệ môi trường và ứng phó thiên tai.	Liên hệ Bộ phận
GD KT&PL LỚP 11				
3	CĐ1. Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường	YCCĐ 2. Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh YCCĐ 4. Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. YCCĐ 5. Nêu được các	- Tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm do tác động của BĐKH, dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và tiêu dùng (thiếu hụt nước sạch hoặc đất nông nghiệp). - Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến môi trường như: khai thác tài nguyên quá mức, xả thải không kiểm soát, phá rừng để trục lợi kinh tế.	Liên hệ



TT	Địa chỉ tích hợp		Nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH	Mức độ tích hợp
	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt		
		nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu.	- BĐKH và thiên tai ảnh hưởng đến cung cầu (thiên tai có thể làm giảm cung ứng nông sản do mất mùa, hoặc gia tăng cầu về nước sạch và năng lượng tái tạo).	
4	CĐHT11.1 . P h á t triển kinh tế và sự biến đổi m ô i trường tự nhiên	YCCĐ 1. Nêu được tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động đó. YCCĐ 2. Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. YCCĐ 3. Thực hiện được bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. YCCĐ 4. Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.	- Tác động của BĐKH và thiên tai lên môi trường do các hoạt động kinh tế như: phá rừng, khai thác tài nguyên quá mức, xả thải công nghiệp ở các vùng miền. - Mối liên hệ giữa việc giải quyết vấn đề môi trường và sự ổn định của đời sống, kinh tế, khí hậu ở các vùng, iền - Nghiên cứu các trường hợp cụ thể như: ảnh hưởng của ô nhiễm nguồn nước tới sức khỏe cộng đồng, hoặc tác động của thiên tai đến cuộc sống của người dân theo khu vực. - Các chính sách như giảm khí thải carbon, trồng rừng, kinh tế xanh, hoặc các sáng kiến cộng đồng, địa phương.	Liên hệ Bộ phận



CHƯƠNG 3

NGUYÊN TẮC, TỔ CHỨC DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.1. NGUYÊN TẮC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD được hiểu là sự liên kết, nối liền một cách có hệ thống các nội dung giáo dục (bao gồm tri thức, kỹ năng) của môn GD CD với nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH tạo thành một thể thống nhất, hợp lý.

Việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD cần đảm bảo nguyên tắc chung của dạy học tích hợp: Không làm thay đổi tính đặc trưng môn học, phù hợp với đối tượng và phát huy tính tích cực, chủ động nhận thức của HS, khai thác nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH chọn lọc, phù hợp với nội dung môn GD CD.

Để tích hợp hiệu quả giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong dạy học môn GD CD, các nguyên tắc chung cần được cụ thể hóa thành các nguyên tắc cụ thể đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện

và phù hợp với đặc thù của môn học.

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn

Nội dung tích hợp phải dựa trên các kiến thức khoa học chính xác, được cập nhật theo tình hình thực tế. Nội dung tích hợp cần phải chính xác, dựa trên cơ sở khoa học và được cập nhật theo các nghiên cứu mới nhất về BĐKH và thiên tai. Nội dung tích hợp phải đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống giữa các khối kiến thức, kỹ năng, đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học. Ngoài ra nội dung tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH phải gắn liền với thực tiễn đời sống và bối cảnh địa phương để HS dễ dàng liên hệ và áp dụng vào thực tế.

Ví dụ: Khi dạy Chủ đề 5 lớp 5 "Bảo vệ môi trường sống", GV đưa các thông tin khoa học về tác động của BĐKH như tăng nhiệt độ toàn cầu, hiện tượng thời tiết cực đoan, và các hậu quả thiên tai như lũ lụt, hạn hán. Những thông tin này dựa trên các nghiên cứu mới nhất và số liệu thực tế để đảm bảo tính khoa học và chính xác. Cung cấp ví dụ về tác động của



BĐKH tại địa phương, như các trận lụt xảy ra gần đây, và thảo luận cách cộng đồng ứng phó với thiên tai. HS sẽ dễ dàng liên hệ và hiểu rõ vai trò của mình trong việc bảo vệ môi trường sống.

Biện pháp thực hiện:

Sử dụng các nguồn tài liệu khoa học uy tín (báo cáo môi trường địa phương hoặc tài liệu từ các tổ chức quốc tế như UN, IPCC)

Sử dụng bài tập thực tế: phân tích trường hợp cụ thể như ảnh hưởng của đợt lũ lụt hoặc sự ô nhiễm môi trường tại địa phương, từ đó thảo luận các biện pháp khắc phục.

Kết nối liên thông: Kết hợp nội dung PCTT và UPVBĐKH với kiến thức đạo đức, pháp luật, kinh tế, kỹ năng sống trong môn GD CD, tạo sự nhất quán và hệ thống từ cấp tiểu học đến THPT.

Khuyến khích hoạt động thực hành như trồng cây, thu gom rác thải, hoặc xây dựng kế hoạch ứng phó thiên tai tại cộng đồng, nhằm phát triển kỹ năng thực tế và ý thức bảo vệ môi trường.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tích phù hợp với đặc điểm môn học

Nội dung PCTT và UPVBĐKH cần được tích hợp vào từng chủ đề của môn GD CD, phù hợp với nội dung chủ

đề được quy định trong chương trình môn GD CD mà không làm thay đổi cấu trúc chương hoặc gây quá tải kiến thức, nói cách khác là không biến bài học GD CD thành bài học về BĐKH, PCTTT.

Nội dung tích hợp phải đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, tính liên thông giữa kiến thức, kỹ năng, thái độ, hướng đến hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 3 lớp 9 "Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng", GV có thể tích hợp nội dung tác động của BĐKH (như lũ lụt, hạn hán, ô nhiễm không khí) và vai trò của công dân trong việc giảm thiểu tác động bằng cách bảo vệ môi trường. Nội dung tích hợp này giúp HS hiểu rõ trách nhiệm bản thân, nhận thức sâu sắc về bảo vệ môi trường gắn liền với giảm thiểu PCTT và UPVBĐKH.

Biện pháp thực hiện:

Lựa chọn nội dung phù hợp: Chỉ tích hợp các thông tin liên quan và hỗ trợ cho nội dung chính của bài học để tránh gây quá tải kiến thức.

Sử dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt: Kết hợp bài giảng truyền thống với các hoạt động thảo luận nhóm, tình huống thực tế hoặc trò chơi giáo dục để học sinh tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả.



Xây dựng bài tập liên hệ thực tiễn: Ví dụ, yêu cầu học sinh phân tích một tình huống thực tế liên quan đến lũ lụt hoặc ô nhiễm môi trường tại địa phương và đề xuất giải pháp phù hợp.

Đảm bảo tính liên thông kiến thức: Kết nối nội dung tích hợp với các khía cạnh khác của môn GD&CD như đạo đức, pháp luật, kinh tế, nhằm tạo sự nhất quán và hệ thống trong quá trình học.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kết nối liên môn

PCTT và UPVBĐKH là vấn đề phức hợp, nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học (Hóa học, Vật lý, Hóa Sinh học, Công nghệ, Lịch sử, Địa lý, ...). Việc giải quyết những vấn đề PCTT và UPVBĐKH đòi hỏi sự kết hợp kiến thức nhiều bộ môn thay vì chỉ tập trung vào kiến thức GD&CD. Mặt khác, GD&CD là môn học giúp HS thay đổi nhận thức và điều chỉnh hành vi nên đòi hỏi HS cần huy động được tổng hợp tri thức của nhiều môn học để có thể điều chỉnh hành vi theo các giá trị chuẩn mực trên cơ sở hiểu biết sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Nhờ cách tiếp cận liên môn, nội dung giáo dục về PCTT và UPVBĐKH sẽ trở nên hấp dẫn, sâu sắc hơn, giúp HS có nhận thức đúng đắn và hành vi phù hợp trong thực tế.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 7 lớp 9 "Thích ứng với thay đổi", GV cần kết hợp kiến thức Địa lý (hậu quả của BĐKH trên toàn cầu và tại địa phương), Sinh học (tác động của biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học), Công nghệ (ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo), và Hóa học (hiểu về khí nhà kính và tác động của CO₂ đối với khí hậu). Những kiến thức này giúp HS có cái nhìn toàn diện về vấn đề mà bản thân cần thích ứng. Trên cơ sở đó hình thành ý thức đạo đức và trách nhiệm trong PCTT, ứng phó với BĐKH với những hành vi phù hợp như: tiết kiệm năng lượng, giảm sử dụng nhựa...

Biện pháp thực hiện:

Xác định nội dung liên môn khi xây dựng kế hoạch bài dạy. VD: giới thiệu số liệu từ Địa lý về nhiệt độ trái đất tăng, giải thích vai trò của khí nhà kính từ góc độ Hóa học.

Sử dụng đa dạng các hình thức và phương pháp dạy học. VD: Chia nhóm học sinh theo các chủ đề liên quan, như phân tích hệ quả kinh tế, môi trường (Địa lý) và giải pháp ứng dụng công nghệ (Công nghệ). Tổ chức tham quan thực tế như nhà máy năng lượng mặt trời hoặc các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, giúp học sinh kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn.



Sử dụng dự án học tập, dự án liên môn, ví dụ: "Tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống tại địa phương và đề xuất biện pháp ứng phó." Dự án này đòi hỏi học sinh huy động kiến thức từ nhiều môn học để thực hiện.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng

PCTT và UPVBĐKH là vấn đề đa dạng, phức hợp. Nếu những nội dung này vượt quá khả năng tiếp thu của HS, các em sẽ khó hiểu và không hứng thú. Nhận thức của HS thay đổi theo từng cấp học, do đó nội dung tích hợp cần phù hợp với trình độ nhận thức của từng độ tuổi để đảm bảo tính hiệu quả trong dạy học. Cần phát triển tư duy từ dễ đến khó, từ cụ thể đến trừu tượng, giúp HS hiểu rõ vấn đề, tạo nền tảng cho việc ứng dụng GDCD vào thực tế.

Ví dụ: Khi dạy các chủ đề GDCD có nội dung "Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường thiên nhiên". Nội dung tích hợp với HS tiểu học sẽ tập trung vào các hành động bảo vệ môi trường cụ thể, dễ hiểu như không xả rác bừa bãi, trồng cây xanh, hoặc tiết kiệm nước. GV có thể sử dụng các hình ảnh sinh động hoặc trò chơi để giúp HS dễ hình dung và gắn kết với bài học. Đối với HS cấp THCS: Nội dung tích hợp mở rộng hơn, bao

gồm các khái niệm như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, và các tác động của thiên tai. GV có thể sử dụng các ví dụ thực tế từ địa phương, bài tập nhóm hoặc thảo luận để HS phân tích. Ở cấp THPT, những nội dung này cần được HS được đào sâu hơn, tập trung vào tác động dài hạn của biến đổi khí hậu đến kinh tế và xã hội, các chính sách môi trường, và cách ứng dụng khoa học công nghệ vào phòng chống thiên tai. HS có thể tham gia các dự án nghiên cứu nhỏ hoặc thảo luận các vấn đề thời sự để phát triển tư duy phân tích.

Biện pháp thực hiện:

Thiết kế nội dung phù hợp độ tuổi: Điều chỉnh cách truyền tải nội dung theo cấp học, từ cụ thể đến trừu tượng, từ đơn giản đến phức tạp. Không nhồi nhét quá nhiều kiến thức phức tạp khi HS chưa có nền tảng. Tăng dần mức độ khó theo từng cấp học, từ nhận biết đến vận dụng, sáng tạo.

Kết hợp phương pháp dạy học linh hoạt phù hợp đối tượng như: Sử dụng hình ảnh, video, câu chuyện thực tế với học sinh tiểu học; bài tập nhóm và thảo luận với học sinh THCS; dự án và nghiên cứu với học sinh THPT.

Tăng cường gắn kết lí luận với thực tiễn: Lựa chọn các ví dụ, tình



huống gắn liền với đời sống thực tế và bối cảnh địa phương để học sinh dễ dàng liên hệ và áp dụng.

Thực hiện đánh giá, phản hồi phù hợp: Xây dựng bài tập, câu hỏi đánh giá phù hợp với khả năng nhận thức của từng nhóm đối tượng học sinh, từ đó kích lệ sự hứng thú và động lực học tập.

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo phát triển tư duy và kỹ năng thực hành

Môn GDCD có mục tiêu điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân người học, do đó, HS không chỉ hiểu lý thuyết mà cần còn có cơ hội thực hành, trải nghiệm, từ đó hình thành kỹ năng sử dụng tri thức để ứng phó với PCTT và UPVBĐKH, chủ động giải quyết vấn đề BĐKH và thiên tai trong thực tế. Tính hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GDCD đòi hỏi HS phải phát triển được tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, thái độ chủ động trong học tập, lao động, phát triển được các kỹ năng nhquan sát, phân tích, nhận xét và đánh giá, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác làm việc nhóm...

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 7 lớp 6 "Ứng phó với tình huống nguy hiểm". Đối với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên, GV có thể đưa ra tình huống giả định: "Một cơn bão lớn sắp đổ bộ vào

địa phương, gây nguy cơ ngập lụt và mất điện kéo dài." HS được GV chia thành các nhóm với các nhiệm vụ: Quan sát, phân tích tình huống và nhận diện các nguy cơ chính. Đề xuất biện pháp ứng phó cụ thể, như chuẩn bị vật dụng cần thiết, tìm nơi trú ẩn, và xây dựng kế hoạch hỗ trợ cộng đồng. Trình bày, nhận xét và đánh giá giải pháp của các nhóm khác.

Biện pháp thực hiện:

Xây dựng các tình huống thực tiễn dựa trên thực tế địa phương hoặc các sự kiện đã xảy ra, giúp HS áp dụng lý thuyết vào phân tích và giải quyết vấn đề.

Khuyến khích HS tham gia diễn tập phòng chống thiên tai, thu gom rác thải, hoặc trồng cây bảo vệ môi trường.

Sử dụng các câu hỏi mở hoặc yêu cầu HS đánh giá, so sánh các giải pháp để thúc đẩy tư duy phân tích và lập luận.

Tận dụng các công cụ công nghệ như video minh họa, mô phỏng tình huống thiên tai, hoặc các ứng dụng học tập để tạo trải nghiệm sinh động và thực tiễn.

Phân nhóm HS để thảo luận, hợp tác và trình bày ý tưởng, từ đó rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm.



3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính đa dạng vùng miền

BĐKH và thiên tai có tác động khác nhau ở từng khu vực, do đó nội dung giáo dục cần phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng. Văn hóa và phong tục tập quán ảnh hưởng đến nhận thức, thói quen ứng phó với thiên tai của người dân, nên giáo dục cần gắn với đặc điểm của địa phương để dễ dàng tiếp cận và triển khai. Điều kiện kinh tế - xã hội cũng quyết định khả năng áp dụng các giải pháp ứng phó với PCTT và UVPBĐKH, nên việc dạy học tích hợp cần linh hoạt, tránh áp đặt các mô hình không phù hợp với thực tế địa phương. Nội dung tích hợp cần phản ánh được đặc điểm của các loại thiên tai phổ biến tại khu vực HS đang sinh sống (bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sạt lở, v.v.).

Ví dụ: Khi dạy chuyên đề học tập 11.1. lớp 11 “Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên”, GV có thể sử dụng kiến thức phân vùng thiên tai ở Việt Nam, tại miền Trung, nơi thường xuyên xảy ra bão lũ, nội dung giáo dục có thể tập trung vào các kỹ năng ứng phó với lũ lụt và cách bảo vệ môi trường nước. Trong khi đó, ở miền núi phía Bắc, nơi dễ gặp tình trạng sạt lở đất, nội dung cần nhấn mạnh đến việc phòng tránh và giảm thiểu nguy cơ thông qua trồng cây gây

rừng hoặc sử dụng địa hình hợp lý. Đối với khu vực Tây Nam Bộ, nội dung có thể gắn với hiện tượng xâm nhập mặn và giải pháp thích nghi trong sản xuất nông nghiệp.

Biện pháp thực hiện:

Nghiên cứu đặc điểm địa phương: GV cần tìm hiểu kỹ về điều kiện thiên tai, văn hóa, và kinh tế xã hội tại khu vực HS sinh sống để lựa chọn nội dung phù hợp.

Xây dựng Kế hoạch bài dạy tích hợp cần có các ví dụ thực tế, tình huống cụ thể và giải pháp ứng phó thiên tai gắn với đặc điểm địa phương. VD: ở khu vực thường xuyên có bão, bài học có thể lồng ghép cách gia cố nhà cửa để bảo đảm an toàn.

Khuyến khích HS tham gia các hoạt động gắn liền với địa phương, như làm sạch dòng suối tại vùng núi hoặc trồng cây ngăn xói mòn tại khu vực có nguy cơ sạt lở.

Khuyến khích HS đề xuất các ý tưởng sáng tạo để ứng phó với thiên tai dựa trên điều kiện thực tế của địa phương, từ đó phát triển tư duy và khả năng ứng dụng.

3.1.7. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển bền vững

Môn GD&CD gắn liền với ý thức, hành vi của con người trong sản xuất, tiêu dùng và môi trường sống –



những yếu tố quan trọng của phát triển bền vững. Việc đảm bảo tính phát triển bền vững khi tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn học giúp HS hiểu mối quan hệ giữa hành vi của con người và môi trường thiên nhiên, hình thành ở HS thói quen sống xanh, ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên, biết cách ứng phó, giảm tác động xấu đến tự nhiên. Đồng thời những tri thức về môi trường, thiên nhiên được trang sẽ góp phần định hướng nghề nghiệp cho HS vào các ngành nghề như kỹ sư năng lượng tái tạo, nhà nghiên cứu môi trường, hoặc các lĩnh vực công nghệ xanh.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 4 lớp 10 “Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh”, GV có thể lồng ghép các kiến thức liên quan đến phát triển bền vững khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh như: tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, giảm thiểu rác thải nhựa, và sử dụng năng lượng tái tạo. HS có thể được giới thiệu các sáng kiến nông nghiệp bền vững như trồng cây chống xói mòn đất ở các vùng núi hoặc áp dụng công nghệ xanh trong sản xuất. HS sẽ được khuyến khích suy nghĩ về vai trò của mình trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

Biện pháp thực hiện:

Tổ chức các hoạt động thực tiễn như trồng cây, thu gom và tái chế rác

thải, hoặc nghiên cứu về cách tiết kiệm năng lượng trong gia đình. Những hoạt động này giúp HS hình thành thói quen sống xanh và ứng dụng kiến thức vào thực tế.

Lựa chọn nội dung giáo dục nhấn mạnh mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và môi trường, chẳng hạn như ảnh hưởng của tiêu dùng nhựa đối với ô nhiễm đại dương, hay cách sản xuất nông nghiệp không bền vững làm giảm đa dạng sinh học.

Khuyến khích HS thực hiện các dự án nhỏ liên quan đến bảo vệ môi trường, ví dụ: “Thiết kế mô hình sản xuất xanh tại địa phương” hoặc “Đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tái tạo trong cộng đồng.”

Tích hợp các buổi chia sẻ hoặc tham quan thực tế các cơ sở sản xuất xanh hoặc nghiên cứu môi trường. Điều này không chỉ nâng cao nhận thức mà còn tạo cơ hội định hướng nghề nghiệp bền vững cho HS.

3.2. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.2.1. Phương pháp dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH

trong môn GD CD ở trường phổ thông

3.2.1.1. *Dạy học khám phá*

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

Với môn GD CD, khi thực hiện dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, phương pháp này đặt HS vào vị trí trung tâm, HS được chủ động khám phá vấn đề mới, không phải tiếp thu một chiều từ GV, giúp HS hiểu rõ mối quan hệ giữa hành vi của con người và thiên nhiên. Trên cơ sở đó phát triển ở HS năng lực phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin và thực hiện các giải pháp thực tiễn.

Cách thức hiện dạy học khám phá:

Bước 1: Chuẩn bị khám phá

- Xác định vấn đề cần khám phá: là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.

Ví dụ: GV đặt vấn đề: Tại sao môi trường sống cần được bảo vệ? Những hành động nào làm ô nhiễm môi trường và làm gia tăng thiên tai? (Đạo đức lớp 5)

- Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.

Ví dụ: GV hướng dẫn HS thu thập dữ liệu: Quan sát môi trường xung quanh nơi ở hoặc nhà trường (các dấu hiệu ô nhiễm như rác thải, nước bẩn); Đọc tài liệu về hậu quả của ô nhiễm môi trường và tác động của BĐKH (lũ lụt, nước biển dâng).

Bước 2: Thực hiện khám phá

- Giao nhiệm vụ học tập: Đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Ví dụ: GV yêu cầu HS chia thành 4 hoặc 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: *Tại sao chúng ta phải nhắc nhở người khác bảo vệ môi trường? Làm gì khi thấy người khác xả rác bừa bãi ở khu vực trường học?*

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS có thể làm cá nhân hoặc làm việc nhóm, đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Sau đó tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể



làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ...Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Ví dụ: Với nhiệm vụ được giao ở trên:

HS tiến hành quan sát hành vi xả rác hoặc không bảo vệ môi trường trong trường học (ví dụ: vứt rác không đúng nơi quy định...).

Các nhóm thu thập dữ liệu qua bảng khảo sát (như chụp ảnh, phỏng vấn ngắn).

Thảo luận và đề xuất giải pháp: Nhắc nhở các bạn cùng nhặt rác, đặt thêm thùng rác trong trường...

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả

GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

Ví dụ: các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả khảo sát kèm hình ảnh minh họa, đồng thời chia sẻ kế hoạch hành động cụ thể nhằm thay đổi hành vi.

Một số yêu cầu khi sử dụng

GV phải hiểu khả năng của HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình

trong từng hoạt động khám phá. (Ví dụ: đơn giản, gần gũi với HS lớp 5: *Tại sao phải nhắc nhở? Làm gì khi thấy người khác xả rác bừa bãi?*)

Nội dung tích hợp cần khám phá phải gần gũi, gần với thực tế địa phương, có tính phổ biến (ví dụ: tình hình ô nhiễm rác thải tại khu vực xung quanh nơi em ở,...).

GV cần chuẩn bị các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn cách thu thập thông tin khi HS gặp khó khăn, khuyến khích HS tìm kiếm các ý tưởng giải pháp độc đáo, sáng tạo thay vì chỉ trả lời theo khuôn mẫu, từng bước giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động.

Khuyến khích học sinh trình bày kết quả bằng nhiều hình thức như: thuyết trình, sản phẩm sáng tạo, hoặc viết báo cáo để phát triển kỹ năng giao tiếp và thuyết phục.

Tóm lại: Phương pháp dạy học khám phá không chỉ phát huy năng lực học tập của HS mà còn thúc đẩy ý thức trách nhiệm và khả năng ứng phó với các thách thức từ BĐKH và các vấn đề thiên tai trong thực tế.

3.2.1.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề



do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 7 (lớp 6): Ứng phó với tình huống nguy hiểm, phương pháp dạy học hợp tác giúp HS cùng nhau tìm hiểu và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên như: bão, lũ lụt, hạn hán

Cách thực hiện dạy học hợp tác:

Bước 1: Chuẩn bị hợp tác

Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS... (Ví dụ: Với chủ đề 7, lớp 6 ở trên, GV có thể chia nhóm theo sở thích hoặc khu vực địa lý,..)

Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS. Mỗi nhóm có thể bao gồm HS có thể mạnh về quan sát, phân tích hoặc trình bày để tạo sự cân đối.

Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Ví dụ: GV chia nhiệm vụ khám phá thành các phần nhỏ như: 1) Tìm hiểu nguyên nhân gây ra các thiên tai (bão, lũ lụt). 2) Phân tích hậu quả của thiên tai đối với sức khỏe và tài sản. 3) Đề xuất biện pháp ứng phó phù hợp tại địa phương.

Hoặc: GV thiết kế phiếu bài tập có nội dung: Mỗi nhóm liệt kê 3 biện pháp bảo vệ bản thân khi gặp lũ lụt và chuẩn bị kịch bản sơ tán gia đình.

Bước 2: Thực hiện dạy học hợp tác

- Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Ví dụ: Với chủ đề "Ứng phó với tình huống nguy hiểm", nhiệm vụ nhóm:

Nhóm 1: Tìm hiểu các loại thiên tai phổ biến tại địa phương.

Nhóm 2: Phân tích cách sơ tán an toàn khi xảy ra bão lũ/sạt lở...



Nhóm 3: Đề xuất các kỹ năng cần thiết khi ở trong vùng nguy hiểm (gọi cứu hộ, sơ cứu chấn thương..).

- Thực hiện nhiệm vụ được giao: Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Ví dụ: Với nhiệm vụ được giao ở trên

Nhóm 1: thu thập dữ liệu qua sách, báo hoặc phỏng vấn người lớn.

Nhóm 2: thực hành diễn tập sơ tán trong lớp học, dựng kịch bản sơ tán.

Nhóm 3: trình diễn cách sơ cứu vết thương khi bị ngã trong tình huống lũ lụt.

- Trình bày và đánh giá kết quả:

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày bằng miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo hoặc trình bày có minh họa). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

Ví dụ: Các nhóm trình bày kết quả

kèm theo mô hình minh họa (sơ đồ sơ tán, cách đóng gói vật dụng cần thiết). GV đánh giá và hướng dẫn thêm về các giải pháp hiệu quả hơn....

Một số yêu cầu khi sử dụng

GV cần chọn nội dung làm việc nhóm cần gắn liền với thực tế địa phương để HS dễ hiểu và hứng thú.

GV cần hỗ trợ và khích lệ các nhóm gặp khó khăn trong quá trình hợp tác.

Đảm bảo từng nhóm có đủ thời gian thảo luận và trình bày để không ảnh hưởng đến tiến trình bài học.

Khen ngợi, thưởng điểm hoặc ghi nhận sự sáng tạo của nhóm để khuyến khích HS hợp tác hiệu quả.

Tóm lại: Phương pháp dạy học hợp tác không chỉ phù hợp với các bài học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH mà còn giúp học sinh phát triển tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và kỹ năng ứng phó trong thực tế.

3.2.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là PPDH riêng biệt mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các PPDH khác.



Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề HS lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức.

Phương pháp dạy học nêu vấn đề thực hiện khi dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GDCD có ý nghĩa quan trọng vì giúp HS: Nhận diện và hiểu rõ tác động của BĐKH và thiên tai; Phát triển khả năng phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn liên quan đến BĐKH và thiên tai; Đề xuất các giải pháp ứng phó và thích nghi với tác động của BĐKH và thiên tai trong đời sống; Hình thành thái độ chủ động, trách nhiệm với môi trường, từ đó có những hành vi tích cực như tiết kiệm tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo bền vững; rèn luyện các kỹ năng quan trọng như làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, ra quyết định trong các tình huống phức tạp.

Cách thực hiện dạy học giải quyết vấn đề:

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải

quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Ví dụ: Khi dạy học chủ đề 4 (lớp 10) “Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh”, GV có thể đặt vấn đề cho HS như sau: Sản xuất kinh doanh trong một nền kinh tế không bền vững có thể dẫn đến ô nhiễm môi trường và làm gia tăng nguy cơ thiên tai như lũ lụt hoặc hạn hán. Vậy làm thế nào để chuyển đổi sang các mô hình sản xuất kinh doanh bền vững, thân thiện với môi trường?

Với vấn đề trên, HS nhận ra mâu thuẫn giữa việc phát triển kinh tế truyền thống (đôi khi gây hại cho môi trường) và yêu cầu phát triển bền vững (đòi hỏi sử dụng năng lượng tái tạo và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên).

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Ví dụ: Với phần đặt vấn đề ở bước 1, HS đưa ra giả thuyết: “Áp dụng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ hoặc năng lượng tái tạo sẽ giảm tác động tiêu cực đến môi trường và tăng khả năng chống chịu trước thiên tai.”

Từ giả thuyết trên, HS lập kế hoạch giải quyết vấn đề như sau:



- Thu thập thông tin về các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường như nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo.

- Phân tích ưu, nhược điểm của các mô hình này.

- So sánh với các mô hình kinh doanh truyền thống để tìm ra sự khác biệt và tính khả thi trong ứng dụng thực tế.

Bước 3: Thực hiện theo kế hoạch đã lập

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Ví dụ: Với kế hoạch đã lập ở bước 2, HS tiến hành tìm hiểu thông qua tài liệu, sách báo về các mô hình sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường; Thu thập dữ liệu từ thực tế (tìm hiểu các doanh nghiệp địa phương đang áp dụng mô hình kinh tế xanh hoặc năng lượng tái tạo); Đánh giá hiệu quả của các mô hình trong việc giảm tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai....

Với những kết quả thu được, HS thảo luận và kiểm chứng giả thuyết ban đầu có phù hợp với dữ liệu thu thập được hay không. Nếu chưa đúng,

HS sẽ điều chỉnh giả thuyết hoặc phương pháp giải quyết.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Ví dụ: Với kết quả thu được ở bước 3, GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu và đánh giá: trình bày về nông nghiệp hữu cơ và cách nó giảm ô nhiễm nước; phân tích lợi ích của việc áp dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất....Dựa trên kết quả HS báo cáo, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: Các mô hình kinh doanh bền vững không chỉ bảo vệ môi trường mà còn giúp giảm thiểu nguy cơ thiên tai; Áp dụng các mô hình này là trách nhiệm của công dân toàn cầu để hướng tới phát triển bền vững.

Một số yêu cầu khi sử dụng:

Chủ đề rõ ràng và thực tiễn, GV cần chọn chủ đề sát với thực tế và dễ liên hệ để HS cảm thấy vấn đề hữu ích.

Hỗ trợ học sinh, GV cần hỗ trợ khi học sinh gặp khó khăn trong việc thu thập thông tin hoặc phân tích dữ liệu.



Tăng tính thực hành, tổ chức thêm các hoạt động thực tế như tham quan doanh nghiệp hoặc diễn tập phòng chống thiên tai để HS áp dụng kiến thức đã học..

Tóm lại, Phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBĐKH không chỉ giúp HS tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng hợp tác. Qua đó, HS có thể nhận diện những tác động của BĐKH và thiên tai, đề xuất giải pháp ứng phó, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

3.2.1.4. Dạy học dự án

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, ứng dụng vào thực tế. Đây là phương pháp mang tính định hướng sản phẩm, giúp HS không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn vận dụng để thiết kế, chế tạo hoặc đề xuất giải pháp sáng tạo.

Việc áp dụng dạy học dự án khi thực hiện tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBĐKH trong dạy học môn GD CD mang lại nhiều lợi ích: HS không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn trực tiếp tham gia vào việc tìm hiểu, thiết kế và

thử nghiệm các giải pháp để thích ứng với thiên tai và BĐKH. Thông qua việc thiết kế, chế tạo sản phẩm, HS rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ý tưởng. HS còn được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hợp tác nhóm, quản lý thời gian, thuyết trình và đánh giá kết quả dự án. Thông qua các dự án học tập, HS nhận thức rõ hơn về những tác động của BĐKH, từ đó có thái độ tích cực trong bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững.

Cách thực hiện dạy học dự án:

Giai đoạn 1. Chuẩn bị dự án

- Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài:
Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 3 (lớp 9) "Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng", Dựa trên ý tưởng của HS đề xuất, GV gợi ý để HS chọn đề tài "Tham gia bảo vệ môi trường để giảm tác động của thiên tai tại địa phương" hoặc "Nâng cao ý thức cộng đồng



trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu". HS sẽ đóng vai các nhà hoạt động môi trường hoặc thành viên cộng đồng, tự tìm kiếm thông tin, khảo sát thực tế và giải quyết công việc liên quan đến dự án.

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

Ví dụ: Từ ý tưởng và đề tài đề xuất ở trên, GV chia HS thành các nhóm theo sở thích hoặc khả năng (nhóm làm sạch môi trường; nhóm tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; nhóm trồng cây xanh để chống xói mòn đất...). Xác định nhiệm vụ cụ thể như: Nhóm 1: Thực hiện chiến dịch làm sạch công viên hoặc bãi đất công cộng; Nhóm 2: Tổ chức truyền thông giáo dục về ứng phó với bão lụt; Nhóm 3: Trồng cây ven đường hoặc các khu vực có nguy cơ sạt lở đất.

- Kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để

xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Ví dụ: Để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định, GV hướng dẫn mỗi nhóm lập kế hoạch chi tiết: Tên dự án (Bảo vệ môi trường sống và giảm nguy cơ thiên); Mục tiêu (Nâng cao nhận thức và hành động tích cực của cộng đồng trong bảo vệ môi trường); Công việc (Thu thập thông tin, chuẩn bị vật dụng (cây giống, thùng rác), triển khai hoạt động); Kinh phí (kêu gọi ủng hộ, tài trợ); Thời gian (hoàn thành trong 2-4 tuần); Phương pháp (Hợp tác nhóm và làm việc thực tế).

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án theo kế hoạch

- Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

Ví dụ: Các nhóm đề xuất phương án giải quyết vấn đề (nhóm trồng cây



có thể chọn loại cây phù hợp với đất và khí hậu địa phương; nhóm tuyên truyền xây dựng tài liệu truyền thông đơn giản, dễ hiểu); GV giúp HS kiểm tra tính khả thi của phương án và chỉnh sửa kế hoạch nếu cần.

Tiến hành thực hiện: Nhóm làm sạch môi trường: Tìm hiểu cách phân loại và xử lý rác thải, tiến hành thu gom rác tại công viên; Nhóm tuyên truyền: Thu thập dữ liệu về thiên tai tại địa phương và cách ứng phó, soạn tài liệu truyền thông (tờ rơi, video) và tổ chức buổi tuyên truyền trong trường học; Nhóm trồng cây: Hợp tác với địa phương để chọn địa điểm trồng cây, chuẩn bị đất, cây giống, tiến hành trồng và chăm sóc cây...

Các nhóm cùng trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau và đánh giá tiến độ công việc. GV tạo điều kiện cho HS thu thập tài liệu thực tế, chỉnh sửa kế hoạch để đạt mục tiêu.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực

hiện những dự án tiếp theo.

Ví dụ: HS tổng hợp kết quả hoạt động dự án: Nhóm trồng cây báo cáo số cây đã trồng, tình trạng cây và sự tham gia của cộng đồng; Nhóm tuyên truyền báo cáo số lượng tài liệu phát ra, số người tham gia buổi tuyên truyền; Nhóm làm sạch môi trường báo cáo số kg rác thải được thu gom, mức độ thay đổi nhận thức của cộng đồng...

HS trình bày sản phẩm dự án qua các hình thức: Thuyết trình kèm hình ảnh minh họa; Video ghi lại quá trình thực hiện dự án; Mô hình hoặc biểu đồ kết quả đạt được.

HS tự nhận xét về quá trình thực hiện dự án (những khó khăn, bài học rút ra), GV đánh giá toàn diện từ kế hoạch, quá trình thực hiện đến sản phẩm cuối cùng. Đồng thời hướng dẫn HS rút kinh nghiệm để thực hiện các dự án khác hiệu quả hơn.

Một số yêu cầu khi sử dụng:

Dự án phù hợp với thực tế: GV cần đảm bảo các dự án sát với bối cảnh địa phương và thực tế đời sống của HS. Chủ đề lựa chọn cần gắn với thực tiễn, có tính ứng dụng cao và khả năng thực hiện trong phạm vi nhà trường

Hỗ trợ tích cực: GV cần định hướng HS cách tìm kiếm thông tin,



lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, cần theo sát từng nhóm, hỗ trợ khi gặp khó khăn và khuyến khích sáng tạo.

Khuyến khích làm việc nhóm: Tạo điều kiện để HS đề xuất và phát triển các giải pháp mới mẻ, khả thi và có tính ứng dụng. Tạo cơ hội để HS phát triển kỹ năng hợp tác, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng.

Cần đánh giá toàn diện quá trình thực hiện: Không chỉ đánh giá sản phẩm mà còn chú trọng quá trình thực hiện, tinh thần hợp tác và kỹ năng giải quyết vấn đề của HS.

Tóm lại, Phương pháp dự án giúp học sinh phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng thực hành và thái độ đúng đắn đối với các vấn đề PCTT và UPVBĐKH. Việc sử dụng phương pháp này trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn GD CD sẽ giúp HS phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và trách nhiệm với môi trường. Thông qua các dự án thực tế, HS không chỉ hiểu rõ tác động của BĐKH và thiên tai mà còn có cơ hội áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm hữu ích, góp phần vào sự phát triển bền vững.

3.2.2. Một số kỹ thuật dạy học tích hợp giáo dục PCTT và

UPVBĐKH trong môn GD CD ở trường phổ thông

3.2.2.1. Kỹ thuật “KWL”

“KWL” (Know - Want to Know - Learned) là một kỹ thuật dạy học tích cực, hỗ trợ HS tự đánh giá và định hướng quá trình học tập. Kỹ thuật này gồm ba bước chính:

K (Know - Những gì đã biết): HS suy nghĩ và ghi lại những kiến thức, thông tin mà họ đã biết về một chủ đề trước khi bắt đầu học.

W (Want to Know - Những gì muốn biết): HS đặt câu hỏi hoặc ghi lại những điều họ tò mò, muốn tìm hiểu thêm về chủ đề.

L (Learned - Những gì đã học được): Sau khi hoàn thành bài học, HS tổng hợp và ghi lại những điều mới mà các em đã học.

Kỹ thuật dạy học này giúp HS định hướng, tập trung vào nội dung học tập và tự đánh giá tiến trình học.

Khi ứng dụng “K – Những gì em đã biết” trong tích hợp giáo dục Biến đổi khí hậu (BĐKH) và Phòng chống thiên tai (PCTT) vào môn GD CD có thể giúp HS hệ thống hóa và khởi động kiến thức nền tảng đã có liên quan đến PCTT và UPVBĐKH. HS được kích thích để nhớ lại và ghi nhận những khái niệm, hiện tượng hoặc vấn đề



liên quan đến PCTT và ƯPVBDKH mà các em đã từng nghe, đọc hoặc trải nghiệm. GV thông qua giai đoạn này để xác định các điểm giao thoa giữa kiến thức môn GDCD và các vấn đề thực tiễn về BĐKH, thiên tai, từ đó tạo nền tảng thiết kế hoạt động học phù hợp.

Ứng dụng “W – Những gì em muốn biết” trong tích hợp giáo dục Biến đổi khí hậu (BĐKH) và Phòng chống thiên tai (PCTT) vào môn GDCD sẽ khuyến khích HS định hình nhu cầu học tập và đặt câu hỏi khám phá liên quan đến PCTT và ƯPVBDKH. HS được tự do đưa ra các câu hỏi hoặc nội dung muốn tìm hiểu thêm, khuyến khích tinh thần tò mò và ham học hỏi. Tăng tính tập trung và đặt ra các mối quan tâm sát với thực tế, chẳng hạn như các thách thức BĐKH mà địa phương đang đối mặt. Điều này không chỉ nâng cao sự tham gia mà còn giúp

GV hiểu rõ nhu cầu học tập của HS.

Ứng dụng “L – Những gì em học được” trong tích hợp giáo dục Biến đổi khí hậu (BĐKH) và Phòng chống thiên tai (PCTT) vào môn GDCD sẽ giúp HS hệ thống hóa và củng cố kiến thức mới đã tiếp thu được sau bài học. Đây là bước rèn luyện tư duy tổng hợp và hệ thống hóa của HS, là giai đoạn để GV đánh giá mức độ đạt được của các yêu cầu cần đạt về nội dung GDCD cũng như nội dung tích hợp trong bài học.

Ví dụ: Trước khi học, GV yêu cầu HS ghi những gì đã biết về BĐKH và các loại thiên tai vào cột K, những gì muốn biết vào cột W trong bảng.

Sau khi học xong bài, GV yêu cầu HS ghi lại những gì đã học được về BĐKH và các loại thiên tai cũng như cách PCTT vào cột L trong bảng.

K (Những gì em đã biết)	W (Những gì em muốn biết)	L (Những điều em đã học được)
- BĐKH gây ra bão lụt và hạn hán. - Xả rác bừa bãi làm ô nhiễm nước, không khí. - Cần trồng cây để bảo vệ đất khỏi bị xói mòn. 	- Tại sao phá rừng lại làm tăng nguy cơ lũ lụt? - Giải pháp nào hiệu quả nhất để bảo vệ môi trường sống? - Có những luật nào về bảo vệ môi trường ở Việt Nam?" 	- Nguyên nhân chính của BĐKH là phát thải khí nhà kính và phá rừng. - Luật Bảo vệ môi trường yêu cầu xử lý nước thải trước khi xả vào tự nhiên. - Cần xây dựng hệ thống thoát nước ở vùng dễ ngập lụt."



Kĩ thuật “KWL” đơn giản nhưng có tính tương tác cao, phù hợp với mọi cấp học, đặc biệt là các bài học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD. Nó hỗ trợ cả GV và HS trong việc tối ưu hóa quá trình dạy và học, đồng thời khuyến khích HS hành động vì lợi ích chung của cộng đồng.

3.2.2.2. Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy (Mind Map) là một phương pháp trực quan hóa thông tin bằng cách trình bày các ý tưởng theo dạng sơ đồ phân nhánh. Đây là công cụ giúp cá nhân hoặc nhóm thể hiện các kế hoạch, nội dung nghiên cứu hoặc hệ thống hóa kiến thức một cách logic và dễ hiểu. Sơ đồ tư duy có thể được vẽ trên giấy, trên bảng hoặc thực hiện bằng phần mềm trên máy tính.

Trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn GD CD, sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép có thể sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, ý tưởng được liên kết, do vậy bao quát được phạm vi sâu rộng giữa nội dung môn GD CD với các nội dung về giáo dục PCTT, B ĐKH.

Khi tích hợp nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn GD CD, sơ đồ tư duy giúp HS thấy được mối liên

hệ giữa nội dung môn học với các vấn đề về môi trường, B ĐKH và thiên tai một cách trực quan, có hệ thống, logic và dễ hiểu hơn.

Tiến trình thực hiện kĩ thuật sơ đồ tư duy

Tùy theo mục đích sử dụng, sơ đồ tư duy có thể dùng cho làm việc cá nhân hoặc nhóm. GV giao chủ đề, HS lần lượt kết nối ý tưởng trung tâm sau đó phát triển hoặc mô tả thành các nhánh thông qua chữ viết (dạng từ khóa), hình ảnh, biểu tượng hoặc một vài ký tự ngắn gọn. Có nhiều cách áp dụng sơ đồ tư duy khi thực hiện dạy học tích hợp PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD, có thể thực hiện theo các cách sau:

Thứ nhất, GV có thể chuẩn bị trước sơ đồ tư duy để cung cấp cái nhìn tổng quan ngay từ đầu về nội dung chính bài học, cách này giúp HS dễ dàng tiếp cận bài học và thấy rõ mối liên hệ giữa các yếu tố về PCTT và UPVBĐKH như: hiện trạng, nguyên nhân, tác động và giải pháp.

Ví dụ: Khi tích hợp vào yêu cầu cần đạt: "Những hành động thiết thực bảo vệ môi trường sống tại địa phương – Môn Đạo đức 5, chủ đề 5", GV có thể trình bày sơ đồ tư duy với *các nhánh chính*: 1) Các loại môi trường sống cần bảo vệ (Nước, không



khí, đất); 2) Nguyên nhân gây ô nhiễm (xả rác không đúng quy định, sử dụng nhựa không phân hủy, phát và đốt rừng); 3) Tác động của ô nhiễm (Thiên tai xảy ra thường xuyên, Môi trường bị hủy hoại,...); Hành động bảo vệ (Phân loại rác, trồng cây, giảm dùng túi nilon, tuyên truyền bảo vệ...)

Thứ 2. GV có thể cùng HS xây dựng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học (trên bảng/giấy/phần mềm trực tuyến), đặt câu hỏi để HS tư duy, tìm hiểu và khám phá kiến thức mới hoặc kỹ năng mới, sử dụng sơ đồ tư duy theo cách này tăng cường sự tương tác và phát huy tính tích cực của HS.

Ví dụ: GV đặt câu hỏi dẫn dắt: *"Theo các em, những nguyên nhân nào gây ô nhiễm môi trường sống ở địa phương mình? Những hành động nào các em đã làm để bảo vệ môi trường tại trường học hoặc nhà ở?"*. Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV cùng HS xây dựng sơ đồ (vẽ trên bảng) theo các nhánh: 1) Nguyên nhân (Xả rác ở kênh rạch làm tắc nghẽn dòng chảy; Lạm dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; Sử dụng túi nilon không phân hủy); b) Hậu quả (Nước ô nhiễm làm ảnh hưởng nguồn nước uống; Lũ lụt xảy ra do mất khả năng giữ nước của đất, Môi trường bị suy thoái làm mất động vật và cây trồng...) 3) Giải pháp (Dọn dẹp bãi rác, tái chế rác thải

nhựa, khuyến khích gia đình sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Trồng cây để tăng khả năng giữ nước và chống xói mòn....)

Thứ ba, HS tự xây dựng sơ đồ tư duy sau khi học xong bài học, cách này giúp HS hướng đến rèn luyện kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, hình thành và phát triển tư duy hệ thống.

Ví dụ: HS được yêu cầu tạo sơ đồ tư duy để hệ thống lại nội dung bài học; Tên chủ đề được đặt ở vị trí gốc. Các nhánh cấp 1 (1.1. Các loại môi trường; 1.2. Nguyên nhân môi trường ô nhiễm; 1.3. Tác động của ô nhiễm; 1.4. Hành động bảo vệ). Các nhánh cấp 2 chi tiết hơn (1.1: Không khí; Nước; Đất...)

Có thể thấy, sơ đồ tư duy là một kỹ thuật dạy học học tích cực, vừa mang tính trực quan, vừa phát triển được tư duy của HS, rất phù hợp khi dạy học tích hợp về PCTT và UPVBĐKHT trong môn GDCC.

3.2.2.3. Kỹ thuật phòng tranh

Kỹ thuật phòng tranh là một kỹ thuật dạy học trong đó HS trưng bày sản phẩm học tập của mình (sơ đồ, mô hình, poster...) như một buổi triển lãm tranh. Các nhóm HS sẽ đi tham quan, quan sát, thảo luận và đưa ra nhận xét về sản phẩm của nhau. Đây

là cách học tập trực quan, giúp HS chia sẻ ý tưởng và học hỏi lẫn nhau.

GV áp dụng kĩ thuật phòng tranh để giúp HS trình bày các giải pháp ứng phó với PCTT và ÛPVBDKH khi dạy học GDGD. HS có nhiều cơ hội thể hiện ý tưởng về giải pháp bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: sơ đồ, tranh vẽ, infographic... có cơ hội phân tích, đánh giá và đặt câu hỏi cho các nhóm/HS khác để phát triển tư duy phản biện.

Kĩ thuật phòng tranh trong dạy học tích hợp với PCTT và ÛPVBDKH giúp HS không chỉ học qua sản phẩm của mình mà còn qua sự đánh giá và ý tưởng của các nhóm khác. Điều này tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi HS có thể chia sẻ và hoàn thiện kiến thức về BDKH và ứng phó với BDKH, thiên tai và PCTT một cách hiệu quả.

Tiến trình thực hiện kĩ thuật phòng tranh

(Lấy Ví dụ minh họa từ chủ đề 5 (lớp 5): Bảo vệ môi trường sống)

Chuẩn bị: Xác định nội dung học tập, nhiệm vụ, sản phẩm

- GV nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt trong chủ đề học tập, xác định nội dung học tập và tạo thành các chủ đề, sau đó giao nhiệm vụ cho HS (có thể nhiệm vụ nhóm hoặc cá nhân). Ví dụ:

Nội dung 1: Tác động của BDKH đến môi trường nước và cách bảo vệ.

Chủ đề 1 “Bảo vệ môi trường nước”

Nội dung 2: Ảnh hưởng của lũ lụt và hạn hán đến hệ sinh thái.

Chủ đề 2: “Biện pháp hạn chế và khắc phục hậu quả của thiên tai”

Nội dung 3: Những việc làm cụ thể bảo vệ môi trường ở trường học.

Chủ đề 3: “Hành động bảo vệ môi trường ở trường học”

- Từ nhiệm vụ được giao, GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị sản phẩm học tập thể hiện các giải pháp bảo vệ môi trường sống và ứng phó với BDKH:

Ví dụ: Chủ đề 1: làm poster mô tả cách giảm ô nhiễm môi trường nước; Chủ đề 2: làm Infographic trình bày hậu quả của thiên tai và biện pháp khắc phục; Chủ đề 3: Tranh vẽ hoạt động trồng cây xanh trong sân trường và tổ chức phân loại rác thải....

Triển khai thực hiện:

- HS trưng bày sản phẩm tại lớp/phòng học (hoặc một khu vực triển lãm nhỏ trong khuôn viên trường). Với mỗi sản phẩm, cần chuẩn bị phần giới thiệu sản phẩm để giải thích ý tưởng và cách thực hiện.

Tham quan và thảo luận: HS trong



lớp lần lượt đi tham quan các sản phẩm, quan sát, và đọc các thông tin, GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi về sản phẩm của nhau,

Ví dụ: Câu hỏi với chủ đề 1 "*Giải pháp nào có thể áp dụng ở nhà để tiết kiệm nước?*"; chủ đề 2: "*Làm thế nào để trồng cây có hiệu quả nhất trong việc giảm xói mòn đất?*"; chủ đề 3: "*Làm thế nào để đảm bảo rằng tất cả các học sinh đều tham gia tích cực vào việc phân loại rác thải?*" ...

- HS đưa ra nhận xét về sản phẩm của các nhóm khác (điểm mạnh, điểm yếu, ý tưởng sáng tạo). GV khuyến khích HS học hỏi từ những sản phẩm khác để cải thiện kiến thức và kỹ năng.

Tổng kết: GV tổng hợp ý tưởng từ các nhóm, nhấn mạnh những hành động thiết thực để bảo vệ môi trường sống. Có thể thêm câu hỏi mở rộng vấn đề.

Ví dụ: *Nếu mỗi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, BĐKH và các loại thiên tai sẽ giảm như thế nào?*"

- Đánh giá sản phẩm học tập dựa trên nội dung (Tính chính xác và phù hợp với thực tiễn), hình thức (sự sáng tạo và tính trực quan), tinh thần hợp tác (khả năng làm việc nhóm và chia sẻ ý tưởng)

- GV hướng dẫn và khuyến khích các nhóm tự đánh giá sản phẩm của

mình và rút kinh nghiệm cho lần sau.

3.2.2.4. Kỹ thuật mảnh ghép

Mảnh ghép là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh, nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác.

Sử dụng kỹ thuật dạy học mảnh ghép sẽ kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực và tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS, phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

Trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn GDCD, kỹ thuật mảnh ghép giúp HS nắm bắt được các kiến thức về môi trường, BĐKH, thiên tai....từ nhiều góc độ để hình thành bức tranh toàn diện về vấn đề này. HS được tăng cường cơ hội học cá nhân cũng như làm việc cùng nhau về lí thuyết và cách xây dựng các giải pháp thực tế trong việc PCTT và UPVBĐKH.

Tiến trình thực hiện kỹ thuật mảnh ghép

(Lấy ví dụ từ chủ đề 7 (lớp 9): Thích ứng với thay đổi)

Vòng 1. Nhóm chuyên gia: Lớp học sẽ được chia thành các nhóm (từ 3 - 6



người). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ nghiên cứu những nội dung học tập khác nhau. (Ví dụ: Nhiệm vụ A ở phiếu màu đỏ, nhiệm vụ B ở phiếu màu xanh, nhiệm vụ tiếp theo ở phiếu màu vàng). Các nhóm này được gọi là “nhóm chuyên gia” tương ứng với nhiệm vụ được giao. Hoạt động nhóm, đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ, trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại (dạy lại) vấn đề của nhóm ở giai đoạn tiếp theo.

Ví dụ: GV chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia, mỗi nhóm 4-5 HS. Mỗi nhóm nghiên cứu một nội dung liên quan đến việc ứng phó với các tình huống nguy hiểm do thiên tai (sử dụng phiếu bài tập được phân màu): Nhóm 1 (Phiếu màu đỏ): Nguyên nhân và các loại tình huống nguy hiểm do thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão, sạt lở đất); Nhóm 2 (Phiếu màu xanh): Tác động của các tình huống nguy hiểm đến con người và môi trường (sạt lở đất gây thiệt hại nhà cửa, đất nông nghiệp ở địa phương); Nhóm 3. (Phiếu màu vàng): Biện pháp chuẩn bị và phòng tránh thiên tai (xây dựng nơi trú ẩn, dự trữ lương thực, lập kế hoạch sơ tán); Nhóm 4. (Phiếu màu cam): Ứng phó và trách nhiệm công

dân trong xử lý tình huống nguy hiểm (Hành động cá nhân và cộng đồng).

Từng thành viên trong nhóm làm việc cùng nhau để phân tích, trả lời các câu hỏi trong phiếu bài tập. Mỗi thành viên đảm bảo nắm vững nội dung và chuẩn bị để trình bày, dạy lại nội dung cho nhóm khác trong vòng sau.

Vòng 2. Nhóm mảnh ghép: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 1, mỗi “chuyên gia” từ các nhóm khác nhau hợp lại thành các nhóm mới, gọi là “nhóm mảnh ghép”. Lúc này, mỗi “chuyên gia” trở thành những “mảnh ghép” trong “nhóm mảnh ghép”. Chẳng hạn như: Các nhóm mảnh ghép I, II, ... đều từ các mảnh ghép A, B,...

Từng HS “mảnh ghép” lần lượt có nhiệm vụ chia sẻ, trình bày (dạy lại) nội dung các mảnh ghép và nắm bắt được tất cả nội dung ở vòng 1. Sau đó nhiệm vụ mới được giao cho các “nhóm mảnh ghép” để giải quyết. Để giải quyết nhiệm vụ này, HS phải lắp ghép các “mảnh kiến thức” của mình thành một bức tranh, giống như trong câu đố mảnh ghép. Bằng cách này, HS có thể nhận thấy những phần vừa thực hiện không chỉ để giải trí hoặc trò chơi đơn thuần mà thực sự là những nội dung học tập quan trọng.



Ví dụ: GV tách từng thành viên từ mỗi nhóm chuyên gia để ghép thành các *nhóm mảnh ghép*. Mỗi nhóm mới sẽ có ít nhất một "chuyên gia" từ mỗi nhóm chuyên gia (Nhóm mảnh ghép I gồm: 1 học sinh từ nhóm chuyên gia 1, 1 từ nhóm 2, 1 từ nhóm 3 và 1 từ nhóm 4....).

Từng thành viên ("mảnh ghép") lần lượt chia sẻ, trình bày nội dung đã học trong vòng 1. Các thành viên khác đặt câu hỏi và thảo luận để làm rõ nội dung. Sau khi nắm bắt đủ các kiến thức từ từng thành viên, nhóm mảnh ghép được giao một nhiệm vụ mới: Tổng hợp mới (phiếu màu xám): *"Xây dựng kế hoạch ứng phó tổng thể với thiên tai cho địa phương, bao gồm việc chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả"*. Các nhóm mảnh ghép cùng nhau tổng hợp kiến thức từ từng thành viên để giải quyết nhiệm vụ mới.

Mỗi nhóm mảnh ghép trình bày kế hoạch ứng phó thiên tai qua các hình thức như: Bài thuyết trình với sơ đồ minh họa, poster hoặc infographic (VD: một nhóm có thể đề xuất kế hoạch sơ tán cho người dân vùng lũ lụt, bao gồm chuẩn bị nơi trú ẩn và lập danh sách vật dụng cần thiết...).

GV đánh giá dựa trên: Nội dung (đầy đủ, chính xác và sáng tạo); Kỹ

năng (kỹ năng trình bày, làm việc nhóm, tư duy phản biện); Tính ứng dụng thực tế, (kế hoạch có khả thi không...).

Một số lưu ý khi tổ chức kỹ thuật mảnh ghép:

Nội dung các mảnh ghép cần được lựa chọn dựa trên những nội dung lớn hoặc đi sâu vào vấn đề cốt lõi liên quan đến PCTT và UPVBDKH trong bài học GDCC. Các thông tin trong mỗi mảnh ghép cần có tính độc lập tương đối để học sinh có thể nghiên cứu và trình bày riêng lẻ. Đồng thời, khi ghép các mảnh lại, chúng sẽ hợp thành bức tranh toàn cảnh về nội dung chính của bài học. Không chọn các nội dung mang tính chuỗi thời gian (như lịch sử hay trình tự sự kiện) vì điều này sẽ làm giảm tính độc lập của mỗi mảnh ghép, khiến việc tự học không hiệu quả.

Ví dụ: Khi tích hợp về "Thích ứng với sự thay đổi" thì nội dung lớn để tích hợp có thể là "Ứng phó với lũ lụt/hạn hán". Thông tin trong các mảnh ghép có thể là "Nguyên nhân dẫn đến lũ lụt (yếu tố tự nhiên và con người); Hậu quả do lũ lụt (thiệt hại về người, tài sản, và môi trường); Biện pháp phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại); Vai trò của cộng đồng và pháp luật trong ứng phó với lũ lụt".



Đặc điểm của nhiệm vụ mới ở vòng 2 là một nhiệm vụ phức hợp, có thể giải quyết được trên cơ sở kiến thức đã có ở giai đoạn 1. Do đó cần xác định rõ những yếu tố cần thiết về kiến thức (cung cấp ở vòng chuyên gia), kỹ năng (hình thành khi làm việc nhóm, tổng hợp thông tin, trình bày ý tưởng...), thông tin hỗ trợ (do GV cung cấp hoặc gợi ý, ...) để giải quyết nhiệm vụ phức hợp.

Ví dụ: Nếu thông tin ở vòng 1 là “Ứng phó với hạn hán” thì nhiệm vụ vòng 2 có thể là “Xây dựng một kế hoạch ứng phó với hạn hán tại địa phương, bao gồm các biện pháp phòng ngừa, hành động khi hạn hán xảy ra, và các giải pháp khắc phục hậu quả”.

Trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, kỹ thuật mảnh ghép tạo cơ hội để HS nghiên cứu sâu một nội dung cụ thể (trong nhóm chuyên gia) và học hỏi từ bạn bè (trong nhóm mảnh ghép). Việc kết hợp các mảnh ghép trong nhiệm vụ phức hợp giúp học sinh nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, đồng thời hiểu rõ mối liên hệ giữa các yếu tố trong giáo dục PCTT và UPVBĐKH với mục tiêu môn GD CD.

3.2.2.5. Kỹ thuật tranh biện

Kỹ thuật tranh biện tạo ra môi

trường học tập có sự tranh luận giữa các quan điểm khác nhau nhằm phát triển tư duy phản biện, khả năng lập luận và kỹ năng giao tiếp của HS. Trong quá trình tranh biện, HS phải phân tích vấn đề, thu thập thông tin, bảo vệ quan điểm của mình và phản biện quan điểm đối lập. Điều này tạo ra môi trường học tập sôi động, nơi HS được khuyến khích bày tỏ suy nghĩ và tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.

Khi tranh biện được sử dụng vào dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD, HS sẽ có cơ hội hiểu sâu hơn về các vấn đề môi trường và thiên tai. HS không chỉ nhận thức rõ nguyên nhân, hậu quả của BĐKH, thiên tai và suy thoái tài nguyên rừng mà còn biết cách đánh giá, phân tích và tranh luận về các quan điểm khác nhau. Qua đó, HS phát triển tư duy phản biện, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tìm ra giải pháp phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực từ thiên nhiên.

Tiến trình thực hiện kỹ thuật tranh biện

(Lấy VD từ chủ đề 8 (lớp 10): Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

Chọn đề tài: Từ nội dung bài học, GV gợi ý các đề tài tranh luận



Đề tài tranh biện: “Việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường và PCTT tại Việt Nam có nên tập trung vào hình thức xử phạt nghiêm khắc hơn hay không?”

Yêu cầu cần đạt khi tích hợp: Trình bày được về hệ thống pháp luật và các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường và PCTT (YCCĐ 1, 2 của chủ đề 8)); Phân tích, đánh giá các tình huống thực tế về thực thi pháp luật liên quan đến PCTT và ƯPVBDKHT (YCCĐ 4 của chủ đề).

Chọn nhóm (bắt thăm hoặc chỉ định)

Nhóm 1: Ủng hộ việc tập trung vào hình thức xử phạt nghiêm khắc hơn để tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật.

Nhóm 2: Phản đối, cho rằng việc xử phạt cần đi kèm với tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng hơn là chỉ tập trung vào sự trừng phạt.

Thực hiện tranh biện

Bước 1: Trình bày quan điểm

Nhóm 1: Lập luận rằng hình thức xử phạt nghiêm khắc, như tăng mức phạt tiền hoặc áp dụng hình phạt hình sự, sẽ ngăn chặn hiệu quả hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, như xả rác bừa bãi hoặc phá rừng trái phép. (Ví dụ: Hình phạt nghiêm khắc

tại một số quốc gia đã giúp giảm đáng kể hành vi xả thải không đúng quy định).

Nhóm 2: Lập luận rằng tuyên truyền giáo dục giúp thay đổi nhận thức bền vững hơn, đặc biệt đối với những cộng đồng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai nhưng thiếu kiến thức pháp luật. (Ví dụ: Những chương trình giáo dục cộng đồng đã nâng cao ý thức tiết kiệm nước và trồng rừng tại các vùng bị hạn hán).

Bước 2: Phản biện lẫn nhau

Nhóm 1 phản biện: Nếu không có hình thức xử phạt nghiêm khắc, người vi phạm khó có động lực tuân thủ pháp luật ngay cả khi nhận thức đã thay đổi.

Nhóm 2 phản biện: Sự phụ thuộc quá lớn vào xử phạt có thể gây áp lực tài chính lớn cho các cá nhân hoặc doanh nghiệp nhỏ mà không giải quyết triệt để nguyên nhân gốc rễ của hành vi vi phạm.

Bước 3: Đặt câu hỏi và thảo luận mở như: liệu có nên kết hợp cả hai hình thức (xử phạt và giáo dục)? Thực tế tại địa phương đã áp dụng các hình thức nào? Áp dụng ra sao? và hiệu quả như thế nào?

Kết luận và đánh giá

GV nhấn mạnh tầm quan trọng của cả hình thức xử phạt và tuyên



truyền trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó thiên tai, đồng thời khuyến khích HS tìm hiểu thêm về các quy định cụ thể trong Luật Bảo vệ Môi trường và Luật Phòng chống thiên tai.

GV đánh giá khả năng lập luận, kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện của HS. HS tự đánh giá và phản ánh về quá trình tranh biện, những điều học được từ quan điểm đối lập.

Tranh biện là một kỹ thuật dạy học tích cực khi tích hợp giáo dục PCTT và ŰPVBDKH trong môn GDCD, sử dụng kỹ thuật này giúp HS phát triển tư duy phản biện sâu sắc và khả năng lập luận chặt chẽ. Tạo cơ hội để HS khám phá những góc nhìn khác nhau về các vấn đề thực tiễn, đồng thời đề xuất giải pháp sáng tạo và ứng dụng vào đời sống. Môi trường tranh biện năng động thúc đẩy HS học tập tích cực, dung hòa ý kiến đối lập, và xây dựng sự hợp tác hiệu quả trong nhóm giúp HS được rèn luyện thêm những kỹ năng khác như giao tiếp, thuyết trình, xử lý vấn đề... HS không chỉ học lý thuyết mà còn hình thành nhận thức rõ ràng hơn về cách ứng phó với BDKH và thiên tai, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

3.3. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.3.1. Định hướng chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và ŰPVBDKH trong môn GDCD ở trường phổ thông

Môn GDCD có nhiều nội dung phù hợp để tích hợp giáo dục PCTT và ŰPVBDKH. Kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng giúp xác định mức độ tiếp thu, vận dụng kiến thức và kỹ năng của HS khi dạy học tích hợp.

Mục tiêu chung là đánh giá mức độ hiểu biết của HS về PCTT và ŰPVBDKH, đánh giá khả năng áp dụng kiến thức vào ứng phó với PCTT và ŰPVBDKH trong thực tiễn, do đó việc kiểm tra đánh giá khi dạy học tích hợp giáo dục BDKHH và PCTT cần thực hiện theo một số định hướng sau:

Đánh giá toàn diện: Trong giáo dục môn GDCD, kiểm tra đánh giá nhằm mục đích cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và có giá trị về mức độ đáp ứng các yêu cầu đạt được của HS, đặc biệt về phẩm chất và năng lực liên quan đến PCTT và ŰPVBDKH. Thông qua đánh giá, GV có thể xác định những tiến bộ của HS và điều



chỉnh hoạt động dạy học để hỗ trợ các em phát triển tốt nhất về mặt nhận thức, kỹ năng và thái độ đối với môi trường sống xung quanh.

Đánh giá kiến thức và kỹ năng: Tập trung vào các nội dung chính của môn học theo yêu cầu cần đạt và các nội dung tích hợp kiến thức về và thiên tai. Mỗi bài học có nội dung liên quan cần có tiêu chí đánh giá rõ ràng, nhằm đánh giá kiến thức và kỹ năng của HS trong việc hiểu, áp dụng và đề xuất các biện pháp ứng phó phù hợp với điều kiện thực tế. Các tiêu chí này sẽ giúp HS biết được mức độ đạt được về những kiến thức môi trường liên quan đến cuộc sống và lĩnh vực sản xuất, đồng thời thấy được trách nhiệm công dân đối với thiên nhiên.

Đánh giá năng lực vận dụng: Phương pháp đánh giá cần chú trọng vào khả năng thực hành, vận dụng kiến thức của HS vào các tình huống thực tế. Với chủ đề PCTT và ŰPVBDKH, HS không chỉ cần hiểu lý thuyết mà còn phải biết cách thực hiện các biện pháp ứng phó với BDKH và thiên tai trong thực tiễn. Việc kiểm tra và đánh giá vì thế phải tập trung vào các hoạt động thực hành, chú trọng đánh giá sản phẩm và cách vận dụng kiến thức vào các bài học thực tế như thiết kế hệ thống tưới nước tự động hoặc mô hình nhà

thích ứng lũ lụt...

Đánh giá toàn diện và đa dạng hình thức: Để phản ánh đầy đủ khả năng của HS, việc kiểm tra, đánh giá cần đa dạng về phương pháp và hình thức, bao gồm cả đánh giá qua quan sát, đánh giá theo tiến trình và đánh giá sản phẩm. Đặc biệt, tiêu chí đánh giá phải rõ ràng, được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt của mỗi bài học về PCTT và ŰPVBDKH. Các tiêu chí này cần được công bố trước để HS hiểu rõ và có thể tự định hướng cho mình trong quá trình học tập.

Chú trọng đánh giá thường xuyên và tập trung vào sự tiến bộ của HS: Phương pháp đánh giá trong dạy học tích hợp PCTT và ŰPVBDKH tập trung vào sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi gắn với các vấn đề về môi trường thiên nhiên. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên, liên tục trong các hoạt động học tập, nhằm theo dõi sự tiến bộ của HS về kiến thức và kỹ năng ứng phó với BDKH và thiên tai.

3.3.2. Một số phương pháp và công cụ đánh giá chiếm ưu thế trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và ŰPVBDKH trong môn GDCD ở trường phổ thông

3.3.2.1. Đánh giá qua quan sát

Bản chất: Quan sát là một phương



pháp tri giác trực quan (mắt thấy, tai nghe) nhằm ghi chép lại những yếu tố liên quan đến đối tượng nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu học tập. Trong dạy học PCTT và ŰPVBDKH, quan sát không chỉ mô tả và phân tích kiến thức, hành vi, mà còn nhận định, đánh giá những tương tác trong lớp học và các hành vi học tập, đặc biệt khi liên hệ tới các vấn đề về môi trường và ĐKH hoặc PCTT.

Quan sát được sử dụng khi: Đánh giá mức độ tương tác giữa HS, như thảo luận nhóm về các giải pháp bảo vệ môi trường. Đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị dạy học phục vụ cho các bài học tích hợp. Thu thập thông tin định tính bổ sung cho các thông tin định lượng về năng lực học tập của HS.

Quy trình thực hiện quan sát

Xác định mục tiêu, nội dung, phạm vi cần quan sát: Quan sát sự tương tác của HS trong các hoạt động thảo luận nhóm. GV cần xây dựng nội dung quan sát chi tiết, bao gồm sơ đồ lớp học, các nhóm và nội dung cụ thể.

Xây dựng tiêu chí/chỉ báo quan sát: Các tiêu chí có thể tập trung vào các hành vi liên quan đến kỹ năng giao tiếp, tương tác xã hội, hoặc khả năng làm việc nhóm.

Thiết lập công cụ đánh giá như bảng kiểm, phiếu quan sát: GV thiết lập bảng quan sát, phân loại các kỹ năng cần đánh giá như: giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề...

Ghi chú thông tin: GV ghi chép các hành vi nổi bật trên phiếu quan sát, đồng thời đối chiếu với các dữ liệu khác để đảm bảo độ tin cậy của kết quả

Tóm lược kết quả quan sát: GV tổng hợp các thông tin đã quan sát để vẽ nên bức tranh sống động về sự tham gia của HS trong bài học tích hợp về PCTT và ŰPVBDKH.

Ví dụ: Để đánh giá kỹ năng hợp tác nhóm: HS được phân nhóm để thảo luận về các giải pháp bảo vệ môi trường hoặc ứng phó với thiên tai. GV sử dụng phiếu quan sát để đánh giá các kỹ năng hợp tác, bao gồm: kỹ năng giao tiếp (Lắng nghe, trình bày ý kiến rõ ràng, thuyết phục người khác); Kỹ năng tạo môi trường hợp tác (Khả năng gắn kết nhóm và hỗ trợ lẫn nhau); Kỹ năng xây dựng niềm tin (Sẵn sàng học hỏi, tránh mặc cảm cho các học sinh có khó khăn). Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn (Biết sử dụng ngôn ngữ tích cực, tránh xung đột không cần thiết)....

Công cụ “bảng kiểm” có thể thiết kế như sau:



Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Kĩ năng giao tiếp, tương tác		
Biết lắng nghe ý kiến người khác và trình bày rõ ràng		
Biết thuyết phục, phản biện tích cực		
Kĩ năng tạo môi trường hợp tác		
Kĩ năng xây dựng niềm tin		
Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn		

Để đánh giá hành vi mang tính giải quyết vấn đề, là hành vi được ứng dụng trong các tình huống học tập giả định như lập kế hoạch ứng phó với một loại thiên tai. GV sẽ đánh giá mức độ HS hiểu và diễn đạt vấn đề, đưa ra phép so sánh hoặc lập luận logic, kiểm tra lại kết

quả hoặc đưa ra ví dụ cụ thể.

Công cụ “Phiếu quan sát” có thể thiết kế như sau:

Chủ đề: Lập kế hoạch ứng phó với thiên tai (ví dụ: lũ lụt, hạn hán, bão...)

Ngày quan sát:

Lớp học:

Tiêu chí	Mô tả	Đạt	Không đạt	Ghi chú
Hiểu và diễn đạt vấn đề	HS mô tả đúng bản chất của vấn đề cần giải quyết (nguyên nhân, hậu quả của thiên tai).			
Đưa ra phép so sánh hoặc lập luận logic	HS so sánh các phương án ứng phó, chỉ ra điểm mạnh/yếu, và lập luận logic để chọn giải pháp phù hợp.			
Đưa ra phương án cụ thể	Đề xuất các bước chi tiết trong kế hoạch ứng phó (VD: sơ tán, dự trữ lương thực, nâng cao nhận thức).			
Kiểm tra lại kết quả hoặc phân tích rủi ro	HS đánh giá khả năng thực thi của kế hoạch và kiểm tra độ khả thi của giải pháp đã chọn.			
Đưa ra ví dụ thực tế	Lấy dụ cụ thể liên quan đến địa phương hoặc tình huống thực tế để tăng tính thuyết phục			

Lưu ý khi áp dụng: GV cần chọn bài học hoặc câu hỏi có tính mở, yêu cầu thời gian và sự hợp tác sâu sắc để đánh giá hiệu quả kĩ năng. Kết quả từ bảng kiểm và phiếu quan sát cần

được đối chiếu với các thông tin khác (ví dụ: sản phẩm nhóm, bài thuyết trình) để đảm bảo tính khách quan và đầy đủ. Phương pháp quan sát không chỉ giúp giáo viên đánh giá chính xác



năng lực của học sinh trong bài học tích hợp mà còn hỗ trợ xây dựng bài học sinh động, khuyến khích học sinh tham gia tích cực vào việc bảo vệ môi trường và ứng phó với thiên tai.

3.3.2.2. Đánh giá qua hỏi – đáp

Bản chất: Hỏi – đáp (vấn đáp) là một hình thức đánh giá linh hoạt, trong đó GV đặt câu hỏi và HS trả lời (hoặc ngược lại), nhằm kiểm tra, củng cố, và mở rộng kiến thức theo mục tiêu bài học. Phương pháp đánh giá này không chỉ đánh giá kết quả học tập mà còn khơi gợi sự tích cực, tư duy độc lập của HS, giúp các em liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, hỏi – đáp còn tạo cơ hội cho học sinh tương tác, thảo luận và phản biện, phát triển kỹ năng giao tiếp và nhận thức về vấn đề môi trường.

Phương pháp đánh giá qua hỏi – đáp có nhiều ưu thế trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GDCCD, cụ thể:

- Kích thích tư duy phản biện và độc lập: HS được khuyến khích phân tích các vấn đề môi trường và thiên tai, đưa ra câu trả lời sáng tạo, logic, từ đó phát triển kỹ năng tư duy phản biện.

- Phát triển khả năng diễn đạt: Phương pháp này giúp HS rèn luyện kỹ năng diễn đạt bằng lời, đặc biệt khi thảo luận về các giải pháp bảo vệ môi

trường hoặc ứng phó với thiên tai.

- Tăng cường sự tương tác: Hỏi – đáp không chỉ diễn ra giữa GV và HS mà còn giữa các HS trong nhóm, tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự hợp tác và học hỏi lẫn nhau.

- Linh hoạt và hiệu quả: GV có thể sử dụng hỏi – đáp để kiểm tra nhanh hiểu biết của HS về các khái niệm PCTT và UPVBĐKH, từ đó điều chỉnh nội dung bài giảng hoặc cung cấp thông tin bổ sung kịp thời.

- Liên hệ thực tiễn: Hỏi – đáp giúp HS vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, chẳng hạn như phân tích nguyên nhân gây BĐKH hoặc xây dựng kế hoạch ứng phó thiên tai.

- Tạo hứng thú học tập: Việc trả lời đúng câu hỏi và nhận được sự khích lệ từ GV khiến HS cảm thấy tự tin, thích thú, và sẵn sàng tham gia tích cực hơn vào bài học.

Các dạng hỏi – đáp

- Hỏi – đáp gợi mở: GV đặt câu hỏi dẫn dắt để HS rút ra nhận định, kết luận về các vấn đề môi trường hoặc thiên tai.

Ví dụ: Theo em, vì sao phá rừng lại làm tăng nguy cơ lũ lụt?

- Hỏi – đáp củng cố: Sử dụng sau khi giảng bài để HS hệ thống hóa kiến thức đã học, khắc phục các hiểu lầm.



Ví dụ: Có thể sử dụng những giải pháp nào để ứng phó với hạn hán?

- Hỏi – đáp tổng kết: Yêu cầu học sinh HS khái quát hóa kiến thức sau một chủ đề.

Ví dụ: Em giải thích như thế nào về mối liên hệ giữa BĐKH và sự gia tăng các thiên tai ở Việt Nam?

- Hỏi – đáp kiểm tra: GV kiểm tra nhanh trước, trong, hoặc sau bài học để đánh giá mức độ hiểu biết của HS.

Ví dụ: Hạn hán thường xảy ra ở những vùng nào? Nguyên nhân chính là gì?

Công cụ sử dụng trong phương pháp đánh giá qua hỏi – đáp:

Câu hỏi là công cụ được dùng phổ biến trong phương pháp hỏi – đáp. Câu hỏi là dạng cấu trúc ngôn ngữ, diễn đạt một nhu cầu, một đòi hỏi hay một mệnh lệnh cần được giải quyết. Đây là loại công cụ được. Trong đánh giá, các câu hỏi được thiết kế có thể kiểm tra mức độ hiểu biết, tư duy, hoặc khả năng liên hệ thực tiễn của HS.

Câu hỏi bao gồm câu tự luận, câu hỏi tình huống, câu hỏi phản biện, câu hỏi đúng/sai, câu hỏi nhiều lựa chọn.

Ví dụ:

Câu câu hỏi tự luận mở: Nêu các giải pháp tiết kiệm điện trong gia đình

để vừa giảm hóa đơn tiền điện vừa góp phần bảo vệ môi trường.

Câu hỏi tình huống: Nếu em là chủ một trang trại chăn nuôi lớn, làm thế nào để vừa phát triển sản xuất vừa hạn chế tác động xấu đến môi trường?

Câu hỏi phản biện: Một số người cho rằng lũ lụt xảy ra là do thiên nhiên, không liên quan đến con người. Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao?

Câu hỏi lựa chọn:

Giải pháp nào sau đây mang lại hiệu quả cao trong giảm thiểu lũ lụt?

A. Trồng rừng.

B. Xây đê chắn nước.

C. Xả rác đúng quy định.

D. Xây hồ chứa nước.

Câu hỏi đúng/sai:

Câu 1. BĐKH không ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học. Đúng hay sai? Vì sao?

Câu 2. Đọc trường hợp sau và chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d).

Một nhà máy sản xuất cơ khí do ông A làm giám đốc đang tìm cách giảm tác động đến môi trường bằng cách tối ưu hóa quy trình sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo. Có một số giải pháp liên quan đến trách nhiệm



xã hội được đề xuất.

a) Nhà máy có thể giảm phát thải CO₂ bằng cách chuyển từ sử dụng điện lưới sang điện mặt trời góp phần thực hiện trách nhiệm đạo đức đối với xã hội.

b) Sử dụng máy móc cũ, hiệu suất thấp giúp tiết kiệm chi phí sản xuất và ít tác động đến môi trường hơn so với máy móc mới sẽ thực hiện được trách nhiệm kinh tế.

c) Hệ thống quản lý năng lượng thông minh giúp nhà máy tối ưu hóa tiêu thụ điện và giảm chi phí mà không ảnh hưởng đến năng suất là thực hiện trách nhiệm pháp lý.

d) Tái sử dụng và tái chế kim loại phế liệu trong sản xuất cơ khí để giảm tiêu thụ năng lượng và giảm tác động đến môi trường góp phần thực hiện trách nhiệm nhân văn.

3.3.2.3. Đánh giá qua sản phẩm học tập

Bản chất: đánh giá qua sản phẩm học tập là cách thức kiểm tra kết quả học tập của HS thông qua việc phân tích các sản phẩm do chính các em tạo ra. Các sản phẩm này là minh chứng trực tiếp của việc học, biểu hiện cụ thể năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng của HS. Trong dạy học môn GD CD, sản phẩm học tập đóng vai trò như bằng chứng cho khả năng hiểu

biết, tư duy phản biện, và sáng tạo của HS. GV có thể đánh giá quá trình thực hiện sản phẩm và kết quả cuối cùng để xác định mức độ tiến bộ và năng lực đạt được của HS theo mục tiêu môn học mà chương trình đã xác định.

Ưu thế của phương pháp đánh giá qua sản phẩm trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH

GV có thể đánh giá năng lực của HS không chỉ thông qua kết quả cuối cùng mà còn qua cả quá trình tạo ra sản phẩm.

Các sản phẩm học tập tích hợp như mô hình bảo vệ môi trường hoặc video truyền thông về BĐKH giúp HS phát huy trí tưởng tượng và sự sáng tạo.

Sản phẩm học tập giúp HS hình dung rõ mối liên hệ giữa kiến thức GD CD và các vấn đề thực tế như thiên tai hoặc ô nhiễm môi trường.

Đối với các sản phẩm phức tạp, HS phải hợp tác để phân tích, thực hiện nhiệm vụ, từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Các dự án học tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức để đưa ra giải pháp hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

HS có cơ hội thể hiện khả năng của riêng mình thông qua các sản phẩm học tập, không bị ràng buộc bởi

các phương thức đánh giá truyền thống.

Các dạng sản phẩm học tập

Sản phẩm đơn giản: Bao gồm những sản phẩm nhỏ gọn, dễ thực hiện như bài viết ngắn, biểu đồ, hình vẽ, phiếu học tập, bảng tóm tắt ý tưởng, hoặc các hoạt động nhóm liên quan đến phân tích nguyên nhân và giải pháp ứng phó với thiên tai. Đây là kết quả của các nhiệm vụ học tập cụ thể như nhận biết và phân tích yếu tố gây BĐKH.

Sản phẩm phức tạp: Đòi hỏi HS phải kết hợp nhiều kỹ năng, thông tin, và thời gian thực hiện, như các mô hình bảo vệ môi trường, video truyền thông về ứng phó thiên tai, báo cáo nghiên cứu thực địa, hoặc các dự án STEM liên quan đến giảm thiểu tác động thiên tai. Những sản phẩm này thường yêu cầu làm việc nhóm, qua đó giúp đánh giá năng lực giao tiếp, hợp tác, và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Cách áp dụng phương pháp

(Minh họa từ chủ đề 7- GD CD 6. Ứng phó với tình huống nguy hiểm đề)

Khi thực hiện hoạt động dạy học tích hợp “ứng phó với bão lũ”, GV có thể yêu cầu HS tạo một trong hai sản phẩm sau:

Sản phẩm đơn giản: Phiếu học tập liệt kê các bước ứng phó khi bão xảy ra (như chuẩn bị nơi trú ẩn, dự trữ thực phẩm, bảo vệ tài sản).

Sản phẩm phức tạp: Xây dựng mô hình sơ tán dân cư trong vùng bão hoặc tạo một video hướng dẫn cách xử lý tình huống nguy hiểm khi bão đến.

Sản phẩm cụ thể:

Sản phẩm 1. Phiếu học tập, HS lập danh sách các bước chuẩn bị ứng phó bão lũ (Cập nhật thông tin về bão qua đài, ti vi; gia cố nhà cửa trước bão; chuẩn bị lương thực, nước sạch, đèn pin, vật dụng sơ cứu; Sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn khi cần thiết.

Sản phẩm 2. Mô hình sơ tán dân cư, HS thiết kế mô hình gồm các tuyến đường sơ tán được quy hoạch, các điểm trú ẩn và các biện pháp bảo vệ môi trường trước bão như trồng cây chắn gió.

Sản phẩm 3. Video hướng dẫn, HS dựng video ngắn (2-3 phút) hướng dẫn người dân cách ứng phó với bão, với nội dung như: cách chuẩn bị đồ dùng thiết yếu, bảo vệ gia đình, và tuân thủ hướng dẫn sơ tán của chính quyền.

GV nêu yêu cầu cầu sản phẩm: Nội dung đúng (hiện kiến thức thực tế về các nguyên nhân, tác động của bão



lũ, và giải pháp ứng phó); Tính ứng dụng (Kế hoạch hoặc mô hình phải phù hợp với thực tế, đặc biệt là điều kiện địa phương); Tính sáng tạo (Sản phẩm cần mang tính sáng tạo, chẳng hạn áp dụng các công nghệ đơn giản hoặc ý tưởng mới mẻ.

Công cụ sử dụng trong phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập

Sử dụng “bảng kiểm” trong đánh giá sản phẩm nhằm đánh giá mức độ đầy đủ, chính xác của các bước chuẩn bị ứng phó bão lũ.

Bảng kiểm đánh giá phiếu học tập

Tiêu chí	Có (✓)	Không (x)	Ghi chú
Danh sách đầy đủ các bước chuẩn bị ứng phó bão lũ (ít nhất 4 bước quan trọng)			
Các bước được trình bày rõ ràng, dễ hiểu			
Có sắp xếp hợp lý theo trình tự thời gian hoặc mức độ ưu tiên			
Nội dung không có sai sót về kiến thức khoa học			
Sử dụng từ ngữ chính xác, không mơ hồ			

Sử dụng “thang đo” trong đánh giá sản phẩm 2 “mô hình sơ tán dân cư”.

Mục tiêu: Đánh giá mức độ sáng tạo, tính thực tế và tính khoa học của mô hình

Thang đo đánh giá mô hình sơ tán dân cư

Tiêu chí	1 (Yếu)	2 (T.bình)	3 (Khá)	4 (Tốt)	5 (Xuất sắc)
Quy hoạch tuyến đường sơ tán hợp lý					
Xác định rõ các điểm trú ẩn an toàn					
Có biện pháp bảo vệ môi trường (trồng cây chắn gió, ...)					
Mô hình trực quan, dễ hiểu					
Mức độ sáng tạo và khả năng ứng dụng thực tế					

Sử dụng “Rubric” trong đánh giá sản phẩm 3 “Video hướng dẫn”

Mục tiêu: Đánh giá nội dung, kỹ thuật và tính thuyết phục của video hướng dẫn

Rubric đánh giá video hướng dẫn

Tiêu chí	1 điểm (Chưa đạt)	2 điểm (Đạt)	3 điểm (Tốt)	4 điểm (Xuất sắc)
Nội dung	Nội dung sơ sài, thiếu nhiều thông tin quan trọng	Có thông tin nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác	Nội dung đầy đủ, có tính chính xác cao	Nội dung xuất sắc, trình bày rõ ràng, dễ hiểu



Tiêu chí	1 điểm (Chưa đạt)	2 điểm (Đạt)	3 điểm (Tốt)	4 điểm (Xuất sắc)
Hình ảnh, âm thanh	Hình ảnh mờ, âm thanh không rõ	Hình ảnh hoặc âm thanh còn hạn chế	Hình ảnh và âm thanh tốt, dễ theo dõi	Hình ảnh sắc nét, âm thanh rõ ràng, hấp dẫn
Khả năng thuyết phục	Không gây được sự chú ý, thiếu sức thuyết phục	Có tính thuyết phục nhưng chưa mạnh mẽ	Thuyết phục, tạo động lực cho người xem	Rất thuyết phục, có tác động mạnh đến người xem
Tính sáng tạo	Nội dung và cách thể hiện đơn giản, không có sáng tạo	Có một số yếu tố sáng tạo nhưng chưa nổi bật	Sáng tạo, hấp dẫn	Sáng tạo, thể hiện ý tưởng độc đáo

3.3.2.4. Đánh giá qua bài tập tình huống

(Sử dụng nội dung chủ đề “Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam” để minh họa)

Bản chất. Bài tập tình huống được thường sử dụng trong dạy học và kiểm tra đánh giá, trong đó GV sử dụng các bối cảnh hoặc tình huống giả định (hoặc thực tế) liên quan để giúp học sinh phân tích, giải quyết vấn đề, và đưa ra quyết định phù hợp. Các tình huống này thường đòi hỏi học sinh vận dụng kiến thức lí thuyết, kĩ năng tư duy logic và phản biện để giải quyết.

Trong dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, bài tập tình huống tập trung vào các vấn đề thực tế như ô nhiễm môi trường, BDKH, ứng phó thiên tai, và phát triển kinh tế bền vững...

Ví dụ: Tình huống: Một nhà máy sản xuất khai thác tài nguyên gây ô nhiễm môi trường. HS được giao nhiệm vụ: Phân tích các tác động tiêu cực của nhà máy lên môi trường, nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời bảo đảm lợi ích kinh tế.

Ưu thế của bài tập tình huống trong dạy học tích hợp PCTT và UPVBĐKH

- *Phát triển ở HS tư duy phản biện và kĩ năng phân tích*, HS được tiếp cận các tình huống thực tế, từ đó phân tích nguyên nhân và hậu quả, đề xuất giải pháp liên quan đến thiên tai hoặc biến đổi khí hậu.

Ví dụ: GV đưa bài tập tình huống thực tế: Một khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ lụt do mưa lớn kéo dài, nhưng người dân xả rác bừa bãi khiến hệ thống thoát nước bị tắc nghẽn, làm



trầm trọng thêm tình trạng ngập úng.

HS phân tích nguyên nhân (biến đổi khí hậu, hành vi của con người, quy hoạch đô thị...), hậu quả (ngập lụt, dịch bệnh, thiệt hại kinh tế...), từ đó đề xuất các giải pháp pháp lý và thực tiễn để giảm thiểu rủi ro (thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường, tăng cường xử phạt vi phạm...).

Kết nối lý thuyết với thực tiễn, tình huống giúp HS hiểu rõ mối liên hệ giữa kiến thức GDCD (như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hoặc tiêu dùng thông minh...) và các vấn đề thực tiễn như ô nhiễm môi trường, BDKH, PCTT.

Ví dụ: Tình huống thực tế: Một công ty xả thải hóa chất chưa qua xử lý ra sông làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của người dân địa phương.

Yêu cầu: HS tìm hiểu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quy định pháp luật và liên hệ với nguyên tắc tiêu dùng thông minh (chọn sản phẩm của doanh nghiệp có trách nhiệm môi trường, tẩy chay sản phẩm của doanh nghiệp gây ô nhiễm).

HS thảo luận về cách doanh nghiệp có thể thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường theo luật, đồng thời đề xuất vai trò của người tiêu dùng trong việc thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững.

Phát triển ở HS kỹ năng giải quyết vấn đề, HS được rèn luyện khả năng đưa ra các quyết định phù hợp, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề đa chiều.

Ví dụ: Tình huống thực tế: Một trận hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Chính quyền khuyến khích người dân sử dụng nước tiết kiệm nhưng nhiều hộ gia đình vẫn lãng phí.

HS đưa ra các giải pháp sáng tạo và phù hợp về mặt pháp lý, như: Áp dụng công nghệ tiết kiệm nước trong nông nghiệp; Truyền thông nâng cao ý thức cộng đồng; Xây dựng chính sách ưu đãi cho các hộ sử dụng nước hiệu quả.

Thúc đẩy tinh thần hợp tác ở HS, Bài tập tình huống thường được thực hiện theo nhóm, qua đó rèn kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, và xử lý mâu thuẫn.

Ví dụ: Bài tập thực tế: HS cùng nhau thiết kế mô hình sơ tán dân cư khi có bão lũ, bao gồm: Tuyến đường sơ tán an toàn; Điểm tập trung và cứu trợ; Biện pháp giảm thiểu tác động của bão (trồng cây chắn gió, nâng cấp nhà ở, hệ thống cảnh báo sớm...).

HS phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình và xử lý



mâu thuẫn khi có ý kiến khác nhau trong nhóm.

Tăng tính hứng thú và tích cực: Các tình huống thú vị và gần gũi với đời sống học sinh giúp HS chủ động học tập, sáng tạo và gắn bó với bài học.

Ví dụ: Tình huống thực tế: HS thực hiện video hướng dẫn người dân cách chuẩn bị đối phó với bão lũ theo quy định pháp luật, bao gồm: Cách gia cố nhà cửa trước bão; Những vật dụng cần thiết (nước sạch, lương thực, đèn pin, bộ sơ cứu...); Hướng dẫn sơ tán an toàn.

HS quay video ngắn (2-3 phút), đóng vai các nhân vật để tăng tính sinh động, khuyến khích sáng tạo.

Những bài tập tình huống trên giúp HS rèn luyện tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và kết nối lý thuyết pháp luật về môi trường, BĐKH, thiên tai và PCTT gắn với thực tiễn cuộc sống, đồng thời làm cho việc học trở nên hấp dẫn hơn.

Các dạng bài tập tình huống

Bài tập tình huống thực tế: HS phân tích các yếu tố liên quan trong tình huống và đưa ra quyết định. *Ví dụ:* Tại một xã miền núi, do khai thác tài nguyên khoáng sản không kiểm soát, đất đai ngày càng bạc màu và nguồn nước cạn kiệt, gây khó khăn

cho sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân. Chính quyền xã đang tìm giải pháp để đảm bảo phát triển kinh tế mà vẫn bảo vệ môi trường. HS cần phân tích nguyên nhân, hậu quả của tình trạng này và đề xuất một kế hoạch hành động phù hợp giúp địa phương giải quyết vấn đề.

Bài tập ra quyết định trong tình huống giả định: HS được cung cấp thông tin và lựa chọn phương án giải quyết. *Ví dụ:* Một khu vực xảy ra hạn hán nghiêm trọng. HS cần đề xuất kế hoạch quản lý nguồn nước.

Bài tập mô phỏng hoặc nhập vai: HS đóng vai người chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề, từ đó hiểu rõ trách nhiệm và tác động của quyết định mình đưa ra. *Ví dụ:* Nhập vai giám đốc một nhà máy sản xuất, đề xuất giải pháp giảm thiểu khí thải công nghiệp.

Bài tập dự đoán hậu quả: HS phân tích tình huống và dự đoán hậu quả nếu không hành động kịp thời. *Ví dụ:* Dự đoán tác động của phá rừng lên khí hậu và đời sống người dân địa phương.

Cách sử dụng bài tập tình huống

Thiết kế tình huống phù hợp: Tình huống cần thiết thực, gắn liền với nội dung giáo dục PCTT và ƯPV BĐKH, như tác động của hoạt



động kinh tế đến môi trường.

Ví dụ: Một công ty khai thác khoáng sản làm cạn kiệt nguồn nước ngầm và gây ô nhiễm không khí. Đề xuất giải pháp tối ưu hóa hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

Hướng dẫn HS tiếp cận: GV cung cấp thông tin, đặt câu hỏi dẫn dắt, và tạo điều kiện để HS thảo luận, phân tích.

Ví dụ: GV đưa ra biểu đồ/số liệu về sự suy giảm độ che phủ rừng tại địa phương và yêu cầu HS phân tích.

Đánh giá: GV sử dụng công cụ như phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric) để chấm điểm bài tập tình huống, xem xét cả quá trình và kết quả.

Ví dụ: Độ chính xác của phân tích, tính khả thi của giải pháp, khả năng trình bày.

Phương pháp đánh giá qua bài tập tình huống không chỉ kiểm tra kiến thức mà còn phát triển kỹ năng toàn diện cho HS, giúp HS nhận thức sâu sắc và hành động vì lợi ích chung của môi trường và xã hội.

3.4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.4.1 Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong môn GD CD ở trường phổ thông

3.4.1.1. Quan niệm về xây dựng KHBD tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH

KHBD được xem là kịch bản chi tiết do GV thiết kế để tổ chức các hoạt động học tập, kiểm tra, và đánh giá HS, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu cần đạt và phát triển năng lực, phẩm chất của HS.

Chương trình môn GD CD chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kỹ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế và tích hợp nhiều nội dung giáo dục cần thiết khác như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,... Những nội dung này gắn bó chặt chẽ với cuộc sống thực tiễn của HS, gắn liền với các sự kiện có tính thời sự trong đời sống đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương, đất nước và thế giới.

Theo đó, việc xây dựng KHBD không chỉ bám sát mục tiêu và yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình mà còn cần tích hợp các nội dung cần thiết trong đó có các nội dung liên quan đến PCTT và



ƯPVBDKH nhằm góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm của HS đối với môi trường và cộng đồng, đồng thời phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Ví dụ: Khi xây dựng KHBD với chủ đề 5 (Đạo đức lớp 5) “*Bảo vệ môi trường sống*” hoặc chủ đề 3 (GD CD lớp 9) “*Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng*”, GV có thể đưa nội dung về trách nhiệm trong bảo vệ môi trường sống trước tác động của BĐKH và thiên tai.

Hoặc trong các chủ đề giải quyết các vấn đề xã hội như chủ đề 7 (GD CD lớp 6) “*Ứng phó với tình huống nguy hiểm*”, GV có thể đưa vào tình huống ứng phó với thiên tai, như lập kế hoạch sơ tán dân cư hoặc giảm thiểu thiệt hại từ bão lũ.

Việc xây dựng KHBD tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH, giúp GV tổ chức các hoạt động học tập như phân tích nguyên nhân BĐKH hoặc hậu quả của thiên tai. Chẳng hạn như GV có thể thiết kế một hoạt động phân tích tác động của ô nhiễm không khí đến sức khỏe con người trong bối cảnh BĐKH. Các học GD CD trở nên gần gũi và ý nghĩa hơn với đời sống thực tế của HS. Ví dụ: Khi thảo luận về quyền và nghĩa vụ của công dân, HS có thể đưa ra ý kiến về việc tham gia các hoạt

động trồng cây, làm sạch môi trường để giảm thiểu tác động của BĐKH.

KHBD không chỉ là công cụ hỗ trợ GV tổ chức bài học mà còn giúp đảm bảo rằng nội dung giáo dục PCTT và ƯPVBDKH được lồng ghép, tích hợp một cách hiệu quả, giúp HS học hỏi và hành động vì lợi ích của môi trường và xã hội.

3.4.1.2. Cấu trúc của KHBD tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH

KHBD có thể khác nhau, phù hợp với từng nội dung, đối tượng dạy học và khả năng của người thiết kế. Điểm quan trọng của KHBD theo yêu cầu hiện nay là nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực HS, đến các hoạt động học tập của HS, đến phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực. Hiện nay KHBD môn GD CD nói riêng được trình bày bám sát hướng dẫn theo CV số 5512 (Phụ lục 4) của Bộ GD&ĐT. Như vậy, cấu trúc của KHBD gồm các nội dung chính sau: Xác định mục tiêu bài học; dự kiến các nguồn lực/ thiết bị hỗ trợ dạy học; thiết kế các hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện hoạt động dạy học. Theo đó, KHBD tích hợp PCTT và ƯPVBDKH cũng bám sát các nội dung cơ bản theo hướng dẫn trên để xác định nội



dung tích hợp giáo dục PCTT và UPBĐKH vào mục tiêu bài học; thiết bị học liệu; chuỗi hoạt động học tập. Cụ thể:

Về mục tiêu: cần xác định rõ nội dung tích hợp là kiến thức hoặc kỹ năng hoặc thái độ vào mục tiêu kiến thức, mục tiêu năng lực và phẩm chất.

Ví dụ: Trong bài Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng (GDCC9).

- Khi xác định mục tiêu năng lực: “Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng” có thể xác định kiến thức PCTT và UPBĐKH cần sử dụng để hình thành mục tiêu này như “Giải thích nguyên nhân và hậu quả của BĐKH và thiên tai, biện pháp ứng phó với BĐKH và thiên tai”.

- Khi xác định mục tiêu năng lực: “Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức” có thể lựa chọn kỹ năng “Lập kế hoạch bảo vệ môi trường, giải quyết tình huống thiên tai tại địa phương, ứng phó với BĐKH và thiên tai” để rèn luyện cho HS.

- Khi thực hiện mục tiêu phẩm chất: “Có trách nhiệm và tích cực và tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng”, có thể hình thành ở HS thái độ như “Hình thành ý thức trách nhiệm

với môi trường và tham gia tích cực vào các hoạt động PCTT và UPBĐKH”.

Về thiết bị, học liệu: KHBD tích hợp giáo dục PCTT và UPVBPĐKH chú trọng hơn đến việc lựa chọn các tài liệu, video, hình ảnh, mô hình trực quan liên quan đến PCTT và UPVBPĐKH, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận và hình dung.

Ví dụ: Các biểu đồ nhiệt độ toàn cầu, video mô phỏng hậu quả của lũ lụt.

Về chuỗi hoạt động học tập:

Hoạt động mở đầu: Sử dụng các tình huống thực tế, câu hỏi khởi động hoặc hiện tượng môi trường, BĐKH hoặc thiên tai gần đây để khơi gợi sự quan tâm của HS.

Ví dụ: Chiếu một đoạn video ngắn về một cơn bão lớn hoặc trận lũ lụt lớn và đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng này? Điều gì gây ra sự gia tăng các cơn bão/trận lũ lớn hiện nay?

Hoạt động hình thành kiến thức: Chia nhỏ nội dung PCTT và UPVBPĐKH thành từng phần, giúp HS dễ dàng liên hệ lý thuyết với thực tiễn. Xây dựng các hoạt động cá nhân kết hợp thảo luận nhóm để phân tích nguyên nhân, hậu quả của PCTT và UPVBPĐKH thông qua các kiến thức môn học phù hợp, cách công dân có



thể góp phần giảm thiểu BĐKH qua bài học về trách nhiệm.

Ví dụ: HS tự nghiên cứu tài liệu (đọc, viết, phân tích...) sau đó trao đổi với bạn (theo cặp, nhóm, lớp...) để phân tích vai trò của trồng rừng trong giảm thiểu BĐKH.

Hoạt động luyện tập: HS áp dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập hoặc tình huống thực tế.

Ví dụ: Thiết kế một kế hoạch ứng phó với bão hoặc hạn hán tại địa phương hoặc lập kế hoạch sơ tán dân cư khi có lũ lụt xảy ra tại địa phương.

Hoạt động vận dụng: Đề xuất các nhiệm vụ thực tế như phân tích ảnh hưởng của BĐKH và thiên tai tại địa phương hoặc tạo mô hình giảm thiểu lũ lụt... GV có thể yêu cầu HS thực hiện các dự án nhỏ hoặc hành động thực tế tại nơi cư trú.

Ví dụ: Xây dựng video tuyên truyền về giảm thiểu rác thải nhựa để bảo vệ môi trường hoặc trồng cây xanh tại trường học...

Kế hoạch bài dạy không chỉ là công cụ hỗ trợ giáo viên tổ chức bài học mà còn giúp đảm bảo rằng nội dung giáo dục PCTT và ƯPVĐKH được lồng ghép một cách hiệu quả, giúp học sinh học hỏi và hành động vì lợi ích của môi trường và xã hội.

3.4.1.3. Quy trình xây dựng KHBD tích hợp PCTT và ƯPVĐKH

Xác định và liên kết nội dung kiến thức GD CD với PCTT và ƯPVĐKH:

- Nội dung tích hợp về PCTT và ƯPVĐKH: Khi xây dựng KHBD, bước đầu tiên là xác định nội dung kiến thức cần tích hợp. GV có thể dựa vào bảng địa chỉ tích hợp (do nhà trường hoặc tổ/nhóm chuyên môn xây dựng) để chọn các vấn đề liên quan đến thiên tai, BĐKH, PCTT và ƯPVĐKH.

- Kết nối với nội dung GD CD: GV cần làm rõ mối liên hệ giữa kiến thức GD CD (như trách nhiệm pháp lí, đạo đức công dân) và các nội dung BĐKH, PCTT để HS hiểu tính thực tiễn của bài học.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 5 (GD KT & PL 12): Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Xác định và liên kết với nội dung GD CD với nội dung PCTT và ƯPVĐKH

Nội dung chủ đề: a) Trách nhiệm pháp lí: HS cần nêu rõ trách nhiệm của doanh nghiệp theo Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam, bao gồm kiểm soát khí thải và xử lí chất thải đúng quy định; b) Trách nhiệm đạo đức: Nhấn mạnh nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc đặt sức khỏe cộng đồng và sự bền vững của môi trường



lên hàng đầu; c) Trách nhiệm nhân văn: Hướng đến các biện pháp hỗ trợ cộng đồng, như xây dựng quỹ phòng chống thiên tai hoặc tổ chức các chương trình bảo vệ môi trường.

Nội dung PCTT và UPVBĐKH: a) Phân tích cách doanh nghiệp góp phần làm gia tăng BĐKH do phát thải khí nhà kính. Đề xuất giải pháp như: chuyển đổi sang công nghệ sản xuất sạch, đầu tư vào năng lượng tái tạo (như sử dụng năng lượng mặt trời cho nhà máy); b) Đề xuất các biện pháp quản lý chất thải chặt chẽ hơn trong mùa mưa bão để tránh ô nhiễm nguồn nước và ngập úng.

Phát triển năng lực HS thông qua các hoạt động học cụ thể:

- Tổ chức các hoạt động học để phát triển năng lực: Mỗi hoạt động học cần hướng tới việc phát triển các năng lực như:

- Giải quyết vấn đề: HS thảo luận, phân tích và đưa ra giải pháp cho các tình huống liên quan đến BĐKH hoặc thiên tai.

- Hợp tác: HS làm việc nhóm để cùng nhau thực hiện các dự án hoặc xây dựng sản phẩm học tập.

Ví dụ: Khi dạy chủ đề 5 (GDKT&PL 12): Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Từ liên kết nội dung, GV xây dựng bài tập tình huống và đưa ra yêu cầu với HS

- Tình huống: Một doanh nghiệp sản xuất xi măng tại địa phương đang sử dụng công nghệ cũ, gây ra lượng lớn khí thải CO₂ và bụi mịn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và môi trường. Đồng thời, trong mùa mưa bão, chất thải của nhà máy không được quản lý chặt chẽ, dẫn đến nguy cơ làm ô nhiễm nguồn nước và gây ngập úng tại các khu vực xung quanh.

- Yêu cầu với HS: đóng vai nhóm cố vấn cho doanh nghiệp và thảo luận các nội dung sau: 1) Phân tích các trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp cần thực hiện trong trường hợp này (bao gồm trách nhiệm kinh tế, pháp lí, đạo đức, và nhân văn); 2) Đề xuất các biện pháp cải thiện để doanh nghiệp vừa bảo vệ môi trường vừa đảm bảo lợi ích kinh tế, đặc biệt là giảm thiểu tác động của BĐKH và nguy cơ thiên tai; 3) Vai trò của cộng đồng và chính quyền địa phương trong giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm này.

Hoạt động học tập cụ thể của HS:

- Thảo luận nhóm: HS thảo luận các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và trình bày giải pháp. Ví dụ:



Nhóm 1 tập trung vào giải pháp pháp lí, nhóm 2 tập trung vào trách nhiệm nhân văn, nhóm 3 tìm cách giảm thiểu phát thải để giảm tác động BĐKH.

- Thiết kế sản phẩm: HS thiết kế một kế hoạch hành động cụ thể để doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội (ví dụ: xây dựng mô hình quản lí chất thải hoặc poster truyền thông về bảo vệ môi trường).

GV khuyến khích HS trao đổi ý kiến, thảo luận nhóm, thực hiện dự án như thiết kế mô hình sơ tán hoặc làm video tuyên truyền về bảo vệ môi

trường. Tăng cường sử dụng câu hỏi kích thích tư duy như: "Nếu khu vực bị phá rừng hoàn toàn, nguy cơ thiên tai sẽ như thế nào? Hãy giải thích vì sao?"

Thiết kế các hoạt động đánh giá:

- Sử dụng bài tập tình huống thực tế: Để kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng của học sinh, giáo viên thiết kế các bài tập mang tính thực tiễn. Các bài tập này không chỉ đánh giá kết quả mà còn tập trung vào quá trình thực hiện.

- Sử dụng Rubric đánh giá:

Tiêu chí	Mô tả	Điểm tối đa	Điểm đạt
Phân tích đúng trách nhiệm xã hội	Xác định đầy đủ và chính xác các trách nhiệm chưa được thực hiện.	5	
Tính khả thi của giải pháp	Các giải pháp mang tính thực tế, có thể áp dụng trong bối cảnh địa phương.	5	
Kế hoạch hành động chi tiết	Kế hoạch rõ ràng, logic và đề xuất kết quả mong đợi cụ thể.	5	
Kĩ năng làm việc nhóm	Phân công hợp lí, hợp tác hiệu quả và làm việc tích cực.	5	
Kĩ năng trình bày	Phần trình bày hấp dẫn, mạch lạc và trả lời tốt các câu hỏi phản biện	5	

Một bản KHDH tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKHT hoàn chỉnh sẽ giúp HS hiểu rõ hơn về mối liên hệ giữa kiến thức GDCC và các vấn đề toàn cầu như BĐKH và thiên tai. Phát triển ở HS ý thức trách nhiệm với cộng đồng, góp phần hình thành hành vi

bảo vệ môi trường. Trang bị cho HS kĩ năng giải quyết vấn đề thực tiễn, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo.

3.4.2. Tổ chức dạy tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GDCC



3.4.2.1. Một số yêu cầu chung

Việc tổ chức dạy học tích hợp giáo dục phòng, PCTT và ŨPVBDKH trong môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông không chỉ là việc lồng ghép thêm nội dung mà là một quá trình tổ chức lại hoạt động học tập theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, gắn với thực tiễn xã hội và bối cảnh địa phương.

Trong tổ chức dạy học tích hợp giáo dục PCTT và ŨPVBDKH, khi lựa chọn chủ đề và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp giáo viên cần thực hiện linh hoạt theo một số yếu cầu cơ bản sau:

- *Tích hợp một cách tự nhiên, gắn với chủ đề bài học*, việc tích hợp nội dung PCTT và ŨPVBDKH cần thực hiện theo cách tự nhiên, có mối liên hệ rõ ràng với kiến thức môn GD CD, không gượng ép, không tách rời nội dung bài học chính. Nếu tích hợp một cách cơ học (chèn nội dung không phù hợp), sẽ khiến học sinh thấy bài học bị rối, không mạch lạc, từ đó làm giảm hiệu quả giáo dục. Ví dụ:

Lớp 5 – Chủ đề 3: Bảo vệ môi trường sống → Thảo luận về hành động của học sinh trước nguy cơ BDKH và các mô hình “trường học xanh”.

Giao nhiệm vụ HS tìm hiểu vai trò

tình nguyện viên trong cứu trợ thiên tai.

Lớp 6 – Chủ đề 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm → Tích hợp kỹ năng ứng phó thiên tai: sơ tán khi có bão, cháy rừng, lũ quét.

Lớp 9 – Chủ đề 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng → Giao nhiệm vụ HS tìm hiểu vai trò tình nguyện viên trong cứu trợ thiên tai.

- *Lấy học sinh làm trung tâm, phát huy vai trò chủ động của người học*. Học sinh không chỉ là người nghe và ghi chép nội dung về BDKH hay thiên tai, mà cần được tham gia vào quá trình phân tích, thảo luận, đề xuất giải pháp, và phản ánh cá nhân. Khi HS được tự mình xử lý tình huống, phân tích vấn đề, họ phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và có động cơ hành động tích cực. Nói cách khác là giáo viên cần tổ chức các hoạt động học mà HS được tự khám phá, phân tích vấn đề, xử lý tình huống, đề xuất giải pháp... Ví dụ:

Lớp 8 – Chủ đề 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên HS thực hiện điều tra rác thải sinh hoạt ở trường mình, đề xuất giải pháp giảm thiểu.

Lớp 11 – Chuyên đề 11: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên → HS xây dựng video tuyên

truyền hoặc infographic về “10 hành động nhỏ để thích ứng với biến đổi khí hậu”.

GV cần hướng dẫn HS thực hiện hoạt động bằng nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, tránh để HS lúng túng hoặc thực hiện một cách hình thức.

- *Gắn với bối cảnh thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn địa phương.* Nội dung dạy học cần gắn với tình hình thiên tai, ô nhiễm môi trường, hiện tượng BĐKH diễn ra ở chính địa phương của học sinh. Việc gắn với thực tiễn giúp HS dễ hiểu, dễ liên hệ, thấy bài học gần gũi và thấy rõ vai trò cá nhân mình trong việc ứng phó với các vấn đề toàn cầu. Ví dụ:

Lớp 12 – Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp → Phân tích chính sách phát triển thủy điện và nguy cơ sạt lở đất tại một tỉnh miền núi phía Bắc.

Lớp 12 – Chủ đề 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội
Tổ chức thảo luận: “Quyền được sống trong môi trường an toàn trước thiên tai có được đảm bảo không?” – dựa trên một vụ việc thực tế (ví dụ vụ lũ ống, vỡ đập...).

GV cần tìm hiểu thông tin chính xác, cập nhật, có thể qua báo chí, báo cáo địa phương, hoặc chính học sinh

thu thập qua khảo sát, chụp ảnh...

Sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học tích cực. Các nội dung về PCTT và UPVBĐKH có tính thời sự, liên ngành, đòi hỏi cách tiếp cận đa chiều. Việc chỉ thuyết trình hoặc đọc – chép là không đủ, vì thế đa dạng phương pháp sẽ giúp HS được trải nghiệm, hợp tác, phản biện và vận dụng kiến thức một cách sáng tạo.

Ví dụ:

Lớp 8 – Chủ đề 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên
Tổ chức trò chơi nhập vai: nhóm “chính quyền địa phương” – “người dân” – “doanh nghiệp” cùng xây dựng phương án giảm nhẹ tác động lũ lụt.

Lớp 12 – Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
Dạy học theo dự án: HS nghiên cứu vai trò của doanh nghiệp trong giảm thiểu khí thải và thích ứng với thiên tai, kết hợp đề xuất giải pháp (tạo poster, bản tin truyền thông...).

Trong tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, GV áp dụng các kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực nhằm đạt đến mục tiêu phát triển năng lực cho người học thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tiễn. Cần lưu ý rằng, tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH không phải là



một PPDH mới mà là chiến lược tổ chức dạy học nhằm kết nối các kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng và thái độ của người học với các nhiệm vụ do thực tiễn đặt ra. GV cần đảm bảo sự kết hợp hợp lý giữa hoạt động cá nhân, nhóm và lớp, có thời gian phù hợp và công cụ đánh giá rõ ràng (phiếu quan sát, rubric...).

3.4.2.2. Thực hiện các bước tổ chức dạy học tích hợp PCTT và ỨPVBDKH

Để tổ chức dạy học tích hợp hiệu quả, giáo viên cần thiết kế và triển khai bài học theo quy trình chặt chẽ, linh hoạt và lấy học sinh làm trung tâm. Dưới đây là các bước cơ bản giúp định hướng việc thực hành sư phạm và giảng dạy thực tiễn:

- *Tổ chức hoạt động mở đầu* theo hướng tạo động cơ học tập và kết nối thực tiễn. Giáo viên nên sử dụng một tình huống thực tế, một câu hỏi mở, một video ngắn hoặc một sự kiện thời sự để “kích hoạt” tư duy và cảm xúc của học sinh, gắn vấn đề thiên tai/BĐKH với bài học GD CD.

Ví dụ Lớp 7 – Chủ đề 3: Công dân với cộng đồng. Chiếu video ngắn về hoạt động cứu trợ sau lũ và đặt câu hỏi: “Hoạt động cộng đồng nào được nói đến trong đoạn video? là học sinh, chúng ta có thể tham gia hoạt động

cộng đồng đó như thế nào?”

- *Tổ chức các hoạt động hình thành kiến thức*, đây là hoạt động trong tâm gắn nội dung GD CD với nội dung về thiên tai, BĐKH. Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận khái niệm, nội dung kiến thức GD CD (ví dụ: quyền công dân, nghĩa vụ pháp lý, trách nhiệm xã hội...) thông qua việc kết nối với các vấn đề môi trường, thiên tai hoặc BĐKH.

Ví dụ: Chuyên đề lớp 11: Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên → Học sinh đọc tài liệu về biến đổi khí hậu, thảo luận: “Làm thế nào để học sinh - với tư cách là công dân toàn cầu thể hiện trách nhiệm với PCTT và ỨPVBDKH?”

- *Tổ chức các hoạt động luyện tập* cần được thiết kế để học sinh được áp dụng kiến thức GD CD và hiểu biết về PCTT và ỨPVBDKH để xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, đưa ra phương án hành động phù hợp, hoặc đóng vai xử lý vi phạm về môi trường, xây dựng giải pháp ứng phó thiên tai trong cộng đồng.

Ví dụ: Lớp 6 – Chủ đề Ứng phó với tình huống nguy hiểm: Lập sơ đồ kế hoạch sơ tán khi có bão lớn tại trường học.

- *Tổ chức hoạt động vận dụng*. Đây là bước quan trọng trong việc chuyển



hóa tri thức thành hành động cụ thể của HS, do đó GV có thể tổ chức các nhiệm vụ học tập gắn với hành động thực tế nhằm phát triển năng lực thực tiễn cho học sinh.

Ví dụ: Lớp 9 – Chủ đề 3: Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng → HS thiết kế chiến dịch truyền thông “Chung tay vì hành tinh xanh” tại trường.

Các hoạt động học nên thiết kế nhỏ gọn, khả thi với lứa tuổi, có thể đánh giá qua sản phẩm học tập, nhật ký trải nghiệm.

Khi tổ chức các hoạt động học, sau mỗi bước triển khai, tương ứng với đặc trưng của từng dạng hoạt động học, GV cần hướng dẫn học sinh kết nối – củng cố – phát triển tiếp những gì học sinh đã học được sau quá trình khám phá, trải nghiệm và vận dụng kiến thức. Trong đó cần lưu ý:

Khi hướng dẫn HS phản hồi cần giúp học sinh nhận ra mình đã làm tốt ở đâu, cần cải thiện điều gì. Gv nên sử dụng các công cụ phản hồi phù hợp như rubric, bảng kiểm, nhận xét bằng lời.

Khi tổ chức cho học sinh đối thoại lớp học để học sinh được chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, điều đã học được và khó khăn gặp phải trong suốt quá trình học. GV có thể sử dụng các

phiếu phản tư cá nhân: “Em học được gì?”, “Em thấy điều gì khó?”, “Em muốn cải thiện điều gì?”. Nên hướng dẫn HS lắng nghe bạn, học hỏi cách nhìn khác. Ví dụ: Sau khi HS thiết kế kế hoạch hành động cộng đồng ứng phó hạn hán, GV yêu cầu mỗi nhóm viết vào bảng: “*Điều nhóm em tự hào nhất – Điều nhóm em muốn làm tốt hơn lần sau*” → từ đó cả lớp học hỏi lẫn nhau.

Khi hướng dẫn HS mở rộng vấn đề – Phát triển chiều sâu nhận thức, Gv nên đặt các câu hỏi mở rộng bài học, kết nối đến các vấn đề toàn cầu – chính sách quốc gia – trách nhiệm công dân, giúp học sinh hình thành tư duy hệ thống và động cơ hành động lâu dài. Ví dụ: *Em biết gì về mục tiêu số 13 trong 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs)? – Hành động vì khí hậu.* → HS thảo luận về trách nhiệm cá nhân và đề xuất hành động nhỏ phù hợp với mình...

3.4.2.3. Vai trò của giáo viên trong tổ chức dạy học tích hợp PCTT và ƯPVBDKH

Để thấy rõ vai trò của GV và người học trong tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH, có thể so sánh điểm khác biệt giữa tổ chức dạy học tích hợp với dạy học một môn học.



Phương diện	Tích hợp	Dạy từng môn
Miêu tả	Mục tiêu là phục vụ cho mục tiêu chung của một số nội dung thuộc các môn khác nhau.	Mục tiêu dạy là xử lý riêng rẽ của từng môn học.
Bản chất của mục tiêu theo đuổi	Mục tiêu rộng, ưu tiên các mục tiêu chung. Các mục tiêu trung gian đóng góp vào việc đạt được mục tiêu chung.	Mục tiêu hạn chế hơn, chuyên biệt hơn (thường là các kiến thức và kỹ năng).
Kế hoạch dạy học	Kết nối với lợi ích và sự quan tâm của người học, của cộng đồng.	Xuất phát từ một tình huống có liên quan tới nội dung của một môn học.
Tổ chức dạy học	Xuất phát từ vấn đề cần giải quyết hoặc một dự án cần thực hiện, việc tự chủ giải quyết vấn đề cầu viện vào các kiến thức, kỹ năng thuộc các môn học khác nhau.	Hoạt động học được cấu trúc chặt chẽ theo tiến trình đã dự kiến (trước khi thực hiện hoạt động) hoặc diễn tự phát.
Trung tâm của việc dạy	Nhấn mạnh đặc biệt đến sự phát triển và làm chủ mục tiêu lâu dài như là các phương pháp, kỹ năng và thái độ của người học.	Đặc biệt nhằm tới việc làm chủ mục tiêu ngắn hạn như kiến thức.
Kết quả của việc học	Dẫn đến việc phát triển thái độ và kỹ năng phức hợp, trí tuệ cũng như tình cảm (đánh giá, phân tích, phê phán, sáng tạo, làm việc nhóm). Hoạt động học dẫn đến việc tích hợp các kiến thức đã tiếp nhận.	Dẫn đến việc tiếp nhận kiến thức và kỹ năng phần lớn thông qua các thao tác tư duy như nhớ lại, tái tạo, sắp xếp.

Như vậy để tổ chức dạy học tích hợp PCTT và UPVBĐKH hiệu quả, GV cần lựa chọn nội dung tích hợp phù hợp với từng đối tượng học sinh; Thiết kế bài giảng sáng tạo, kích thích tư duy phản biện; Tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích học sinh hành động; Sử dụng linh hoạt các công cụ đánh giá định tính và định lượng; Phối hợp với cha mẹ HS, cộng đồng, chuyên gia môi trường để làm giàu tài nguyên giảng dạy.

Sự thành công của dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong môn GD CD không chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào việc người GV có trình độ chuyên môn cao mà còn cần cả sự hợp tác giữa các GV tham gia dạy học. Các GV tham gia dạy môn học cũng cần phải nhìn nhận lại khả năng cũng như những giới hạn còn tồn tại trong chuyên môn của mình, những điều cần phải khắc phục để đáp ứng nội dung và phương pháp mới.



CHƯƠNG 4:

MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

4.1. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP THPT

4.1.1. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 10

Chủ đề 8

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được:
 - + Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.
 - + Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.
 - + Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.
- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.
- Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

(Chương trình môn GDCC, trang 42)

Bài 1. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

1. MỤC TIÊU

Kiến thức: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

Về năng lực:

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. (Tích hợp các Luật về PCTT và UPVBĐKH)

Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân

tích, đánh giá được việc thực hiện các văn bản pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật; Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật (Tích hợp quy phạm pháp luật về PCTT và UPVBĐKH)

Về phẩm chất:

Trách nhiệm: Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về hệ thống pháp



luật và văn bản pháp luật Việt Nam.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV môn GD KT&PL 10 (Bộ sách Cánh Diều)

- Một số văn bản pháp luật: Luật

phòng, chống thiên tai 2013 (điều 12); Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Điều 6, điều 50)

- Máy tính, máy chiếu, bảng nhóm, giấy A4, A0, bút màu

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tên Hoạt động	Mục tiêu hoạt động	Nội dung		PPDH KTDH
		Nội dung bài học	Nội dung tích hợp	
1. Mở đầu (Tiết 1)	Khai thác hiểu biết ban đầu của HS về hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật		- Tên Luật/quy phạm pháp luật có liên quan đến thiên tai, BDKH	PP: Trò chơi; Khám phá
2. Tìm hiểu hệ thống cấu trúc pháp luật VN (Tiết 1)	Nêu được hệ thống pháp luật VN	Hệ thống cấu trúc pháp luật: - Quy phạm PL - Chế định PL - Ngành luật		PP: Hợp tác, Khám phá; KT: Sơ đồ tư duy, phòng tranh
3. Tìm hiểu hệ thống văn bản pháp luật VN (Tiết 2,3)	- Nêu được hệ thống văn bản pháp luật VN - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện văn bản pháp luật trong một số tình huống thực tiễn;	- Văn bản quy phạm pháp luật - Văn bản áp dụng pháp luật	- Văn bản pháp liên quan đến PCTT, BDKH - Tình huống về BDKH, thiên tai.	PP: Hợp tác, Khám phá, Giải quyết vấn đề KT: “KWL”, Phòng tranh
4. Luyện tập (tiết 1,2,3)	- Phân tích, đánh giá được việc thực hiện văn bản pháp luật. - Phê phán hành vi vi phạm PL	Hệ thống cấu trúc Hệ thống văn bản	Văn bản pháp luật xử lý các vi phạm liên quan đến môi trường, PCTT và BDKH	PP: Trò chơi; Đóng vai
5. Vận dụng (tiết 3)	- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật - Tích cực tham gia, vận động người khác tham gia tuyên truyền về hệ thống PL và văn bản PL VN	Hệ thống văn bản pháp luật ở địa phương	Văn bản pháp luật liên quan đến môi trường, PCTT và UPVBĐKH do chính quyền địa phương ban hành	PP: Dự án; Hợp tác, Giải quyết vấn đề



Tiết 2.

Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản pháp luật Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nhận biết được các loại văn bản pháp luật Việt Nam

Nội dung tích hợp: Một số văn bản PL quy định về môi trường, thiên tai và PCTT

b) Tổ chức thực hiện:

GV chiếu các Điều luật trên màn hình: Điều 12, điều 30 của Luật phòng chống thiên tai; Điều 6, điều 50 của Luật Bảo vệ môi trường (hình thức sơ đồ tư duy)

GV chia HS trong lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm như sau:

- Mỗi nhóm lựa chọn 1 tình huống để áp dụng các văn bản xử lý
- Hình thức báo cáo: lựa chọn trong các thức đóng vai, vẽ tranh, infographic,...,
- Mỗi nhóm có thời gian chuẩn bị 3 phút, thời gian báo cáo 5 phút.
- Các tình huống xử lý:

Nhóm 1 - Hình thức đóng vai

Tình huống. Một cơn bão lớn đổ bộ vào khu vực ven biển tỉnh Y, gây ra sóng thần và ngập lụt trên diện rộng. Mặc dù đã nhận sự chỉ đạo từ cơ quan nhà nước, nhưng chính quyền địa

phương tỉnh Y chủ quan và cho rằng không ảnh hưởng nặng nề đến người dân nên đã không ban hành lệnh sơ tán khẩn cấp. Trong quá trình ứng phó, doanh nghiệp nhà anh D và T lợi dụng tình hình khan hiếm vật liệu để nâng giá bán vật liệu xây dựng và cho thuê máy móc với giá cao.

Câu hỏi: Nhận xét các hành vi của các chủ thể trong tình huống. Hãy sử dụng các văn bản pháp luật để xác định các vi phạm của những hành vi đó.

Nhóm 2 – Hình thức đóng vai

Tình huống. Để ứng phó với nguy cơ lũ lụt do mưa lớn kéo dài, chính quyền địa phương tỉnh Z đã huy động máy móc, vật tư và nhân lực để gia cố đoạn đê xung yếu dọc sông H. Ông K, một người dân sống gần đó, cho rằng việc gia cố đê ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt cá của mình. Trong lúc đêm tối, ông K đã lén lút dùng cuốc chim phá hoại một đoạn bờ kè mới gia cố và tháo dỡ một số cọc tiêu cảnh báo lũ. Khi lũ lên, nước tràn qua đoạn đê bị phá hoại, gây ngập lụt nghiêm trọng cho khu dân cư phía sau.

Câu hỏi: Nhận xét các hành vi của các chủ thể trong tình huống. Hãy sử dụng các văn bản pháp luật để xác định các vi phạm của những hành vi đó.



Nhóm 3 – Hình thức thiết kế sơ đồ tư duy

Tình huống. Anh H là chủ doanh nghiệp sản xuất phân bón tại tỉnh Z. Doanh nghiệp của anh bao gồm 4 nhà máy được xây dựng với quy mô rất lớn. Tuy nhiên doanh nghiệp anh H không lắp đặt hệ thống xử lý nước thải làm cho khu vực sông, suối quanh đó vô cùng ô nhiễm. Doanh nghiệp nhà anh H còn liên tục xả nước ra các khu bãi đất trống quanh khu doanh nghiệp gây ngập úng vào những ngày mưa lớn.

Câu hỏi: Nhận xét các hành vi của các chủ thể trong tình huống. Hãy sử dụng các văn bản pháp luật để xác định các vi phạm của các hành vi đó.

Nhóm 4 – Hình thức vẽ tranh cổ động

Tình huống. Anh B và T là quản lý và phó quản lý của một khu rừng nguyên sinh ở tỉnh Z. Do cùng rủ nhau

chơi tài xỉu và 2 người cùng thua lỗ một số tiền lớn. Quá túng thiếu anh B đã rủ anh T vào khu rừng mình đang quản lý và chặt một số cây thuốc quý trong rừng để truyền bán ra ngoài với mức giá rất cao.

Câu hỏi: Nhận xét hành vi của các nhân vật trong tình huống. Hãy sử dụng các văn bản pháp luật để xác định các vi phạm của những hành vi đó.

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:

- Thảo luận để phân tích tình huống, xác định các văn bản, các quy định của pháp luật để đề xuất phương án xử lý,

- Lựa chọn hình thức báo cáo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng sản phẩm theo hình thức lựa chọn (VD: Đóng vai: kịch bản, bảng phân vai...)

- Sản phẩm dự kiến:

Tình huống 1:

- Người dân tỉnh Y không chủ động phòng chống bão nên bị thiệt hại về người và của.
- Chính quyền địa phương tỉnh Y: Không ban hành lệnh sơ tán khẩn cấp, dù đã nhận chỉ đạo từ cơ quan nhà nước. Hành vi vi phạm Luật phòng, chống thiên tai 2013 (khoản 7 Điều 12) (Khoản 2 điều 30).
- Doanh nghiệp nhà anh D và T: Lợi dụng tình hình khan hiếm vật liệu để tăng giá bán vật liệu xây dựng và máy móc. Hành vi đã vi phạm Luật phòng, chống thiên tai 2013 (khoản 2 và 5 Điều 12); Vi phạm Luật Giá năm 2012 và Luật cạnh tranh 2018 (Đầu cơ, tăng giá bất hợp lý trong tình trạng khẩn cấp).

**Tình huống 2:**

- Hành vi của ông K: Phá hoại bờ kè và tháo dỡ cọc tiêu cảnh báo lũ. Vi phạm Luật phòng, chống thiên tai 2013 (khoản 2 và 5, Điều 12); vi phạm điều 178, Bộ luật Hình sự năm 2015. Tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý cả hình sự và dân sự.
- Hành vi của chính quyền tỉnh Z: Huy động máy móc, vật tư và nhân lực để gia cố đê nhằm ứng phó với nguy cơ lũ lụt. Hành vi đúng đắn, tuân thủ quy định tại Luật phòng chống thiên tai năm 2013, đặc biệt là các điều khoản quy định về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc phòng ngừa và ứng phó thiên tai

Tình huống 3: Hành vi của anh H:

- Không lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và xả thải gây ô nhiễm sông, suối – vi phạm Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (điều 101- quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, quản lý ..). Tùy theo mức độ thiệt hại, hành vi này có thể bị xử lý theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.
- Xả nước thải ra bãi đất trống gây ngập úng. Vi phạm Luật Tài nguyên nước năm 2012 (điều 72), có thể bị xử lý theo quy định tại Nghị định 36/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Tình huống 4:

Hành vi của anh B và anh T: Chặt cây thuốc quý trong khu rừng nguyên sinh để bán ra thị trường nhằm giải quyết khó khăn tài chính cá nhân. Hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên). Luật Hình sự 2015 (Hủy hoại rừng, chặt phá rừng trái phép...hoặc khai thác trái phép tài nguyên có giá trị lớn..); Luật Lâm nghiệp 2017 (Khai thác rừng trái phép...)

HS các nhóm báo nhóm báo cáo kết quả theo hình thức đã lựa chọn.

GV hướng dẫn HS nhận xét trao đổi, thảo luận theo từng tình huống, chú ý đến các văn bản pháp luật liên quan đến môi trường, PCTT và UPPVBĐKH.

GV nêu câu hỏi thảo luận mở rộng: Các văn bản pháp luật được nói đến trong từng trường hợp sắp xếp tuân theo thứ bậc như thế nào? *Các văn bản pháp luật đó có nằm trong*

cùng một hệ thống không? Nêu biểu hiện cụ thể

HS thảo luận theo cặp để xác định đặc điểm của từng loại văn bản, lấy ví dụ để minh họa cho từng loại.

GV yêu cầu 2-3 cặp trả lời, GV dựa vào kết quả để hướng dẫn HS khái quát lại:

1. Hệ thống văn bản pháp luật tuân theo thứ bậc, trong đó văn bản do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành không được trái với văn bản do

cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, không được trái với Hiến pháp, tạo nên sự thống nhất của toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật. Hệ thống văn bản pháp luật là hình thức biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật;

2. Văn bản pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà Nhà nước muốn xác lập..

3. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật: Có chứa quy phạm pháp luật; Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành; Hình thức, trình tự, thủ tục ban hành do luật quy định;

4. Văn bản quy phạm pháp luật

gồm văn bản luật và văn bản dưới luật.

- Văn bản luật là văn bản do Quốc hội ban hành gồm: Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết;

- Văn bản dưới luật gồm: pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, lệnh, quyết định, nghị định, thông tư, thông tư liên tịch.

Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

- Sắp xếp được các văn bản pháp luật theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Phân tích, đánh giá được hành vi thực hiện pháp luật; Phê phán hành vi VPPL

Nội dung tích hợp: Thực hiện quy định của pháp luật về môi trường, PCTT và UPVBĐKH

b) Tổ chức thực hiện

Luyện tập 1. GV chiếu bài tập lên màn hình:

1. Em hãy sắp xếp các văn bản pháp luật dưới đây ở mỗi lĩnh vực theo thứ tự từ cao xuống thấp:

a) Luật Bảo vệ môi trường; Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

b) Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ về Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Luật Giao thông đường bộ.

c) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông; Hiến pháp; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.



GV giao nhiệm vụ cho HS như sau: sắp xếp các văn bản pháp luật ở mỗi lĩnh vực, tương ứng với các câu hỏi a, b, c theo thứ tự từ cao xuống thấp.

HS tự làm bài tập và ghi câu trả lời

ra vở nháp/giấy A4. Sau đó trao theo nhóm để thống nhất và ghi ý kiến vào bảng nhóm, gắn bảng nhóm vào vị trí quy định.

Sản phẩm dự kiến:

Câu a	Hiến pháp – Luật Bảo vệ môi trường – Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
Câu b	Hiến pháp – Luật Giao thông đường bộ – Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
Câu c	Hiến pháp – Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục – Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông.

GV hướng dẫn HS sử dụng kỹ thuật phòng tranh để quan sát, và nhận xét.

GV nhận xét, đánh giá về sản

phẩm của từng nhóm và kết luận (có thể sử dụng sơ đồ hệ thống văn bản pháp luật dưới đây để khái quát).

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2015		
HIẾN PHÁP (Quốc hội)		
BỘ LUẬT (Quốc hội)	LUẬT (Quốc hội)	NGHỊ QUYẾT (Quốc hội)
PHÁP LỆNH (UBTV Quốc hội)	NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (UBTV Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)	NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (UBTV Quốc hội với Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)
LỆNH (Chủ tịch nước)	QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)	
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)	NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)	

QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)	THÔNG TƯ (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

GV yêu cầu HS liệt kê các văn bản pháp luật về môi trường, BDKH, PCTTT mà em biết và sắp xếp các văn

bản đó theo sơ đồ trên.

Luyện tập 2. GV nêu chủ đề tranh biện

Việc áp dụng văn bản pháp luật là giải pháp hiệu quả nhất để ứng phó với phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

GV giao nhiệm vụ cho HS như sau: Lớp tạo thành 2 đội tranh biện chủ đề trên (mỗi đội ủng hộ, một đội không ủng hộ). Các đội xây dựng kịch bản tranh biện (5 phút chuẩn bị). Sau đó thực hiện tranh biện trước lớp theo luật sau:

Quy trình thể hiện ý kiến: Trình bày quan điểm (đồng ý hay phản đối); Các luận điểm, các luận cứ chứng minh quan điểm; Giải pháp giải quyết vấn đề

Trình tự tranh biện: Mỗi đội 03 thành viên tham gia. Chia thành 3 lượt nói:

Lượt 1. Ủng hộ 1 (2 phút); Phản đối (3 phút)

Lượt 2. Ủng hộ 2 (2 phút); Phản đối (2 phút)

Lượt 3: Ủng hộ 3 (3 phút); Phản đối 3 (2 phút)

Phần bổ thang đánh giá: Nội dung 60%; Phong cách 20%; Chiến thuật 20%



HS chuẩn bị tranh biện theo hướng dẫn (các đội xây dựng kịch bản, phân công 3 bạn tham gia; Lớp thành lập ban giám khảo, thư kí, người dẫn chương trình, thiết kế phiếu chấm...). Sau đó thực hiện tranh biện theo kịch bản.

GV nhận xét, ghi nhận sự tham gia nhiệt tình của cả hai đội, nhấn mạnh vào cách HS sử dụng lập luận logic, dẫn chứng cụ thể và khả năng phản biện để trình bày quan điểm. Sau đó tổng kết các luận điểm chính của cả hai bên

VD: Bên ủng hộ đã nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong việc đảm bảo trách nhiệm và hành động cụ thể, trong khi bên phản biện đã nêu lên sự cần thiết của giáo dục và ý thức cộng đồng đi đôi với luật pháp...

GV đưa ra kết luận cân bằng:

- Việc sử dụng văn bản pháp luật trong ứng phó với PCTT và ÛPVBDKH là vô cùng quan trọng. Đồng thời, cần kết hợp với các yếu tố như nâng cao nhận thức, hợp tác cộng đồng và sự linh hoạt trong thực tiễn.

- Nhấn mạnh sự cần thiết của cả hai góc độ để đạt hiệu quả tối ưu.

- Khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về chủ đề, nghiên cứu các văn bản pháp luật và tìm cách áp dụng lí thuyết vào thực tế.

GV nêu câu hỏi mở để HS tiếp tục ở giờ học sau: Nếu chính em là nhà lập pháp, bạn sẽ ưu tiên điều gì để ứng phó với PCTT và ÛPVBDKH.

4.1.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 11

Chủ đề 1: CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt

Cạnh tranh

- + Nêu được khái niệm cạnh tranh.
- + Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh
- + Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.
- + Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.
- Cung, cầu và mối quan hệ cung - cầu.
- + Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.
- + Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.
- + Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.
- + Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.

(Chương trình môn GD&CD, trang 44)



BÀI 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Khái niệm cạnh tranh; Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh; Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. (Tích hợp: Mối quan hệ giữa tăng trưởng xanh và BĐKH)

- Biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. (Tích hợp: Tác động của BĐKH)

2. Về năng lực

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để tìm hiểu và thảo luận về khái niệm cạnh tranh, nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh và vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp để thảo luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế xã hội: Hiểu được khái niệm cạnh tranh và vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Đánh giá được hành vi, biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh. Đấu tranh, phê bình các

hành vi, biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11, Giáo án

Máy tính, máy chiếu, bài giảng Powerpoint

Tình huống khởi động liên quan đến cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Phiếu bài tập, các trường hợp thảo luận về vai trò của cạnh tranh

Giấy A3 và bút dạ, nam châm để HS thực hiện bài tập phần Luyện tập

Video youtube: [Doanh nghiệp xả thải gây ô nhiễm môi trường](#)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu: Khởi gợi kiến thức của HS về vấn đề liên quan đến cạnh tranh, tạo hứng thú cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ cho HS như sau: Phân tích trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Trên cùng một con phố, có hai quán trà sữa nằm cạnh nhau. Một quán quyết định giảm giá



mạnh để thu hút khách, khiến quán còn lại gặp khó khăn, thậm chí có nguy cơ đóng cửa. Không chỉ vậy, để giảm chi phí, quán này còn sử dụng ly nhựa dùng một lần thay vì ly giấy tái chế, xả nhiều rác thải hơn ra môi trường. Một số doanh nghiệp khác cũng có cách cạnh tranh tương tự: Có công ty xây dựng giảm giá bằng cách dùng vật liệu kém chất lượng, khiến công trình dễ bị hư hại khi có bão lũ. Nhưng cũng có doanh nghiệp lại chọn

cách phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường để thu hút khách hàng.

- Hãy nhận xét việc làm, hành động các chủ thể kinh tế trong trường hợp trên

- Hành động của các chủ thể kinh tế có phải là cạnh tranh không? Vì sao?

HS đọc trường hợp, suy nghĩ để đưa ra quan điểm của mình.

Sản phẩm:

Ý kiến cạnh tranh là tốt: “Cạnh tranh là tốt vì giúp người tiêu dùng có giá rẻ hơn.”

Ý kiến cạnh tranh là xấu: “Cạnh tranh có thể là xấu nếu gây hại cho đối thủ hoặc làm tổn hại đến môi trường.”

Ý kiến trung lập: “Em nghĩ cần xem xét kĩ hơn. Nếu quán giảm giá vì họ có chiến lược kinh doanh hợp lí thì đó là cạnh tranh lành mạnh. Nhưng nếu họ cố tình phá giá để triệt tiêu đối thủ thì đó là cạnh tranh không lành mạnh.”

GV mời đại diện một vài HS đưa ra quan điểm cá nhân của mình

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học: Cạnh tranh không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp mà còn tác động đến môi trường và an toàn của xã hội. Vậy thực chất cạnh tranh là gì? Khi nào nó mang lại lợi ích, khi nào gây tác hại?

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm cạnh tranh

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm cạnh tranh

b) Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS đọc trường hợp SGK tr.6, suy nghĩ và trả lời câu hỏi sau:

- Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nước giải khát Việt Nam đã thực hiện những hoạt động gì để tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm của mình?

- Theo em, những hoạt động đó có phải là cạnh tranh không? Vì sao?

HS tự đọc trường hợp trong SGK tr.6 và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần.

Sản phẩm:

- Hoạt động tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nước giải khát Việt Nam:

+ Lựa chọn chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng, tìm cách giảm chi phí sản xuất và tạo ra sự khác biệt về sản phẩm...

+ Tạo ra các loại sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ thiên nhiên như nước cam, chanh, nho, nha đam,...

- Những hoạt động trên là biểu hiện của cạnh tranh vì hướng tới các mục tiêu:

+ Giành điều kiện thuận lợi trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa.

+ Tạo sự khác biệt về sản phẩm để thu hút người tiêu dùng, thu lợi ích cao nhất.

GV mời đại diện một số HS trả lời câu hỏi

HS thực hiện nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có)

GV nhận xét, tổng kết và đưa ra kết luận về khái niệm cạnh tranh

Khái niệm cạnh tranh: Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể tham gia thị trường nhằm giành điều kiện thuận lợi trong sản xuất, mua bán, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ để có thể thu về lợi ích kinh tế cao nhất.

Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

a) Mục tiêu: HS giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

b) Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận, đọc tình huống SGK tr.7

Trường hợp 1: Tại một chợ đầu mối chuyên kinh doanh nông sản,

thực phẩm, khu vực nông sản chế biến luôn tấp nập khách mua hàng. Đây là nơi tập trung nhiều nhà sản xuất khác nhau, ừ những hộ gia đình chế biến nông sản thủ công theo phương pháp truyền thống đến các chủ trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến với công nghệ hiện đại. Mỗi nhà sản xuất đều tích cực giới thiệu những sản phẩm tốt nhất của mình cho khách hàng. Người tiêu

dùng thực ưs bị thu hút bởi sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, chất lượng, mẫu mã, giá cả. Một số sản phẩm đặc sắc có lúc khan hiếm hàng do nhiều người tìm mua.

Trường hợp 2: Thị trường thời trang nước ta hiện nay có nhiều chủ thể sản xuất kinh doanh với điều kiện sản xuất khác nhau. Sự xuất hiện các doanh nghiệp thời trang nước ngoài với thể mạnh về vốn, công nghệ, mức độ chuyên nghiệp,... bên cạnh các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng cao của người tiêu dùng, mà còn tạo ra cuộc cạnh tranh sôi động trên thị

trường thời trang ở nước ta

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- Em hãy cho biết những chủ thể sản xuất kinh doanh nào được nhắc đến trong các trường hợp trên. Các chủ thể đó có sự khác biệt gì với nhau?

- Vì sao các chủ thể đó luôn phải nỗ lực chinh phục người tiêu dùng? Những yếu tố nào giúp sản phẩm thu hút được sự chú ý của người tiêu dùng?

HS thực hiện làm việc nhóm, đọc trường hợp trong SGK tr.7 và trả lời câu hỏi

Sản phẩm:

Trường hợp 1: Các chủ thể: hộ gia đình; chủ trang trại; hợp tác xã; doanh nghiệp... Giữa các chủ thể có sự khác biệt về công nghệ sản xuất sản phẩm.

Các chủ trang trại; hợp tác xã; doanh nghiệp... tạo ra sản phẩm thông qua công nghệ sản xuất hiện đại hơn => Sự khác biệt về công nghệ sản xuất này đã góp phần tạo nên sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, chất lượng, mẫu mã và giá cả sản phẩm.

Trường hợp 2. Các chủ thể: doanh nghiệp thời trang (Việt Nam và nước ngoài). Giữa các chủ thể có sự khác biệt về nguồn lực sản xuất, bao gồm: vốn, công nghệ, mức độ chuyên nghiệp...

- Mục đích của các chủ thể sản xuất kinh doanh: bán được nhiều sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận. => các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn phải nỗ lực chinh phục người tiêu dùng. Một số yếu tố giúp sản phẩm thu hút được sự chú ý của người tiêu dùng là: giá cả, mẫu mã, chất lượng, tính năng, công dụng... của sản phẩm.

GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi

HS thực hiện nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhau (nếu có)

GV nhận xét, nêu kết luận

Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

- Các chủ thể kinh tế có sự khác biệt về hình thức sở hữu nguồn lực; các chủ thể này lại tồn tại độc lập với nhau: chủ thể nào cũng hành động trước hết vì lợi ích của mình.

- Vì các nguồn lực có hạn, các điều kiện sản xuất, mua bán và tiêu dùng khác nhau nên để thực hiện được lợi ích của mình, các chủ thể kinh tế phải cạnh tranh với nhau.

- Các chủ thể sản xuất luôn phải giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nhằm thu được lợi nhuận cao nhất cho mình.

- Người tiêu dùng cũng luôn ganh đua với nhau để mua được hàng hóa rẻ hơn với chất lượng tốt hơn. Người sản xuất và người tiêu dùng cũng thường xuyên cạnh tranh với nhau để đạt được lợi ích nhiều nhất cho mình từ hoạt động trao đổi trên thị trường.

Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

a) Mục tiêu: Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Tích hợp: Tăng trưởng xanh đang làm thay đổi cạnh tranh giữa các

doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc tình huống, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi điền vào phiếu bài tập:

Phiếu bài tập

TH2: Trong lĩnh vực năng lượng, các công ty sản xuất pin mặt trời ngày càng có lợi thế hơn các công ty khai thác than. Nguyên nhân là do các chính sách ưu đãi dành cho năng lượng sạch, trong khi các doanh nghiệp khai thác than phải chịu thuế môi trường cao và bị hạn chế hoạt động. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các doanh nghiệp truyền thống: Nếu không thay đổi, họ có thể mất vị thế trên thị trường.

1. Cuộc tranh có vai trò gì trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế?

2. Cuộc tranh ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp?

3. Chính sách tăng trưởng xanh đã tác động như thế nào đến sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp?

Phiếu bài tập

TH1: Công ty A chuyên sản xuất ô tô chạy xăng và đã có mặt trên thị trường hơn 20 năm. Tuy nhiên, gần đây, một công ty khởi nghiệp B sản xuất xe điện xuất hiện và nhanh chóng thu hút khách hàng nhờ công nghệ tiên tiến, chi phí vận hành thấp và chính sách hỗ trợ từ chính phủ (giảm thuế, trợ giá). Doanh số của công ty A bắt đầu giảm.

1. Cuộc tranh có vai trò gì trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế?

2. Cuộc tranh ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp?

3. Chính sách tăng trưởng xanh đã tác động như thế nào đến sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp?

HS thảo luận theo nhóm, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập

GV quan sát, hướng dẫn HS và bổ sung ngữ liệu về tăng trưởng xanh cho HS: Tăng trưởng xanh là cách

phát triển kinh tế nhưng vẫn bảo vệ môi trường. Thay vì chỉ tập trung vào lợi nhuận, các doanh nghiệp theo mô hình này sẽ tìm cách giảm ô nhiễm, sử dụng tài nguyên hiệu quả và sản xuất theo hướng bền vững.

Sản phẩm:

- Cuộc tranh thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để tồn tại và phát triển
- Doanh nghiệp phải liên tục cải tiến sản phẩm và cung cấp dịch vụ tốt hơn để thu hút khách hàng
- Các doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch có lợi thế hơn do được chính phủ hỗ trợ, trong khi những doanh nghiệp gây ô nhiễm gặp nhiều hạn chế.



GV mời đại diện các nhóm trình bày phiếu bài tập của mình

HS thực hiện nhận xét, bổ sung cho nhau (nếu có)

GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền

kinh tế

GV mời HS rút ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và nêu ra kết luận về vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

- Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Để giành được lợi nhuận tối đa, các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tìm cách tận dụng tốt nhất các nguồn lực và lợi thế, tích cực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

- Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hóa dịch vụ chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại, giá cả hợp lý. Do đó, nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

- Nhờ có cạnh tranh, các nguồn lực kinh tế được sử dụng linh hoạt và hiệu quả, cạnh tranh trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường

GV kết luận nội dung tích hợp:

Tăng trưởng xanh đang làm thay đổi cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch có lợi thế hơn do được ưu đãi chính sách, trong khi các doanh nghiệp gây ô nhiễm phải chịu thuế môi trường hoặc bị hạn chế hoạt động.

Hoạt động 4: Tìm hiểu về cạnh tranh không lành mạnh

a) *Mục tiêu:* Phê phán được các biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh.

Tích hợp: Tác động của hành vi kinh doanh không bền vững đối với môi trường và biến đổi khí hậu và xác định được trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS xem video [Doanh nghiệp xả thải gây ô nhiễm môi trường](#) và trả lời câu hỏi theo hình thức thảo luận nhóm đôi:

- Trong video, doanh nghiệp có những hành vi cạnh tranh không lành mạnh nào?



- Hành vi này có thể gây ra những hậu quả gì?

- Theo em, hành vi xả thải này có ảnh hưởng gì đến biến đổi khí hậu không? Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường

trước tác động của biến đổi khí hậu là gì?

HS thực hiện xem video, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi

GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần)

Sản phẩm:

- Doanh nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường để giảm chi phí, thay vì đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn.

- Gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, phá hủy hệ sinh thái, làm suy giảm chất lượng sống của cộng đồng xung quanh.

- Chất thải công nghiệp không được xử lý có thể làm ô nhiễm nguồn nước, đất và không khí, làm tăng hiệu ứng nhà kính, gây mất cân bằng sinh thái và góp phần vào biến đổi khí hậu. Doanh nghiệp cần đầu tư công nghệ sản xuất sạch, xử lý chất thải đúng quy định, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường và tuân thủ các chính sách phát triển bền vững để giảm tác động tiêu cực đến khí hậu.

GV mời một số nhóm đại diện trả lời câu hỏi

HS thực hiện nhận xét, bổ sung bài cho nhau (nếu có)

GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của các nhóm, rút ra kết luận về các biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh

Các biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh: Hành vi trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác.

Ngăn ngừa, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh là nhiệm vụ của mỗi cá nhân, của toàn xã hội, đặc biệt là của nhà nước.

GV kết luận bổ sung phần tích hợp: Qua video và thảo luận, chúng ta thấy rằng hành vi xả thải không chỉ là một biểu hiện của cạnh tranh không

lành mạnh mà còn góp phần làm gia tăng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống con người và hệ sinh thái. Những hành động này



có thể dẫn đến biến đổi khí hậu nghiêm trọng hơn, khi nguồn nước, không khí và đất bị ô nhiễm, làm suy giảm khả năng hấp thụ CO₂ của thiên nhiên. Chính vì vậy, chính phủ ngày càng ưu tiên các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sạch, hạn chế những doanh nghiệp gây ô nhiễm bằng cách đánh thuế môi trường và ban hành các quy định chặt chẽ. Trách nhiệm của doanh nghiệp không chỉ là kinh doanh có lợi nhuận, mà còn phải đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Hoạt động 5. Luyện tập

a) Mục tiêu: củng cố tri thức vừa khám phá; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

b) Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho HS đọc tình huống thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi vào giấy A3:

Tình huống 1: Hai công ty thực phẩm A và B chuyên sản xuất đồ hộp. Công ty A có lịch sử lâu năm, sản xuất với giá rẻ nhưng sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy, quy trình chế biến tiêu tốn nhiều năng lượng. Công ty B là

doanh nghiệp mới, sử dụng bao bì sinh học có thể phân hủy, công nghệ tiết kiệm nước và năng lượng nhưng giá thành cao hơn. Ban đầu, công ty A chiếm ưu thế vì giá rẻ. Nhưng khi người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến thực phẩm an toàn và thân thiện với môi trường, công ty B dần thu hút khách hàng. Công ty A phản ứng bằng cách tung tin đồn rằng bao bì sinh học của công ty B không an toàn, khiến công ty B gặp khó khăn.

Câu hỏi thảo luận:

- Công ty A và B cạnh tranh với nhau như thế nào?

- Công ty A có hành vi cạnh tranh không lành mạnh không? Tại sao?

- Vì sao khách hàng ngày càng ưa chuộng sản phẩm thân thiện với môi trường?

- Doanh nghiệp cần làm gì để cạnh tranh lành mạnh và phát triển bền vững?

Tình huống 2: Hai công ty dệt may X và Y đang cạnh tranh trên thị trường. Công ty X sản xuất quần áo giá rẻ nhưng sử dụng vải tổng hợp nhuộm hóa chất, gây ô nhiễm nước. Công ty Y đầu tư vào vải hữu cơ, công nghệ tiết kiệm nước, bao bì tái chế nhưng giá sản phẩm cao hơn. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp xanh và tăng thuế



đối với ngành dệt may gây ô nhiễm. Người tiêu dùng cũng ưu tiên lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường. Công ty Y nhờ đó phát triển mạnh, trong khi công ty X gặp khó khăn. Thay vì thay đổi công nghệ, công ty X giảm giá mạnh để cạnh tranh, đồng thời hạ chất lượng sản phẩm nhằm duy trì lợi nhuận.

Câu hỏi thảo luận:

- Cạnh tranh giữa công ty X và Y có

gì khác biệt? Hãy xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và nêu hậu quả.

- Chính sách tăng trưởng xanh có tác động như thế nào đến các công ty? Các công ty nên thích ứng với xu hướng tăng trưởng xanh bằng cách nào?

HS thảo luận nhóm và trình bày câu trả lời vào giấy A3 (7 phút)

Sản phẩm dự kiến

Tình huống 1:

=> Công ty A cạnh tranh bằng cách duy trì giá rẻ nhưng sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy và quy trình sản xuất tiêu tốn nhiều năng lượng, trong khi công ty B chọn hướng sản xuất bền vững bằng cách sử dụng bao bì sinh học và quy trình tiết kiệm nước, năng lượng dù giá thành cao hơn. Khi nhận thấy công ty B dần thu hút khách hàng nhờ sản phẩm thân thiện với môi trường, công ty A không đổi mới mà tung tin đồn sai sự thật để làm giảm uy tín đối thủ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến doanh số của công ty B.

=> Công ty A đã có hành vi cạnh tranh không lành mạnh vì sử dụng thủ đoạn gian dối thay vì cải tiến sản phẩm để cạnh tranh công bằng. Việc tung tin đồn thất thiệt làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty B, khiến khách hàng hoang mang và có thể đưa ra quyết định tiêu dùng sai lệch. Điều này không chỉ tác động xấu đến doanh nghiệp bị hại mà còn gây mất lòng tin của người tiêu dùng vào thị trường thực phẩm xanh.

=> Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến vấn đề sức khỏe và bảo vệ môi trường, đặc biệt trong bối cảnh BĐKH ngày càng nghiêm trọng và rác thải nhựa gây ô nhiễm nghiêm trọng. Các chính sách của nhà nước và các tổ chức bảo vệ môi trường cũng khuyến khích tiêu dùng xanh thông qua các ưu đãi thuế và tuyên truyền nâng cao nhận thức. Đồng thời, xu hướng sống xanh ngày càng phổ biến trong cộng đồng, khiến người tiêu dùng ưu tiên chọn sản phẩm thân thiện với môi trường dù giá có thể cao hơn.



=> Doanh nghiệp cần tập trung vào cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm thay vì dùng thủ đoạn làm tổn hại đối thủ. Việc áp dụng công nghệ sản xuất xanh không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn giúp doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh bền vững, phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại. Ngoài ra, doanh nghiệp cần tuân thủ đạo đức kinh doanh, minh bạch trong quảng cáo và thông tin sản phẩm để xây dựng lòng tin với khách hàng và phát triển lâu dài.

Tình huống 2:

=> Công ty X cạnh tranh bằng cách sản xuất quần áo giá rẻ nhưng sử dụng vải tổng hợp nhuộm hóa chất, gây ô nhiễm nguồn nước và tiêu tốn nhiều tài nguyên. Trong khi đó, công ty Y áp dụng mô hình sản xuất xanh bằng cách sử dụng vải hữu cơ, quy trình tiết kiệm nước và bao bì tái chế, dù giá thành cao hơn nhưng thân thiện với môi trường. Sự khác biệt trong cách tiếp cận này dẫn đến kết quả khác nhau khi xu hướng tiêu dùng thay đổi và chính sách tăng trưởng xanh được ban hành.

=> Chính sách tăng trưởng xanh giúp các doanh nghiệp thân thiện với môi trường như công ty Y hưởng lợi nhờ ưu đãi thuế, tạo điều kiện mở rộng sản xuất và thu hút khách hàng quan tâm đến sản phẩm xanh. Ngược lại, những doanh nghiệp gây ô nhiễm như công ty X bị đánh thuế cao hơn, khiến chi phí sản xuất tăng và gặp khó khăn trong việc cạnh tranh. Đồng thời, xu hướng tiêu dùng cũng dần thay đổi khi khách hàng ưu tiên lựa chọn quần áo có nguồn gốc bền vững, gây áp lực buộc các doanh nghiệp phải chuyển đổi mô hình sản xuất để tồn tại.

=> Thay vì thay đổi mô hình sản xuất để thích ứng với chính sách tăng trưởng xanh, công ty X chọn cách giảm giá mạnh và hạ chất lượng sản phẩm để thu hút khách hàng. Đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh vì không chỉ gây ảnh hưởng đến đối thủ mà còn khiến người tiêu dùng mua phải sản phẩm kém chất lượng, làm mất lòng tin vào ngành hàng. Về lâu dài, công ty X có thể gặp nhiều khó khăn hơn khi quy định về môi trường ngày càng siết chặt, còn khách hàng chuyển dần sang các thương hiệu có trách nhiệm hơn với môi trường.

=> Doanh nghiệp cần chủ động đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng tiết

kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường để đáp ứng yêu cầu của thị trường và chính sách nhà nước. Việc đầu tư vào sản xuất xanh ban đầu có thể tốn kém nhưng sẽ giúp doanh nghiệp có lợi thế cạnh tranh lâu dài, thu hút khách hàng và giảm thiểu rủi ro khi các quy định về môi trường ngày càng nghiêm ngặt. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng nên truyền thông minh bạch về các sản phẩm bền vững để nâng cao giá trị thương hiệu và xây dựng lòng tin với khách hàng.

GV mời đại diện các nhóm lên treo phần bài làm của mình lên bảng và trình bày

HS các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và phản biện

GV nhận xét, bổ sung ý kiến và tổng kết hoạt động

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến cạnh tranh.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thiết kế Infographic với chủ đề “Cạnh tranh không lành mạnh – Hủy hoại doanh nghiệp và môi trường” trong thời gian 15 phút

GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

Bước 1: Xác định thông điệp chính

của Infographic

Bước 2: Lên bố cục (Ví dụ: chia 3 phần – Định nghĩa, Tác động, Giải pháp).

Bước 3: Thiết kế trên giấy hoặc công cụ kỹ thuật số (Canva, PowerPoint...).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện và chuẩn bị phần trình bày.

HS thực hiện nhiệm vụ thiết kế Infographic trong thời gian 15 phút

GV quan sát, hỗ trợ HS

GV mời đại diện một số bạn lên trình bày sản phẩm của mình

HS trình bày sản phẩm, giải thích nội dung Infographic. Các bạn khác phản biện, góp ý để hoàn thiện.

GV nhận xét, nhấn mạnh tầm quan trọng của cạnh tranh lành mạnh, tăng trưởng xanh và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:

Ôn lại kiến thức đã học: Khái



niệm cạnh tranh; Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. Vai trò của cạnh tranh trong kinh tế thị trường. Biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh.

Làm bài tập 4 phần Luyện tập và bài tập trong SBT.

Đọc và tìm hiểu trước Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường.

4.2. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP THCS

4.2.1. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 6

Chủ đề 7. ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.
- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.

Bài 8. ỨNG PHÓ VỚI CÁC TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM TỪ THIÊN NHIÊN (2 tiết)

I - MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Khái niệm, biểu hiện của tình huống nguy hiểm.

2. Năng lực

Giáo tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm để trình bày được các ý tưởng và thảo luận để nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.

Điều chỉnh hành vi: Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên. Thực hành được cách ứng phó trước một số tình

huống nguy hiểm từ thiên nhiên để đảm bảo an toàn.

3. Về phẩm chất

- Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ dự án học tập giáo viên giao.

- Yêu thương: Biết chủ động bảo vệ bản thân và những người xung quanh tránh khỏi những tình huống nguy hiểm có thể phát sinh từ thiên nhiên trong cuộc sống.

II - THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập Giáo dục

công dân 6;

- Tranh ảnh minh họa về các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên: lở xoáy, động đất, mưa lũ, sét, lở đất,...

- Video về sức tàn phá của siêu bão Yagi: <https://bit.ly/4j3YCIJ>

- Phương tiện thiết bị: Máy chiếu, máy tính;

III - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Kích thích HS suy nghĩ về tình huống nguy hiểm xung quanh

GV nhận xét, kết luận: Thiên nhiên rất đẹp, nhưng đôi khi cũng mang đến những hiểm họa như bão, lũ lụt, động đất hay cháy rừng. Nếu không biết cách ứng phó, chúng ta có thể gặp nguy hiểm. Hôm nay, cô trò mình sẽ cùng tìm hiểu cách xử lý khi gặp những tình huống này để luôn được an toàn

GV mời 01 HS phát biểu, sau đó mời HS khác góp ý và đưa ra nhận xét.

Hoạt động 2: Tìm hiểu thế nào là các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu: Nhận biết được các tình huống nguy hiểm của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 39 và trả lời câu hỏi:

- Em quan sát được những hiện

b) Tổ chức thực hiện

GV chiếu hình ảnh, đặt câu hỏi: Nam đang trên đường đi học về thì trời đổ cơn dông. Mây đen kéo đến và sấm sét bắt đầu nổi lên. Em hãy giúp Nam chọn một vị trí trú ẩn an toàn và giải thích vì sao không nên trú ẩn ở những vị trí còn lại.

A. Dưới gốc cây to.

B. Trong lều.

C. Dưới mái hiên của căn nhà

HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi GV đưa ra và suy nghĩ để lựa chọn đáp án.

tượng nguy hiểm nào từ các hình ảnh trên?

- Những hiện tượng nguy hiểm đó gây ảnh hưởng đến con người như thế nào?

- Theo em, thế nào là tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên?

HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong sách giáo khoa theo yêu cầu của GV và suy nghĩ trả lời 03 câu hỏi.

GV quan sát và gọi 02 HS trả lời, sau đó yêu cầu nhận xét và góp ý



GV nhận xét, kết luận: Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên là những tình huống nguy hiểm xuất hiện bất ngờ do các hiện tượng tự nhiên gây nên, làm tổn hại đến tính mạng, tài sản của con người và xã hội.

Hoạt động 3. Tìm hiểu hậu quả do các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu: Đánh giá được hậu quả của các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

b) Tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành 8 nhóm, chiếu video về sức tàn phá của siêu bão Yagi, yêu cầu HS thảo luận câu hỏi và trình bày kết quả trên giấy khổ A1.

Câu hỏi: *Theo em, nguy hiểm từ thiên nhiên có thể gây nên những hậu quả như thế nào đối với con người và xã hội?*

HS làm việc theo nhóm.

GV theo dõi, trợ trong trường hợp các nhóm gặp khó khăn chưa rõ nhiệm vụ.

GV yêu cầu các nhóm dán sản phẩm lên bảng.

GV nhận xét, kết luận:

Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên có thể dẫn tới những hậu quả đáng tiếc đối với con người như: tổn hại về sức khỏe và tinh thần, làm bị thương hoặc thậm chí nguy hiểm đến tính mạng, gây chết người.

Tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên còn có thể gây ra những thiệt hại về vật chất của cá nhân và cộng đồng, gây thiệt hại và ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế của các quốc gia.

GV yêu cầu các nhóm dán sản phẩm lên bảng.

GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày kết quả, các nhóm còn lại, theo dõi, bổ sung.

Hoạt động 4. Tìm hiểu cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

a) Mục tiêu: Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.

b) Tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành 8 nhóm, giao nhiệm vụ:



Nhiệm vụ: Em hãy lập kế hoạch ứng phó với một tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên có thể xảy ra.

Nhóm 1, 2: Ứng phó khi được cảnh báo về cơn bão lớn sắp đổ bộ vào nơi em cư trú

Nhóm 3, 4: Ứng phó khi đang đi du lịch thì gặp lũ lụt.

Nhóm 5, 6: Ứng phó khi đang trên đường đi học về thì gặp mưa giông, sấm sét

Nhóm 7, 8: Ứng phó khi bất ngờ gặp động đất.

Thời gian thảo luận: 10 phút.

Thời gian thuyết trình: 5 phút.

HS làm việc theo nhóm. **GV** theo dõi và hỗ trợ trong trường hợp các nhóm gặp khó khăn. Các nhóm dán sản phẩm lên bảng.

GV gọi nhóm 1, 3, 5, 7 đại diện trình bày kết quả làm việc, các nhóm

2, 4, 6, 8 theo dõi, nhận xét, bổ sung.

GV đặt câu hỏi bổ sung: Theo em, chúng ta cần làm gì để ứng phó khi gặp các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên?

GV nhận xét, kết luận: Một số cách ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên

- Trang bị kiến thức và kỹ năng phòng tránh, ứng phó với các tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên.
- Tập quan sát, nhận biết những yếu tố có thể gây nguy hiểm (thời điểm, không gian, địa hình, thời tiết thay đổi,...).
- Chọn một nơi an toàn để trú ẩn khi nguy hiểm xảy ra.
- Bình tĩnh xử trí, đặt mục tiêu an toàn tính mạng lên trên hết.
- Tìm kiếm sự trợ giúp.

Hoạt động 5. Luyện tập

a) Mục tiêu

- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người và thiên nhiên để đảm bảo an toàn.

- Chủ động bảo vệ bản thân và

những người xung quanh tránh khỏi những tình huống nguy hiểm có thể phát sinh từ con người và thiên nhiên trong cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu **HS** làm bài tập trong SGK

**Nội dung nhiệm vụ:****BT1:**

- Tình huống nào gây nguy hiểm là

a) Hưng thường đi học nhóm về muộn và đi xe đạp một mình qua quãng đường vắng. Hậu quả: Hưng có thể sẽ gặp phải người xấu muốn bắt cóc, cướp của, xâm hại hoặc gặp sự cố như hỏng xe, ngã xe...

b) Nhóm bạn rủ nhau tự đón xe khách, trốn bố mẹ đến nhà một bạn cùng lớp chơi, cách nơi ở khoảng 30 km.

Hậu quả: Nhóm bạn có thể bị kẻ xấu lừa để bắt cóc, cướp của, xâm hại hoặc bị lạc đường, đi nhầm xe...

BT2:

a) Em có đồng ý với cách giải quyết của Minh trong tình huống trên vì bạn rất cẩn thận không mở cửa cho người lạ vào nhà khi bố mẹ đi vắng. Người lạ có thể có ý đồ xấu, gây những hậu quả nghiêm trọng, làm tổn hại đến Minh và Ngọc.

b) Nếu Ngọc mở cửa cho chú thợ điện vào nhà khi bố mẹ đi vắng, chuyện có thể xảy ra là hai anh em bị bắt cóc, xâm hại và mất trộm tài sản.

BT3:

a) Theo em, Dương không nên im lặng và làm theo yêu cầu của Chiến vì đó là hành động bắt nạt sai trái. Nếu Dương cứ im lặng thì Chiến sẽ tiếp tục bắt nạt Dương với những hình thức khác và Chiến sẽ còn bắt nạt cả những bạn khác. Điều này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng với Dương và các bạn bị bắt nạt.

b) Nếu là Dương em sẽ báo cáo với GV và nói với bố mẹ để nhờ người lớn giải quyết.

HS thực hiện nhiệm vụ.

GV mời một số HS đại diện các nhóm trả lời các câu hỏi, bài tập.

GV nhận xét, kết luận, gợi ý các bài tập khó:

BT2: Em không đồng ý với việc làm của Thành. Vì trong hình huống nguy hiểm như thế bạn nên tìm chỗ trú. Sự chủ quan có thể khiến bạn gánh hậu quả nặng nề. Nếu đang đi ngoài đường thì nên tìm nơi trú ẩn an toàn như: tòa nhà cao tầng, siêu thị, khu nhà kiên cố, các công trình công cộng kiên cố (như trụ sở cơ quan nhà nước, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa), không trú dưới gốc cây, cột điện, giữa cánh đồng...

BT3:

A. Trời mưa rất to, hai bạn Lâm và Hưng vẫn đạp xe về nhà, dù không có áo mưa. Em không đồng tình. Vì trời mưa rất to, hai bạn không có áo mưa mà vẫn về có thể sẽ bị ngâm nước mưa và cảm lạnh. Hơn nữa trời mưa rất to sẽ có thể có những tình huống nguy hiểm khác như lốc, sấm sét, gió bão... Hai bạn nên đợi tanh mưa hoặc nhờ người lớn tới đón về.

B. Trong khi đang có sấm sét, Bình vẫn sử dụng ti vi và các thiết bị điện. Em không đồng tình. Vì trời đang có sấm sét mà ti vi và các thiết bị điện dễ bắt sóng có thể thu hút sét gây ra nguy hiểm cho Bình và gia đình.

C. Được cảnh báo về cơn dông sắp đến, Hồng và các bạn quyết định ở lại trường, đợi khi trời hết dông mới đi về nhà. Em đồng tình. Vì các bạn rất biết cách bảo vệ bản thân trước những nguy hiểm từ thiên nhiên.

D. Con đường từ trường về nhà bị chia cắt bởi nước lũ lên nhanh, các bạn nam tranh thủ thi xem ai bơi được xa nhất. Em không đồng tình. Vì như vậy có thể bị nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của các bạn nếu các bạn bị nước lũ cuốn đi.

Hoạt động 6. Vận dụng

a) Mục tiêu

- Tự chủ bản thân trong việc thực hiện nhiệm vụ thực hành.
- Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ dự án học tập giáo viên giao.

b) Tổ chức hoạt động

GV yêu cầu HS thực hiện bài tập vận dụng: Hãy vẽ tranh tuyên truyền cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm trong mùa mưa bão.

GV hướng dẫn học sinh xây dựng tiêu chí đánh giá



Tiêu chí	Mô tả	Điểm	Đánh giá
Nội dung	Thể hiện được tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	2	
	Thể hiện cách ứng phó đúng đắn khi gặp một tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên	3	
	Khẩu hiệu phù hợp, dễ nhớ	2	
Hình thức	Thiết kế sáng tạo, hấp dẫn	1	
	Hình ảnh đẹp, rõ nét	1	
Tiến độ	Nộp bài đúng thời hạn quy định	1	
TỔNG ĐIỂM		10	

4.2.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 9

Chủ đề 3. TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

(3 tiết))

Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.
- Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng (Chương trình môn GD&CD, trang 37)

I - MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Khái niệm hoạt động cộng đồng, một số hoạt động cộng đồng.

2. Năng lực

Điều chỉnh hành vi:

- Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia hoạt động cộng đồng.

- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

Tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH:

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng; Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.



- Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

3. Về phẩm chất

Nhân ái và trách nhiệm: Tích cực và tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng.

II - THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, Giáo án Giáo dục công dân 9.

- Thiết bị dạy học: Máy tính, giấy A0. Các tranh, hình ảnh, video clip có nội dung thể hiện nội dung về tích cực tham gia hoạt động cộng đồng.

III - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu: Khởi gợi suy nghĩ, hiểu biết của HS về hoạt động cộng đồng (Tích hợp PCTT và ƯPVBDKHT)

b) Tổ chức thực hiện

GV giao nhiệm vụ cho HS như sau:

Xem video [Chung tay cứu trợ người dân vùng bão lũ | VTV.VN](#) và trả lời câu hỏi

Em hãy kể tên các hoạt động xuất hiện trong video. Những hoạt động đó có ý nghĩa gì? Theo em đó có phải là hoạt động cộng đồng không? Vì sao.

HS theo dõi video và xác định các hoạt động xuất hiện trong video. GV

quan sát, hướng dẫn và hỗ trợ HS (nếu cần)

GV gọi một số HS phát biểu (3-5 em), các HS khác bổ sung.

GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt, giới thiệu bài học mới: *Trong thực tế, có nhiều người đã nhận thức được giá trị của việc tham gia hoạt động cộng đồng và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, có một số người vẫn chưa nhận thức được và tham gia hoạt động cộng đồng là những trải nghiệm hữu ích, giúp mỗi HS sống có trách nhiệm hơn. Để tìm hiểu rõ hơn về việc tham gia các hoạt động cộng đồng, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay*

Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm, sự cần thiết phải tham gia hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu:

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; Liệt kê được một số hoạt động cộng đồng; Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Nhận biết được trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.

Nội dung tích hợp: Một số hoạt động cộng đồng liên quan đến bảo vệ môi trường hoặc ứng phó với thiên tai, ý nghĩa của những hoạt động đó.

b) Tổ chức thực hiện

GV yêu cầu HS quan sát 4 hình ảnh và trả lời câu hỏi: Nêu tên hoạt

động trong từng hình. Hoạt động do những ai thực hiện?



GV gọi một số học sinh (3-5 em) chia sẻ trước lớp. yêu cầu các HS khác nhận xét, bổ sung. GV nêu câu hỏi mở rộng:

Theo em, các hoạt động trong hình ảnh có điểm gì chung? Em đã tham gia hoạt động nào trong số đó? Hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào với em?

GV chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu khổ A1, nêu nội dung thảo luận:

Nhóm 1, 2: Thảo luận về hoạt động cộng đồng liên quan đến bảo vệ

môi trường Tại sao cần tích cực tham gia những hoạt động cộng đồng này?

Nhóm 3, 4: Thảo luận về các hoạt động **ứng phó thiên tai**. Tại sao cần tích cực tham gia những hoạt động cộng đồng này?

HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận nhóm để xác định các hoạt động cộng đồng liên quan đến PCTT và ÛPVĐKH, thống nhất nội dung và trên giấy A1.

Sản phẩm dự kiến

- **Hoạt động cộng đồng liên quan đến bảo vệ môi trường:** trồng cây, giảm sử dụng nhựa, làm sạch bờ biển...

Sự cần thiết: Bảo vệ môi trường sống, giảm ô nhiễm, và góp phần ngăn chặn biến đổi khí hậu. Thúc đẩy sự đoàn kết, tinh thần trách nhiệm trong cộng đồng. Tạo cơ hội học hỏi, rèn luyện kỹ năng và nâng cao giá trị bản thân.

- **Hoạt động cộng đồng về ứng phó với thiên tai:** hỗ trợ người dân vùng lũ lụt hoặc tuyên truyền về kế hoạch sơ tán khi có bão...

Sự cần thiết: Góp phần bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của cộng đồng trong tình huống nguy cấp. Xây dựng ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Giảm thiểu thiệt hại từ thiên tai bằng những hành động kịp thời và hiệu quả. Nâng cao nhận thức cộng đồng về cách phòng tránh và ứng phó với thiên tai, đảm bảo sự chuẩn bị tốt hơn cho tương lai.

GV hướng dẫn HS trao đổi nội dung trên giấy A1 (kỹ thuật phòng tranh)

GV nhận xét, hướng dẫn HS rút ra kết luận.

Hoạt động cộng đồng: Là hoạt động được tổ chức bởi các cá nhân, tập thể với mục tiêu mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.

Một số hoạt động cộng đồng tiêu biểu:

- Hoạt động nhân đạo, thiện nguyện;
- Hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa;
- Hoạt động bảo vệ môi trường, cảnh quan;

Sự cần thiết của việc tham gia hoạt động cộng đồng:

- Phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc;
- Tăng cường sức mạnh của các lực lượng trong cộng đồng.
- Góp phần cải thiện điều kiện sống của cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội.

- Tạo ra cơ hội cho mỗi cá nhân được giao lưu, học hỏi, rèn luyện các kỹ năng, mở rộng hiểu biết về mọi mặt;

- Nâng cao giá trị của bản thân và được mọi người yêu mến.



Hoạt động 3. Tìm hiểu cách thức tham gia hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

b) Tổ chức thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm (8 nhóm), phát giấy khổ A1, yêu cầu HS thảo luận theo nội dung sau:

Nhóm 1+3: Xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng tại trường học với nội dung “Tổ chức

tuyên truyền về biến đổi khí hậu và cách giảm thiểu tác động”

Nhóm 2+4: Xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng tại địa phương với nội dung “Xây dựng chiến dịch cứu trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai”

Thời gian thảo luận: 20 phút.

Thời gian thuyết trình: 10 phút.

GV chiếu lên màn hình bảng gợi ý nội dung trong kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng (Mẫu kế hoạch):

Tên hoạt động:	
Mục tiêu	
Nội dung, hình thức	
Đối tượng tham gia	
Thời gian, địa điểm	
Phân công nhiệm vụ	
Dự kiến kết quả đạt được	
Nhận xét kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên khác	

HS thực hiện thảo luận nhóm. Treo kết quả vào vị trí quy định

GV mời lần lượt các nhóm HS lên trình bày kết quả làm việc. Tổ chức cho HS nhóm khác nhận xét, bổ sung



GV nhận xét, kết luận:

- Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.
- Tích cực tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè tham gia hoạt động cộng đồng.
- Phê phán biểu hiện thờ ơ, ích kỷ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

Hoạt động 4. Luyện tập

a) Mục tiêu:

- củng cố nội dung đã học ở hoạt động 2,3
- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

đồng.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS hoàn thành Phiếu bài tập,
GV phát Phiếu bài tập và yêu cầu HS hoàn thành:

PHIẾU BÀI TẬP CÁ NHÂN

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hoạt động cộng đồng nào sau đây thể hiện sự tương thân, tương ái?

- A. Hoạt động bảo vệ di sản văn hóa. B. Hoạt động phát triển kinh tế.
C. Hoạt động bảo vệ môi trường. D. Hoạt động hỗ trợ trẻ em vùng cao.

Câu 2: Ý nghĩa của việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng đối với cá nhân không thể hiện ở kết quả nào sau đây?

- A. Rèn luyện thêm kỹ năng sống. B. Tăng thêm tinh thần trách nhiệm.
C. Mang lại lợi ích chung cho xã hội. D. Nâng cao thu nhập cho bản thân.

Câu 3: Hoạt động nào sau đây **không** được xem là hoạt động cộng đồng?

- A. Lễ hội ẩm thực. B. Đền ơn đáp nghĩa.
C. Mùa hè xanh. D. Hiến máu nhân đạo.

Câu 4: Biện pháp nào sau đây mở rộng các mối quan hệ trong cộng đồng?

- A. Đề xuất thêm các hoạt động phong phú, thiết thực.
B. Tích cực tham gia các loại hình câu lạc bộ.



C. Đưa ra các hình thức hoạt động đa dạng.

D. Sắp xếp thời gian tổ chức các hoạt động hợp lí.

Câu 5: Để hoàn thành câu, hương án nào dưới đây phù hợp để điền vào chỗ trống

“..... là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Tình nguyện.

B. Cộng đồng.

C. Hoạt động cộng đồng.

D. Hoạt động tình nguyện.

Câu 6: Q và S là bạn học cùng lớp. Q thấy S tham gia các hoạt động cộng đồng rất tích cực và đôi khi còn nghỉ học để tham gia nếu hoạt động đó trùng lịch học. Nếu em là Q thì em sẽ xử lí tình huống này theo cách nào sau đây?

A. Ủng hộ S tiếp tục tham gia các hoạt động cộng đồng vì rất ý nghĩa.

B. Nói với giáo viên để xử lí hành vi nghỉ học để tham gia việc khác.

C. Nói chuyện với gia đình của S để có biện pháp xử lí việc này.

D. Khuyến S nên cân bằng giữa việc học và tham gia hoạt động.

Xác định ý kiến Đúng hoặc Sai bằng cách khoanh tròn vào ý kiến đúng và gạch chéo vào ý kiến sai trong các ý a) b) c) d).

Câu 7: Bà H là thành viên của hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi và rất tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương. Thấy bà tham gia, con cháu đã tìm mọi cách khuyên ngăn. Mọi người xung quanh thấy vậy đã đưa ra một số ý kiến khác nhau.

a) Bà H cũng có tuổi rồi, không cần phải tham gia nhiều hoạt động ở địa phương

b). Nên ủng hộ việc bà H tham gia các hoạt động vì đó là trách nhiệm của bà H.

c). Cần khuyên can để bà H dành nhiều thời gian nghỉ ngơi, chăm lo cho gia đình.

d) Tôn trọng suy nghĩ và hành động của bà H, không nên nhắc nhở, can ngăn.



HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành Phiếu bài tập

GV gọi một HS đọc đáp án và hướng dẫn HS phân tích từng câu hỏi.

Hoạt động 5. Vận dụng

a) Mục tiêu: Tham gia tích cực, tự giác, có trách nhiệm các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

b) Tổ chức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS như nội dung sau: *Em hãy thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo tiêu chí xây dựng.*

Gợi ý: HS thực hiện kế hoạch tham gia một trong các hoạt động cộng đồng sau (hoặc có thể đề xuất ý tưởng mới):

1. Trồng cây xanh tại địa phương nhằm giảm khí nhà kính và bảo vệ môi trường.

2. Tham gia hỗ trợ cộng đồng tại vùng bị lũ lụt, như quyên góp nhu yếu phẩm hoặc tham gia dọn dẹp sau lũ.

3. Làm video tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và cách phòng tránh thiên tai.

HS thực hiện nhiệm vụ và nộp báo cáo kết quả sau 2 tuần, có thể trình

bày vào tiết Hoạt động trải nghiệm. Báo cáo cần bao gồm:

Phần 1: Mục tiêu hoạt động (nhằm giải quyết vấn đề gì, mang lại lợi ích gì).

Phần 2: Mô tả các bước thực hiện (lập kế hoạch, triển khai, hình thức tham gia).

Phần 3: Kết quả (kèm minh chứng như hình ảnh, video, số liệu).

Phần 4: Ý nghĩa và bài học rút ra (tác động tới cộng đồng và bản thân).

Lưu ý khi thực hiện:

Nếu chọn trồng cây, HS nên ghi lại số lượng cây, địa điểm và tác động tích cực...

Nếu làm video tuyên truyền, chú ý sáng tạo, dễ hiểu, kết hợp thông điệp kêu gọi bảo vệ môi trường hoặc ứng phó thiên tai...

Nếu hỗ trợ vùng lũ lụt, có thể báo cáo hình thức tham gia (tổ chức quyên góp, tham gia trực tiếp) và nêu cảm nhận sau hoạt động...

Tiêu chí đánh giá: HS sẽ được đánh giá dựa trên tiêu chí:

- Mục tiêu rõ ràng và tính khả thi.
- Sự tích cực, trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ.
- Kết quả đạt được và tác động tích cực.



- Báo cáo trình bày logic, có minh chứng cụ thể.

4.3. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA CẤP TIỂU HỌC

4.3.1. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 4.

Chủ đề 2. CẢM THÔNG GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
- Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.
- Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

(Chương trình môn GD CD, trang 24)

Bài 4. EM THỂ HIỆN CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (3 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

Điều chỉnh hành vi: Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. (Tích hợp PCTT và ƯPVBDKH)

Phát triển bản thân: Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân. (Tích hợp PCTT và ƯPVBDKH)

2. Phẩm chất: Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, SBT Đạo đức 4 (dựa theo Bộ sách Cánh Diều).

- Các video clip liên quan đến sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- Tranh, hình ảnh về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- Máy chiếu đa năng, máy tính,...



(nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Khởi động

a) Mục tiêu: Thu hút sự tham gia của học sinh, tạo không khí hứng khởi để bắt đầu bài học. Gợi mở ý thức về những người gặp khó khăn do BĐKH hoặc thiên tai.

b) Cách thực hiện

GV yêu cầu lớp đứng thành vòng tròn, mỗi bạn nắm tay bạn bên cạnh.

GV giải thích: "Trò chơi Sóng xô tượng trưng cho những thử thách trong cuộc sống, đặc biệt là những thách thức từ thiên tai hay môi trường. Nhiệm vụ của chúng ta là cùng nhau giữ cho các bạn đứng vững trước sóng gió."

GV hô: "Sóng xô, sóng xô," cả lớp đáp: "Xô ai? Xô ai?" GV chỉ định mục tiêu như: "Xô bạn đeo kính," hoặc "Xô bạn mặc áo xanh." Bạn bị chỉ định sẽ nghiêng ngã (giả vờ ngã), và các bạn xung quanh phải giữ bạn không ngã.

GV đặt câu hỏi cho HS sau khi hoàn thành trò chơi:

Cơn sóng trong trò chơi tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống? Khi một ai đó gặp sóng gió, chúng ta cần

làm gì? Theo em, khi đối mặt với các thách thức như lũ lụt hoặc nóng lên toàn cầu, chúng ta có thể làm gì để giúp đỡ cộng đồng và môi trường?

HS tích cực tham gia trò chơi và trả lời các câu hỏi.

Dự kiến câu trả lời

"Cơn sóng" tượng trưng cho những khó khăn thử thách như thiên tai, BĐKH

Khi có người gặp sóng gió, chúng ta cần giúp đỡ, hỗ trợ để họ vượt qua khó khăn.

GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động và dẫn nhập vào bài học.

Hình thành kiến thức 1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được giá trị của sự cảm thông và ý nghĩa của việc giúp đỡ người gặp khó khăn, đặc biệt trong hoàn cảnh thiên tai hoặc biến đổi khí hậu.

Khuyến khích HS liên hệ những bài học từ câu chuyện với các hành động thực tế để bảo vệ cộng đồng và môi trường.

b) Cách thực hiện

GV chiếu câu chuyện lên màn hình

MỘT LY SỮA

Một ngày mùa đông lạnh giá, có cậu bé nghèo tên Ken-li gõ cửa hết nhà này đến nhà nọ để bán hàng, kiếm tiền trang trải học phí. Đúng lúc đói bụng mà trong túi không còn tiền, cậu quyết định tới ngôi nhà tiếp theo để hỏi xin một bữa ăn.

Tới nơi, cậu bé không dám mở lời khi thấy một cô bé ra mở cửa. Thay vì xin một bữa ăn, cậu bé hỏi xin một cốc nước.

Biết cậu bé đói bụng, cô bé nhanh chóng đem tới một ly sữa. Cậu bé vui sướng cầm lấy, chậm rãi uống hết rồi hỏi: "Tớ nợ cậu bao nhiêu thế?".

Cô bé đáp: "Cậu không nợ bao nhiêu cả. Ai cũng có lúc khó khăn và cần được giúp đỡ. Mẹ dạy tớ không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt".

Cậu bé nói: "Vâng, tớ cảm ơn cậu rất nhiều!".

Rời khỏi ngôi nhà, cậu bé không chỉ no bụng mà còn có thêm niềm tin vào cuộc sống, tự nhủ sẽ cố gắng học tập và không bao giờ bỏ cuộc.



GV yêu cầu HS đọc câu chuyện, thảo luận với bạn ngồi cạnh để trả lời câu hỏi:

- *Cô bé đã làm gì khi thấy cậu bé nghèo hỏi xin một cốc nước?*

- *Nếu cậu bé sống trong vùng thiên tai, tại sao sự giúp đỡ của cô bé lại càng ý nghĩa hơn?*

- *Em rút ra bài học gì từ câu chuyện, đặc biệt trong ứng phó với PCTT và UPVBĐKH?*

HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi, ghi ý kiến thống nhất ra nháp:

- Lời nói và hành động cô bé: Đưa cho cậu bé một ly sữa và nói rằng việc

làm tốt không cần nhận tiền.

- Vì thiên tai làm cậu bé khó khăn hơn trong việc sinh hoạt và học tập nên sự giúp đỡ càng có ý nghĩa hơn.

- Bài học: Giúp đỡ người khác không chỉ làm họ vượt qua khó khăn mà còn làm cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn.

GV nhận xét và đưa ra kết luận: Câu chuyện này dạy chúng ta rằng mỗi hành động tốt đều có giá trị lớn, đặc biệt khi giúp đỡ người chịu ảnh hưởng của thiên tai hoặc biến đổi khí hậu. Sự cảm thông không chỉ là lòng tốt mà còn là hành động bảo vệ cộng đồng và thiên nhiên;...



GV có thể khuyến khích HS liên hệ với các hành động thực tế:

- *Em có thể làm gì để giúp đỡ bạn của em gặp khó khăn do thiên tai?*

- *Em nghĩ việc trồng cây có thể giúp bảo vệ cộng đồng khỏi những tác động của thiên tai không?*

Hình thành kiến thức 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu:

HS nhận biết các lời nói và hành động thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn, từ đó liên hệ đến các hành động tích cực trong bối cảnh PCTT và ŰPVBDKH.

Giúp HS phát triển tư duy trách nhiệm với cộng đồng và môi trường qua việc nhận xét các tình huống thực tế.

c) Cách thực hiện

GV chiếu các bức tranh lên màn hình (hoặc phát tranh cho HS)

- Tranh đưa bút chó bạn mượn vì bút của bạn bị hỏng.

- Tranh một nhóm bạn làm sạch bờ biển sau thiên tai.

- Tranh các bạn quyên góp đồ dùng học tập cho trẻ em vùng lũ lụt.

- Tranh học sinh dùng số tiền bán rau mình trồng để ủng hộ các bạn khó khăn.

- Tranh một số hành vi chưa phù hợp, như vứt rác bừa bãi.

GV yêu cầu HS quan sát tranh và chú ý đến các chi tiết trong tranh. Tìm các hành động thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ cộng đồng hoặc bảo vệ môi trường. Nhận xét xem hành động nào phù hợp, hành động nào chưa phù hợp.

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm) và nêu câu hỏi thảo luận:

- *Các bạn trong tranh làm gì để thể hiện sự cảm thông và giúp đỡ người gặp khó khăn?*

- *Theo em, hành động trồng cây xanh có tác động như thế nào trong việc phòng chống thiên tai hoặc giảm biến đổi khí hậu?*

- *Em có thấy hành động vứt rác bừa bãi trong tranh là đúng không? Vì sao?*

- *Hãy kể thêm một hành động của em có thể thực hiện để giúp đỡ cộng đồng khi gặp thiên tai.*

HS thực hiện nhiệm vụ: Tự quan sát tranh, ghi lại các chi tiết trong tranh vào nháp. Sau đó thảo luận theo nhóm, thống nhất câu trả lời và ghi vào giấy A3/bảng nhóm, treo kết quả vào vị trí quy định



Dự kiến sản phẩm:

- Giúp người gặp khó khăn: Quyên góp đồ dùng học tập, giúp đỡ bạn học, làm sạch bờ biển để giúp người dân sau bão...

- Trồng cây giúp cải thiện môi trường, giảm xói mòn đất và hạn chế lũ lụt

- Hành động vứt rác bừa bãi: hành động không đúng vì làm ô nhiễm môi trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

- Em có thể động viên khi bạn bị bệnh, giúp đỡ các em nhỏ mồ côi, quyên góp đồ dùng học tập cho các bạn vùng lũ hoặc làm video tuyên truyền về cách PCTT...

GV tổng hợp ý kiến của HS và nhấn mạnh:

Ai cũng sẽ có lúc khó khăn và cần sự giúp đỡ, mỗi người tùy vào khả năng, điều kiện, độ tuổi của mình để giúp đỡ một cách phù hợp.

Những hành động tích cực như trồng cây, làm sạch bờ biển, hỗ trợ vùng lũ đều là những biểu hiện của sự cảm thông và trách nhiệm cộng đồng.

HS cần rèn luyện ý thức và hành động phù hợp với lứa tuổi để góp phần giảm thiểu tác động của thiên tai và BĐKH.

Luyện tập 1. Liên tưởng tình

huống phù hợp

a) Mục tiêu: HS xác định được các lời nói và hành động cụ thể thể hiện sự cảm thông và giúp đỡ trong các tình huống khó khăn, liên hệ đến PCTT và UPVBĐKH.

b) Cách thực hiện

GV chia lớp thành các nhóm học tập, yêu cầu các nhóm thảo luận các tình huống liên quan đến việc cảm thông và giúp đỡ trong các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt khi có thiên tai hoặc ảnh hưởng của BĐKH. Nhiệm vụ của các em là suy nghĩ và đưa ra lời nói, hành động phù hợp với từng tình huống:

Tình huống 1: Một cụ già sống một mình gặp khó khăn do hạn hán kéo dài. Cụ không thể trồng rau vì thiếu nước.

Câu hỏi: Làm thế nào để em có thể giúp cụ già vượt qua khó khăn này?

Tình huống 2: Một bạn trong lớp của em bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, mất sách vở và đồ dùng học tập.

Câu hỏi: Em có thể làm gì để hỗ trợ bạn ấy quay lại trường học?

Tình huống 3: Nơi em sinh sống, có nhiều rác thải nhựa gây ô nhiễm môi trường.

Câu hỏi: Em và các bạn có thể làm gì để giảm thiểu vấn đề này?



Tình huống 4: Bạn trong lớp của em cảm thấy buồn và bị cô lập sau khi nhà bạn bị thiệt hại bởi thiên tai.

Câu hỏi: Em có thể nói gì hoặc làm gì để giúp bạn ấy vượt qua khó khăn này?

HS thực hiện thảo luận, ghi lại các ý tưởng hoặc giải pháp vào bảng nhóm hoặc giấy A3. GV có thể đi quanh lớp để hỗ trợ và khuyến khích các nhóm phát triển câu trả lời đầy đủ, sáng tạo.

HS treo bảng nhóm vào vị trí (sử dụng kỹ thuật phòng tranh), trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV khuyến khích HS đặt câu hỏi hoặc phản biện ý kiến của nhau.

GV tổng kết các ý tưởng chính từ từng nhóm.

Nhấn mạnh rằng sự cảm thông và giúp đỡ là rất cần thiết, đặc biệt khi đối mặt với khó khăn do thiên tai hoặc ảnh hưởng BĐKH.

Khuyến khích HS thực hiện các hành động tương tự trong thực tế để hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Luyện tập 2. Đóng vai xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS thực hành được những cách ứng xử phù hợp khi giúp đỡ, hỗ trợ người gặp khó khăn đặc

biệt trong bối cảnh thiên tai hoặc tác động của biến đổi khí hậu.

b) Cách thực hiện

GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đóng vai theo các tình huống sau:

Nhóm 1: HS hỗ trợ bạn nhỏ không thể đi học sau lũ lụt.

Nhóm 2: Tổ chức chiến dịch quyên góp thực phẩm, quần áo cho người dân vùng lũ.

Nhóm 3: Một nhóm HS phát động phong trào trồng cây xanh tại địa phương để hạn chế tác động của biến đổi khí hậu.

Nhóm 4: Nhóm HS làm sạch bờ biển sau bão và tuyên truyền chống rác thải nhựa

HS thảo luận và phân công vai diễn trong nhóm; đưa ra cách giải quyết tình huống phù hợp nhất. Chuẩn bị kịch bản đóng vai bao gồm lời thoại và hành động.

Các nhóm trình bày phần đóng vai đã chuẩn bị

GV hướng dẫn HS thảo luận sau đóng vai. Sau mỗi nhóm hoàn thành phần đóng vai, GV cho HS trong lớp nhận xét và đặt câu hỏi để làm rõ thêm ý tưởng hoặc đề xuất việc cải tiến giải pháp theo gợi ý sau:

Nhóm em làm gì để hành động giúp đỡ hiệu quả hơn?



Nếu gặp tình huống này trong thực tế, em nghĩ việc gì là quan trọng nhất?

GV nhận xét nhận xét tổng quát: Các em đã thể hiện được tinh thần cảm thông và khả năng giải quyết vấn đề. Những tình huống hôm nay không chỉ là thực hành mà còn liên quan mật thiết đến thực tế. Việc hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chúng ta, và các em hoàn toàn có thể làm điều đó ngay từ bây giờ.

Nhấn mạnh: Tầm quan trọng của sự đoàn kết, hợp tác trong hỗ trợ cộng đồng. Vai trò của những hành động nhỏ nhưng thiết thực trong bảo vệ môi trường và ứng phó với thiên tai.

Luyện tập 3. Thuyết trình về sẵn sàng cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

a) Mục tiêu: HS thể hiện được sự sẵn sàng cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

b) Cách thực hiện

GV giao nhiệm vụ cho HS như sau: *Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình ngắn về sự cảm thông và sự sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh thiên tai và biến đổi khí hậu và thuyết trình trước lớp*

HS chuẩn bị bài thuyết trình theo gợi ý sau: Xác định nội dung chính và mục tiêu thuyết trình. Lập dàn ý rõ ràng (mở đầu, nội dung, kết luận). Minh họa bằng hình ảnh hoặc ví dụ thực tế.

Mỗi nhóm bình chọn 1 bài tốt nhất để thuyết trình trước lớp, cùng góp ý để nội dung thuyết trình của bài được chọn sâu sắc và thực tế hơn.

GV tổ chức cho HS (đại diện của nhóm) thuyết trình trước lớp. HS các nhóm có thể đặt câu hỏi hoặc góp ý thêm.

GV nhận xét bài thuyết trình, đánh giá sự sáng tạo, tính thực tiễn, thái độ của HS. Nhấn mạnh các ý chính:

- Sự cảm thông là nền tảng để xây dựng cộng đồng gắn kết.
- Những hành động nhỏ, như trồng cây hay động viên người dân vùng lũ, đều tạo tác động tích cực lớn.
- Khuyến khích HS thực hiện các hành động cụ thể tại địa phương để đưa bài thuyết trình thành thực tế.

Vận dụng. Thực hiện những việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn tại nơi đang sinh sống

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm thể hiện sự cảm

thông, giúp đỡ người gặp khó khăn tại nơi đang sinh sống.

Khuyến khích HS tham gia vào các hoạt động thực tế, đồng thời nhận thức được vai trò cá nhân trong việc giảm thiểu tác động của BĐKH và hỗ trợ cộng đồng PCTT.

b) Cách thực hiện

GV yêu cầu HS ghi ra một việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn mà mình dự kiến sẽ thực hiện. Lập kế hoạch thực hiện việc làm đã chọn, thực hiện theo kế hoạch, ghi lại các bước thực hiện, cảm nhận của bản thân, và kết quả đạt được.

GV khuyến khích HS chụp ảnh

hoặc quay video trong quá trình thực hiện để làm minh chứng cho báo cáo.

HS thực hiện nhiệm vụ, Sau một tuần nộp báo cáo cho GV, nội dung báo cáo cần các ý sau: Mô tả chi tiết việc làm; Ý nghĩa của hành động đối với cộng đồng và môi trường; Những suy nghĩ và bài học rút ra từ hoạt động. Hình ảnh, video, hoặc xác nhận từ người dân địa phương

GV nhận xét các bài báo cáo, nhấn mạnh những việc làm tích cực và khuyến khích HS tiếp tục duy trì hành động tốt.

4.3.2. Kế hoạch bài dạy minh họa lớp 5

Chủ đề 5. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG (4 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được các loại môi trường sống.
- Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.
- Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng.
- Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.

(Chương trình môn GD CD, trang 27)

1. Năng lực

Tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH: Nêu được các loại môi trường sống; Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

Điều chỉnh hành vi: Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng; không đồng tình với những hành vi gây ô



nhễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.

2. Phẩm chất: Góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, SBT lớp 5 (Dựa theo Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống).

- Bài hát, video clip liên quan đến môi trường sống

- Bảng, phiếu bài tập, nhãn dán, máy chiếu và máy tính (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Khởi động:

a) Mục tiêu: Thu hút sự tham gia của học sinh, tạo không khí vui vẻ, hứng thú cho HS trước khi bước vào bài học. Giúp HS bước đầu nhận thức về tác động của BĐKH đến môi trường sống.

b) Cách thực hiện

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nước biển dâng”

- Chia lớp thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm 3-5 HS). Mỗi nhóm được cấp 1 tờ bìa cứng (tượng trưng cho 1 hòn đảo).

- Phổ biến luật chơi (có thể chiếu lên màn hình):

Khi trò chơi bắt đầu, tất cả vừa đi quanh lớp học vừa hát bài “Trái Đất này là của chúng mình”. HS tưởng

tượng mình đang ở trên biển.

Khi quản trò hô “Nước biển đã dâng!”, các nhóm phải nhanh chóng chạy về hòn đảo của mình và đứng gọn trong đảo với tư thế tự chọn. Nếu nhóm nào có thành viên rơi chân ra ngoài đảo thì coi như bị rơi xuống biển và thua cuộc.

HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn.

GV đặt câu hỏi cho HS sau khi hoàn thành trò chơi:

Nước biển đã dâng trong trò chơi khiến em liên tưởng đến hiện tượng nào trong cuộc sống? Hiện tượng đó ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của con người? Làm thế nào để giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng đó?

Dự kiến câu trả lời

“Nước biển đã dâng” liên tưởng đến hiện tượng BĐKH dẫn đến mực nước biển dâng cao, gây ngập lụt ở các vùng ven biển; Hiện tượng này có thể phá hủy nhà cửa, người dân vùng biển gặp khó khăn, một số loài sinh vật bị mất môi trường sống...; Để giảm thiểu có thể trồng cây xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường...

GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động và dẫn nhập vào bài học.

Hình thành kiến thức 1: Tìm hiểu các loại môi trường sống



a) Mục tiêu: Kể tên được các loại môi trường sống

b) Cách thực hiện

GV yêu cầu HS làm việc nhóm (6 nhóm) theo nội dung sau: Mỗi nhóm sẽ tiến hành giải câu đố bằng cách vẽ một bức tranh dựa trên các gợi ý trong câu đố (Nhóm 1,2 câu đố 1; nhóm 3,4 câu đố 2; nhóm 5,6 câu đố 3)

Câu đố 1: Tôi là nơi cư trú của con người và các loài sinh vật khác, tôi cung cấp các chất dinh dưỡng nuôi cây phát triển.

Câu đố 2: Tôi bao gồm đại dương, sông, suối, hồ, kênh...tôi rất quan trọng trong điều tiết khí hậu, duy trì sự sống.

Câu đố 3. Tôi bao gồm oxi, nitơ, cacbonic...tôi cung cấp sự sống cho các loài sinh vật trên Trái Đất.

HS vẽ tranh theo hướng dẫn, treo tranh vào vị trí quy định

Dự kiến tranh giải câu đố:

Câu đố 1: Tôi là môi trường đất.

Câu đố 2: Tôi là môi trường nước.

Câu đố 3: Tôi là môi trường không khí.

GV tổ chức cho HS bình tranh (sử dụng kỹ thuật phòng tranh).

GV nhận xét tinh thần và thái độ học tập, kết quả thảo luận của các nhóm. Sau đó nêu câu hỏi ở rộng: Hãy

kể thêm các loại môi trường sống khác mà các em biết.

Kết luận: Các loại môi trường sống: môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, môi trường sinh vật, môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo...

Hình thành kiến thức 2: Tìm hiểu vì sao phải bảo vệ môi trường sống

a) Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường sống; Liên hệ được việc bảo vệ môi trường sống với việc giảm thiểu tác động của thiên tai và thích nghi với biến đổi khí hậu.

b) Cách thực hiện

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (4HS/nhóm) theo nội dung sau: Đọc thông tin SGK (tr32) và trả lời câu hỏi:

Môi trường sống ở nước ta hiện nay đang gặp phải những vấn đề gì?

Ô nhiễm môi trường gây hại gì đối với sức khỏe con người?

Vì sao chúng ta phải bảo vệ môi trường sống?

Bảo vệ môi trường giúp giảm thiểu thiên tai và thích ứng với BĐKH như thế nào?

HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm

GV tổ chức cho HS thảo luận lớp: Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

GV nhận xét các ý kiến thảo luận của HS và hướng dẫn HS kết luận:

- Ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường: Môi trường cung cấp điều kiện sống cho con người, giúp đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Phải bảo vệ môi trường vì hiện nay môi trường đang bị ô nhiễm và có nguy cơ đe dọa cuộc sống con người.

- Liên hệ với PCTT và ƯPVBDKH: Bảo vệ môi trường giúp giảm thiểu nguy cơ thiên tai, như hạn chế sạt lở đất, lũ lụt.

Hình thành kiến thức 3: Tìm hiểu cách thức bảo vệ môi trường sống

a) Mục tiêu: Nhận biết được những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống. Trình bày được mối liên hệ giữa bảo vệ môi trường với việc giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

b) Cách thực hiện

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm theo nội dung sau: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu: *Nêu những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống trong các tranh. Kể thêm những việc khác để bảo vệ môi trường sống tại nhà, trường học và nơi công cộng.*





HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc theo nhóm để thống nhất kết quả, ghi lại ý tưởng vào bảng nhóm hoặc giấy A0. Treo sản phẩm vào vị trí quy định.

Dự kiến sản phẩm

Tranh 1: Trồng và chăm sóc cây xanh.

Tranh 2: Báo nguy cơ cháy rừng cho người lớn.

Tranh 3: Dọn dẹp vệ sinh đường làng.

Tranh 4: Tuyên truyền phân loại rác thải.

Tranh 5: Xử lý chất thải đúng cách.

Tranh 6: Sử dụng tiết kiệm năng lượng.

Những việc khác: Giữ gìn trường lớp xanh – sạch – đẹp, thường xuyên vệ sinh nhà cửa, tham gia phong trào môi trường như vẽ tranh, biểu diễn văn nghệ, tuyên truyền..

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả và thảo luận: Đại diện mỗi nhóm trình bày trước lớp về những việc cần làm để bảo vệ môi trường sống, các nhóm nhận xét, bổ sung

Kết luận: HS có thể làm được nhiều việc phù hợp để bảo vệ môi trường, như: Trồng và chăm sóc cây xanh; Dọn dẹp vệ sinh nơi ở và nơi học tập; Tuyên truyền trong cộng đồng về phân loại rác thải; Sử dụng đồ

tái chế; Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Tích hợp PCTT và UPVBDKH:

Phòng chống thiên tai: HS nhận thức rằng bảo vệ cây xanh giúp giảm nguy cơ sạt lở đất và hạn chế thiệt hại do bão, lũ.

Biến đổi khí hậu: HS hiểu rằng phân loại và tái chế rác thải góp phần giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, tiết kiệm năng lượng giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Luyện tập 1. Chơi trò chơi “Nếu...thì”

a) Mục tiêu: Nhận thức được các hành động bảo vệ môi trường và hậu quả của những hành động gây hại đến môi trường.

b) Cách thực hiện

GV chia lớp thành 2 đội với số lượng thành viên như nhau và phổ biến luật chơi:

Các đội xếp đứng thành 1 hàng đối diện nhau. Mỗi thành viên của đội 1 đưa ra một mệnh đề “Nếu...” liên quan đến bảo vệ môi trường. Một thành viên của đội 2 sẽ trả lời bằng mệnh đề “Thì...” sao cho phù hợp. Sau mỗi lượt chơi, các đội đổi vai trò: đội đưa ra mệnh đề “Nếu...” chuyển sang mệnh đề “Thì...” và ngược lại.

Đội nào có số lượng mệnh đề phù hợp nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

Ví dụ: Nếu đổ rác thải xuống sông thì sẽ làm ô nhiễm nguồn nước

HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn. **GV** nhận xét kết luận ý nghĩa của trò chơi: nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và hiệu hậu quả của hành vi gây hại môi trường.

Luyện tập 2. Bài tỏ ý kiến

a) Mục tiêu: Nhận thức được các

a Một số người dân trong thôn thường đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.

b Ban Kim báo bác tổ trưởng dân phố khi thấy có gia đình trong khu phố vứt rác không đúng nơi quy định.

c Lâm đề nghị một người đàn ông không hút thuốc lá trên xe buýt.

d Bạn Tư thường nhóm bếp than ở ngoài đường để tránh ô nhiễm trong nhà.

e Sau khi phun thuốc trừ sâu, bố bạn Mi thường vứt luôn vỏ chai ra vườn.

g Bạn An thường xem phim, đọc sách về việc bảo vệ môi trường.

h Giàng thả cá tui ni-lông đựng cá xuống sông vào ngày 23 tháng Chạp.

HS thực hiện nhiệm vụ,

Dự kiến kết quả

a) Không đồng tình. Vì hành động này gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng đến khu dân cư.

b) Đồng tình. Vì đây là việc làm

hành vi có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến môi trường sống, từ đó đưa ra quan điểm đúng đắn của bản thân.

b) Cách thực hiện

GV yêu cầu **HS** làm việc cá nhân: Trình bày ý kiến của mình về các hành vi được liệt kê trong các ô dưới đây.

phê phán hành vi gây ô nhiễm môi trường.

c) Không đồng tình. Vì hút thuốc nơi công cộng không được phép, gây hại sức khỏe.

d) Không đồng tình. Vì sử dụng

bếp than tổ ong gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe.

e) Không đồng tình. Vì việc xả chất độc ra môi trường gây hại đến đất, nguồn nước và không khí.

g) Đồng tình. Vì việc học hỏi về bảo vệ môi trường giúp nâng cao nhận thức.

h) Không đồng tình. Vì xả rác thải xuống nước gây ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng đến hệ sinh thái.

GV mời một số HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét và đánh giá. GV dựa trên câu trả lời và những

trao đổi của HS để khái quát lại: HS cần biết phân biệt hành vi đúng/sai để bảo vệ môi trường.

Luyện tập 3. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu: Phát triển kỹ năng phân tích và xử lý tình huống thực tế liên quan đến môi trường. Nâng cao nhận thức về hậu quả của ô nhiễm môi trường và vai trò của cá nhân trong bảo vệ môi trường.

b) Cách thực hiện

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 học sinh/nhóm) theo nội dung sau: Đọc các tình huống, đóng vai để xử lý tình huống.

a Lớp của Dung và Hiền đi dã ngoại. Cuối buổi chiều, sau khi ăn nhẹ, Hiền vứt luôn vỏ kẹo xuống đất và đổ nước ngọt còn thừa xuống hồ. Thấy vậy, Dung nhắc nhở: “Bạn làm thế là gây ô nhiễm môi trường đấy!” Hiền liền báo: “Một chút nước ngọt thì làm sao mà ô nhiễm hồ nước, còn vỏ kẹo thì sẽ có cô lao công thu dọn, tớ thấy nhiều người vẫn làm thế.”

Em có nhận xét gì về ý kiến của Hiền? Nếu là Dung, em sẽ nói gì với Hiền?

b Sau khi quét đường làng xong, Kiên đề nghị các bạn trong xóm gom hết số rác đã quét dọn được thành một đống để đốt cho nhanh, đỡ mất công mang đến khu vực tập kết rác.

Việc đốt rác ở đường làng mang lại hậu quả gì? Nếu là bạn của Kiên, em sẽ làm gì?

c Chú của Mấy cho rằng: “Từ thời ông bà, cha mẹ sinh sống trên vùng đất này đã nuôi lợn, trâu thả rông xung quanh nhà. Minh chỉ làm theo phong tục thôi, mà hầu như nhà nào cũng vậy nên quen rồi, có thấy ô nhiễm môi trường đâu.”

Theo em, việc nuôi lợn, trâu thả rông quanh nhà gây ô nhiễm môi trường sống như thế nào? Nếu là Mấy, em sẽ nói gì với chú?

d Giờ ra chơi, Sáng rủ Mai bỏ những chiếc lá bang to trong sân trường để quạt cho mát vì cho rằng bỏ vài chiếc lá sẽ không ảnh hưởng gì.

Nếu là Mai, em sẽ nói gì với Sáng?

HS phân tích tình huống, xây dựng kịch bản, đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.

GV quan sát và hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.

Dự kiến cách xử lý

a) Nói với Hiền rằng hành động của bạn không chỉ ảnh hưởng môi trường mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Khuyến Hiền không nên tiếp tục hành vi đó.

b) Khuyến bạn không nên đốt rác mà tập kết rác để được xử lý đúng cách.

c) Nói với bố việc thực hiện biện pháp xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường.

d) Khuyến Sáng trồng cây để bảo

vệ môi trường thay vì bỏ lá.

GV tổ chức cho HS đóng vai xử lý tình huống: Các nhóm trình bày qua phần đóng vai. HS trong lớp nhận xét, đánh giá và đưa ra cách xử lý khác (nếu có).

Vận dụng 1. Tự đánh giá

a) Mục tiêu: Vận dụng được điều đã học vào cuộc sống bằng việc làm cụ thể

b) Cách thực hiện

GV tổ chức cho HS tự đánh giá theo phiếu: Những việc bản thân đã làm được, chưa làm được về bảo vệ môi trường sống, nêu biện pháp khắc phục.

HS thực hiện theo yêu cầu

Dự kiến kết quả

Việc làm tốt	Việc làm chưa tốt	Biện pháp khắc phục
- Tích cực tham gia trực nhật, vệ sinh lớp học. - Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. - Chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trường. - Tuyên truyền với người thân bảo vệ cảnh quan môi trường.	- Còn dùng nhiều túi ni-lông để đựng đồ. - Chưa phân loại rác mỗi khi bỏ rác thải.	- Thay thế dần túi ni-lông bằng túi giấy hoặc bằng túi có chất liệu thân thiện với môi trường. - Chú ý phân loại rác và mua các dụng cụ hỗ trợ cho việc phân loại như túi đựng rác, dán nhãn phân loại.



Vận dụng 2. Dự án học tập

a) Mục tiêu: Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng

b) Cách thực hiện

GV chia HS thành các nhóm nhỏ (khoảng 4-6 học sinh/nhóm), giao nhiệm vụ như sau:

Điều tra tình hình môi trường tại trường học hoặc khu vực sinh sống và

đề xuất giải pháp cải thiện.

HS thực hiện nhiệm vụ: Lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tiến hành dự án theo các nội dung: quan sát, ghi chép và thu thập dữ liệu về môi trường trong khu vực được giao; phân tích dữ liệu và liệt kê các vấn đề môi trường gặp phải, nguyên nhân gây ra những vấn đề này; Đề xuất biện pháp khắc phục hoặc phát huy

Dự kiến sản phẩm:

STT	Tình hình môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục/phát huy
1	Sông X bị ô nhiễm nguồn nước	Sông X bị ô nhiễm nguồn nước	- Đặt biển nhắc nhở không đổ rác - Viết bài phản ánh tình trạng - Tuyên truyền phổ biến...
2	Đường làng ngõ xóm có nhiều rác	Người dân chưa phân loại rác	Tuyên truyền về phân loại và tái chế rác.

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả sau 2 tuần:

- Các nhóm trình bày báo cáo trước lớp bằng sơ đồ, tranh vẽ, hoặc bài viết (sử dụng kỹ thuật phòng tranh)

- Các nhóm quan sát, nhận xét và đánh giá sản phẩm của các nhóm.

GV dựa trên kết quả báo cáo của các nhóm và ý kiến trao đổi để nhấn mạnh vai trò của việc bảo vệ môi trường và ứng dụng các giải pháp vào thực tế.



PHẦN 2:

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

(TÀI LIỆU CHO GIẢNG VIÊN)

CHƯƠNG 1: SỞ THỰC HIỆN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Quan điểm giáo dục phát triển bền vững và toàn diện

Giáo dục phát triển bền vững (Education for Sustainable Development – ESD) là một định hướng giáo dục được tổ chức UNESCO khởi xướng nhằm nâng cao năng lực và ý thức của con người trong việc đối mặt với các vấn đề môi trường – xã hội – kinh tế toàn cầu. ESD không phải là một môn học riêng biệt, mà là một cách tiếp cận giúp tích hợp các nội dung, kỹ năng và thái độ liên quan đến phát triển bền vững vào các môn học hiện hành, trong đó có giáo dục GDCD.

Giáo dục về PCTT và ŰPVBDKH là một bộ phận không thể tách rời của ESD, với mục tiêu giúp người học hiểu được nguyên nhân, hậu quả, và giải pháp thích ứng – giảm nhẹ những rủi ro do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra. Theo UNESCO, một trong những mục tiêu quan trọng của ESD là “hỗ trợ các quốc gia xây dựng năng lực cho giáo viên và các nhà giáo dục trong việc tích hợp ESD vào chương trình đào tạo giáo viên”.

BĐKH và thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp, tác động rõ rệt đến mọi lĩnh vực của đời sống. Tăng cường năng lực thích ứng với PCTT và



ƯPVBDKH là yêu cầu cấp thiết trong đào tạo thế hệ công dân mới – đặc biệt là giáo viên – những người giữ vai trò quan trọng trong việc lan tỏa hiểu biết và hành động tới HS và cộng đồng.

Tại trường ĐHSP Hà Nội, trong quá trình đào tạo sinh viên ngành GD CD, việc tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH không chỉ góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của SV đối với môi trường mà còn giúp họ phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn, đặc biệt là phát triển năng lực dạy học tích hợp, từ đó áp dụng vào thực tiễn dạy học tại các trường phổ thông, góp phần xây dựng một cộng đồng có khả năng PCTT và thích ứng tốt hơn với BĐKH, hướng tới sự phát triển bền vững.

1.1.2. Khả năng tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong môn GD CD

Giáo dục GD CD là môn học là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân Việt Nam, đó là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền và nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.

Môn GD CD cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác, góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và các năng lực cốt lõi thông qua các năng lực đặc thù của môn học: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động KT-XH.

Môn GD CD có nội dung chủ yếu là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Các nội dung giáo dục này phát triển xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân, với người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với công việc và môi trường tự nhiên; được xây dựng trên cơ sở kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và toàn cầu. Với nội dung giáo dục rộng, đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau và có mối quan hệ mật thiết với các môn học khác, môn GD CD đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức về phát triển bền vững, sử dụng năng lượng hiệu quả. Do đó, tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong dạy học môn GD CD ở trường phổ thông là hoàn toàn hợp lý và cần thiết.

Hiện nay, ở Việt Nam, thiên tai và



BĐKH đang diễn biến phức tạp, gây ra những tác động lớn đến môi trường và đời sống con người. Việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào môn GD CD có thể triển khai như sau:

Giáo dục đạo đức: Tích hợp, lồng ghép ý thức bảo vệ môi trường và trách nhiệm công dân trong các chủ đề đạo đức yêu nước, trách nhiệm và nhân ái. Giúp HS nhận thức tầm quan trọng của hành động bảo vệ môi trường để ứng phó với BĐKH và giảm thiểu những thiệt hại từ thiên tai.

Giáo dục kỹ năng sống: Tăng cường các kỹ năng như quản lý bản thân trước thiên tai, kỹ năng hợp tác khi ứng phó với thiên tai, kỹ năng nhận thức về môi trường sống và khí hậu để đảm bảo an toàn cá nhân và cộng đồng.

Giáo dục pháp luật: Giới thiệu các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, trách nhiệm của công dân với các vấn đề về khí hậu, tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của HS.

Giáo dục kinh tế: Giúp HS hiểu tác động của BĐKH đến kinh tế và học cách tiêu dùng bền vững. Đẩy mạnh nhận thức về vai trò của kinh tế xanh, bền vững.

Thông qua việc học tập và thực hành trong môn GD CD, HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển kỹ năng trong việc ứng phó với thiên tai. Đồng thời, tạo nền tảng cho HS định hướng nghề nghiệp, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với các thách thức toàn cầu trong tương lai.

1.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1.2.1. Công ước, cam kết quốc tế về PCTT và UPVBĐKH

- Công ước khung của Liên Hợp quốc và Hiệp định COP26 về BĐKH

Hội nghị COP26 (31/10 – 13/11/2021 tại Glasgow, Anh) là sự kiện quan trọng trong khuôn khổ Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), nhằm đánh giá tiến độ Thỏa thuận Paris 2015 và thúc đẩy cam kết toàn cầu về khí hậu. Các nội dung chính tại COP26 gồm:

Giảm phát thải khí nhà kính: 151 quốc gia cập nhật Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDCs). Hơn 130 quốc gia cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Cam kết giảm 30% khí methane vào năm 2030. Hơn 40 nước, gồm Việt Nam, cam kết loại bỏ than đá.

Thỏa thuận Glasgow về Khí hậu:

Lần đầu tiên đề cập giảm dần sử dụng than. Kêu gọi tăng tài trợ và chuyển đổi sang năng lượng sạch. Thúc đẩy nâng cao mục tiêu cắt giảm khí thải trong năm 2022.

Tài chính khí hậu: Cam kết hỗ trợ 100 tỷ USD/năm cho các nước đang phát triển. Thành lập Quỹ "Mất mát và Thiệt hại" cho các nước dễ tổn thương.

Bảo vệ rừng và đa dạng sinh học: Hơn 100 quốc gia cam kết chấm dứt phá rừng vào năm 2030. Cam kết tài trợ 19,2 tỷ USD bảo tồn rừng.

Chuyển đổi năng lượng và giao thông bền vững: Cam kết dừng bán xe xăng, diesel vào năm 2040. Đẩy mạnh đầu tư năng lượng tái tạo.

Thỏa thuận thị trường carbon: Hoàn thiện cơ chế thị trường carbon theo Điều 6 Thỏa thuận Paris. Tạo điều kiện giao dịch tín chỉ carbon giữa các quốc gia.

Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Sau COP26, Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể như:

Hoàn thiện Quy hoạch điện quốc gia (2021–2030, tầm nhìn 2045).

Xây dựng Đề án thực hiện cam kết COP26.

Ban hành Chiến lược Quốc gia về

BĐKH đến 2050.

Triển khai các chương trình về năng lượng xanh, giao thông bền vững, tăng trưởng xanh và giảm phát thải khí methane.

Các bộ, ngành đang xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các cam kết.

- *UNICEF và Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai*

UNICEF nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) gắn với bảo vệ trẻ em – nhóm dễ bị tổn thương nhất. Tổ chức này hợp tác với các chính phủ và tổ chức xã hội dân sự để:

Thúc đẩy vai trò của trẻ em như những tác nhân thay đổi trong bối cảnh BĐKH và GNRRTT.

Hỗ trợ xây dựng trường học an toàn và lồng ghép giáo dục GNRRTT vào giáo dục chính khóa.

Phối hợp lồng ghép GNRRTT vào kế hoạch phát triển quốc gia tại Việt Nam và giữ vai trò điều phối trong hệ thống Liên Hợp Quốc về GNRRTT.

Trọng tâm hoạt động của UNICEF: Phân tích và sử dụng dữ liệu theo độ tuổi, giới tính, tình trạng khuyết tật trong đánh giá rủi ro; Đầu tư vào các dịch vụ xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục, nhằm duy trì chức năng trong và



sau thiên tai; Tăng cường năng lực quốc gia và địa phương trong đánh giá rủi ro đa thiên tai.

Quá trình hình thành Khung hành động Sendai: Sau thảm họa sóng thần 2004, khung hành động Hyogo (2005–2015) được thông qua, nhằm xây dựng khả năng phục hồi cho cộng đồng. Đến năm 2015, khung hành động Sendai (2015–2030) được kế thừa và phát triển, nhấn mạnh tính liên kết giữa GNRRTT, BDKH và phát triển bền vững.

Mục tiêu và nội dung Khung hành động Sendai:

Mục tiêu chính Khung hành động Sendai:: Phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai thông qua tiếp cận tổng thể và bao trùm trong các lĩnh vực thể chế, pháp luật, y tế, giáo dục, GDCD... Một trong 7 chỉ tiêu là đến năm 2030, giảm thiệt hại làm gián đoạn dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục.

4 ưu tiên hành động: Hiểu rõ rủi ro thiên tai; Tăng cường quản trị rủi ro thiên tai; Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu; Tăng khả năng sẵn sàng, phục hồi và "xây dựng lại tốt hơn" sau thiên tai.

- Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững - Agenda 2030

Chương trình nghị sự 2030 được

Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tháng 9/2015 tại New York, là kế hoạch hành động toàn cầu vì con người, hành tinh và sự thịnh vượng, nhằm xoá đói giảm nghèo dưới mọi hình thức, thúc đẩy hòa bình và phát triển bền vững.

Chương trình gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu cụ thể, trong đó có hai mục tiêu liên quan đến giáo dục, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Mục tiêu 12: Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm (Chỉ tiêu 12.8 – nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, sống hài hòa với thiên nhiên).

Mục tiêu 13: Ứng phó với BDKH (Chỉ tiêu 13.3 – tăng cường giáo dục và năng lực về thích ứng và giảm nhẹ tác động BDKH).

Với phương châm "Không ai bị bỏ lại phía sau", SDG 4 nhấn mạnh đảm bảo giáo dục chất lượng, công bằng, bao trùm và học tập suốt đời, hướng đến phát triển kỹ năng nền tảng, kỹ năng nghề nghiệp và xã hội cho người học.

Tại Việt Nam, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 được ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-TTg (ngày

10/5/2017), đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững gắn với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với BĐKH, hướng tới một Việt Nam thịnh vượng, công bằng, dân chủ và bền vững.

1.2.2 Chiến lược và đề án quốc gia về PCTT và U'PV'BĐKH

- Chiến lược quốc gia về PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

Ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 với các mục tiêu: Chủ động PCTT, thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH), giảm thiệt hại về người và tài sản; Tạo nền tảng phát triển bền vững, giữ vững an ninh – quốc phòng; Đến 2030: giảm 50% thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất; thiệt hại kinh tế không vượt quá 1,2% GDP; 100% hộ gia đình và tổ chức nắm vững kỹ năng PCTT; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai...

- Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến 2030.

Theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021, với 3 hợp phần chính: Hoàn thiện chính sách, tài liệu hướng dẫn; Nâng cao năng lực cho cán bộ và lực lượng PCTT; Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cộng đồng.

Mục tiêu cụ thể: 100% người dân

vùng thiên tai được phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh; Tích hợp nội dung PCTT vào các môn học phổ thông; 100% xã có kế hoạch PCTT có sự tham gia của cộng đồng; Đảm bảo phổ biến thông tin thiên tai đầy đủ đến các hộ gia đình.

- Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.

Ban hành theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/4/2020, với mục tiêu: Ổn định phát triển vùng ven sông, ven biển, đảm bảo an ninh quốc phòng; Đến 2030, hoàn thành 90% di dời dân khỏi vùng nguy cơ cao; xử lý sạt lở các khu vực trọng điểm.

Nhiệm vụ chủ yếu: Tuyên truyền nâng cao nhận thức; Tăng cường quản lý, quan trắc, cảnh báo; Ứng dụng khoa học – GDCD, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở.

- Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến 2025.

Theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022, nhằm triển khai chiến lược quốc gia PCTT, tập trung vào hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực lực lượng PCTT, dự báo – cảnh báo, đầu tư hạ tầng... Đặc biệt, 8 nội dung cần lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển như: đảm bảo không gian thoát lũ, bố trí dân cư,



nâng cấp hồ chứa, giáo dục nâng cao nhận thức, ứng dụng khoa học GDCD, hợp tác quốc tế...

Như vậy các chiến lược và đề án quốc gia là cơ sở pháp lí quan trọng để tích hợp giáo dục phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào chương trình phổ thông, thông qua việc nâng cao nhận thức, lồng ghép nội dung vào môn học, quy hoạch và chính sách phát triển kinh tế – xã hội.

1.2.3. Văn bản pháp luật, chương trình tại Việt Nam làm căn cứ thực hiện giáo dục PCTT và UPVBĐKH

- Văn bản pháp luật tại Việt Nam về PCTT và UPVBĐKH

Luật PCTT 2013 (số 33/2013/QH13) và Luật sửa đổi 2020 (số 60/2020/QH14) nhấn mạnh việc xây dựng kế hoạch PCTT cấp địa phương để chuyển từ bị động sang chủ động trong quản lí. Nội dung mới gồm: quản lí lũ tổng hợp lưu vực sông, kế hoạch phòng chống bão, lũ quét, sạt lở... sát với thực tiễn. Bộ NN&PTNT có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể quy trình, nội dung kế hoạch. Điểm a khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung quy định cụ thể về nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai theo cấp độ rủi ro.

Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật PCTT, bao

gồm: Tình huống khẩn cấp về thiên tai (đe dọa tính mạng, công trình trọng yếu, cần ứng phó khẩn cấp); Biện pháp khẩn cấp (sơ tán dân, cứu trợ lương thực, thuốc men, huy động lực lượng, xử lí môi trường, phục hồi công trình); Hỗ trợ khắc phục hậu quả (hỗ trợ dân sinh, nhà ở, chi phí điều trị, mai táng cho người bị thiên tai; phân bổ hàng hóa từ dự trữ quốc gia); Nguyên tắc và quy trình (khắc phục hậu quả, thống kê thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ); Nguồn nhân lực PCTT (thành lập lực lượng xung kích PCTT cấp xã); Nguồn tài chính (gồm ngân sách, quỹ PCTT, đóng góp tự nguyện, viện trợ quốc tế; có quy định riêng theo cấp độ rủi ro thiên tai.)

Nghị định số 78/2021/NĐ-CP thành lập và quản lí Quỹ PCTT: Hỗ trợ các hoạt động chưa được ngân sách đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu. Chi hỗ trợ ứng phó thiên tai khẩn cấp, hỗ trợ địa phương bị thiệt hại nặng, hỗ trợ dự án liên vùng, hỗ trợ nạn nhân, công tác cảnh báo, đào tạo, truyền thông.

Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp địa phương, quy định chi tiết: Khung kế hoạch cấp tỉnh (gồm: căn cứ pháp lí, mục tiêu, hiện trạng, rủi ro, biện pháp, nguồn lực,



lồng ghép PCTT vào quy hoạch phát triển) và Hướng dẫn đánh giá (điều kiện tự nhiên, hệ thống pháp luật, công tác cứu hộ, cảnh báo sớm, nhận thức cộng đồng, phục hồi sau thiên tai...)

- Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chương trình phối hợp công tác về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trong ngành GDĐT giai đoạn 2018-2023 (kí ngày 8 tháng 5 năm 2018 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ GDĐT) đã xác định 4 mục tiêu quan trọng, trong đó có việc nâng cao nhận thức, năng lực và tinh thần chủ động của cán bộ, GV, HS, SV, học viên trong công tác PCTT đồng thời tăng cường giáo dục pháp luật về PCTT trong ngành giáo dục. Sự phối hợp này góp phần hạn chế tối đa sự gián đoạn các hoạt động dạy – học khi thiên tai xảy ra; xây dựng cộng đồng an toàn hơn trước thiên tai; giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, môi trường, giảm thiểu các rủi ro về đuối nước và phát triển bền vững.

Quyết định số 3162/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ GDĐT giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu là tăng cường quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai, nâng

cao năng lực, tính chủ động của toàn ngành Giáo dục trong phòng, chống thiên tai; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trang bị kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo, người học và người lao động; xây dựng tiêu chuẩn, qui chuẩn đảm bảo an toàn trước thiên tai đối với trường, lớp học; huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực; tăng cường hợp tác quốc tế để phòng, chống thiên tai trong ngành Giáo dục nhằm hạn chế sự thiệt hại về người và tài sản, giảm thiểu sự gián đoạn các hoạt động dạy - học, góp phần phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng; bảo đảm thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục gắn kết với công tác phòng, chống thiên tai.

Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong ngành Giáo dục và Đào tạo giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ GDĐT, giai đoạn 2024 – 2029 (kí ngày 5 tháng 1 năm 2024, Bộ GDĐT tạo cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký kết văn bản thống nhất cùng triển khai thực hiện) với mục đích là tăng cường phối hợp giữa hai Bộ nhằm nâng cao nhận thức, năng lực về PCTT cho HS và đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, góp phần xây dựng



cộng đồng an toàn trước thiên tai. Trong đó có mục tiêu từ năm 2024-2026 tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ trung ương đến địa phương; chuẩn hóa chương trình, hệ thống tài liệu hướng dẫn tích hợp, lồng ghép kiến thức PCTT vào chương trình giảng dạy các cấp.

1.2.4. Hệ thống các quy định trong đào tạo giáo viên ngành GD CD tại trường ĐHSP Hà Nội

- Cơ sở pháp lý và định hướng đào tạo GV tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH

Việc tích hợp giáo dục về PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo giáo viên là một yêu cầu cấp thiết, đã được thể hiện rõ trong các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục và phát triển bền vững, tiêu biểu như:

Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh giáo dục phải góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người toàn diện, thích ứng với yêu cầu của cuộc sống hiện đại và bối cảnh toàn cầu hóa.

Chương trình GDPT 2018, với định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học, nhấn mạnh đến

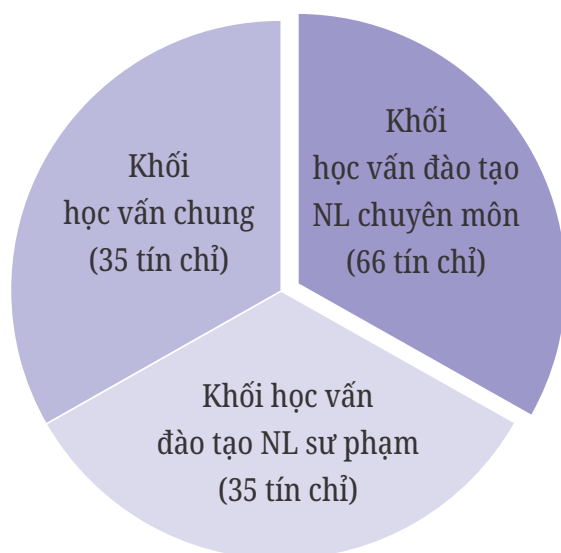
các năng lực sống xanh, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và thích ứng thiên tai.

Chiến lược quốc gia về BĐKH và các kế hoạch hành động quốc gia về giáo dục môi trường, phát triển bền vững trong ngành giáo dục.

Trong bối cảnh Việt Nam chịu nhiều tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, giáo dục – đặc biệt là đào tạo giáo viên – đóng vai trò như một đòn bẩy chiến lược, giúp lan tỏa nhận thức và hành động vì sự phát triển bền vững.

Đáp ứng yêu cầu đó, Trường ĐHSP Hà Nội đã xây dựng triết lý và định hướng đào tạo thể hiện rõ vai trò trách nhiệm xã hội trong bối cảnh phát triển mới. Mục tiêu của nhà trường là “*Đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội*”, với triết lý giáo dục “*Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng*”.

Chương trình đào tạo trình độ đại học khối ngành sư phạm tại Trường ĐHSP Hà Nội được xây dựng dựa trên các định hướng trên, đồng thời phù hợp với Khung trình độ quốc gia và các chuẩn đầu ra nghề nghiệp của GV, gồm 136 tín chỉ, trong đó:



Biểu đồ thể hiện sự phân bố các khối học văn của CTĐT khối ngành sư phạm

- Tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBDKH trong đào tạo giáo viên ngành GD CD

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GD CD được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quyết định số 8449/QĐ-BGD&ĐT ngày 19/12/2008 với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân sư phạm GD CD có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Năm học 2008, Trường ĐHSP Hà Nội bắt đầu tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo cho hệ Cử nhân GD CD, đến nay đã có 12 khóa tốt nghiệp.

Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân khoa học ngành GD CD có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành GD CD,

năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt là những vấn đề mang tính toàn cầu đang ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường, đời sống và sự phát triển bền vững, như: bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên bền vững, ứng phó với thiên tai và BĐKH; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.



Việc đào tạo SV ngành GD CD không chỉ hướng đến việc làm chủ kiến thức, kỹ năng GD CD, mà còn trang bị cho họ nhận thức đúng đắn về các vấn đề môi trường – khí hậu, cũng như kỹ năng tích hợp nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào các bài học GD CD ở trường phổ thông. Điều này giúp SV trở thành những giáo viên tương lai có trách nhiệm xã hội, có khả năng giáo dục HS nhận thức và hành động vì sự phát triển bền vững.

Từ mục tiêu trên, việc rà soát chương trình đào tạo ngành GD CD nhằm tìm kiếm cơ hội bồi dưỡng năng lực tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH cho SV là hết sức cần thiết. Qua rà soát có thể chia học phần thành hai nhóm chính:

Học phần cung cấp kiến thức

chuyên ngành GD CD: Bao khối học văn chung của ngành; Khối học văn chuyên ngành; Khối học văn bổ trợ của chuyên ngành. Những khối kiến thức chuyên ngành tạo nhiều cơ hội để SV hiểu được mối liên hệ giữa GD CD và các thách thức môi trường – khí hậu, thiên tai hiện nay.

Học phần phát triển năng lực dạy học môn GD CD theo Chương trình GDPT 2018 tạo nhiều cơ hội để hướng dẫn SV thiết kế bài học, khai thác các tình huống thực tiễn gắn với thanh đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi về các vấn đề môi trường, PCTT và UPVBĐKH.

Như vậy có rất nhiều học phần trong chương trình đào tạo SV ngành GD CD có khả năng tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH.



CHƯƠNG 2

CƠ HỘI TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ CƠ HỘI TÍCH HỢP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1.1 Mục tiêu đào tạo cử nhân Giáo dục công dân

CTĐT đại học ngành GDCD được xây dựng với mục tiêu được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. CTĐT xây dựng dựa trên mục tiêu và CDR nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Mục tiêu đào tạo ngành GDCD được xác định rõ ràng trong CTĐT đại học ngành GDCD ban hành theo quyết định số 6155/QĐ- ĐHSPHN ngày

11/12/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN là: “Đào tạo cử nhân Giáo dục công dân có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục công dân, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục công dân; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời”

Mục tiêu đào tạo thể hiện người học sau khi tốt nghiệp ngoài việc đáp ứng công việc giảng dạy ở trong Nhà trường phổ thông, còn có khả năng nghiên cứu về khoa học chuyên ngành và phát triển các lĩnh vực liên quan phục vụ giáo dục và đời sống.

Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa



hướng tới phẩm chất và năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT cử nhân ngành GD CD bao gồm:

Về phẩm chất: Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục công dân, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, năng động, tích cực, sáng tạo, có phong cách mẫu mực của người giáo viên.

Về năng lực: Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục công dân, giúp người học hình thành và phát triển các năng lực, bao gồm các năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực ngành cốt lõi bao gồm: Năng lực GD CD; Năng lực giải thích Chương trình môn Giáo dục công dân trong Chương trình giáo dục phổ thông; Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn giáo dục công dân vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục công dân; Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.

Mục tiêu của CTĐT ngành GD CD phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ

đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và Luật giáo dục. Trong đó: Luật giáo dục đại học nêu rõ mục tiêu riêng với bậc học đại học là SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Luật Giáo dục năm 2019 cũng đã xác định mục tiêu giáo dục đại học là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Như vậy, mục tiêu của CTĐT ngành GD CD nhằm cung cấp, trang bị cho SV một hệ thống kiến thức chuyên môn toàn diện về các nội dung khác nhau của ngành GD CD trên cơ sở nắm vững đặc điểm phát triển của học sinh phổ thông, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, thực hành giảng dạy, giáo dục học sinh, từ đó SV sau khi tốt nghiệp có khả năng làm



việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực GD CD.

Có thể nhận thấy, mục tiêu đào tạo cử nhân GD CD tại Trường ĐHS P Hà Nội mở ra cơ hội tích hợp về giáo dục PCTT và ƯPV B ĐKH nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của SV ngành GD CD, góp phần: Đào tạo SV có năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn, trong đó có các vấn đề liên quan đến PCTT và ƯPV B ĐKH; Phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện và sáng tạo trong việc tìm kiếm giải pháp ứng phó với thiên tai và B ĐKH; Lồng ghép nội dung PCTT và ƯPV B ĐKH vào giáo dục kĩ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và khả năng phục vụ cộng đồng; Trang bị cho SV khả năng thích ứng và hội nhập quốc

tế, nhất là trong bối cảnh Việt Nam chịu tác động mạnh từ B ĐKH.

Cơ hội này không chỉ giúp SV phát triển các năng lực cốt lõi mà còn nâng cao nhận thức xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục công dân

CĐR của CTĐT cử nhân GD CD Trường ĐHS P Hà Nội gồm 4 tiêu chuẩn (23 tiêu chí), được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bảo đảm hình thành được cho người học những phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực chuyên ngành Giáo dục công dân Cụ thể:

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Số chỉ báo
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	3
	Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	3
	Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	3
	Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy	3
	Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm	5
	Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	3
Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	5
	Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác	8
	Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo	3
	Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	6
	Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	3
	Tiêu chí 6: Năng lực phản biện	3



Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Số chỉ báo
Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm	Tiêu chí 1: Năng lực dạy học	9
	Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục	9
	Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	3
	Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội	3
	Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp	4
Tiêu chuẩn 4: Năng lực ngành	Tiêu chí 1: Năng lực Giáo dục công dân	5
	Tiêu chí 2: Năng lực giải thích Chương trình môn Giáo dục công dân trong Chương trình giáo dục phổ thông	3
	Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn giáo dục công dân vào thực tiễn	4
	Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục công dân	2
	Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	2
	Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	3

Bảng. Các tiêu chuẩn, tiêu chí của CĐR CTĐT ngành GD CD

CĐR của CTĐT ngành GD CD tiếp cận kĩ hơn về các nhóm năng lực, xác định các nhóm năng lực chung của SV sư phạm và năng lực chuyên biệt của SV ngành GD CD, đáp ứng mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Có thể thấy rằng, với các tiêu chí cụ thể, CĐR của CTĐT ngành GD CD mở ra nhiều cơ hội để tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, cụ thể:

Tiêu chuẩn phẩm chất: Xây dựng ý thức trách nhiệm với cộng đồng, yêu thiên nhiên, sẵn sàng hành động trước các thách thức từ thiên tai và BĐKH.

Tiêu chuẩn năng lực chung: Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và

sáng tạo qua việc đề xuất các giải pháp ứng phó thiên tai và thích nghi với BĐKH; nâng cao nhận thức văn hoá - xã hội qua việc hiểu biết về tác động của BĐKH đối với cộng đồng.

Tiêu chuẩn năng lực sư phạm: Định hướng phát triển học sinh phổ thông trở thành công dân có trách nhiệm với môi trường; tổ chức các hoạt động giáo dục cộng đồng về PCTT và UPVBĐKH, từ đó lan tỏa nhận thức bền vững.

Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành: Ứng dụng kiến thức giáo dục công dân để nghiên cứu và giảng dạy các giải pháp liên quan tới BĐKH; sử dụng công nghệ thông tin để phổ biến nội dung về PCTT và UPVBĐKH một cách hiệu quả.



Cơ hội tích hợp PCTT và UPVBĐKH sẽ giúp SV phát triển toàn diện hơn, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội, đáp ứng tốt hơn các CĐR của CTĐT cử nhân ngành GD&ĐT của trường ĐHSPh Hà Nội.

2.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Giáo dục công dân

Chương trình dạy học đại học ngành GD&ĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GD&ĐT.

Mỗi học phần trong CTĐT cử nhân sư phạm GD&ĐT đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. Chương trình dạy học được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, hợp lý, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, chương trình dạy học cũng đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng chương trình dạy học của Trường ĐHSPh Hà Nội và Bộ GD&ĐT. Cụ thể:

Học phần trong chương trình dạy học	Yêu cầu về CĐR
Các học phần thuộc khối kiến thức chung (35 TC) chiếm gần 26%. Gồm các học phần: - Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tâm lý giáo dục... Tâm lý học; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng; Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Thống kê xã hội học; Nhập môn KHXH và nhân văn; Nhân học đại cương; Xã hội học đại cương; Nhân học đại cương; Lịch sử văn minh thế giới - Ngoại ngữ	- Có hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Có hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với tiêu chuẩn đào tạo người giáo viên trong Nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành
Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm gồm 35 tín chỉ chiếm gần 26%, Gồm các học phần: Giáo dục học; Lí luận dạy học; Lí luận và phương pháp dạy học GD&ĐT; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Xây dựng kế hoạch dạy học GD&ĐT; Giao tiếp sư phạm; Tổ chức dạy học GD&ĐT; Đánh giá trong giáo dục; Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường; Thực hành tại trường sư phạm/Trải nghiệm hoạt động dạy học; Thực tập sư phạm 1 và 2.	- Có đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo dạy thành thạo môn GD&ĐT ở bậc phổ thông và có đủ năng lực học tập ở bậc cao hơn. - Có đủ kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học, giáo dục bằng con đường tổng kết kinh nghiệm, NCKH. Biết xây dựng các giả thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có
Khối học văn ngành Giáo dục công dân gồm 66 TC chiếm 48%, Gồm các học phần: - Khối học văn chung của ngành: Pháp luật học đại	



cương; Logic học; Kinh tế học đại cương; Chính trị học đại cương; Đạo đức học và giáo dục đạo đức; Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam...

- Khối học văn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Giáo dục pháp luật 1; Giáo dục kinh tế 1; Giáo dục pháp luật 2; Giáo dục kinh tế 2; Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông; Pháp luật về quyền con người/ Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật; Văn hóa kinh doanh; Hành vi người tiêu dùng.

- Khối học văn bổ trợ của chuyên ngành gồm các học phần: Dạy tích hợp trong môn GD&CD; Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông; Giáo dục dân số và môi trường; Kỹ năng mềm/ Hoạt động trải nghiệm trong môn GD&CD; Thực tế chuyên môn.

tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục.

- Có khả năng đáp ứng các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở phổ thông.

- Có năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông. Có khả năng vận dụng những kiến thức khoa học đã được đào tạo để đáp ứng mục tiêu giáo dục cho học sinh phổ thông.

Mỗi học phần trong chương trình dạy học trình độ đại học ngành GD&CD thể hiện đầy đủ điều kiện tiên quyết, mục tiêu, nội dung, thời lượng đào tạo, pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo... Mục tiêu ở mỗi học phần được trình bày rõ ràng, thể hiện những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kiến thức và kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học sẽ có được sau khi kết thúc học phần và đều góp phần hình thành các năng lực cần thiết trong 4 nhóm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của CĐR.

Có thể nhận thấy, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành GD&CD tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH thông qua các khối học phần và yêu cầu chuẩn đầu ra, cụ thể:

Trong khối kiến thức chung, các học phần như Tâm lý giáo dục, Nhập môn KHXH và nhân văn, hoặc Giáo dục dân số và môi trường cung cấp nền tảng để lồng ghép nội dung nhận thức về tác động của thiên tai và BĐKH đối với xã hội và môi trường.

Khối học văn sư phạm mang lại cơ hội phát triển các kỹ năng thiết yếu như tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS, soạn thảo giáo án tích hợp, và xây dựng các phương pháp dạy học sáng tạo liên quan đến PCTT và UPVBĐKH.

Khối học văn chuyên ngành bao gồm các học phần như Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục giá trị sống, hay các nội dung về pháp luật tạo cơ hội để gắn kiến thức lý thuyết với việc ứng dụng trong thực tiễn, tập trung vào các giải pháp bền vững.



Việc tích hợp PCTT và UPVBĐKH còn phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học trong chương trình, giúp nâng cao nhận thức cộng đồng, khơi dậy ý thức trách nhiệm xã hội của SV ngành GD CD. Điều này không chỉ giúp xây dựng năng lực toàn diện mà còn trang bị cho SV ngành GD CD khả năng giải quyết các thách thức của thời đại.

2.2. ĐỊA CHỈ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

2.2.1. Tiến trình xác định địa chỉ và mức độ tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo giáo viên ngành GD CD của trường ĐHS P Hà Nội

- Về tiến trình tích hợp

Việc tích hợp giáo dục về PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo SV GD CD là một yêu cầu thiết yếu nhằm nâng cao năng lực thích ứng với các thách thức môi trường toàn cầu cho người học. Để thực hiện hiệu quả việc tích hợp này, cần xác định rõ địa chỉ tích hợp (các học phần có tiềm năng tích hợp) và nội dung tích hợp (các chủ đề liên quan đến PCTT và UPVBĐKH phù hợp

với từng học phần). Tiến trình xác định được thực hiện như sau:

Xác định cơ sở pháp lý và lý luận cho việc tích hợp: Căn cứ vào các chính sách quốc gia như: Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; các văn bản hướng dẫn tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong giáo dục phổ thông... Tham chiếu các nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm quốc tế về giáo dục phát triển bền vững (ESD), giáo dục môi trường và giáo dục thiên tai.

Phân tích chương trình đào tạo và cấu trúc học phần: Rà soát chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngành GD CD. Xác định các học phần phù hợp để tích hợp, chia thành hai nhóm:

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành GD CD: Bao khối học vấn chung của ngành (Pháp luật học đại cương; Logic học; Kinh tế học đại cương; Chính trị học đại cương; Đạo đức học...); Khối học vấn chuyên ngành (Giáo dục pháp luật 1,2; Giáo dục kinh tế 1,2; Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho HS phổ thông; Pháp luật về quyền con người và kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật; Văn hóa kinh doanh; Hành vi người



tiêu dùng...); Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành (Dạy tích hợp trong môn GDCD; Giáo dục dân số và môi trường; Hoạt động trải nghiệm trong môn GDCD; ...).

Học phần phát triển năng lực dạy học môn GDCD theo Chương trình GDPT 2018 bao gồm: Lí luận và phương pháp dạy học GDCD; Xây dựng kế hoạch dạy học GDCD; Tổ chức dạy học GDCD; Thực hành dạy học GDCD...

Xác định nội dung tích hợp phù hợp với từng học phần: Lựa chọn các chủ đề PCTT và UPVBĐKH có liên hệ trực tiếp với nội dung học phần, ví dụ: Trong học phần Giáo dục pháp luật 1,2, Giáo dục kinh tế 1,2, Giáo dục đạo đức, Dạy học tích hợp trong môn GDCD, học phần thiết kế GDCD ...).

Xây dựng định hướng tích hợp vào mục tiêu – nội dung – phương pháp – đánh giá: Thiết kế nội dung học phần có tích hợp tình huống, ví dụ, dự án liên quan đến môi trường – khí hậu. Sử dụng phương pháp dạy học tích cực, như dạy học khám phá, dạy học dự án, dạy học theo góc, nghiên cứu tình huống thực tế...Áp dụng hình thức đánh giá đa dạng, chú trọng năng lực giải quyết vấn đề, thái độ và hành vi trách nhiệm với môi trường.

Thử nghiệm – điều chỉnh –

nhân rộng: Thử nghiệm tích hợp tại một số học phần cụ thể trong chương trình. Lấy phản hồi từ giảng viên và SV để điều chỉnh nội dung, phương pháp. Tổ chức hội thảo, tập huấn để nhân rộng và phát triển mô hình tích hợp trong toàn trường và liên kết với các trường khác.

- Về mức độ tích hợp

Căn cứ vào mục tiêu của học phần, đặc điểm tri thức của học phần, Giảng viên cần lựa chọn mức độ tích hợp phù hợp với học phần mình đảm nhiệm và khả năng tiếp thu của SV. Có thể phân thành ba mức độ tích hợp như sau:

Tích hợp liên hệ: Nội dung về PCTT và UPVBĐKH không thể hiện rõ trong mục tiêu và nội dung của học phần, nhưng có thể được liên hệ một cách logic với kiến thức học phần để hướng đến mạch nội dung của môn GDCD trong chương trình phổ thông. Mức độ tích hợp này một mặt mở rộng hiểu biết cho SV về thiên tai và ĐBKH, một mặt định hướng cho SV các xác định nội dung về PCTT và ĐBKH khi dạy học tích hợp trong môn GDCD ở phổ thông. Mức độ này giúp SV nâng cao nhận thức mà không làm thay đổi nhiều nội dung của các học phần trong CTĐT. Tích hợp liên hệ thường áp dụng với khối học vấn chung của ngành GDCD như: Pháp



luật học đại cương; Logic học; Kinh tế học đại cương; Chính trị học đại cương; Đạo đức học....Ví dụ:

Pháp luật học đại cương: Liên hệ với các điều luật liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai và chính sách phát triển bền vững.

Logic học: Hướng dẫn SV phân tích logic các giải pháp phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu, từ đó tăng cường tư duy phản biện.

Kinh tế học đại cương: Giới thiệu tác động kinh tế của biến đổi khí hậu và cách tối ưu hóa nguồn lực trong các biện pháp ứng phó thiên tai.

Chính trị học đại cương: Bàn về vai trò của các chính sách chính trị và sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đạo đức học: Gắn liền với ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và tư duy đạo đức khi đối mặt với các thách thức của thiên tai, biến đổi khí hậu.

Tích hợp bộ phận: Một phần của nội dung học phần có mục tiêu và nội dung thể hiện sự phù hợp với nội dung và yêu cầu của PCTT và ƯPVBĐKH, giảng viên có thiết kế trọn vẹn thành một hoặc nhiều hơn một hoạt học cho SV. Tích hợp bộ phận tạo cơ hội cho giảng viên bổ sung và làm phong phú các hoạt động dạy học. SV

có thêm cơ hội để tìm hiểu và liên kết kiến thức về PCTT và ƯPVBĐKH với học phần đang học và môn GD CD ở trường phổ thông, đồng thời rèn luyện thêm các kỹ năng thích ứng hoặc ứng phó với các vấn đề này trong đời sống. Tích hợp liên hệ thường áp dụng với khối học văn chuyên ngành và học văn bổ trợ như: Giáo dục pháp luật; Giáo dục kinh tế; Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho HS phổ thông; Pháp luật về quyền con người và kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật; Văn hóa kinh doanh; Hành vi người tiêu dùng...; Ví dụ:

Giáo dục pháp luật 1,2: Tích hợp nội dung về quyền và nghĩa vụ của công dân trong ứng phó thiên tai và bảo vệ môi trường, SV hiểu sâu hơn về trách nhiệm pháp lý.

Giáo dục kinh tế: Tác động kinh tế của thiên tai, biến đổi khí hậu và các chiến lược phát triển kinh tế bền vững.

Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống: Lồng ghép các hoạt động rèn luyện kỹ năng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, như kỹ năng tự bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng.

Pháp luật về quyền con người và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Tập trung vào các quyền liên quan đến môi trường sống an toàn và cách tuyên truyền pháp luật



về ứng phó với thiên tai.

Văn hóa kinh doanh: Đưa vào nội dung về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hành vi người tiêu dùng: Phân tích xu hướng tiêu dùng thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động đến biển.

Tích hợp toàn phần: Mục tiêu và nội dung của học phần trùng khớp hoặc hoàn toàn phù hợp với nội dung và mục tiêu của giáo dục PCTT và UPVBĐKH, nói cách khác là PCTT và UPVBĐKH chính là nội dung cốt lõi của học phần. Tích hợp liên hệ thường áp dụng với khối học văn bổ trợ như: Giáo dục dân số và môi trường, Dạy học tích hợp trong môn GDCD, Dạy học trải nghiệm trong môn GDCD...; Ví dụ:

Giáo dục dân số và môi trường: Tập trung vào các nội dung cốt lõi như mối quan hệ giữa dân số, môi trường và BĐKH, đồng thời hướng dẫn các giải pháp hướng đến phát triển bền vững.

Dạy học tích hợp trong môn GDCD: Thiết kế và triển khai các bài học tích hợp nội dung về PCTT và UPVBĐKH, đồng thời phát triển kỹ năng giảng dạy tích hợp cho SV.

Dạy học trải nghiệm trong môn GDCD: Xây dựng các hoạt động trải nghiệm thực tiễn, giúp SV ứng dụng kiến thức PCTT và UPVBĐKH trong việc giảng dạy và giải quyết các tình huống thực tế.

Mức độ tích hợp toàn phần này đảm bảo nội dung PCTT và UPVBĐKH được khai thác triệt để và trở thành trọng tâm chính trong các học phần thuộc CTĐT ngành GDCD.

Việc xác định đúng mức độ tích hợp giúp giảng viên thiết kế được các hoạt động học phù hợp, tối ưu hóa thời gian dạy học, tránh quá tải chương trình, đồng thời lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp nhằm đạt mục tiêu của các học phần theo CDR của CTĐT.

2.2.2. Gợi ý địa chỉ và mức độ tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong chương trình dạy học ngành GDCD Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trên cơ sở phân tích mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDCD có thể xác định một số học phần có tiềm năng tích hợp và nội dung tích hợp phù hợp với mục tiêu giáo dục PCTT và UPVBĐKH. Dưới đây là bảng gợi ý địa chỉ tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong chương trình dạy học ngành GDCD:



TT	Tên học phần	Số	Mức độ tích hợp		
		tín chỉ	Liên hệ	Bộ phận	Toàn phần
1	Triết học Mác – Lênin	3	X		
2	Tâm lý giáo dục	4	X		
3	Xã hội học đại cương	2	X		
4	Pháp luật học	3		X	
5	Lôgic học	2	X		
6	Kinh tế chính trị	2	X		
7	Nhập môn khoa học Xã hội và Nhân văn	2	X		
8	Nhân học đại cương	2	X		
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	X		
10	Thống kê xã hội học	2	X	X	
11	Hiến pháp và định chế chính trị ở VN	3	X	X	
12	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho HS phổ thông	3	X		
13	Văn hóa nhà trường	3	X	X	X
14	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	3	X		
15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X		
16	Lịch sử văn minh thế giới	2	X	X	
17	Giáo dục học	2	X		
18	Lí luận dạy học	2	X	X	
19	Kinh tế học đại cương	3	X	X	
20	Giáo dục pháp luật 1	3	X	X	
21	Giáo dục pháp luật 2	3	X	X	X
22	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	3	X	X	
23	Dự luận xã hội và truyền thông đại chúng	3	X	X	X
24	Phương pháp luận NCKH	3	X	X	
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X	X	
26	Lí luận và phương pháp dạy học GDCD	4	X	X	
27	Giáo dục kinh tế 1	3	X	X	
28	Giáo dục kinh tế 2	3	X	X	
29	Chính trị học đại cương	3	X	X	
30	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho HS phổ thông	3	X	X	
31	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	X		
32	Giáo dục giá trị sống cho HS phổ thông	3	X	X	
33	Xây dựng kế hoạch dạy học GDCD	3	X	X	
34	Đánh giá trong giáo dục	2	X		
35	Phát triển chương trình nhà trường	2	X		
36	Tổ chức dạy học GDCD	3	X	X	X
37	Chuyên đề Giáo dục kinh tế	3	X		
38	Chuyên đề Giáo dục pháp luật	3	X	X	
39	Dạy học tích hợp trong môn GDCD	3	X	X	X
40	Thực hành tại trường sư phạm	3	X	X	X
41	Hoạt động tải nghiệm trong môn GDCD	3	X	X	X
42	Giáo dục kĩ năng sống cho HS phổ thông	2	X	X	X
43	Giáo dục dân số và môi trường	3	X	X	X
44	Những vấn đề của thời đại	3	X	X	X



Trong bảng gợi ý trên, một số học phần thuộc khối học vấn nghiệp vụ sư phạm có nhiều cơ hội tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH ở mức độ liên hệ, bộ phận hoặc toàn phần, tùy vào cách thiết kế nhiệm vụ học tập. Khối học phần này tạo điều kiện tốt để tích hợp, lồng ghép mục tiêu giáo dục phát triển bền vững, giáo dục vì môi trường và an toàn cộng đồng. Việc tích hợp không chỉ giúp SV nâng cao nhận thức, mà còn rèn luyện kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động dạy học có tích hợp chủ đề PCTT và UPVBĐKH – một năng lực rất cần thiết cho giáo viên phổ thông trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp nền tảng chuyên môn về GD CD cũng được xác định là tiền đề quan trọng để tích hợp

nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH một cách sâu sắc và thực tiễn. Với đặc thù của môn GD CD ở phổ thông, những học phần này hướng đến các lĩnh vực giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, việc tích hợp không chỉ dừng lại ở mức nâng cao nhận thức, mà còn mở rộng sang năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn để thiết kế giải pháp PCTT và ứng phó với BĐKH. Điều này góp phần hình thành tư duy phản biện vì sự phát triển bền vững, giúp SV thay đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi của bản thân cũng như định hướng cho hoạt động dạy học môn GD CD cho ở các trường phổ thông, định hướng trong giáo dục HS phổ thông thành công dân có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.



CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁCH THỨC TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG

Việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo giáo viên GDCD cần được triển khai trên cơ sở đảm bảo tính phù hợp với mục tiêu đào tạo, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo vì sự phát triển bền vững với một số định hướng cơ bản sau:

3.1.1. Tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH gắn với mục tiêu đào tạo GV ngành GDCD

Tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH không làm thay đổi mục tiêu đào tạo của học phần mà hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực sư phạm toàn diện cho SV. Mục tiêu là giúp SV vừa nắm vững kiến thức chuyên ngành, vừa có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp PCTT và UPVBĐKH trong dạy học môn GDCD ở trường phổ thông.

Việc tích hợp cần đồng bộ với CĐR của CTĐT, tiếp cận mục tiêu giáo dục bền vững và trách nhiệm xã hội của GV tương lai. Đồng thời phù hợp với

định hướng phát triển giáo dục bền vững, giáo dục vì môi trường và an toàn cộng đồng.

Với các môn học chuyên ngành như "Giáo dục pháp luật," "Giáo dục giá trị sống," "Dạy học tích hợp trong môn GDCD," và "Giáo dục dân số và môi trường" tích hợp nội dung về PCTT và UPVBĐKH giúp SV hiểu rõ và gắn kiến thức này với việc dạy môn GDCD ở các trường phổ thông. SV được hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp, vừa đào sâu kiến thức chuyên ngành, vừa rèn luyện kỹ năng ứng phó, tổ chức giáo dục BĐKH và PCTT cho HS phổ thông. Định hướng giáo dục SV về trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng các hoạt động giảng dạy không chỉ phát triển kiến thức mà còn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và cộng đồng.

3.1.2. Tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH gắn với thực tiễn địa phương

Nội dung tích hợp nên xuất phát từ các vấn đề thực tiễn có liên quan

đến thiên tai, khí hậu, môi trường sống và hoạt động lao động sản xuất tại địa phương (ví dụ: xâm nhập mặn, ngập lụt, hạn hán, lốc xoáy, sạt lở, v.v.).

Việc gắn với thực tế giúp SV nhận thấy tính cấp thiết và ý nghĩa của các giải pháp trong PCTT và ứng phó với BĐKH, từ đó tăng hứng thú học tập và tính ứng dụng sau này khi giảng dạy hoặc hoạt động nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành GD CD tận dụng các ví dụ thực tiễn về thiên tai và môi trường như xâm nhập mặn, hạn hán, ngập lụt, lốc xoáy... để SV nhận thức rõ ràng về vấn đề. Các học phần như "Giáo dục dân số và môi trường" và "Hoạt động trải nghiệm trong môn GD CD" khuyến khích SV tìm hiểu sâu hơn về các giải pháp phòng chống thiên tai tại địa phương. SV được hướng dẫn xây dựng bài giảng và tổ chức hoạt động giáo dục tại trường phổ thông, dựa trên đặc điểm thiên tai và môi trường sống của cộng đồng. Được tham gia thực hành các hoạt động ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu, giúp nâng cao kỹ năng xử lý tình huống thực tế trong nghề nghiệp tương lai.

3.1.3. Khai thác tối đa cơ hội tích hợp giáo dục PCTT và ƯPV BĐKH trong nhiều học phần thuộc CTĐT giáo viên ngành GD CD

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành GD CD: Bao khối học văn chung của ngành (Pháp luật học đại cương; Logic học; Kinh tế học đại cương; Chính trị học đại cương; Đạo đức học...); Khối học văn chuyên ngành (Giáo dục pháp luật 1,2; Giáo dục kinh tế 1,2; Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho HS phổ thông; Pháp luật về quyền con người và kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật; Văn hóa kinh doanh; Hành vi người tiêu dùng...); Khối học văn bổ trợ của chuyên ngành (Dạy tích hợp trong môn GD CD; Giáo dục dân số và môi trường; Hoạt động trải nghiệm trong môn GD CD; ...). có thể tích hợp ở mức độ nhận thức, hình thành tư tưởng giáo dục vì môi trường và cộng đồng, SV có thể vận dụng kiến thức chuyên môn để thiết kế các hoạt động hướng dẫn HS phổ thông ứng phó thiên tai, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với khí hậu. Qua đó giúp SV phát triển tư duy phản biện gắn với môi trường và xã hội.

Học phần phát triển năng lực dạy học môn GD CD theo Chương trình GDPT 2018 bao gồm: Lí luận và phương pháp dạy học GD CD; Xây dựng kế hoạch dạy học GD CD; Tổ chức dạy học GD CD; Thực hành dạy học GD CD... giúp SV luyện tập triển khai các nội dung tích hợp giáo dục



PCTT và ÛPVBDKH vào dạy học môn GDGD trong thực tế.

3.1.4. Phát triển tư duy liên ngành và giải quyết vấn đề phát triển bền vững khi tích hợp nội dung giáo dục PCTT và ÛPVBDKH

Việc tích hợp giúp SV không chỉ học kiến thức của các học phần trong CTĐT mà còn học cách nhìn nhận các vấn đề môi trường – xã hội dưới góc độ điều chỉnh thái độ tích cực, hành vi đúng đắn. SV được rèn luyện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề theo hướng bền vững. Đây cũng là nền tảng để SV sau khi ra trường có thể thiết kế các hoạt động dạy học liên môn, tổ chức giáo dục trải nghiệm trong môn GDGD, góp phần thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông theo mục tiêu đã xác định.

Trong chương trình đào tạo ngành GDGD, các môn như "Dạy học tích hợp trong môn GDGD," "Giáo dục dân số và môi trường," và "Giáo dục giá trị sống" lồng ghép nội dung về PCTT và ÛPVBDKH, tạo cơ hội cho SV tiếp cận từ nhiều khía cạnh liên ngành. SV được khuyến khích phân tích, kết nối các vấn đề môi trường – xã hội nhằm xây dựng giải pháp ứng phó PCTT và ÛPVBDKH hiệu quả. Học phần "Hoạt động trải nghiệm trong môn GDGD" hỗ trợ SV tổ chức các hoạt

động giáo dục trải nghiệm thực tiễn về ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu. Các kiến thức và kỹ năng tích hợp giúp SV thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy liên môn, góp phần đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng phát triển bền vững.

3.1.5. Một số định hướng có tính nguyên tắc khi tích hợp PCTT và ÛPVBDKH trong đào tạo giáo viên ngành GDGD

Bảo đảm tính phù hợp và gắn với nội dung chuyên môn: Việc tích hợp các nội dung về PCTT và ÛPVBDKH cần phù hợp với nội dung học phần, tránh lồng ghép một cách gượng ép gây khó khăn trong tổ chức dạy học. Mức độ tích hợp phải phù hợp với trình độ nhận thức, năng lực và vốn hiểu biết của SV sư phạm, tạo điều kiện để họ hiểu và vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn giảng dạy môn GDGD ở trường phổ thông.

Tăng cường tính thực tiễn và gắn kết lý thuyết với thực hành: Nội dung môn GDGD ở trường phổ thông và các vấn đề về PCTT, BDKH đều có tính ứng dụng cao trong đời sống. Do đó, việc tích hợp cần được tổ chức thông qua các phương pháp dạy học tích cực, như học theo dự án, mô phỏng tình huống, học qua trải nghiệm... giúp SV phát triển năng lực thực hành, tư duy



sáng tạo và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Phát triển kỹ năng sống và hành vi tích cực: Giáo dục PCTT và UPVBĐKH cần hướng tới hình thành ở SV các kỹ năng như giải quyết vấn đề, ra quyết định, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả... Đồng thời, cần nuôi dưỡng tinh thần chủ động, thái độ tích cực, trách nhiệm cá nhân và xã hội trong việc PCTT và thích nghi với BĐKH, từ đó lan tỏa các giá trị này tới HS phổ thông.

Khuyến khích SV tham gia các hoạt động trải nghiệm – sáng tạo: Thông qua việc tổ chức các dự án học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hành mô phỏng tình huống thiên tai, SV có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, hiểu rõ vai trò của giáo dục GDCD trong phát triển bền vững.

Ứng dụng hiệu quả sử dụng công cụ số và thiết bị dạy học hiện đại: Việc tích hợp cần khai thác tối đa hệ thống thiết bị dạy học theo hướng “thiết bị là nguồn tri thức”, kết hợp với các công cụ số như phần mềm mô phỏng, video học tập, tài liệu trực tuyến, trí tuệ nhân tạo (AI)... Nhờ đó, SV có thể tiếp cận nhanh chóng và trực quan với các kiến thức về BĐKH, thiên tai, đồng thời phát triển năng lực tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin.

3.2. CÁCH THỨC TÍCH HỢP

Việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào chương trình đào tạo SV ngành GDCD cần được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng học phần, từng giai đoạn đào tạo. Dưới đây là gợi ý một số cách thức tích hợp cụ thể:

3.2.1. Tích hợp trong các học phần theo chương trình dạy học

Tích hợp theo hình thức liên hệ thực tiễn: Nội dung PCTT và UPVBĐKH được đề cập như một phần dẫn nhập hoặc minh họa cho bài học, nhằm tăng tính thực tiễn và gắn bài học với đời sống.

Một số gợi ý cách thức giảng viên tích hợp PCTT và UPVBĐKH ở mức độ liên hệ khi dạy học phần “Logic học”

- Liên hệ nội dung logic với vấn đề PCTT và UPVBĐKH: Trong phần về phán đoán và suy luận, giảng viên có thể hướng dẫn SV phân tích các tuyên bố hoặc thông điệp truyền thông liên quan đến PCTT và UPVBĐKH, từ đó đánh giá tính hợp lý, chính xác hoặc các lỗi logic tiềm năng. Hoặc khi học về *quy luật logic*, có thể lồng ghép phân tích các chiến lược ứng phó với thiên tai theo quy luật “lí do đầy đủ” để nhận diện tính khoa học trong các quyết định và hành động.

- Sử dụng ví dụ thực tiễn: Lồng



ghép các ví dụ về dữ liệu khí hậu hoặc thiên tai (ví dụ: tình trạng lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn) để SV thực hành phân tích logic, giúp nâng cao nhận thức về các hiện tượng này. Xây dựng bài tập logic về mối quan hệ nguyên nhân - hậu quả liên quan đến thiên tai và BĐKH, nhằm rèn luyện tư duy phản biện.

- Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống: Hướng dẫn SV sử dụng *mô hình logic* để đánh giá các chiến lược PCTT hoặc biện pháp giảm thiểu tác động của BĐKH. Rèn luyện kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin từ các nguồn dữ liệu liên quan đến thiên tai, giúp SV áp dụng logic vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Kích thích sáng tạo: Khuyến khích SV thiết kế các tình huống giả định về PCTT hoặc truyền thông về BĐKH, từ đó áp dụng các nguyên tắc logic để giải quyết vấn đề.

Các cách tích hợp này sẽ giúp SV vừa hiểu sâu về logic học vừa nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng liên quan đến PCTT và UPVBĐKH

Tích hợp theo hình thức nội dung bộ phận: một phần của bài học hoặc hoạt động học tập được thiết kế với nội dung rõ ràng về PCTT và UPVBĐKH, có thể là kiến thức nền hoặc nhiệm vụ học tập.

Chẳng hạn như: trong học phần Giáo dục kỹ năng sống cho HS phổ thông, SV được giao nhiệm vụ nhận diện các vấn đề thiên tai như: quan sát môi trường nước để cảnh báo lũ lụt, từ đó xây dựng kế hoạch sơ tán để ứng phó thiên tai. Qua đó SV có điều kiện vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống thực tế. Hoặc trong học phần *“Xây dựng kế hoạch dạy học GDCCD”*, giảng viên có thể thiết kế một hoạt động học tích hợp chủ đề BĐKH (xác định nguyên nhân và hậu quả của hành vi canh tranh không lành mạnh làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên) hoặc PCTT (ví dụ: sơ cứu người bị tai nạn điện, an toàn điện trong mùa mưa bão).

Một số gợi ý cách thức giảng viên tích hợp PCTT và UPVBĐKH ở mức độ bộ phận khi dạy học phần *“Dạy học tích hợp trong môn GDCCD”*

Đây là học phần cung cấp nền tảng quan trọng để SV phát triển khả năng thiết kế bài giảng và xây dựng hoạt động học tập, học phần này có cơ hội lồng ghép nội dung về PCTT và UPVBĐKH với mức độ toàn phần. Cách tích hợp có thể thực hiện như sau:

- Thiết kế bài giảng lồng ghép nội dung PCTT và UPVBĐKH: SV được



hướng dẫn xây dựng bài giảng với các nội dung về PCTT và UPVBĐKH phù hợp với từng cấp học, bao gồm các khía cạnh như nguyên nhân, tác động và biện pháp ứng phó. Lồng ghép nội dung về đạo đức, trách nhiệm xã hội khi ứng phó với thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hoạt động học tập dựa trên các kịch bản thực tế: Sử dụng tình huống giả định (SV có thể tạo ra các kịch bản như ứng phó với lũ lụt, hạn hán, hoặc sạt lở để HS thực hành cách xử lý). Tổ chức hoạt động nhóm (SV có thể thảo luận và đề xuất giải pháp trước các tình huống thiên tai thực tế trong cộng đồng).

- Khai thác nguồn tài liệu và công nghệ như: Giới thiệu các phần mềm, tài liệu số mô phỏng tác động của BĐKH để tăng cường tính trực quan, sử dụng video và tài liệu địa phương để thấy rõ sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tế

- Tổ chức đánh giá và phản hồi: Xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập, tập trung vào việc nhận thức vấn đề và đề xuất giải pháp khả thi. Hướng dẫn SV cách thu thập và phân tích phản hồi để cải thiện bài giảng.

- Ứng dụng thực tiễn: SV được tổ chức dạy thử hoặc tham gia các hoạt động giáo dục tại địa phương, giúp

gắn kết lý thuyết và thực hành.

Như vậy, với cách này, giảng viên không chỉ giúp SV biết xây dựng và hoàn thiện bài giảng tích hợp mà còn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động học tập sáng tạo, hiệu quả.

Tích hợp toàn phần: toàn bộ bài học hoặc học phần được tổ chức xoay quanh chủ đề về PCTT và UPVBĐKH, dưới dạng chuyên đề, bài tập lớn, dự án học tập.

Một số gợi ý để giảng viên tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH theo mức độ toàn phần trong học phần “*Dur luận xã hội và truyền thông đại chúng*” như sau:

- Xây dựng nội dung giáo dục PCTT và UPVBĐKH làm trọng tâm chính: Hướng dẫn SV phân tích các thông điệp truyền thông về thiên tai và BĐKH trên một số phương tiện truyền thông đại chúng. Thiết kế nội dung bài giảng để SV hiểu rõ vai trò của dư luận xã hội trong việc thúc đẩy các giải pháp ứng phó thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Khai thác thực tiễn truyền thông: Giảng viên có thể sử dụng các trường hợp điển hình, như chiến dịch truyền thông ứng phó thiên tai hoặc chiến dịch nâng cao nhận thức về BĐKH, để minh họa sự tác động của truyền thông đến dư luận xã hội. Tổ



chức cho SV xây dựng kịch bản truyền thông hoặc các chiến dịch ảo liên quan đến PCTT và ŰPVBDKH.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông: Sử dụng các phần mềm phân tích dữ liệu truyền thông để giúp SV hiểu cách dư luận xã hội được hình thành và ảnh hưởng thông qua các nội dung liên quan đến PCTT và ŰPVBDKH. Tạo điều kiện cho SV sử dụng mạng xã hội để thử nghiệm việc lan truyền thông điệp về PCTT và ứng phó với BDKH.

- Thực hành và trải nghiệm: Tổ chức các buổi thảo luận hoặc seminar để SV trình bày ý tưởng truyền thông liên quan đến PCTT và ŰPVBDKH trước lớp. Kết hợp nội dung về vai trò của truyền thông và dư luận xã hội trong công tác bảo vệ môi trường vào bài tập nhóm hoặc dự án.

- Đánh giá và nâng cao nhận thức: Đưa ra các tiêu chí đánh giá bài tập của SV về mức độ tác động đến dư luận xã hội thông qua các chiến dịch truyền thông PCTT và ŰPVBDKH. Khuyến khích SV đề xuất các biện

pháp truyền thông sáng tạo nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

Các gợi ý này đảm bảo nội dung giáo dục PCTT và ŰPVBDKH trở thành trọng tâm hoàn chỉnh trong học phần, giúp SV phát triển nhận thức, kỹ năng chuyên môn, và tinh thần trách nhiệm xã hội một cách toàn diện.

Gợi ý tích hợp nội dung phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu khi dạy học phần Văn hóa tổ chức.

A. Mục tiêu tích hợp

- Tăng cường nhận thức cho sinh viên sư phạm về tác động của thiên tai, BDKH đến tổ chức giáo dục, đặc biệt là nhà trường – một tổ chức xã hội.

- Hiểu vai trò của văn hóa tổ chức trong PCTT, ŰPVBDKH

- Tích hợp nội dung phát triển văn hóa tổ chức hướng đến phát triển bền vững và an toàn trường học.

B. Gợi ý kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung học phần	Nội dung tích hợp (PCTT & ŰPVBDKH)
Tuần 1–3	- Bản sắc văn hóa Việt Nam - Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới hành vi nhân viên	- Ứng xử với thiên tai, sống hài hòa với thiên nhiên trong bản sắc văn hóa - Truyền thống tương trợ cộng đồng - Văn hóa tổ chức phản ánh năng lực ứng phó thiên tai - Ứng xử của GV-HS khi xảy ra thiên tai



Tuần	Nội dung học phần	Nội dung tích hợp (PCTT & ƯPVBĐKH)
Tuần 4–7	- Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa tổ chức - Biện pháp xây dựng văn hóa tổ chức - Thay đổi văn hóa tổ chức	- ĐĐKH, thiên tai là yếu tố định hình văn hóa tổ chức - Tích hợp nội dung giáo dục PCTT vào văn hóa tổ chức - Xây dựng trường học an toàn – xanh – thích ứng - Hướng đến văn hóa tiết kiệm, xanh hóa tổ chức
Tuần 8-15	- Văn hóa nhà trường và vai trò phát triển - Vai trò hiệu trưởng - Giá trị cốt lõi và cách phát triển	- Phát triển văn hóa ứng xử nhân văn trong thiên tai - Vai trò lãnh đạo hiệu trưởng trong xây dựng trường học an toàn - Giá trị: trách nhiệm môi trường, hợp tác, an toàn học đường - Thiết lập quy tắc ứng xử khi có thiên tai

C. Gợi ý hoạt động thảo luận và thực hành

Hoạt động	Gợi ý nội dung
Seminar chuyên đề	Văn hóa tổ chức trong bối cảnh biến đổi khí hậu – Vai trò của nhà trường
Tình huống xử lý	Một trường học bị ảnh hưởng bởi lũ quét – Các bước phản ứng và ứng xử văn hóa tổ chức
Bài tập nhóm	Xây dựng quy tắc ứng xử tổ chức trong thiên tai cho một trường THPT miền núi

3.2.2. Tích hợp trong các học phần trải nghiệm – thực hành

Hoạt động trải nghiệm – thực hành là cơ hội tốt để SV tiếp xúc với thực tiễn, từ đó nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý các vấn đề liên quan đến PCTT và ƯPVBĐKH. Việc tích hợp giáo dục PCTT và ƯPVBĐKH trong các hoạt động này giúp SV kết nối lý thuyết với thực hành, phát triển tư duy liên

ngành và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

Khi thực hiện học phần Thực hành tại trường sư phạm của chương trình đào tạo ngành GD CD, tích hợp giáo dục về PCTT và ƯPVBĐKH có thể được triển khai như sau:

- *Xây dựng bài giảng tích hợp tại trường phổ thông:* Giảng viên có thể hướng dẫn SV lựa chọn dạy một bài



học GD CD có cơ hội tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, ví dụ: dạy về “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - GD KT & PL 12” trong ứng phó với lũ lụt hoặc hạn hán. Trong bài giảng, SV sử dụng các tài liệu, số liệu thực tế từ địa phương để HS hiểu rõ hơn về vấn đề môi trường gắn với cuộc sống hàng ngày.

- *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS phổ thông*: Giảng viên có thể hướng dẫn SV thiết kế và tổ chức một buổi hoạt động trải nghiệm ngoài trời như tham quan khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai (nếu có) hoặc mời chuyên gia đến nói chuyện. HS tham gia thực hành kỹ năng ứng phó thiên tai, như sơ tán, phòng chống cháy nổ, hoặc kỹ năng sơ cứu cơ bản.

- *Nghiên cứu và thảo luận tại cơ sở thực tập*: SV cùng GV hướng dẫn tổ chức thảo luận nhóm về các vấn đề PCTT và UPVBĐKH liên quan trực tiếp đến địa phương, như vấn đề xâm nhập mặn hoặc ngập lụt. HS được khuyến khích đưa ra các giải pháp sáng tạo, góp phần nâng cao tư duy phản biện.

- *Xây dựng kế hoạch giáo dục lâu dài tại trường thực tập*: SV thiết kế kế hoạch tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm GD CD của nhà trường, bao

gồm việc tổ chức các hoạt động như hưởng thi sáng tạo giải pháp PCTT và UPVBĐKH...

- *Thực hành đánh giá hiệu quả*: Giảng viên hướng dẫn SV tham gia quan sát và đánh giá mức độ nhận thức của HS phổ thông về PCTT và UPVBĐKH sau các hoạt động hoặc bài giảng, từ đó rút ra kinh nghiệm thực tiễn.

Những hoạt động này không chỉ giúp SV kết nối giữa lý thuyết và thực hành mà còn tăng khả năng tổ chức và tinh thần trách nhiệm, SV được chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp tương lai.

Minh họa: Gợi ý tích hợp nội dung PCTT và UPVBĐKH vào học phần Thực hành dạy học môn GD CD tại trường Sư phạm

A. Mục tiêu tích hợp

- Giúp sinh viên nhận diện các nội dung về PCTT & UPVBĐKH có thể tích hợp vào dạy học GD CD.

- Rèn luyện năng lực soạn giáo án, phân tích bài dạy và thực hành dạy học với tích hợp nội dung PCTT, ĐKH theo hướng liên môn, cập nhật, gắn với bối cảnh địa phương.

- Tăng cường khả năng vận dụng tình huống thực tế (lũ quét, hạn hán, ô nhiễm môi trường...) vào giảng dạy các bài học đạo đức, pháp luật.



B. Kế hoạch tích hợp theo cấu trúc học phần

Tuần	Nội dung học phần	Nội dung tích hợp (PCTT & Ư'PVBDKH)
Tuần 1-3	Phân tích tiết dạy qua video bài giảng GD CD	- Chọn video có tình huống thiên tai, môi trường, BDKH. - Phân tích cách giáo viên tích hợp nội dung thực tiễn vào bài học (quyền, nghĩa vụ công dân, pháp luật bảo vệ môi trường). - Gợi ý sử dụng video tình huống có thật từ các đợt bão, lũ ở miền Trung.
Tuần 4-6	Dự giờ và phân tích tiết dạy LLCT của giảng viên	- Quan sát các biểu hiện tích hợp nội dung sống xanh, ứng phó với thiên tai trong tiết dạy - Đề xuất cách lồng ghép các chủ đề BDKH trong các bài GD CD như “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”, “Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên”....
Tuần 7-15	Soạn giáo án và thực hành dạy học	- Sinh viên chọn bài GD CD có thể tích hợp chủ đề: trách nhiệm công dân với thiên nhiên, pháp luật về bảo vệ môi trường, quyền sống trong môi trường an toàn... - Hướng dẫn soạn giáo án lồng ghép kỹ năng ứng phó thiên tai cho học sinh (sơ tán, bảo vệ bản thân, truyền thông môi trường...). - Sử dụng tình huống giả định: “Nếu em là cán bộ Đoàn trường trong đợt lũ...”, “Em sẽ làm gì khi khu dân cư có nguy cơ sạt lở đất”.

C. Gợi ý phương pháp và hoạt động giảng dạy

Hoạt động	Gợi ý nội dung
Dạy thử theo chủ đề: “Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng”	Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, phòng chống, thích ứng với thiên tai, phân loại rác, tiết kiệm năng lượng...
Tình huống sư phạm: “Lũ về bất ngờ trong giờ học, học sinh phải làm gì?”	Rèn kỹ năng xử lý tình huống thực tế, lồng ghép ứng phó với BDKH.
Phân tích giáo án có yếu tố liên môn: GD CD – Sinh học – Địa lý – Khoa học tự nhiên	Nâng cao năng lực thiết kế bài học tích hợp liên môn trong giáo dục PCTT & Ư'VBĐKH.



D. Sản phẩm sinh viên có thể thực hiện

- Giáo án tích hợp: Chủ đề Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

- Video mô phỏng dạy học với tình huống môi trường/thời tiết khắc nghiệt.

- Phiếu học tập tình huống: xử lý trong thiên tai – gắn với bài học công dân với cộng đồng.

- Poster, tài liệu truyền thông trường học xanh, an toàn trước thiên tai.

Khi thực hiện học phần Thực tế chuyên môn của chương trình đào tạo giáo viên ngành GD CD

Với hình thức tham quan, thực tế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tích hợp giáo dục về PCTT và UPVBĐKH có thể được triển khai như sau:

- Lựa chọn địa điểm thực tế: SV được tổ chức tham quan địa điểm có sử dụng các biện pháp ứng phó với BĐKH như nhà máy xử lý rác thải, nhà máy năng lượng tái tạo, hoặc các trang trại sử dụng công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước trong điều kiện hạn hán.

- Chuẩn bị nội dung lý thuyết trước chuyến đi: Trước buổi tham quan, giảng viên giới thiệu các khái niệm cơ bản về PCTT và UPVBĐKH, đồng thời liên hệ đến các biện pháp mà doanh nghiệp đang áp dụng (như giảm khí

thải CO₂, tận dụng năng lượng sạch).

- Quan sát và thu thập thông tin tại cơ sở: SV được phân chia thành nhóm để quan sát các quy trình sản xuất, tìm hiểu các biện pháp cụ thể mà cơ sở áp dụng nhằm ứng phó với thiên tai và thích nghi với biến đổi khí hậu. Thực hiện phỏng vấn cán bộ, nhân viên của cơ sở để thu thập dữ liệu về hiệu quả thực tế của các biện pháp này.

- Kết nối lý thuyết với thực tiễn: Sau khi tham quan, SV phân tích, so sánh các biện pháp thực tế với kiến thức lý thuyết đã học. Ví dụ, SV có thể đánh giá hiệu quả của việc sử dụng năng lượng sạch hoặc tái chế phế phẩm trong việc giảm thiểu tác động của BĐKH.

- Xây dựng báo cáo nhóm: Các nhóm sẽ xây dựng báo cáo trình bày kết quả khảo sát, phân tích các biện pháp PCTT và UPVBĐKH tại cơ sở, từ đó rút ra bài học áp dụng vào giảng dạy môn GD CD ở trường phổ thông.

- Đề xuất giải pháp thực tiễn: SV đề xuất các biện pháp cải tiến hoặc nhân rộng nhằm nâng cao hiệu quả PCTT và UPVBĐKH dựa trên những gì đã tìm hiểu.

Cách tiếp cận này không chỉ giúp SV mở rộng nhận thức và kỹ năng giải quyết vấn đề mà còn khuyến khích tinh thần trách nhiệm xã hội và khả năng áp dụng vào công tác giảng dạy sau này.



Với hình thức tham gia hoạt động tình nguyện, các dự án cộng đồng:

- Tham gia các chương trình tình nguyện về môi trường: SV được tổ chức tham gia vào các chiến dịch trồng cây xanh, làm sạch bãi biển, hoặc xử lý rác thải. Qua đó, hiểu rõ hơn về các biện pháp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và vai trò của từng cá nhân trong bảo vệ môi trường. Tại các sự kiện này, giảng viên khuyến khích SV chia sẻ kiến thức về PCTT và UPVBĐKH với cộng đồng, nâng cao nhận thức xã hội.

- Tổ chức các dự án cộng đồng liên quan đến ứng phó thiên tai: SV có thể tham gia vào dự án xây dựng hệ thống cảnh báo sớm hoặc hỗ trợ các gia đình chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Ví dụ: giúp lập kế hoạch sơ tán hoặc xây dựng nhà an toàn trước lũ lụt. Trong quá trình thực hiện, SV sẽ học cách áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, từ việc phân tích tình huống đến đề xuất và thực hiện các giải pháp cụ thể.

- Khảo sát và nghiên cứu thực tế: SV thực hiện khảo sát tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, thu thập dữ liệu và phân tích tác động của thiên tai, BĐKH lên cộng đồng. Điều này giúp SV phát triển tư duy phản biện và liên ngành. Kết quả khảo sát có thể được dùng làm tài liệu để tổ chức các buổi hội thảo hoặc chia

sẽ với các tổ chức địa phương.

- Hỗ trợ các chiến dịch truyền thông cộng đồng: SV tham gia các hoạt động truyền thông như thiết kế poster, video hoặc tổ chức hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về PCTT và UPVBĐKH trong cộng đồng. Các nội dung truyền thông kết hợp giữa kiến thức khoa học và sự sáng tạo giúp lan tỏa thông điệp một cách hiệu quả.

- Đánh giá hiệu quả các hoạt động: Sau khi tham gia, SV sẽ viết báo cáo đánh giá hiệu quả của các hoạt động tình nguyện hoặc dự án cộng đồng, đưa ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất cải tiến.

Việc tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH vào hoạt động trải nghiệm – thực hành không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GDCD, mà còn giúp SV trở thành những giáo viên có trách nhiệm xã hội, có năng lực xây dựng các hoạt động giáo dục gắn với thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của giáo dục hiện đại.

3.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

3.3.1. Tầm quan trọng của việc



đánh giá kết quả tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo GV ngành GD CD

Việc đánh giá kết quả tích hợp giáo dục PCTT và ĐKH trong đào tạo SV ngành GD CD giữ vai trò rất quan trọng vì:

Việc đánh giá giúp kiểm chứng mức độ đạt được của SV về các mục tiêu học tập đã đề ra và khả năng áp dụng kiến thức về PCTT và UPVBĐKH trong thực tế, đảm bảo rằng các nội dung tích hợp thực sự hỗ trợ mục tiêu giáo dục bền vững.

Đánh giá kết quả tích hợp không chỉ đo lường kiến thức lý thuyết mà còn rèn luyện tư duy liên ngành, kỹ năng ứng phó và giải quyết vấn đề, kiểm tra khả năng SV áp dụng vào thực tiễn, chẳng hạn như tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch ứng phó thiên tai, hoặc nâng cao nhận thức cộng đồng về ĐKH...

Các kết quả đánh giá cung cấp thông tin quý giá giúp giảng viên, nhà trường đảm bảo chương trình đào tạo đáp ứng hiệu quả các yêu cầu thực tế và nhu cầu của xã hội. Đồng thời cải thiện nội dung, phương pháp tích hợp PCTT và UPVBĐKH trong các học phần và hoạt động giảng dạy,

Thông qua đánh giá, SV được rèn luyện tinh thần trách nhiệm với xã hội,

từ đó phát triển các phẩm chất như đạo đức nghề nghiệp, sự đồng cảm và ý thức bảo vệ cộng đồng trong bối cảnh thiên tai và ĐKH ngày càng phức tạp.

Việc đánh giá tích hợp PCTT và UPVBĐKH gắn liền với các mục tiêu phát triển giáo dục bền vững, đảm bảo rằng SV có thể trở thành những giáo viên tương lai hiểu biết và hành động vì cộng đồng.

Kết quả đánh giá còn giúp SV nhận ra năng lực và thế mạnh của bản thân trong lĩnh vực tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH, định hướng rõ ràng hơn cho nghề nghiệp giảng dạy trong tương lai.

Những yếu tố này cho thấy việc đánh giá không chỉ là một công cụ đo lường mà còn là phương thức để phát triển toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho SV ngành GD CD bước vào môi trường giáo dục và xã hội.

3.3.2. Gợi ý một số phương pháp và công cụ đánh giá được sử dụng trong thực hiện dạy học tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo GV ngành GD CD

- *Phương pháp quan sát*: đánh giá sự tích cực tham gia vào thảo luận, và thực hiện nhiệm vụ học tập. Phương pháp đánh giá này có thể đo lường mức độ tham gia và tư duy phản biện ngay trong quá trình học



Ví dụ: Trong học phần Dạy học tích hợp trong môn GD CD, giảng viên có thể đánh giá SV qua việc tham gia thảo luận nhóm, sự tích cực tương tác với các vấn đề như xây dựng bài học tích hợp nội dung biến đổi khí hậu.

- *Phương pháp kiểm tra viết*: Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận để kiểm tra kiến thức lí thuyết và khả năng phân tích của SV. Phương pháp này nhằm đánh giá khả năng lập luận và áp dụng logic vào thực tiễn

Ví dụ: Trong học phần Logic học, bài kiểm tra giữa kỳ có thể yêu cầu SV phân tích tính hợp lí của một phán đoán liên quan đến tác động của thiên tai hoặc BĐKH, từ đó rút ra kết luận phù hợp.

- *Phương pháp đánh giá qua bài tập, tiểu luận*: SV thực hiện bài tập cá nhân/nhóm, nghiên cứu và viết báo cáo về các vấn đề thực tiễn liên quan đến PCTT và UPVBĐKH. Phương pháp này có ý nghĩa trong việc đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập, kết nối lí thuyết và thực hành

Ví dụ: Trong học phần Giáo dục dân số và môi trường, SV thực hiện viết tiểu luận về các chiến lược giáo dục HS phổ thông nâng cao nhận thức về tiết kiệm tài nguyên nước tại địa phương.

- *Phương pháp đánh giá thực hành*

và trải nghiệm: SV thực hiện nhiệm vụ thực tế, như tổ chức hoạt động dạy thử, hoặc tham gia dự án cộng đồng liên quan đến PCTT và UPVBĐKH. Phương pháp này tập trung đánh giá năng lực sư phạm thực tiễn và khả năng tổ chức giảng dạy của SV.

Ví dụ: Đánh giá bài giảng tích hợp nội dung PCTT hoặc ứng phó với BĐKH khi thực tập tại các trường phổ thông.

- *Phương pháp đánh giá qua dự án học tập*: SV làm việc theo nhóm để xây dựng dự án giáo dục về PCTT và UPVBĐKH. Phương pháp này nhằm kiểm tra kĩ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, và áp dụng các biện pháp giáo dục sáng tạo...

Ví dụ: Trong học phần Tổ chức dạy học GD CD, SV làm dự án xây dựng kế hoạch giáo dục HS về ứng phó thiên tai thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế tại trường phổ thông.

- *Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập*: SV thu thập bằng chứng về tiến trình học tập, khả năng tự nghiên cứu, và các sản phẩm học tập của sinh viên. Phương pháp này giúp SV tự đánh giá quá trình học, phát triển tư duy phản biện và kết nối lí thuyết với thực hành. Đồng thời, hồ sơ học tập thể hiện rõ sự tiến bộ và năng lực ứng dụng thực tiễn.



Ví dụ: Trong học phần Giáo dục dân số và môi trường, SV ghi chép quá trình học tập, phân tích tình huống thực tế về PCTT và UPVBĐKH, và thiết kế hoạt động giáo dục tích hợp. Hồ sơ này bao gồm nhật ký học tập, bài phân

tích và kế hoạch bài giảng...

Gợi ý một số công cụ kiểm tra đánh giá tích hợp giáo dục PCTT và UPVBĐKH trong đào tạo SV ngành GD CD

Công cụ đánh giá	Mục tiêu đánh giá	Ưu điểm	Ví dụ	Lưu ý khi áp dụng
Câu hỏi tình huống	Nhận thức, tư duy phản biện	Ngắn gọn, dễ tổ chức, đánh giá được năng lực tư duy	Trong điều kiện hạn hán kéo dài, làm thế nào để hướng dẫn học sinh thiết kế giải pháp tiết kiệm nước?	Nên liên hệ với nội dung học phần và bối cảnh thực tế
Rubric đánh giá sản phẩm hoặc dự án học tập	Năng lực thiết kế, sáng tạo	Minh bạch, dễ lượng hóa, khuyến khích sáng tạo	Thiết kế dự án "khảo sát thực trạng thiên tai, BĐKH ở địa phương" với tiêu chí: khoa học, chính xác, rõ ràng..	Công bố rubric trước khi giao nhiệm vụ, kèm hướng dẫn tự đánh giá
Bảng kiểm (Checklist)	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kĩ năng thực hiện quy trình	Nhanh gọn, dễ áp dụng trong thực hành	Kiểm tra kế hoạch bài dạy có tích hợp nội dung PCTT và UPVBĐKH (dù tiêu chí tích hợp)	Tiêu chí mô tả cụ thể, rõ ràng, tránh mơ hồ.
Phiếu phản hồi cá nhân / Nhật ký học tập	Tự nhận thức, phản ánh, thái độ học tập	K h u y ế n khích học tập, tự nhận thức, rèn năng lực tự đánh giá	Trong buổi học hôm nay, điều gì khiến anh/chị suy nghĩ nhiều nhất về PCTT, BĐKH và bảo vệ môi trường?	Kết hợp với các hình thức đánh giá khác để đảm bảo độ tin cậy

Có thể thấy, các phương pháp, công cụ được sử dụng trong đánh giá kết dạy học tích hợp PCTT và UPVBĐKH không chỉ đo lường kiến thức và kĩ năng của SV, mà còn phát triển nhận thức, tư duy liên ngành và trách nhiệm với cộng đồng. Việc sử dụng đa dạng phương pháp và công cụ đánh giá đảm bảo cho SV có khả năng

ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn, tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả, và đáp ứng được yêu cầu của giáo dục bền vững. Đồng thời, các kết quả đánh giá cung cấp dữ liệu cần thiết để cải thiện chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng và phát triển năng lực toàn diện cho SV.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – *Chương trình tổng thể, Chương trình môn GD&ĐT*, 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
2. Bộ Giáo dục và đào tạo, Quy định về xây dựng Trường học an toàn (ban hành theo Thông tư số 18/2023/TT-BGD&ĐT ngày 26/10/2023, hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên)
4. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục công dân*, ban hành theo Quyết định số 8449/QĐ-BGD&ĐT ngày 19/12/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong ngành Giáo dục và Đào tạo giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2024 – 2029, Chương trình số 01/CTrPH-BNNPTNT-BGD&ĐT ngày 05/01/2024.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Địa chất, khoáng sản và địa chất*, Quốc hội, sửa đổi năm 2020, Hà Nội.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Luật Khí tượng Thủy văn*. 2015, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Hà Nội.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*. 2021: Hà Nội. p.118.
7. Cục quản lý địa chất và phòng chống thiên tai. Thống kê thiệt hại. 2024 [cited 2024 04th October 2024]; Available from: <http://surl.li/nyvgvj>



8. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu, Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam. 2004, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp.

9. Sách giáo khoa môn Đạo đức cấp tiểu học theo Chương trình GDPT 2018.

10. Sách giáo khoa môn GDCD cấp THCS theo Chương trình GDPT 2018.

11. Sách giáo khoa môn GD KT&PL cấp THPT theo Chương trình GDPT 2018 và một số văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Thủ tướng chính phủ, Đề án "*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030*", Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

13. Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn, *Số liệu khí tượng*, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Editor. 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường: Hà Nội.

14. Trường ĐHSP Hà Nội, *Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục công dân theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo quyết định số 122/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 9/1/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội.

15. Trường ĐHSP Hà Nội, *Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung ngành Giáo dục công dân*, ban hành theo quyết định số 5386/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội được áp dụng từ năm học 2022 - 2023.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

**TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

LƯU HÀNH NỘI BỘ

